

**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 93**





## **Phẩm Thứ Tám Mười Hai** (TIẾP THEO)



### **Tịnh Phật Quốc Độ (tiếp theo)**

#### **KINH:**

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát còn chấp tướng sắc, tướng thọ, tướng hành, thức, tướng nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, tướng sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp, tướng nam, tướng nữ, tướng cõi Dục, tướng cõi Sắc, tướng Vô Sắc, tướng thiện pháp, tướng bất thiện pháp, tướng hữu vi, tướng vô vi v.v... thì cũng gọi là thô nghiệp của Bồ tát.

Bồ tát phải xa rời các tướng ấy mà bố thí, cũng dạy người khác bố thí, rồi đem công đức bố thí cùng với hết thấy chúng sanh đồng hồi hướng tịnh Phật quốc độ.

Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ cũng là như vậy.

Bồ tát đem trân bảo cúng dường Tam bảo, phát nguyện rằng, “Do nhân duyên thiện căn này mà quốc độ của tôi sau này cũng sẽ được thành tựu bảy báu”.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát đem kỹ nhạc trời cúng dường Phật và tháp Phật, phát nguyện rằng, “Do nhân duyên thiện căn này, mà quốc độ của tôi sau này cũng thường được nghe nhạc trời như vậy”.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát đem hương trời cúng dường Phật và tháp Phật, phát nguyện rằng, “Do nhân

duyên thiện căn này, mà quốc độ của tôi sau này cũng thường được hưởng hương trời như vậy”.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát đem cả trăm thức ăn uống cúng dường Phật và Tăng, phát nguyện rằng, “Do nhân duyên thiện căn này, mà chúng sanh ở quốc độ của tôi sau này cũng sẽ đầy đủ trăm thức ăn uống như vậy”.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát đem 5 dục lạc cúng dường Phật, Tăng cùng hết thảy chúng sanh, phát nguyện rằng, “Do nhân duyên thiện căn này, mà hết thảy chúng sanh ở quốc độ chúng tôi sau này cũng sẽ được tùy ý hưởng 5 diệu dục như vậy”.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, tự mình tu vào sơ thiên, nhị thiên, tam thiên và tứ thiên, tu 4 vô lượng tâm... dẫn đến tu 37 Phẩm Trợ Đạo. Cũng dạy người khác tu vào sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, tu 4 vô lượng tâm... dẫn đến tu 37 Phẩm Trợ Đạo. Bồ tát phát nguyện rằng, “Khi tôi được Vô Thượng Bồ Đề, tôi sẽ làm cho hết thảy chúng sanh ở quốc độ của tôi sau này chẳng rời xa 4 thiên... dẫn đến chẳng xa rời 37 Phẩm Trợ Đạo”.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy là Bồ tát thường tịnh Phật quốc độ, vì suốt quá trình hành Bồ tát đạo, Bồ tát thành tựu đầy đủ các hạnh nguyện, làm đầy đủ các thiện pháp, và cũng dạy chúng sanh làm đầy đủ các thiện pháp.

Do nhân duyên tịnh Phật quốc độ như vậy, nên Bồ tát được thân hình đóa chánh, cũng khiến chúng sanh được thân hình đóa chánh, Bồ tát sẽ trọn chẳng đọa vào 3 đường ác, chẳng khởi các tà kiến chẳng khởi 3 độc, chẳng lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa; tai chẳng nghe nói đến vô thường, khổ, không, vô ngã chẳng nghe nói đến phiền não, kiết sử, cũng chẳng nghe nói đến phân biệt các quả.

Ở quốc độ của Bồ tát sau này sẽ có những cây bằng 7 báu. Gió thổi qua các cây ấy, tùy theo chỗ đáng độ, thường phát ra những âm thanh, thuyết về không, về vô tướng, về vô tác, về thật tướng các pháp. Dù có Phật hay chẳng có Phật, thì các pháp tướng vẫn là không. Đã là không thì vô tướng (chẳng có tướng); đã là vô tướng, thì là vô tác (chẳng có tác) vậy.

Do cây thường phát ra pháp âm, nên suốt ngày đêm, trong khi đứng nằm ngồi, Bồ tát vẫn thường được nghe pháp. Mãi như vậy cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề, được chư Phật trong 10 phương tán thán.

Khi được Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát vì chúng sanh thuyết pháp. Chúng sanh nghe pháp, chẳng có ai chẳng tin, chẳng có ai nghi đó là pháp hay là phi pháp (chẳng phải pháp). Vì sao? Vì các pháp ở nơi thật tướng đều là pháp, chẳng phải là phi pháp vậy. Có những người phước mỏng, chẳng gieo trồng thiện căn nơi các Đức Phật và nơi chư đệ tử của Phật, chẳng theo chư thiện trí thức, chìm đắm trong ngã kiến cùng các kiến chấp khác nên mới bị đọa vào biên kiến, hoặc là đoạn kiến, hoặc là thường kiến. Do tà kiến như vậy nên hạng người ấy cho lời Phật dạy là chẳng phải Phật dạy, cho lời chẳng phải Phật dạy là do Phật dạy, cho thật pháp là phi pháp, và cho phi pháp là thật pháp. Do pháp pháp như vậy, nên hạng người ấy khi mạng chung sẽ phải bị đọa vào 3 đường ác.

Bởi vậy Bồ tát khi được Vô Thượng Bồ Đề rồi, liền dùng phương tiện giáo hóa chúng sanh, khiến họ rời được tà tụ và an lập trong chánh định tụ, chẳng đọa vào các đường ác nữa.

Bồ tát tịnh Phật quốc độ như vậy, nên chúng sanh

chẳng còn tâm uế tạp, chẳng còn phân biệt các pháp thế gian, là xuất thế gian, là hữu lậu, là vô lậu, là hữu vi, là vô vi nữa. Dẫn đến trong các quốc độ, hết thấy chúng sanh chắc chắn sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát tịnh Phật quốc độ.

### LUẬN:

Ở nơi các pháp rốt ráo không mà còn chấp tâm, chấp tướng, như chấp tướng sắc, chấp tướng thọ, tướng hành thức, chấp tướng nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý, chấp tướng sắc thanh hương vị xúc pháp, chấp tướng nam, chấp tướng nữ, chấp tướng 3 cõi, chấp tướng thiện ác, chấp tướng hữu vi hay vô vi, chấp tướng hữu lậu hay vô lậu v.v... thì đó gọi là thô nghiệp vậy.

**Hỏi:** Trước đây nói “chẳng thủ tướng thiện pháp, cũng chẳng thủ tướng bất thiện pháp”. Nay vì sao lại nói phải nhằm chán hết thấy sắc pháp, để thành tựu thiện pháp?

**Đáp:** Pháp Phật có nói đến “chúng sanh không” và “pháp không”. Nói “chúng sanh không” nhằm phá các tướng về chúng sanh như tướng nam, tướng nữ v.v...

Nói “pháp không” nhằm phá các tướng về sắc pháp, là các tướng hư vọng. Khi phá hết thấy các sắc pháp thì sẽ được “không”. Bởi vậy nên quán sắc, quán thọ tướng hành thức, quán thiện pháp, quán bất thiện pháp v.v... đều là như huyễn, như hóa, đều chẳng có định tướng vậy. Lúc bấy giờ, các hý luận về thường, về vô thường v.v... đều chẳng còn, nên chẳng gọi là chấp tướng nữa; và các thiện pháp đã hòa hợp với tánh không, nên chẳng còn sanh phiền não nữa.

**Hỏi:** *Các pháp hữu vi chỉ giả danh hòa hợp, chẳng nên chấp. Còn các pháp vô vi chân thật pháp, là như pháp tánh thật tế, vì sao cũng chẳng nên chấp?*

**Đáp:** Chẳng thủ tướng là vô vi; pháp vô tướng là pháp vô vi. Nếu có thủ tướng thì trở thành hữu vi. Bởi vậy nên có thủ tướng là hư vọng, là chẳng thật vậy.

Bồ tát xa lìa các thô nghiệp ở thân khẩu và ý, mới tịnh Phật quốc độ; xa lìa các chấp tướng, mới hành 6 pháp Ba-la-mật, cũng dạy người khác hành 6 pháp Ba-la-mật cùng các thiện pháp khác... dẫn đến tịnh Phật quốc độ.

Ở đoạn kinh trên đây, trước nói về tổng tướng, rồi sau mới nói với biệt tướng. Như nói Bồ tát đem các trân bảo cúng dường Phật và chúng Tăng, phát lời nguyện rằng, “Do nhân duyên cúng dường này mà chúng sanh ở quốc độ của tôi sau này sẽ được đầy đủ bảy báu trang nghiêm như vậy; mỗi chúng sanh có một tịnh độ của mình”.

**Hỏi:** *Chư Thánh hiền đều thiếu dục, tri túc, chỉ có phàm phu tham quý trân bảo. Như vậy vì sao Chư Phật và Chư Thánh hiền lại thọ nhận sự cúng dường trân bảo?*

**Đáp:** Bồ tát trú trong pháp tánh thân, thường đầy đủ các thần thông Ba-la-mật, nên hóa hiện ra các trân bảo để cúng dường chư Phật và chư đại Bồ tát vậy. Các trân bảo do thần thông lực hóa hiện ra, nên nhẹ nhàng, chẳng có gây chướng ngại. Ví như ở cõi trời Biến Tịnh có hiện tượng 60 người ngồi chung 1 chỗ để nghe pháp mà chẳng có ngăn ngại nhau.

Có Bồ tát thâm nhập thân thông biến hóa ra đủ thứ châu báu để cúng dường Phật và tháp Phật; lại có Bồ tát biến thân thành núi Tu Di, đốt đèn cúng dường Phật và tháp Phật ở khắp 10 phương, và phát nguyện rằng, “Ở quốc độ của tôi

sau này thường có quang minh chiếu sáng, chẳng phải nhờ đến ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, chẳng phải nhờ đến ánh sáng của đèn đuốc vậy”.

Lại có Bồ tát làm ra mưa hương hoa và anh lạc để cúng dường Phật và tháp Phật, phát lời nguyện rằng, “Ở quốc độ của tôi sau này, hết thảy chúng sanh đều được đọa chánh, được thân tướng trang nghiêm, thanh tịnh, chẳng có xấu xa”.

Lại có Bồ tát tự dùng thần thông làm ra nhạc trời, hoặc làm thân a tu la, làm thân Long vương đem nhạc trời cúng dường Phật và tháp Phật, phát lời nguyện rằng, “Ở quốc độ của tôi sau này sẽ có những âm thanh như vậy”.

**Hỏi:** *Các đức Phật và chư Thánh hiền đã ly dục. Như vậy vì sao còn thích âm nhạc, thích ca vũ?*

**Đáp:** Các đức Phật tuy chẳng còn tâm chấp đắm đối với hết thảy pháp, nhưng ở thế gian có tất cả các pháp đó. Vì thương xót chúng sanh nên Phật tùy thuận theo sự cúng dường của họ, để họ được tùy nguyện hưởng phước đức. Chẳng phải Phật thích âm nhạc, thích ca vũ, nhưng vì lợi ích của chúng sanh mà Phật thọ sự cúng dường các thứ âm nhạc, ca vũ của họ vậy.

Bồ tát muốn tịnh quốc độ, nên cầu diệu âm thanh, muốn ở quốc độ của mình sau này chúng sanh thường được nghe các diệu âm thanh như vậy, khiến tâm họ được nhu nhuyễn. Khi tâm chúng sanh được nhu nhuyễn rồi, thì rất dễ hóa độ họ, nên Bồ tát dùng nhân duyên âm thanh để cúng dường Phật và tháp Phật.

Lại có Bồ tát dùng hương hoa cúng dường Phật và tháp Phật, phát lời nguyện rằng, “Ở quốc độ của tôi sau này, chúng sanh sẽ thường được hưởng các hương hoa như vậy. Hương hoa sẽ tự nhiên có, chẳng phải do ai làm ra cả”.



Ở nơi thân Phật thường có diệu hương tỏa ra, đến hàng chư Thiên cũng chẳng sao bì kịp, nhưng vì lợi ích của chúng sanh mà Phật thọ sự cúng dường hương hoa của họ vậy.

Lại có Bồ tát đem cả trăm thức uống cúng dường Phật và chúng Tăng, phát lời nguyện rằng, “Ở quốc độ của tôi sau này, chúng sanh sẽ được hưởng trăm vị thức ăn uống như vậy. Các đồ ăn uống sẽ tự nhiên đến với chúng sanh, chẳng do ai làm ra cả”.

Có thuyết nói các thứ cỏ thuốc, hoa thuốc, quả thuốc, hoặc các hoàn hoan hỷ, làm bằng các thứ cỏ và hoa quả thuốc đó cũng nhiếp trong 100 thức ăn uống đó.

Có thuyết nói 100 vị thức ăn uống có nghĩa là các thức ăn uống đầy đủ.

Có thuyết nói hàng chư Thiên ăn uống đến cả trăm ngàn vị.

Có thuyết nói do phước báo mà Bồ tát thọ dụng được các thức ăn uống đầy đủ, và dùng thần thông biến các thức ăn uống thành vô lượng vị, có thể chuyển hóa được tâm chúng sanh, khiến họ được tâm thanh tịnh ly dục.

Bồ tát dùng 4 lối ăn, tùy nhân duyên cúng dường Phật và chúng Tăng, nên ở quốc độ của Bồ tát sau này sẽ tự nhiên có đầy đủ cả trăm vị thức ăn uống như vậy.

-o0o-

Lại có Bồ tát làm dùng các loại hương trời để cúng dường Phật và chúng Tăng. Bên Thiên Trúc, do trời nóng bức, nên phải dùng hương xoa vào thân. Do vậy mà Bồ tát đem các thứ hương trời để cúng dường Phật và chúng Tăng, phát lời nguyện rằng. “Ở quốc độ của tôi sau này, chúng sanh sẽ được thọ hưởng các hương trời mịn màng như vậy”.

**Hỏi:** *Các người thọ giới Sa di hoặc giới Bát Quan Trai chẳng còn thọ hương xoa thân. Vì sao lại đem hương xoa thân để cúng dường Phật và cúng chúng Tăng?*

**Đáp:** Bồ tát đem tất cả những vật quý giá để cúng dường Phật và chúng Tăng như đem nước thơm rải trên vách, đem hương thơm xông chỗ ngồi v.v... để thể hiện lòng tôn kính vậy. Ví như có Bồ tát đem cả xe ngựa, vàng bạc, trân bảo, y áo v.v... để cúng dường. Nếu người xuất gia chẳng thọ dụng, thì bố thí lại cho chúng sanh. Lại có Bồ tát đem 5 dục để cúng dường, phát lời nguyện rằng, “Ở quốc độ của tôi sau này, chúng sanh tùy ý hưởng 5 dục đầy đủ”.

**Hỏi:** *5 dục ví như hầm lửa, như phùng giặc cướp... chương ngại thiện căn, nên Phật quả trách người rong ruổi theo 5 dục. Vì sao Bồ tát lại muốn chúng sanh được thọ hưởng đầy đủ 5 dục?*

*Lại nữa, Phật và chúng đệ tử thường bận áo rách vá, ngồi gốc cây để tọa thiền. Vì sao Bồ tát lại cầu được 5 dục?*

**Đáp:** Người tu nhân phước thiện sẽ được hưởng phước báo đầy đủ 5 dục; đời này và đời sau chẳng làm việc trộm cướp, chẳng nói dối, chẳng sát hại chúng sanh, chẳng hành 10 bất thiện đạo. Do bản cùng mới hành 10 bất thiện đạo. Nếu tùy ý được 5 dục đầy đủ, thì chẳng còn hành 10 bất thiện đạo nữa.

Bồ tát nguyện ở cõi nước mình sau này, chúng sanh được giàu có, chẳng còn thiếu thốn, chẳng còn làm các điều ác. Như vậy tuy còn ái, còn mạn mà kiết sử đã được mỏng. Trong hoàn cảnh đó nếu được Phật hay chư đệ tử Phật thuyết pháp thì tâm họ sẽ được nhu nhuyễn, rất dễ được đạo. Tuy tâm chấp còn nhiều nhưng đã được lợi căn, nên vừa nghe nói về vô thường, khổ, không, vô ngã, thì họ liền được đạo. Ví

như cái áo dính mồ hôi, nếu đem dầm vào nước tro, thì liền được tẩy sạch.

Bồ tát chẳng muốn chúng sanh đắm chấp 5 dục, nên bố thí cho họ đầy đủ các vật dụng cần thiết. Bồ tát chỉ muốn chúng sanh thọ 5 dục trong một thời, để sau đó dạy họ tự xả 5 dục vậy.

Phật khuyên các đệ tử nên mặc áo rách vá, đi khất thực, để họ biết rằng do tội đời trước mà đời nay phải sanh vào đời “ác 5 trước” vậy. Nếu được ăn ngon, mặc đẹp thì tâm chấp càng thêm sâu dày, ... dẫn đến bỏ phé đạo nghiệp.

Bồ tát thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, nên được vô lượng phước đức; quán 5 dục bình đẳng, nên chẳng còn tham đắc, chẳng còn tầm cầu. Trái lại, có nhiều người tu ly dục, tu khổ hạnh, mà tâm hờn giận vẫn tăng trưởng; họ thường tưởng nhớ 5 dục, nên sanh phiền não, chẳng sanh tâm hướng thượng vậy.

Phật dạy, “Phải bỏ cả khổ lẫn lạc dùng trí huệ tu trung đạo”. Bởi vậy nên Bồ tát mới có thể phương tiện bố thí cho chúng sanh 5 dục, khiến họ chẳng còn thiếu thốn, mà chẳng có gì ngăn ngại.

**Hỏi:** Trong luật Tỳ-kheo có ghi rõ “Nếu một vị Tỳ-kheo nói rằng thọ 5 dục chẳng có ngại đạo, thì vị ấy sẽ bị quở trách. Nếu 3 phen chẳng thôi, thì sẽ bị trục xuất ra khỏi Tăng đoàn”. Như vậy vì sao lại cầu 5 dục?

**Đáp:** Trong Phật pháp phân biệt có Đại thừa và Tiểu thừa. So với hàng Đại thừa thì hạng Tiểu thừa phước mỏng và 3 độ sâu dày.

Trong kinh Bà Sa, Phật dạy: “Ta có các đệ tử bạch y, chẳng phải 1, chẳng phải 2, mà có đến cả 500 người thọ hương chiên đàn thoa thân, thọ các diệu hương hoa khác, ở

chung với vợ con, sai khiến các nô tỳ, gàn gũi vợ, mà vẫn đoạn được các kiết sử, được quả Tu-đà-hoàn, đoạn được các khổ trong 3 đời,... dẫn đến tiêu dần 3 độc được quả Tu-đà-hàm. “Tỳ-kheo A Lê Tra nghe Phật nói như vậy liền hỏi, “Phật vì ai mà nói các sự việc ấy?”.

Phật vì hàng đệ tử bạch y mà nói ra như vậy; chẳng phải vì hàng xuất gia. Tỳ-kheo là người thọ pháp xuất gia, ở trong chúng Tăng tự phát lời nguyện rằng, “Suốt đời tôi chẳng thọ dâm dục”. Bởi vậy nên người xuất gia phạm dâm dục thì phải ra ngoài Tăng chúng. Vì sao? Vì đã thệ nguyện rồi mà còn phạm tội là cố tình. Đã thọ giới cấm của Phật mà còn trái là phạm 2 tội. Vì nếu Tỳ-kheo thấy người bạch y được đạo mà xem tự thân mình đồng với người kia thì phải bị thêm 1 tội nữa vậy.

Nên phân biệt có 2 hạng Bồ tát tịnh Phật quốc độ:

- Hàng Bồ tát tại gia.
- Hàng Bồ tát xuất gia.

Bồ tát tại gia thọ 5 dục chẳng có tội. Ví như ở cõi trời Đâu Suất và cõi Uất Đan Việt, người tuy có thọ 5 dục mà chẳng khởi trọng tội. Còn người đã xuất gia theo Phật chẳng được thọ 5 dục như người tại gia vậy.

Trong pháp Tiểu thừa vị Tỳ-kheo A Lê Tra có nói rằng, “Nếu thấy có người phạm trọng tội mà sanh tâm hối hận nhiều, thì phải biết người đó đã tịnh Phật quốc độ, đời đời hành pháp 6 pháp Ba-la-mật và tu 3 giải thoát môn. Người ấy tuy có thọ 5 dục, mà chẳng bị nhiễm trước”.

Trong kinh nói, “Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phải tự tâm niệm tự vào 4 thiên, tự tu 37 Phẩm Trợ Đạo để giáo hóa chúng sanh. Bồ tát lại phải tự nguyện làm Phật, suốt đời hành 4 thiên... dẫn đến hành 37 Phẩm Trợ Đạo”.

Do nhân duyên phước đức như vậy, nên Bồ tát vì chúng sanh thọ 5 dục, mà chẳng bị chướng ngại. Vì sao? Vì trong vô lượng kiếp, Bồ tát đã phát nguyện, “Ta phải tùy thời, tùy nơi mà hành đạo, thành tựu đầy đủ các thiện pháp”.

Bồ tát tự thành tựu hết thấy các thiện pháp, cũng dạy chúng sanh thành tựu hết thấy các thiện pháp. Do thành tựu các thiện pháp mà Bồ tát được thân đóa chánh, và cũng khiến chúng sanh được thân đóa chánh.

Bồ tát tịnh Phật quốc độ như vậy, nên trọn chẳng sanh vào 3 đường ác.

**Hỏi:** Các đức Phật vì thấy chúng sanh khổ mà thị hiện sanh ở trong thế gian, trải rộng đại từ đại bi thương xót chúng sanh và cứu vớt chúng sanh ra khỏi các bể khổ. Nếu chẳng có khổ não, chẳng có 3 đường ác, thì làm sao phát tâm thương xót chúng sanh được?

**Đáp:** Phật ra đời vì muốn độ chúng sanh. Thế nhưng chúng sanh ở trong 3 đường ác chẳng thể độ ngay được. Phật chỉ khiến chúng sanh ở trong 3 đường ác kết thiện duyên, gieo trồng thiện căn mà thôi. Bởi vậy nên Phật được gọi là bậc Thiên Nhân Sư (bậc thầy của hàng trời và hàng người).

**Hỏi:** Nếu Phật vì thương xót chúng sanh mà tịnh Phật quốc độ, thì vì sao vẫn có chúng sanh ở trong 3 đường ác?

**Đáp:** Phật thương xót chúng sanh bình đẳng chẳng có sai khác. Ở nơi đây nói đến các nhân duyên thanh tịnh, nên nói ở trong quốc độ chẳng có 3 đường ác.

Bồ tát tịnh Phật quốc độ, phải thanh tịnh cả tạp quốc độ lẫn tịnh quốc độ. Ở trong tạp quốc độ có đủ 5 đạo chúng sanh. Ở trong tịnh quốc độ chẳng có hàng trời, người tu hành.

Có tịnh quốc độ chẳng có hàng trời, người, mà chỉ riêng có Thanh Văn, Duyên giác, Bồ tát và Phật.

Ví như ở cõi nước của đức Phật quá khứ Thiên Vương, chỉ có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, và có đức Phật Thiên Vương làm vị pháp vương.

Có tịnh quốc độ chẳng có 3 đường ác, vì nơi đây chẳng có tà kiến.

**Hỏi:** *Các đức Phật chỉ vì muốn trừ tà kiến phiền não cho chúng sanh mà thị hiện ra đời. Nếu chẳng có 3 độc, chẳng có các phiền não khác, thì chư Phật ra đời để làm gì?*

**Đáp:** Có thuyết nói, “Nếu ở trong cõi nước có các nhân duyên phước đức lớn, thì ở nơi đó chẳng còn có 3 độc cùng các tà kiến”.

Có thuyết nói “Các Bồ tát được vô sanh pháp nhãn, được công đức lớn, thường tu tập 6 pháp Ba-la-mật, thường đi khắp 10 phương để độ thoát chúng sanh. Càng gần Phật đạo bao nhiêu, thì Bồ tát lại càng làm lợi ích cho chúng sanh bấy nhiêu”.

**Hỏi:** *Phật pháp dùng 3 thừa đạo để giáo hóa chúng sanh. Như vậy vì sao chỉ nói “nhất thừa” mà thôi?*

**Đáp:** Ý Phật muốn nói ở nơi “nhất thừa” mà phân biệt ra có 3 thừa vậy.

**Hỏi:** *Vì sao các đức Phật A Súc Bệ, A Di Đà chẳng ở trong đời “ác 5 trược” Vì sao các đức Phật này chẳng ở trong đời “ác 5 trược”, mà cõi nước các ngài cũng vẫn có 3 thừa đạo?*

**Đáp:** Tất cả các đức Phật ở quá khứ, ở hiện tại đều dùng 3 thừa giáo để độ thoát chúng sanh. Các đức Phật ở vị lai cũng sẽ làm như vậy.

Phật chẳng có chấp vô thường, khổ, vô ngã, nhưng khi chúng sanh điên đảo chấp thường, lạc, ngã, thì Phật mới phải vì họ nói đến vô thường, khổ và vô ngã vậy. Nếu chúng sanh chẳng còn các chấp thường, lạc và ngã, thì Phật chẳng cần nói đến vô thường, khổ, vô ngã. Vì sao? Vì chẳng có bệnh, thì chẳng cần phải cho thuốc. Lại nữa, Phật dạy chẳng có ngã sở, chẳng có các phiền não kiết sử, chẳng có Nhị thừa, nên cũng chẳng có các quả Thanh Văn, chẳng có đạo Bích Chi Phật vậy.

Bồ tát được vô sanh pháp nhãn rồi, nhất tâm hướng về thật tướng pháp, được các đà la ni tam muội, tu lên các địa. Bồ tát muốn cho chúng sanh được nghe pháp, nên khiến các cây vang ra tiếng pháp vi diệu. Ở khắp cõi nước đều có các cây quý đó, nên ở đâu đâu, đi đứng nằm ngồi, chúng sanh đều được nghe pháp, khiến họ chẳng sanh tạp tâm, mà chỉ sanh “pháp nhãn” mà thôi.

**Hỏi:** *Các đức Phật có vô lượng thần lực bất khả tư nghì. Như vậy vì sao các ngài chẳng hiện thân để thuyết pháp độ sanh, mà phải nhờ đến các cây phát ra tiếng pháp?*

**Đáp:** Chúng sanh rất nhiều, nếu chỗ nào Phật cũng hiện thân thuyết pháp, thì chúng sanh sẽ chẳng tin, cho là huyền hóa, chẳng có kính trọng. Vì chẳng có kính trọng, nên nghe pháp mà họ chẳng được khai ngộ. Trái lại, nếu họ nghe loài cây, hoặc nghe lời súc sanh nói pháp, thì họ lại dễ sanh tâm tín thọ.

Trong kinh *Bốn Sanh* có chép mẫu chuyện sau đây:

Phật Thích Ca Mâu Ni, khi còn là Bồ tát, hiện thân súc sanh để vì người nói pháp. Người cho đó là rất ít có, nên sanh tâm tín thọ.

Súc sanh là loài hữu tình mà người nghe còn tín thọ, chẳng có khinh nhờn, hướng nữa cây là loài vô tình mà phát ra diệu âm thanh thuyết pháp, ắt người nghe phải tín thọ nghĩa của “không, vô tướng và vô tác” vậy. Vì sao? Vì có Phật hay chẳng có Phật, thì hết thảy các pháp vẫn thường là không. Vì thường là không, nên là vô tướng. Vì là vô tướng, nên là vô tác. Vì là vô tác, nên tiếng pháp thường vang lên cả ngày lẫn đêm, ở cõi nước của Bồ tát, là do các thần thông khẩu lực, tự nhiên biến hóa ra các diệu âm thanh đó. Như vậy gọi là tịnh Phật quốc độ.

Các âm thanh vang ra cũng thường tán thành công đức của các đức Phật. Người nghe danh hiệu các đức Phật như vậy sẽ được đạo... dẫn đến cũng sẽ được thành Phật. Như vậy cũng gọi là tịnh Phật quốc độ.

**Hỏi:** *Phật tu khổ hạnh, vì chúng sanh thuyết pháp, mà chúng sanh chẳng còn được đạo, hướng nữa là chỉ nghe danh hiệu các đức Phật mà họ có thể được đạo hay sao?*

**Đáp:** Ở các cõi nước có rất nhiều lỗi thuyết pháp. Người nghe danh hiệu các đức Phật lâu ngày cũng có thể được đạo vậy. Ví như trong kinh *Pháp Hoa* có nói “Làm phước đức, dù lớn hay nhỏ, cũng đều có thể thành Phật”.

Người nghe danh hiệu Phật mà sanh được hết thảy trí, thì sẽ được đạo. Nếu nghe mà chẳng kính trọng, nghe mà sanh tâm Nhị thừa, thì chẳng trông được thiện căn nơi “pháp tánh sanh thân” của Phật vậy.

-o0o-

Lại nữa, thân Phật có vô lượng vô biên quang minh. Quang minh của Phật sáng tỏ hơn ánh sáng của mặt trời, mặt



trắng rất nhiều. Khi Phật thuyết pháp, quang minh của Phật tỏa ra khắp cõi nước.

Vì căn cơ và đức độ của chúng sanh có sai khác nhau, nên có chúng sanh thấy được quang minh của Phật mà được đạo; có chúng sanh nghe được pháp Phật dạy mà được đạo.

Như vậy, có thấy, có nghe mới thấy được thâm tín công đức của Phật. Vì sanh tâm thâm kính Phật, nên mới trồng thiện căn. Vì đã trồng thiện căn, nên quyết định sẽ được làm Phật.

Lại nữa, pháp Phật là chân thật pháp. Bởi vậy nên người nghe được pháp Phật, dù chẳng phải từ kim khẩu của Phật thuyết ra, cũng vẫn tín thọ vậy.

**Hỏi:** *Vì sao có người theo Phật Thích Ca Mâu Ni nghe pháp, mà vẫn khởi tâm nghi?*

**Đáp:** Có rất nhiều nhân duyên:

- Hoặc có người phước mỏng, chẳng trồng thiện căn, chẳng gôn gũi các bậc thiện trí thức, nên nghe pháp mà khởi tâm nghi.

- Hoặc có người thâm chấp ngã kiến, biên kiến cùng các tà kiến khác, bị các phiền não che tâm, nên nghe lời Phật nói mà cho là chẳng phải Phật nói, nghe lời chẳng phải Phật nói ra mà cho là lời của Phật. Do vậy mà khởi tâm nghi.

- Hoặc có người bị 3 độc che tâm, chẳng tùy thuận các bậc thiện trí thức, chỉ tùy theo ý riêng của mình, mà tự giải. Hạng người này khi nghe nói hết thấy pháp đều là rốt ráo không, thấy chẳng tùy thuận theo ý mình, bèn cho đó là chẳng phải lời Phật dạy, chẳng phải là pháp. Do vậy mà khởi tâm nghi; pháp thì cho là phi pháp (chẳng phải pháp), còn phi pháp thì cho là pháp.

Những hạng người như vậy, do tội phá pháp, nên khi mạng chung sẽ phải bị đọa vào 3 đường ác.

-o0o-

Bởi vậy nên Bồ tát, khi được Vô Thượng Bồ Đề, thấy chúng sanh qua lại trong các đường sanh tử, liền dùng Phật lực dẫn họ ra khỏi các đường ác, khiến họ được an trú trong chánh định tụ. Như vậy gọi là tịnh Phật quốc độ.

Ở nơi Tịnh Độ chẳng có lỗi lầm, vì ở nơi đây hết thảy pháp, dù là thế gian, dù là xuất thế gian, dù hữu lậu, dù là vô lậu, dù là hữu vi, dù là vô vi v.v... đều là bình đẳng, chẳng có chướng ngại. Ở cõi nước này, đất thường sanh ra bảy báu, chúng sanh đều được thân đoan chánh, được tướng tốt trang nghiêm, thân có được vô lượng quang minh, thường được nghe pháp âm, thường chẳng xa rời 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến chẳng xa rời 18 bất cộng pháp. Ở cõi nước đó chúng sanh quyết định sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

**Hỏi:** Trước nói chúng sanh nào nghe được danh hiệu Phật quyết định sẽ được thành Phật. Nay lại nói chúng sanh nào nghe thuyết rằng: “Ở nơi thật tướng, các pháp chẳng ngăn ngại nhau” mà sanh tâm tín thọ cũng quyết định sẽ thành Phật. Các trường hợp này có gì sai khác nhau chăng?

**Đáp:** Chúng sanh nào thường thấy Phật, thường nghe pháp, thường gieo trồng thiện căn thường tu tập Phật pháp, sẽ mau được thành Phật. Còn người nghe danh hiệu Phật mà sanh tâm tín thọ, mặc dù quyết định cũng sẽ thành Phật, nhưng lâu hơn, chẳng bằng được hạng người nói trên vậy.

Tất cả đều là tướng tịnh Phật quốc độ cả.

## Phẩm Thứ Tám Mười Ba



### Tất Định

**KINH:**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát quyết định làm Phật hay chẳng quyết định làm Phật?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát quyết định, chẳng phải chẳng quyết định làm Phật vậy.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Quyết định ở nơi đâu? Quyết định trong đạo Thanh Văn, trong đạo Bích Chi Phật, hay trong đạo Phật?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát chẳng phải quyết định ở trong đạo Thanh Văn, đạo Bích Chi Phật, là quyết định ở trong đạo Phật.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Là sơ phát tâm Bồ tát quyết định, hay là tối hậu thân Bồ tát quyết định?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Sơ phát tâm Bồ tát quyết định, bất thối chuyển Bồ tát quyết định, tối hậu thân Bồ tát cũng quyết định.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! quyết định Bồ tát có bị đọa vào trong 3 đường ác chăng?**

**Phật dạy: Chẳng vậy, này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Người được 4 quả Thanh Văn, được đạo Bích Chi Phật có bị đọa vào 3 đường ác chăng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy. Từ sơ phát Tâm, Bồ tát tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ đoạn hết thấy các bất thiện pháp..., thì chẳng có lý nào phải bị đọa vào 3 đường ác, hoặc phải sanh vào những nơi biên địa, vào những nhà ác tà kiến, những nơi chẳng nghe nói đến Phật Pháp Tăng.**

**Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm, Bồ tát đã hướng về Vô Thượng Bồ Đề, nên chẳng có lý nào lại thâm tâm hành 10 bất thiện đạo.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như có nói trong kinh Bốn Sanh, nếu Bồ tát nào đã thành tựu được các thiện căn công đức như vậy, thì chẳng thể thọ các quả báo bất thiện vậy.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì lợi ích chúng sanh, mà Bồ tát thọ các thân thích úng. Ví như khi thọ thân súc sanh, Bồ tát có lực phương tiện rất lớn, nên khi có ai muốn đến để giết hại mình, thì Bồ tát liền dùng tâm nhẫn nhục vô thượng, tâm từ bi vô thượng xả bỏ thân mình, mà chẳng làm não hại kẻ oán tặc. Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật có được các lực phương tiện này chẳng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng được vậy.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bởi vậy nên phải biết rằng Bồ tát muốn được đầy đủ tâm đại từ bi, mà thọ thân súc sanh để làm lợi ích cho chúng sanh vậy.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát an trú trong các thiện căn nào mà thọ các thân như vậy?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến khi tọa đạo tràng, chẳng có thiện căn nào mà Bồ tát chẳng**

đầy đủ. Vì sao? Vì phải đầy đủ các thiện căn mới được Vô Thượng Bồ Đề. Phải học đầy đủ các thiện căn rồi mới được Nhất thiết chủng trí; được Nhất thiết chủng trí rồi mới đoạn sạch các phiền não tập khí vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát đã thành tựu được các thiện pháp vô lậu thanh tịnh như vậy, mà sao lại còn sanh làm thân súc sanh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Phật có thành tựu các thiện pháp vô lậu thanh tịnh chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hết thấy các thiện pháp vô lậu thanh tịnh, Phật đều thành tựu cả.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu Phật hóa thân súc sanh để làm Phật sự thì đó có phải thật là thân súc sanh chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát thành tựu các thiện pháp vô lậu để hóa độ chúng sanh, nên thọ thân súc sanh và dùng thân ấy làm để làm lợi ích chúng sanh cũng là như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Như A-la-hán biến hóa ra các thân có thể làm cho chúng sanh được hoan hỷ chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật ! Bạch Thế Tôn! Có thể được.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dùng các thiện pháp vô lậu thanh tịnh, tùy theo từng đối tượng chúng sanh mà thọ thân thích ứng, dùng thân ấy làm lợi ích cho chúng sanh, mà chẳng thọ các khổ.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như nhà huyền thuật huyền tác ra các hình tượng, nào là voi, ngựa, trâu, dê,

người nam, người nữ v.v... để trình bày cho mọi người xem, thì các hình tướng ấy có thật chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng thật vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát thành tựu các pháp vô lậu thanh tịnh, hiện làm thân các loài chúng sanh, rồi dùng thân ấy làm lợi ích cho chúng sanh, mà chẳng thọ các khổ.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát được trí huệ vô lậu thanh tịnh, dùng lực phương tiện quán loài chúng sanh nào cần được độ, thì tùy theo loài đó mà hiện thân thích ứng để độ họ vậy.

#### LUẬN:

*Hỏi: Trước đây nói về tướng “bất thối chuyển” là đã nói về tướng “quyết định” rồi. Nay vì sao ngài Tu Bồ Đề còn hỏi nữa?*

*Đáp: Bất nhã Ba-la-mật rất thậm thâm, nên có nhiều môn, nhiều đạo. Trước đây nói về môn “bất thối chuyển”. Nay ngài Tu Bồ Đề hỏi về môn “quyết định”.*

Trong tâm Phật thì hết thấy chúng sanh, hết thấy các pháp đều quy định, nhưng vì trí thế gian chẳng đến kịp nên nói là “chẳng quy định”.

Trong vô lượng kiếp đã chứa nhóm vô lượng công đức, nên nay dù hiện thân Tiểu thừa mà Bồ tát dùng lực trí huệ cũng vẫn biết rõ hết thấy chúng sanh, cho đến các vi trùng nhỏ bé, tuy nay chưa có thiện tâm nhưng trải qua bao nhiêu kiếp nữa về sau cũng sẽ phát tâm làm Phật. Bồ tát được vô ngại ở nơi hết thấy pháp, nên quyết định biết như vậy.

Vì trong kinh *Pháp Hoa* nói rằng, ở nơi Phật dù làm 1 công đức nho nhỏ, như vẽ hình Phật, như có một lần niệm Nam mô Phật v.v... thì quyết định về sau cũng sẽ làm Phật"; vì ở nhiều kinh khác lại nói có "bất thối chuyển" và có "thối chuyển", nên ngài Tu Bồ Đề nêu lên câu hỏi: Bồ tát quyết định làm Phật, hay chẳng quyết định làm Phật?

Phật dạy: Bồ tát quyết định làm Phật.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Quyết định ở trong đạo nào?

Vì ngài nghĩ rằng vào "Niết Bàn là quyết định" mới hỏi như vậy.

Phật dạy: Chẳng phải quyết định ở trong Nhị thừa mà đây là quyết định ở trong Đại thừa.

Vì sao? Vì người cầu Phật đạo, từ khi sơ phát tâm, khi được bất thối chuyển... dẫn đến ở tối hậu thân đều quyết định làm Phật.

Ý ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng, "Sau khi được bất thối chuyển rồi, Bồ tát mới quyết định an lập trong Phật đạo". Do vậy mà Phật đáp lại rằng, "Ở cả ba giai đoạn Bồ tát đều quyết định. Người đã quyết định như vậy, ắt sẽ được làm Phật".

**Hỏi:** Ở các phẩm trước có nói rằng "Phật dùng Phật nhãn quán thấy khắp 10 phương thế giới, số người cầu Phật đạo nhiều như số cát sông Hằng, mà số người được bất thối chuyển thì rất ít. Nay vì sao lại nói rằng, "Ở cả 3 giai đoạn, Bồ tát đều quyết định làm Phật"?

Đáp: Phật có dạy rằng: "Trước đây ta có nói Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm, có vô lượng môn. Bởi vậy nên có khi nói Bồ tát thối là chẳng quyết định; có khi nói Bồ tát quyết định là chẳng thối".

Ngài Tu Bồ Đề muốn hỏi Phật, “Thối là thối ở chỗ nào? Sác... dẫn đến hết thảy pháp đều là rốt ráo không, đều chẳng thối. Như vậy, thối là thối ở chỗ nào?”.

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn hỏi về 2 nghĩa ấy là thật hay là chẳng thật. Cả 2 trường hợp đều từ kim khẩu của Phật nói ra, nên đều là thật. Ví như có khi Phật dạy “Hết thảy pháp là không, là vô sở hữu”; có khi Phật dạy, “Bồ thí, trì giới v.v... đều là những pháp hữu vi”. Như vậy, vì người mới phát tâm thì Phật nói pháp hữu vi; vì người đã tu học lâu ngày mà còn chấp các thiện pháp, thì Phật nói các pháp là không, là vô sở hữu; vì người giải đãi ở nơi Vô Thượng Bồ Đề, tâm chẳng kiên cố, thì Phật nói tu theo pháp Thanh Văn sẽ được độ, nếu chẳng cầu Thanh Văn sẽ phải ở lâu trong các đường sanh tử, phải thọ khổ lâu dài.

Bởi vậy nên Phật nói, “Người phát tâm nhiều như số cát sông Hằng, mà người được bất thối chuyển thì rất ít”.

Nếu người nào tu Bồ tát hạnh mà kham nhẫn thọ khổ, thì người ấy quyết định sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Nếu người nào chẳng có kham nhẫn được, thì thường chấp Thanh Văn đạo và Bích Chi đạo.

Lại có người tuy kham nhẫn được, tuy rất tâm cầu làm Phật nhưng tâm đại bi mỏng, ái chấp thân quá nặng, thì cũng rất khó được Vô Thượng Bồ Đề. Hạng người này phần nhiều thối tâm vì nghĩ rằng “Ta chẳng thể làm Phật được; ta hãy sớm thủ Niết Bàn cần gì phải đời đời thọ khổ”.

Vì hạng người như vậy, Phật nói, “Hết thảy Bồ tát... dẫn đến người mới sơ phát tâm đều quyết định thành Phật”. Kinh *Pháp Hoa* có nói rõ như vậy.

**Hỏi:** *Nếu hết thảy Bồ tát quyết định thành Phật, thì vì sao*



*Phật lại quở trách những người tu theo Nhị thừa muốn nghe pháp Bồ tát, mà chỉ muốn thủ chứng Nhị thừa?*

**Đáp:** Người tu theo Thanh Văn, khi đã lậu tận rồi, thì chẳng còn các nghiệp nhân duyên dẫn sanh vào 3 cõi nữa. Khi Tịnh Phật quốc độ rồi, thì vị này vẫn ở trong 3 cõi mà chẳng còn sanh phiền não.

Ở nơi tịnh độ, vị A-la-hán nghe Phật thuyết kinh *Pháp Hoa* mới được đầy đủ Phật đạo. Nếu tự cho mình đã chứng A-la-hán, đã rốt ráo diệt độ, mà chẳng nghe Phật thuyết kinh *Pháp Hoa*, thì chẳng được đầy đủ Phật đạo\*.

Cũng trong kinh *Pháp Hoa*, phẩm “500 vị đệ tử được thọ ký”, có nói về 500 vị đại A-la-hán được thọ ký xong, vui mừng, hớn hở, từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Phật, lạy dưới chân Phật, và tự trách rằng, “Bạch Thế Tôn! Chúng con thường tán niệm tự cho mình là đã được rốt ráo diệt độ. Nay mới biết người vô trí mới làm như vậy. Vì sao? Vì chúng con đáng được trí huệ của Như Lai, mà lại tự chấp lấy trí huệ nhỏ của mình, cho là đủ rồi vậy”.

Phật dạy: Ở nơi các cõi khác, ta cũng nói với chúng sanh phải đầy đủ các điều nêu trên mới được thành Phật.

**Hỏi:** *Nếu A-la-hán vãng cõi Tịnh Độ, thọ pháp tánh thân, thì sẽ mau được làm Phật. Sao chẳng nói thẳng như vậy, mà phải nói dần dà, quanh co trong Phật đạo?*

**Đáp:** Người chấp pháp Tiểu thừa bỏ chúng sanh, bỏ Phật

---

\*. Trong kinh *Pháp Hoa*, phẩm Phương Tiện, Phật nói với ngài Xá Lợi Phất rằng, “Nếu đệ tử của ta tự cho mình là A-la-hán, là Bích Chi Phật, mà chẳng nghe, chẳng biết chư Phật Như Lai giáo hóa về Bồ tát sự, thì chẳng phải đệ tử Phật, chẳng phải là A-la-hán, chẳng phải là Bích Chi Phật”.

đạo, lại thường tự cho mình là đã được đạo. Bởi nhân duyên vậy, nên hạng người này chỉ muốn thủ Niết Bàn, chẳng muốn thọ khổ sanh tử. Đây là hạng người độn căn, chẳng có thể mau thành Phật được. Hạng này chẳng có thể bằng được hạng Bồ tát trực vãng Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, trong Phật pháp có những việc bất khả tư nghì, như:

- Việc A-la-hán có thể làm Phật hay không, chỉ có chư Phật và chư đại Bồ tát mới biết được; hàng phàm phu chớ nên hý luận.

- Việc Bồ tát có quyết định đọa vào 3 đường ác hay không, chỉ có chư Phật và chư đại Bồ tát mới biết được, hàng phàm phu dù có tin, cũng chẳng sao biết được.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề nghe nói trong kinh *Bốn Sanh*, Phật đã từng làm thân chim thú, thọ các khổ, nên ngài hỏi Phật: Nếu Bồ tát thọ thân súc sanh như vậy, thì làm sao nói hết thấy Bồ tát quyết định được bất thối chuyển, vì bất thối chuyển là chẳng còn đọa vào đường ác?

Phật hỏi lại: Người vào được thánh đạo rồi, còn bị đọa vào 3 đường ác chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng, các bậc Thánh hiền chẳng còn bị đọa vào 3 đường ác, nên đáp: Chẳng vậy.

Phật dạy: Cũng như vậy. Do các nhân duyên đọa vào 3 đường ác đã đoạn dứt, nên Bồ tát chẳng còn đọa vào 3 đường ác vậy. Bồ tát, từ khi sơ phát tâm đến nay, thường tu tập bố thí Ba-la-mật cùng 5 pháp Ba-la-mật khác, nên chẳng có lý nào lại phải bị đọa vào 3 đường ác nữa.

Bồ tát đã tận diệt các bất thiện đạo, nhưng vì thâm tâm thường bị niệm chúng sanh mà thị hiện thọ thân trong 3 đường ác. Đây chẳng phải là Bồ tát bị đọa vào 3 đường ác vậy.

Lại nữa, vì thương xót chúng sanh mà Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật, vào các thiên định hòa hợp với các hạnh từ bi, nên chẳng chấp thiên vị.

Khi muốn xả thọ mạng, thì Bồ tát xả niệm về các pháp ở cõi Dục, lui về trong thiên định nhập vào vô sở hữu xứ, nên chẳng có khổ não, chẳng tham trước thiên vị, cũng chẳng sanh về các nơi biên địa, hạ tiện, chẳng sanh về cõi trời Trường Thọ... là những nơi chẳng có Phật Pháp Tăng.

Bồ tát thường ưa “trung đạo”, xa lìa cả 2 biên, nên chẳng sanh về biên địa. Biên địa, nói ở đây là những nơi chẳng được nghe danh Tam bảo, chẳng có 7 chúng, chẳng có tôn quý phước đức, chẳng có tôn quý đạo pháp. Còn nơi nào biết Tam bảo, biết tội phước, giải thật tướng pháp, thì gọi là “trung quốc”, hoặc gọi là “trung Diêm phù đề”.

Bồ tát thường ưa vì người nói pháp, cũng thường thâm ái các thiện pháp, nên thường sanh ở “trung quốc”, vì ở đây chẳng có sanh tà kiến. Vì sao? Vì Bồ tát đời đời thường tu hành chánh kiến, cũng dạy người khác hành chánh kiến.

**Hỏi:** *Bồ tát có đầy đủ các lực phước đức trí huệ. Như vậy vì sao Bồ tát chẳng sanh vào các nhà có tà kiến để giáo hóa họ?*

**Đáp:** Nên phân biệt có 2 hạng Bồ tát. Đó là:

- Hạng đại Bồ tát đã thành tựu đại lực.
- Hạng sơ phát ý Bồ tát.

Các đại Bồ tát có đại nguyện độ hết thầy chúng sanh, nên thị hiện thọ các thân, kể cả sanh thân vào nơi biên địa, nơi có

nhieu tà kiến. Còn Bồ Tát sơ phát ý thì chẳng dám sanh vào những nơi chẳng có người có thể độ được. Ví như kim loại quý đã tinh luyện, thì dù ở trong bùn lầy cũng chẳng có thể bị hoại; còn các kim loại khác thì rất dễ bị sét ri.

-o0o-

Có 62 tà kiến, trong đó “chấp vô tác” là nặng nhất. Vì sao? Vì phái “vô tác” nói nên cầu trời, nói trời sanh ra muôn vật, nói chẳng nên làm công đức cầu Niết Bàn. Phái này tuy chẳng ngăn làm phước đức, nhưng vì “vô tác” là đại ác, nên chẳng nên sanh tà kiến này. Vì sao? Vì Bồ tát nhất tâm quý trọng Vô Thượng Bồ Đề, chẳng quý pháp thế gian; dù chưa hoàn toàn ly dục, chưa đoạn sanh phiền não, mà chẳng khởi tâm làm ác, chẳng lấy của người, chẳng hại mạng người. Bồ tát đoạn hết thấy các bất thiện pháp, thường hành các thiện pháp, nên chẳng đọa vào 3 đường ác.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu Bồ tát chẳng đọa vào 3 đường ác thì vì sao lại sanh làm súc vật?

Phật dạy: Bồ tát thật đã đầy đủ thiện căn, chẳng còn đọa vào 3 đường ác. Thế nhưng, chỉ vì muốn thành tựu lợi ích cho chúng sanh mà Bồ tát thọ thân súc sanh, chẳng phải vì có tội mà phải đọa làm súc sanh vậy.

Phật lại dạy tiếp: Bồ tát thọ thân súc sanh mà thường khởi tâm từ bi thương xót và cứu khổ mọi loài súc sanh, dù có súc sanh muốn giết hại mình, là kẻ oán tặc của mình. Còn chư vị A-la-hán và Bích Chi Phật chẳng có các hạnh đó; dù các ngài chẳng làm hại chúng sanh, nhưng chẳng có thương xót kẻ muốn đến ác hại mình.

Kinh *Bốn Sanh* có kể mẩu chuyện sau đây:

Phật Thích Ca Mâu Ni, khi còn là Bồ tát, có 1 lần thọ thân voi 6 ngà. Khi có 1 người thợ săn đến bắn, voi đã dùng vòi quét sạch các tên độc chẳng làm các mũi tên làm hại đến đàn voi. Voi bèn hỏi người thợ săn rằng “Vì sao ngươi lại khởi ác tâm?”

Người thợ săn đáp, “Đó là tội do phiền não gây nên. Chẳng phải là tội của tôi”.

Voi đáp, “Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ đoạn trừ các phiền não cho ngươi. Nhưng nay ngươi bắn ta để làm gì?”

Người thợ săn đáp “Tôi muốn lấy các cặp ngà”.

Voi bèn đến bên khe đá, rút cặp ngà giao cho người thợ săn. Máu tuôn ra lênh láng, nhưng voi chẳng cảm thấy đau nhức gì cả.

Xong voi lại cho người thợ săn các thức ăn uống và còn chỉ đường cho người thợ săn ra về.

Tâm từ bi ấy chỉ có các đại Bồ tát mới có được. Còn chư vị A-la-hán và Bích Chi Phật chẳng sao có được, nên các ngài chẳng muốn thọ thân súc sanh. Bồ tát thị hiện làm thân súc sanh, chẳng phải là do nghiệp duyên mà bị đọa làm súc sanh vậy.

**Hỏi:** *Vì sao Bồ tát chẳng dùng thân người để thuyết pháp, mà phải làm thân thú?*

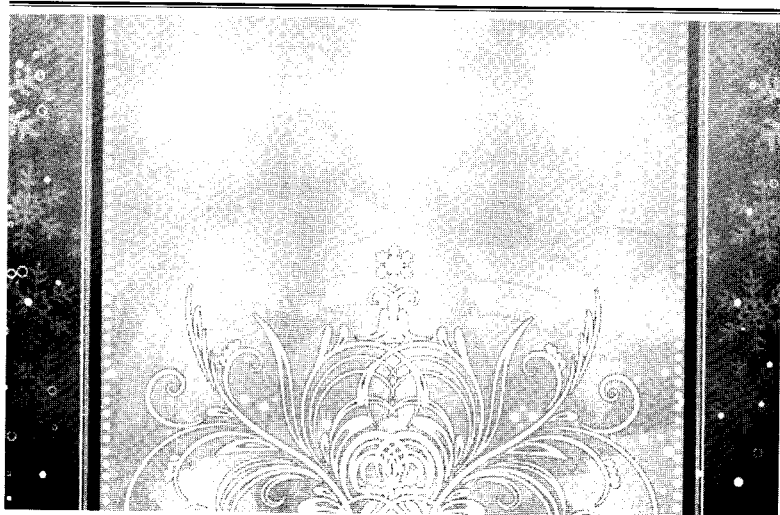
**Đáp:** Vì có nhiều người nghe người thuyết pháp chẳng có khởi lòng tin. Đối với hạng người ấy, Bồ tát thường thị hiện làm thân súc sanh để hành Bồ tát đạo. Các người ấy nghe thấy súc sanh mà hành đạo như vậy sẽ dễ sanh tín tâm, khiến trở thành dễ được giáo hóa vậy.

Lại có các Bồ tát muốn đầy đủ từ bi muốn thành thật pháp, khiến chúng sanh nghe thấy, hoặc sanh sợ hãi, hoặc sanh hoan hỷ. Có sợ hãi, có vui mừng... như vậy, thì họ mới chịu vào đạo.

(Hết quyển 93)



**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 94**







## Phẩm Thứ Tám Mười Ba (TIẾP THEO)



### Tất Định (tiếp theo)

**KINH:**

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát an trú trong thiện pháp vô lậu thanh tịnh nào để làm các phương tiện như vậy, mà chẳng bị nhiễm ô?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, ở trong hằng sa quốc độ khắp 10 phương để làm lợi ích cho chúng sanh, mà chẳng có tham chấp thân mình. Vì sao? Vì chấp thân là chấp pháp, mà ở trong bố thí thì cả 3 pháp đều là bất khả đắc. Do tự tướng các pháp là không, mà trong không chẳng có tướng không, nên chẳng có người chấp, chẳng có chỗ chấp vậy. Vì sao? Vì trong không, thì tướng không cũng là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy gọi là “bất khả đắc không”. Bồ tát an trú nơi đây mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô Thượng Bồ Đề; chẳng an trú trong các pháp khác chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có pháp nào chẳng vào trong Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bát nhã Ba-la-mật là tự tánh không, thì vì sao hết thảy các pháp đều vào trong Bát nhã Ba-la-mật ?

**Bạch Thế Tôn!** Trong không, chẳng có pháp vào, cũng chẳng có pháp chẳng vào.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp tướng là không chẳng?

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Đều là không cả.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp tướng đều là không. Như vậy vì sao nói hết thấy pháp chẳng vào trong không?

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, đại Bồ tát làm thế nào để an trú trong hết thấy pháp không mà có thể khởi các thần thông Ba-la-mật; rồi dùng các thần thông Ba-la-mật để đi hàng sa quốc độ khắp 10 phương, cúng dường chư Phật, nghe chư Phật thuyết pháp, và gieo trồng thiện căn nơi chư Phật?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, đại Bồ tát quán hàng sa quốc độ khắp 10 phương đều là tánh không; hiện thân của các đức Phật chỉ là giả danh tự. Giả danh tự ấy cũng là không.

Này Tu Bồ Đề! Vì các cõi Phật khắp 10 phương đều là tánh không, các đức Phật là tánh không, hết thấy các pháp tướng là tánh không nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dùng lực phương tiện khởi các thần thông Ba-la-mật. An trú trong các thần thông Ba-la-mật, Bồ tát khởi thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, như ý túc thông, tha tâm thông, túc mạng thông, mà biết rõ các chúng sanh trong các đường sanh tử.

Nếu Bồ tát xa rời các thần thông Ba-la-mật, thì chẳng có thể làm lợi ích cho chúng sanh, chẳng có thể được Vô

**Thượng Bồ Đề. Thần thông Ba-la-mật là đạo lợi ích dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề.**

Vì sao? Vì Bồ tát dùng thiên nhãn tự mình thấy các thiện pháp, cũng dạy người, khiến họ được các thiện pháp, ở nơi các thiện pháp, Bồ tát chẳng thủ chấp, vì các thiện pháp đều là tự tánh không. Trong “không” chẳng có chỗ thủ chấp. Nếu chấp, thì sẽ thọ mùi vị, mà trong “không” thì chẳng có mùi vị vậy.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, dùng thiên nhãn quán hết thấy pháp đều là không. Vì thấy hết thấy pháp đều là không nên chẳng thủ tướng, chẳng tác nghiệp, chẳng thấy có vì người mà nói pháp ấy, chẳng thấy có tướng chúng sanh, cũng chẳng nghe danh tự chúng sanh.

Bồ tát dùng pháp “vô sở đắc”, khởi thần thông Ba-la-mật; dùng thần thông quán chỗ nào nên làm thì làm. Thiên nhãn thù thắng hơn nhân nhãn, nên Bồ tát dùng thiên nhãn thấy được các cõi Phật trong khắp 10 phương. Thấy rồi, Bồ tát bay đến tận cùng các cõi Phật để làm lợi ích cho chúng sanh; hoặc dùng bố thí, hoặc dùng trì giới, hoặc dùng nhẫn nhục, hoặc dùng tinh tấn, hoặc dùng thiên định, hoặc dùng trí huệ để làm lợi ích cho chúng sanh; hoặc dùng 37 Phẩm Trợ Đạo, hoặc dùng 3 giải thoát môn, hoặc dùng pháp Thanh Văn, hoặc dùng pháp Bích Chi Phật, hoặc pháp Bồ tát, hoặc dùng pháp Phật để làm lợi ích cho chúng sanh. Gặp người xan tham thì Bồ tát nói với họ, “Các người nên hành bố thí. Bản cùng là khổ não. Người bản cùng chẳng tự lợi ích cho chính mình, huống nữa là lợi ích cho người khác. Các người hay siêng năng hành bố thí, khiến tự mình được vui, cũng làm cho người khác được vui. Các người chớ nên vì bản cùng mà xâu xé nhau, trộm cắp của nhau khiến chẳng xa rời được

3 đường ác”. Gặp người phá giới thì Bồ tát nói với họ, “Các người chớ nên phá giới, phá giới là khổ não. Người phá giới chẳng tự lợi ích cho chính mình, hưởng nữa là lợi ích cho người khác. Do phá giới mà phải đọa vào địa ngục, ngạ quỷ súc sanh; chẳng thể tự cứu mình, hưởng nữa là cứu người khác. Các người chớ nên tùy theo tâm phá giới; đến khi chết, các người sẽ hối hận”.

Gặp người sân hận, đấu tranh lẫn nhau, thì Bồ tát nói với họ “Các người chớ nên sân hận. Sân hận là khổ não. Sân hận làm não loạn lòng người, chẳng thuận với thiện pháp. Do sân hận mà phải đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Các người chớ nên sanh hận thù, dù chỉ là một niệm, mà tự làm khổ mình”.

Gặp người giải đãi, thì Bồ tát dạy cho họ tu tinh tấn.

Gặp người loạn tâm, thì Bồ tát dạy cho họ tu thiền định.

Gặp người ngu si, thì Bồ tát dạy cho họ tu trí huệ.

Gặp người nhiều dâm dục, thì Bồ tát dạy cho họ quán bất tịnh.

Gặp người sân nhuế, thì Bồ tát dạy họ quán từ bi.

Gặp người ngu si, thì Bồ tát còn dạy họ quán 12 nhân duyên.

Lại nữa, gặp người hành phi đạo, thì Bồ tát dạy họ vào chánh đạo; dạy họ tu Thanh Văn Đạo, Bích Chi Phật đạo... dẫn đến tu Phật đạo. Bồ tát nói với hạng người này rằng, “Các người chớ nên chấp tướng, vì các pháp là vô tướng, là tự tánh không. Trong không, thì chẳng có chỗ chấp trước”.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật,

**Bồ tát an trú trong thần thông Ba-la-mật để làm lợi ích cho chúng sanh.**

**Này Tu Bồ Đề! Nếu xa rời thần thông Ba-la-mật, thì Bồ tát chẳng có thể tùy ý chúng sanh để thuyết pháp được.**

**Bởi vậy nên, khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phải khởi các thần thông Ba-la-mật mới có thể tùy ý chúng sanh thuyết pháp khiến họ được lợi ích. Ví như chim chẳng có đôi cánh, chẳng có thể bay cao được; Bồ tát chẳng có thần thông Ba-la-mật cũng chẳng có thể tùy ý giáo hóa chúng sanh được vậy.**

**Này Tu Bồ Đề! Bởi vậy nên khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phát khởi thần thông. Phát khởi thần thông rồi, Bồ tát mới tùy ý làm lợi ích cho chúng sanh được.**

**- Dùng thiên nhãn quán thấy chúng sanh trong hằng sa quốc độ. Quán thấy rồi, dùng lực thần thông đến với chúng sanh, vì họ thuyết pháp, khiến họ được lợi ích.**

**- Dùng thiên nhĩ nghe chư Phật trong khắp 10 phương thuyết pháp. Nghe rồi, liền thọ trì, và đúng như pháp mà dạy lại cho chúng sanh.**

**- Dùng tha tâm trí biết rõ tâm trí của chúng sanh. Biết rồi, liền tùy chỗ ưa thích của chúng sanh mà thuyết pháp; như thuyết bố thí... dẫn đến thuyết Niết Bàn.**

**- Dùng túc mạng trí biết rõ đời trước của mình, và của chúng sanh; biết rõ danh hiệu của chư Phật và của chúng đệ tử trong quá khứ. Nếu có chúng sanh nào có lòng tin, muốn nghe về đời quá khứ của họ, thì vì họ nói lại những việc làm của họ trong quá khứ, để rồi vì họ thuyết pháp, như thuyết bố thí... dẫn đến thuyết Niết Bàn.**

- Dùng như ý thần túc thông, đi đến vô lượng cõi Phật, cúng dường chư Phật gieo trồng thiện căn.

- Dùng lậu tận thông trí chứng, để tùy theo chỗ ưa thích của chúng sanh mà thuyết pháp, như thuyết bố thí... dẫn đến thuyết Niết Bàn.

Như vậy này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phát khởi những thần thông như vậy. Do các thần thông mà Bồ tát tùy ý thọ thân trong cảnh khổ, cũng như trong cảnh vui, mà chẳng bị nhiễm; ví như các người hóa do Phật hóa tác ra, làm các việc khổ, việc vui, mà chẳng bị nhiễm vậy.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phải như vậy mà du hí thần thông tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát chẳng tịnh Phật quốc độ, chẳng thành tựu chúng sanh, thì chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì chẳng đầy đủ nhân duyên nên chẳng được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phải đầy đủ những nhân duyên gì?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hết thấy các thiện pháp đều là nhân duyên mà Bồ tát phải đầy đủ để được Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những thiện pháp ấy là những pháp gì, mà Bồ tát phải đầy đủ để được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến nay, Bồ tát bố thí Ba-la-mật. Đó là nhân duyên thiện pháp. Ở trong đó chẳng phân biệt người thí, người thọ và tài vật thí, vì các pháp là tự tánh không.

Dùng bố thí Ba-la-mật, Bồ tát có thể tự làm lợi ích cho mình, và làm lợi ích cho chúng sanh, dẫn dắt chúng sanh ra khỏi sanh tử và đưa họ vào Niết Bàn. Đó là nhân duyên thiện pháp để các Bồ tát hành Bồ tát đạo. Do nhân duyên thiện pháp như vậy mà chư Bồ tát trong 3 đời đã, đang và sẽ tự độ mình ra khỏi sanh tử, và cũng đã, đang và sẽ độ chúng sanh ra khỏi sanh tử.

Dùng 5 Ba-la-mật kia, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp không... dẫn đến 18 bất cộng pháp cùng hết thấy các công đức Phật pháp đều dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Đó là các thiện pháp. Bồ tát phải đầy đủ các nhân duyên thiện pháp như vậy, rồi mới được Nhất thiết chủng trí. Được Nhất thiết chủng trí rồi, Bồ tát sẽ chuyển pháp luân, độ hết thấy chúng sanh.

### **LUẬN:**

Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật: Bồ tát an trú trong các thiện căn nào để thọ các thân?

Phật dạy: Bồ tát phải an trú đầy đủ nơi hết thấy các thiện pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hoan hỷ thưa: Bồ tát thành tựu các lực phương tiện, an trú trong các thánh pháp vô lậu, nên thường thọ các thân, mà chẳng bị nhiễm ô.

Phật dạy: Bồ tát thành tựu các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên thường thọ các thân, thường làm lợi ích cho chúng sanh, mà chẳng tham luyến thân vậy.

Ở nơi đây Phật nêu lên các nhân duyên Bồ tát có 3 pháp bất khả đắc.

Đó là: Pháp thân Bồ tát, thân thị hiện làm súc sanh, và chỗ dụng pháp.

Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ các pháp là tánh không, mà cũng chẳng chấp không. Trong không, thì chẳng có người tham chấp, chẳng có pháp để chấp, và cũng chẳng có chúng sanh.

Phật nói lên các nhân duyên rằng “không” là bất khả đắc, nên Bồ tát chẳng tham chấp. Lại nữa trí huệ cũng bất khả đắc, vì “không” chính là Bát nhã Ba-la-mật vậy. Bồ tát an trú trong “không” mà được Vô Thượng Bồ Đề. Vì Bồ tát chẳng bị chướng ngại, nên dễ được đạo.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát an trú trong 6 pháp Ba-la-mật,... dẫn đến an trú trong 18 bất cộng pháp mà được đạo. Như vậy, vì sao nói Bồ tát an trú trong “vô sở đắc Bát nhã Ba-la-mật” mà được đạo?

Phật hỏi lại: Có pháp nào chẳng có vào trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bát nhã Ba-la-mật là tánh không. Như vậy làm sao hết thảy pháp đều vào trong Bát nhã Ba-la-mật được?

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng, “Trong không, chẳng thể có pháp ra, có pháp vào được”.

Phật hỏi lại: Hết thảy pháp tướng đều là không chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Đều là không cả.

Phật dạy: Nếu hết thảy pháp tướng đều là không, thì các pháp đều nhập vào trong không. Như vậy vì sao ông lại nói trong “không” chẳng có pháp ra, chẳng có pháp vào?

Lúc bấy giờ, Ngài Tu Bồ Đề hỏi mới chịu phục theo, và mới thọ lời giải rằng, “Bồ tát hóa thân để độ chúng sanh”.



Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Bồ tát làm thế nào để an trú trong pháp không, mà vẫn thường khởi thần thông Ba-la-mật, đi đến các cõi Phật ở khắp 10 phương cúng dường chư Phật, nghe chư Phật thuyết pháp và gieo trồng thiên căn?

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng, “Bát nhã Ba-la-mật là tánh không, là vô pháp. Như vậy làm sao Bồ tát an trú trong tánh không, trong vô pháp, mà có thể thường khởi các thần thông, là hữu pháp?

Phật dạy: Vì là ‘không’ cho nên mới hành. Vì sao? Vì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, quán các quốc độ trong khắp 10 phương đều là không, quán chư Phật trong 10 phương cũng đều là không.

**Hỏi:** *Nếu các quốc độ trong khắp 10 phương là không, chư Phật trong 10 phương cũng đều là không, thì còn nói làm gì nữa?*

**Đáp:** Phật thành tựu trong công đức từ vô lượng kiếp, thật có thân này. Một ngón chân Phật động, thì các quốc độ trong 10 phương đều động theo.

Do đời đời thâm ái Phật nên Bồ tát khó có thể thấy được Phật là không, khó có thể quán các quốc độ trong khắp 10 phương đều là không.

Với hạng người này, Phật dạy, “Các quốc độ và các đức Phật ở trong khắp 10 phương là không, và cũng là chẳng không (bất không)”. Vì sao? Vì do đối đãi với “có” mà nói “không” là chấp thiên lệch về một bên. Do vậy mà nói hết thấy pháp tướng là không, tức là nói hết thấy pháp là tự tướng không. Bồ tát biết rõ như vậy nên ở nơi hết thấy pháp đều được vô chướng ngại.

Nếu dùng nhục nhãn mà quán các sắc pháp, thì chẳng thấy thông đến trên, chẳng thấy thông đến dưới, chẳng thấy thông đến trước, chẳng thấy thông đến sau, nếu thấy ngày thì chẳng thấy đêm, nếu thấy đêm thì chẳng thấy ngày v.v... Lực của nhục nhãn yếu kém như vậy, nên Bồ tát phải dùng đến lực của thiên nhãn, khiến từ nơi thân 4 đại mà có thể thấy thông suốt được các cõi.

Bồ tát dùng thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, như ý túc thông, tha tâm thông, túc mạng thông, lậu tận thông, biết rõ chúng sanh qua lại trong các đường sanh tử, biết chúng sanh căn tánh như thế nào để tùy theo đó thuyết pháp độ thoát họ ra khỏi sanh tử. Nếu chẳng có các thần thông, thì Bồ tát chẳng có thể làm lợi ích cho chúng sanh. Vì sao? Vì chẳng có thần thông thì chẳng có thể làm cho đông đảo chúng sanh phát tâm Vô Thượng Bồ Đề vậy. Bồ tát dùng các thần thông là để hành Bồ tát đạo. Bồ tát tự mình tu các thiện pháp, và cũng dạy người tu các thiện pháp, mà chẳng chấp các thiện pháp.

**Hỏi:** *Thiên nhãn thấy các sắc pháp, nhưng làm sao thấy được các thiện pháp, làm sao thấy được hết thảy các pháp là tự tánh không được?*

**Đáp:** Nay ở trong nhân mà nói đến quả. Bồ tát dùng thiên nhãn tự thấy được thân mình, và thấy được chúng sanh trong khắp 10 phương. Sau đó mới dùng tha tâm thông, túc mạng thông để biết rõ thiện căn của chúng sanh ở đời này và đời sau; thấy chúng sanh thọ quả báo rồi cũng phải tiêu diệt; thấy hết thảy các thiện pháp đều là pháp hữu vi, là chẳng có tự tánh, nên là không. Vì là không, nên là bất khả đắc.

Ví như con nhện chẳng có chỗ nào mà chẳng đặt chân đến, chỉ trừ chỗ có lửa là chẳng có đặt chân lên. Chúng sanh ái trước cũng là như vậy. Dù có lên đến trời phi hữu tướng

phi vô tướng cũng vẫn còn chấp, nên chẳng vào được Niết Bàn. Chấp hết thấy mà chẳng chấp được Bát nhã Ba-la-mật tánh không, vì tánh không là như lửa, nên chẳng có mùi vị. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật tướng là không, nên chẳng có chỗ chấp. Nếu là chẳng phải không, thì mới có chỗ chấp.

Bồ tát an trú trong “không” dùng trí huệ khởi các nghiệp hữu lậu để vì chúng sanh thuyết pháp, mà vẫn biết rõ chúng sanh chỉ là giả danh, là bất khả đắc vậy.

Bồ tát phải an trú trong “vô sở đắc Bát nhã Ba-la-mật” mới có thể đầy đủ thân thông. Nếu Bồ tát chẳng được “vô chướng ngại Bát nhã Ba-la-mật”, thì chẳng được “vô ngại thân thông”. Được “vô ngại thân thông” rồi, mới đi đến quốc độ ở khắp 10 phương làm lợi ích cho chúng sanh (như trong kinh đã rộng nói).

-o0o-

Ở nơi đây, Phật dạy, “Ví như chim chẳng có đôi cánh, chẳng thể bay cao được. Cũng như vậy, Bồ tát chẳng có các thân thông Ba-la-mật, chẳng có thể giáo hóa chúng sanh được”.

Bồ tát dùng thiên nhãn thông thấy được chư Phật cùng chúng sanh ở các quốc độ trong khắp cả 10 phương; dùng thiên nhĩ thông nghe chư Phật thuyết pháp; dùng như ý thần túc thông phóng đại quang minh, hóa ra lửa, hóa ra nước, hiện ra các sự việc lạ lùng khiến chúng sanh phát tâm tin kính; dùng tha tâm thông biết rõ tâm trí chúng sanh, biết chúng sanh nào nên độ hay chưa nên độ, biết chúng sanh lợi căn hay độn căn biết chúng sanh nào đã thành tựu thiện căn hay chưa thành tựu thiện căn v.v...; dùng túc mạng thông biết rõ mỗi chúng sanh đã, đang và sẽ qua lại trong sanh tử như thế nào thuộc giống gì, thiện căn ra sau, từ đâu sanh

về đây, sau khi chết sẽ sanh về đâu, tu tập như thế nào, bao giờ mới được giải thoát v.v... Như vậy, Bồ tát tư duy, trừ lượng biết rõ chúng sanh nào có thể độ được, chúng sanh nào chưa thể độ được, dùng các lực thần thông biết rõ các duyên nghiệp của mỗi chúng sanh ở đời quá khứ, và quả báo ở đời vị lai. Nếu thấy chúng sanh nào cần đến sự sợ hãi mới được độ thì Bồ tát khai thị cảnh giới địa ngục cho họ thấy khiến họ sanh sợ hãi. Nếu thấy chúng sanh nào cần sự vui vẻ mới được độ thì Bồ tát khai thị cảnh Tịnh Độ cho họ thấy khiến họ sanh vui vẻ, nhằm chán cảnh thế gian. Lúc bấy giờ, Bồ tát dùng thần thông vô lậu thuyết các pháp vô lậu. Chúng sanh nghe pháp tự phá được tâm chấp của mình; rồi Bồ tát lại dùng 3 thừa đạo dạy cho chúng sanh, dẫn họ vào Niết Bàn.

Ví như con chim hạc muốn bắt cá trước hết phải tư duy, trừ lượng về chỗ đứng của mình, về hướng đi của đàn cá, chẳng bỏ mất cơ hội; khi cơ hội đã đến, liền nhanh chóng bắt lấy cá. Cũng như vậy, Bồ tát dùng thần thông quán chúng sanh từ các đời trước đến nay, tư duy, trừ lượng phải cần đến các nhân duyên gì để độ họ, phối hợp với các nhân duyên về quốc độ, về thời cơ, về căn tánh lợi鈍 của chúng sanh v.v... Khi đã hội đầy đủ các nhân duyên, Bồ tát mới vì họ nói pháp. Bởi vậy nên trong kinh nói “Bồ tát xa rời thần thông Ba-la-mật, chẳng có thể làm lợi ích cho chúng sanh được. Ví như chim chẳng có đôi cánh, chẳng có thể bay cao được”.

-o0o-

Ở nơi đây, Phật nói lên nhân duyên Bồ tát dùng thiên nhãn thấy rõ chúng sanh ở khắp 10 phương, biết rõ tâm niệm chúng sanh mới vì họ thuyết pháp được; Bồ tát lại dùng các lực thần thông, vì chúng sanh thọ các thân, mà chẳng bị khổ hay lạc làm

nhiễm ô. Bồ tát hiện thân làm cha, làm mẹ, làm thầy, làm đệ tử, làm chủ, làm tớ; hoặc làm trâu làm ngựa, làm người giàu có, làm người có oai lực quyền uy, làm người bạn cùng hạ tiện v.v... Ở trong bất cứ hoàn cảnh nào, bất cứ địa vị nào, Bồ tát cũng chẳng bị nhiễm ô. Ví như các người hóa do Phật hóa tác ra, làm đầy đủ tất cả các việc, mà chẳng bao giờ bị nhiễm ô vậy.

Vì sao? Vì Bồ tát ở trong cảnh lạc chẳng sanh ái, gặp cảnh khổ chẳng sanh sân. Bồ tát tùy nơi chỗ các phiền não mà chẳng bị các phiền não trói buộc.

Như vậy là Bồ tát du hý thân thông, thành tựu chúng sanh thanh tịnh Phật độ.

**Hỏi:** *Bồ tát dùng lực thân thông có nơi có chốn. Như vậy vì sao nói là du hý?*

**Đáp:** “Du” là đi qua, “hý” là như huyễn. Bồ tát dùng các thân thông cũng như nhà huyễn thuật biến hiện ra các sự vật.

Trong Phật pháp, hành 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác” gọi là hành ở cấp cao (thượng hạnh). Vì sao? Vì là tợ như Niết Bàn, mà là vô sở trước, vô sở đắc. Bởi vậy nên, hành các pháp khác gọi là hành ở cấp thấp (hạ hạnh).

Dùng các lực thân thông gọi là du hý. Vì sao? Vì điều cốt yếu để tịnh Phật quốc độ là thành tựu chúng sanh. Như vậy, ngay khi tịnh Phật quốc độ, thì đồng thời đã có tu thiện căn rồi.

**Hỏi:** *Vì sao phải thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ rồi mới được Vô Thượng Bồ Đề?*

**Đáp:** Phật nói lên các nhân duyên “chẳng thành tựu chúng sanh, chẳng tịnh Phật quốc độ” thì chẳng được “Vô Thượng Bồ Đề”. Vì sao? Vì phải đầy đủ các nhân duyên mới được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Nhân duyên, nói nơi đây, là hết thấy các thiện pháp. Từ sơ phát tâm đến nay, Bồ tát thường hành hết thấy các thiện pháp, hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến hành 18 bất cộng pháp. Khi hành các thiện pháp, Bồ tát chẳng ức tướng phân biệt. Ví như khi hành bố thí, Bồ tát chẳng phân biệt có người thí, có người thọ, có tài vật thí, dẫn đến khi hành 18 bất cộng pháp cũng là như vậy.

Nếu Bồ tát chẳng chấp tâm, chẳng phân biệt khi hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến khi hành 18 bất cộng pháp, thì đó là nhân duyên thành Vô Thượng Bồ Đề, đó là nhân duyên để có thể tự độ mình và độ người vậy.

**Hỏi:** *Nếu Bồ tát khởi tâm chấp khi hành bố thí thì có lỗi gì?*

**Đáp:** Hành bố thí với tâm chấp tuy có lợi nhỏ, mà có lỗi rất lớn. Ví như món ăn ngon có xen chất độc, tuy ăn vào ngon miệng, mà về sau sẽ bị chất độc gây tác hại... dẫn đến có thể mất mạng.

**Hỏi:** *Lỗi gì mà quá nặng đến như vậy?*

**Đáp:** Nếu người bố thí mà có chấp tâm, khi gặp điều gì chẳng vừa ý mình, như thấy người thọ thí chẳng chút cảm ơn mình, thì liền sanh sân hận. Nếu người cúng dường mà có chấp tâm, khi gặp những điều chẳng may đến với mình, như bị hoạn nạn bị ốm đau... thì liền sanh chán nản, chẳng muốn cúng dường nữa.

Người đã phát tâm bố thí thì chẳng nên luyến tiếc việc làm của mình vì nếu luyến tiếc thì sẽ bị thọ quả báo bất tịnh.

Lại nữa, do chấp tâm bố thí mà sanh tâm chấp đắm tài vật của mình. Hạng người này sẵn sàng làm hại kẻ xâm đoạt tài sản của mình; do vậy mà gây nên tội lỗi.

Lại nữa, do bố thí muốn hưởng nhiều quả báo phước đức, nên mới sanh tâm chấp bố thí. Bố thí như vậy thì sẽ thọ quả báo bất tịnh chỉ đem lại cho mình toàn là ưu bi khổ não. Vì sao? Vì có chấp tướng là có lỗi lầm vậy.

Người đúng như thật tướng mà hành bố thí, mới chẳng có lỗi lầm. Người này dù ở trong sanh tử mà vẫn thọ được các phước lạc bất tận dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Còn người hành thiện pháp, khi nghe pháp là rớt ráo không, mà lại chấp “không” cũng là có lỗi. Người chấp tâm, thủ tướng như vậy, chẳng những mất hết thầy công đức, mà còn bị đọa vào tà kiến nữa.

Vì sao? Vì chấp mình có hành các công đức bố thí là có chấp tâm, có thủ tướng, nên là có lỗi lầm.

Bồ tát xả tâm chấp, nên an trú nơi pháp không, mà chẳng chấp tướng “không”. Bồ tát ở nơi như pháp tánh thật tế, cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Khi bố thí, Bồ tát đầy niệm rằng, “Chư Phật 3 đời 10 phương do ở nơi rớt ráo thanh tịnh mà biết rõ thật tướng các pháp, cũng biết rõ thật tướng bố thí là rớt ráo không. Tôi nay cũng dùng tánh không ấy, để cùng hết thầy chúng sanh, đồng hồi hướng các công đức bố thí về Vô Thượng Bồ Đề. Vì biết rõ ở nơi các tâm và tâm sở pháp, 5 căn chẳng dùng, chẳng hành, chẳng biết được các pháp tướng; vì biết rõ các pháp đều do nhân duyên sanh, đều là hư vọng, là chẳng có tự tánh, nên nay tôi đem tất cả công đức bố thí, cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì ở nơi thật tướng các pháp, ở nơi thật tướng hồi hướng, thì hết thầy các pháp hư vọng đều bình đẳng, chẳng có sai khác. Tôi nay chưa được thật trí huệ thanh tịnh, nên còn có phân biệt thật hư. Nếu có được thật trí huệ thanh tịnh, thì biết rõ

hết thảy các pháp vào trong đê nhất nghĩa, đều là bình đẳng, thanh tịnh chẳng có sai biệt”.

Như vậy, bố thí thanh tịnh là bố thí với sự hồi hướng tất cả các công đức bố thí thẳng về Phật đạo. Hành bố thí mà chẳng có tâm phân biệt như vậy mới gọi là hành chân Bồ tát đạo.

-o0o-



## Phẩm Thứ Tám Mười Bốn



### Tứ Đế (Bốn Thánh Đế)

**KINH:**

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy các pháp ấy đều là Bồ tát pháp, thì pháp gì gọi là Phật pháp?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát pháp cũng là Phật pháp. Nếu biết hết thấy chủng trí, thì được Nhất thiết chủng trí, là đoạn dứt hết thấy phiền não tập khí. Bồ tát đang hướng về Nhất thiết chủng trí, và sẽ được pháp ấy.

Phật đã được Nhất thiết chủng trí, dùng nhất niệm tương ưng huệ, biết hết thấy pháp, mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Đây là chỗ sai biệt giữa Phật và Bồ tát. Ví như người đã đăc đạo quả và người hướng đến đạo quả, tuy đồng là bậc Thánh, nhưng có sai khác nhau.

Này Tu Bồ Đề! Người hành đạo vô ngại được gọi là Bồ tát.

Người đã được giải thoát đạo, chẳng còn hết thấy ám chướng, thì được gọi là Phật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp đều là tự tướng không, thì làm sao có phân biệt địa ngục, nạ quý, súc sanh, trời, người; làm sao có phân biệt Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát... dẫn đến Phật?

**Bạch Thế Tôn! Nếu người tác nghiệp là bất khả đắc, thì nghiệp nhân cũng bất khả đắc, nghiệp quả cũng bất khả đắc chăng?**

**Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Đúng như chỗ ông nói. Các pháp là tự tướng không, nên chẳng có pháp, chẳng có chúng sanh, chẳng có nghiệp nhân duyên, chẳng có nghiệp quả báo.**

**Này Tu Bồ Đề! Vì chúng sanh chẳng biết được các pháp đều là tướng không, nên mới tác hành các nghiệp nhân duyên, hoặc là ác, hoặc là thiện, hoặc là bất động. Do các ác nhân duyên mà chúng sanh bị đọa vào 3 đường ác; do các thiện nhân duyên mà chúng sanh được sanh làm người, hoặc được sanh lên các cõi trời Dục và Sắc; do các bất động nhân duyên mà chúng sanh được sanh lên cõi trời Vô sắc.**

**Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến hành 18 bất cộng pháp, thọ hành hết thấy các pháp trợ đạo, vào kim cang tam muội, được Vô Thượng Bồ đề; được Vô Thượng Bồ Đề rồi, lại ra làm các việc lợi ích cho chúng sanh. Vì lợi ích chẳng mất ấy chẳng mất nên chẳng đọa vào trong 6 đường sanh tử.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phật được Vô Thượng Bồ Đề rồi, có còn ở trong các đường sanh tử chăng?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng còn ở trong các đường sanh tử vậy.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phật còn có các nghiệp ác (hắc nghiệp), các nghiệp thiện (bạch nghiệp), các nghiệp vô ký chăng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng**

có, thì làm sao Phật lại nói đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; nói đến trời, người; nói đến Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật và Phật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh biết các pháp đều là tự tướng không, thì Bồ tát chẳng cầu Vô Thượng Bồ Đề, chẳng cứu chúng sanh ra khỏi 3 đường ác... dẫn đến chẳng qua lại trong 6 đường sanh tử.

Này Tu Bồ Đề! Vì chúng sanh thật chẳng biết các pháp đều là tự tướng không, nên chẳng thoát khỏi 6 đường sanh tử.

Bồ tát theo các đức Phật, nghe thuyết về pháp “tự tướng không” nên phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Do vọng chấp mà phạm phu tướng các pháp đều là thật có. Vì sao? Vì ở nơi pháp “vô sở hữu” mà phạm phu điên đảo khởi các vọng tướng phân biệt, nói có được pháp, như nói: Có pháp “hữu”, có pháp “vô”; ở nơi chẳng có sắc, mà tướng có sắc; ở nơi chẳng có thọ, tướng, hành, thức mà chấp có thọ, tướng, hành, thức... Dẫn đến hết thấy pháp hữu vi đều là vô sở hữu, mà phạm phu dùng tâm điên đảo, khởi các vọng tướng... để rồi gây ra các nghiệp nhân duyên ở thân, ở khẩu, ở ý, khiến phải trôi lăn trong 6 đường sanh tử, chẳng sao được giải thoát vậy.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật cùng hết thấy các thiện pháp. Vì sao? Vì hết thấy các thiện pháp đều nhiếp trong Bát nhã Ba-la-mật. Bởi vậy nên, hành Bát nhã Ba-la-mật là hành Bồ tát đạo, được Vô Thượng Bồ Đề. Được Vô Thượng Bồ Đề rồi, Bồ tát lại vì chúng sanh thuyết 4 thánh đế; gồm khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế; khai thị cho chúng sanh biết rõ hết các thiện pháp trợ đạo đều nhiếp trong 4 thánh đế; dùng các thiện pháp trợ đạo

phân biệt có 3 ngôi Tam bảo, gồm có Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo.

Có những chúng sanh, do chẳng tin Tam bảo, mà chẳng sao ra khỏi 6 đường sanh tử được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn ! Dùng khổ thánh đế mà được độ, hay dùng khổ trí mà được độ? Dùng tập thánh đế mà được độ, hay dùng tập trí mà được độ. Dùng diệt thánh đế mà được độ, hay dùng diệt trí mà được độ? Dùng đạo thánh đế mà được độ hay dùng đạo trí mà được độ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải dùng khổ thánh đế cũng chẳng phải dùng khổ trí mà được độ... dẫn đến chẳng phải dùng đạo thánh đế cũng chẳng phải dùng đạo trí mà được độ.

Này Tu Bồ Đề! Tất cả 4 thánh đế đều bình đẳng. Thánh đế tức là Niết Bàn, nên chẳng phải dùng khổ thánh đế... dẫn đến đạo thánh đế, cũng chẳng phải dùng khổ trí... dẫn đến đạo trí mà được Niết Bàn vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao nói 4 thánh đế là bình đẳng tương?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng có khổ cũng chẳng có khổ trí; chẳng có tập, cũng chẳng có tập trí; chẳng có diệt cũng chẳng có diệt trí; chẳng có đạo, cũng chẳng có đạo trí. Như vậy gọi là tương bình đẳng của 4 thánh đế.

Lại nữa! Này Tu Bồ Đề! 4 thánh đế như đều chẳng khác với pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vi, thật tế.

Dù có Phật hay chẳng có Phật, thì pháp tướng vẫn thường trú, chẳng hư dối, chẳng lầm lẫn, nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật là thông đạt “thật tế”.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát thông đạt thật tế như thế nào mà gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật; mà chẳng lạc về Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa, vào thẳng Bồ tát vị?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát thấy các pháp như thật. Thấy như vậy rồi, nên vào được nơi “vô sở hữu pháp”; thấy hết thấy các pháp đều là KHÔNG. Các pháp, dù nhiếp trong 4 thánh đế, dù chẳng nhiếp trong 4 thánh đế, cũng đều là KHÔNG.**

**Quán được như vậy rồi, Bồ tát liền vào Bồ tát vị, an trú trong “tánh địa”, chẳng lạc về Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa.**

**Bồ tát an trú trong tánh địa, thường sanh 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định.**

**Bồ tát an trú trong sơ định địa, phân biệt hết thấy các pháp, thông đạt 4 thánh đế, biết khổ chẳng sanh tâm duyên khô... dẫn đến đạo chẳng sanh tâm duyên đạo. Bồ tát chỉ tùy thuận theo Vô Thượng Bồ Đề, dùng tâm quán các pháp như thật tướng.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là quán các pháp như thật tướng?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là quán các pháp không.**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là quán các pháp không?**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là quán các pháp tự tướng không.**

**Bồ tát dùng trí huệ, quán hết thấy các pháp đều là không, chẳng có pháp tánh có thể thấy được. Bồ tát an**

trú trong tánh không mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Vì tướng của “tánh không” là tướng của Vô Thượng Bồ Đề. Tướng “tánh không” đó chẳng phải do chư Phật làm ra, chẳng phải do chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật, chư Bồ tát làm ra.

Vì chúng sanh chẳng biết, chẳng thấy các pháp như thật tướng, nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phải dùng các lực phương tiện, để vì chúng sanh thuyết ra các pháp ấy.

### LUẬN :

Pháp Bồ tát và pháp Phật tuy đồng, nhưng cũng có chỗ sai khác nhau. Bồ tát chưa được Nhất thiết chủng trí, còn Phật đã được Nhất thiết chủng trí rồi; Bồ tát là người đang hướng đến đạo quả, còn Phật là người đã đắc đạo quả.

**Hỏi:** *Vì sao ngài Tu Bồ Đề sanh nghi mà hỏi Phật?*

**Đáp:** Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng, Bồ tát y theo chỗ Phật dạy mà hành, hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến hành Nhất thiết chủng trí, nên pháp Bồ tát phải đồng với pháp Phật”. Suy nghĩ như vậy rồi ngài hỏi Phật Chỗ Bồ tát hành cùng với chỗ Phật hành chẳng có sai khác nhau. Như vậy, nếu các pháp đều là pháp Bồ tát, thì pháp gì gọi là pháp Phật?

Phật dạy: Như vậy là ông hỏi về chỗ hành của Bồ tát và chỗ hành của Phật. Chỗ hành ở nơi sắc tướng tuy đồng, mà ở nơi trí huệ, thì có độn có lợi sai khác nhau.

Nơi đây, Phật tự nói Bồ tát tuy đã như thật hành 6 pháp Ba-la-mật, mà chưa có khắp biết, chưa vào được Nhất thiết chủng trí môn, nên chưa được gọi là Phật. Nếu Bồ tát vào được Nhất thiết chủng trí môn, vào được thật tướng các pháp,

thì ở nơi nhất niệm tương ưng huệ, đã được Vô Thượng Bồ Đề, đã đoạn sạch hết thảy phiền não tập khí, đã được tự tại nơi hết thảy các pháp, và đã được gọi là Phật.

Ví như mặt trăng đêm 14 và mặt trăng đêm rằm tuy đồng, nhưng mặt trăng đêm 14 chưa có đủ sức hút mạnh để nâng thủy triều lên cao.

Cũng như vậy, Bồ tát tuy đã có thật trí huệ, nhưng chưa được đầy đủ các Phật pháp, nên chẳng có thể tác động được hết thảy chúng sanh ở khắp 10 phương.

Ví như mặt trăng đêm rằm có ánh sáng thanh mãn, mới có sức hút mạnh nâng thủy triều lên cao. Cũng như vậy, Bồ tát khi thành Phật rồi, mới phóng đại quang minh có thể tác động hết thảy chúng sanh ở khắp 10 phương vậy.

Nhân đây, Phật nêu ví dụ về “hướng A-la-hán” và “đắc A-la-hán” tuy đồng là bậc thánh, nhưng có sai khác nhau. Cũng như vậy, Bồ tát khi đang tu học, từ khi sơ phát tâm cho đến khi vào được kim cang tam muội, vẫn còn được gọi là Bồ tát; đến khi đã được chánh quả rồi, đã đoạn sạch hết chỗ nghi, chẳng còn chỗ nào mà chẳng thấy rõ, thì mới được gọi là Phật.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp là tự tướng không, là chẳng có sai biệt, thì làm sao có phân biệt địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, người; làm sao có phân biệt Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát... dẫn đến Phật? Nếu địa ngục, ngạ quỷ v.v... đều bất khả đắc, chúng sanh bất khả đắc, thì các nghiệp nhân duyên và nghiệp quả báo cũng bất khả đắc. Vì người tác nghiệp đã bất khả đắc thì nghiệp nhân duyên và nghiệp quả báo cũng phải bất khả đắc vậy. Như vậy vì sao nói Bồ tát cùng Phật có sai khác nhau?

Phật dạy: Đúng như vậy. Vì chúng sanh chẳng biết được

các pháp là tự tánh không, nên thường khởi các nghiệp, hoặc ác, hoặc thiện.

Chúng sanh, nói ở đây, bao gồm hàng phàm phu chưa vào được pháp vị, là những người còn tâm chấp ngã và chấp pháp.

Do các phiền não nhân duyên điên đảo, mà chúng sanh khởi 3 nghiệp ở thân khẩu và ý. Trong các nghiệp nhân duyên có thiện, có ác, có bất động, có hữu lậu, có vô lậu. Nếu tạo nghiệp ác thì sẽ bị đọa vào 3 đường ác; nếu tạo nghiệp thiện thì sẽ sanh làm người, hoặc sẽ sanh lên các cõi trời Dục và Sắc; nếu tạo nghiệp bất động thì sẽ sanh lên cõi trời Vô sắc.

Nếu chúng sanh tự biết các pháp là tự tánh không, thì chẳng sanh tâm chấp, mới chẳng khởi các nghiệp. Nhưng vì chúng sanh chẳng biết các pháp là tự tánh không nên mới sanh tâm chấp, mới khởi các nghiệp vậy. Bởi vậy nên Bồ tát phải tinh tấn hành các pháp bồ thí cùng hết thấy các thiện pháp khác cho đến khi vào được kim cương tam muội, được Vô Thượng Bồ Đề, để làm lợi ích cho chúng sanh, độ thoát chúng sanh ra khỏi 6 đường sanh tử.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Phật được Vô Thượng Bồ Đề rồi, có được 6 đường sanh tử chẳng?

Phật dạy: Chẳng có được.

**Hỏi:** Trước đây nói Phật chẳng đọa vào 6 đường sanh tử. Nay vì sao lại nói chẳng được 6 đường sanh tử?

**Đáp:** Trước đây vì người tà kiến quyết định chấp tướng, chấp 6 đường sanh tử, chấp có đọa vào trong 6 đường sanh tử nên nói “Phật chẳng đọa vào 6 đường sanh tử”.

Nay vì muốn khai thị cho chúng sanh biết rõ “6 đường sanh tử, cũng như các nghiệp nhân duyên dẫn chúng sanh



vào 6 đường sanh tử chỉ là giả danh, chẳng thật có, là như mộng, như huyễn, là bất khả đắc”, nên nói “Phật chẳng được 6 đường sanh tử”.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Phật có được hắc nghiệp, bạch nghiệp, phi hắc bạch nghiệp chăng?

Phật dạy: Chẳng có được.

Như trên đây đã nói nghiệp cũng như nhân duyên tạo nghiệp là giả danh, chẳng thật có, là như mộng, như huyễn, là bất khả đắc, nên Phật dạy, “chẳng có được”.

Ở đây nên biết có 4 loại nghiệp. Đó là:

- Hắc nghiệp (nghiệp đen): Chúng sanh tạo nghiệp nhân ác, phải thọ quả báo khổ ở trong 3 đường ác. Do nghiệp quả báo này thuần khổ, nên gọi là “hắc nghiệp”.

- Bạch nghiệp (nghiệp trắng): Chúng sanh tạo nghiệp nhân lành nên được thọ quả báo phước lạc, tùy ý tự tại ở cõi trời. Do nghiệp quả báo thuần phước lạc như vậy, nên gọi là “bạch nghiệp”.

- Hắc bạch nghiệp (nghiệp vừa đen vừa trắng): Chúng sanh vừa tạo nghiệp nhân ác, vừa tạo nghiệp nhân lành thọ quả báo vừa khổ vừa lạc, sanh làm người, làm a tu la, làm rồng... Do nghiệp quả báo này vừa có khổ vừa có lạc, nên gọi là “hắc bạch nghiệp”.

-Phi hắc bạch nghiệp (nghiệp chẳng đen chẳng trắng): Đây là nghiệp vô lậu, vô vi của các bậc đã đắc đạo.

-o0o-

Nghiệp vô lậu thường phá các quả báo bất thiện. Nghiệp hữu lậu thường khiến chúng sanh phải thọ quả báo thiện hay ác.

Nghiệp vô lậu chẳng phải là “bạch nghiệp”, mà là “phi hắc phi bạch nghiệp”.

Vì sao? Vì nghiệp vô lậu, tuy thanh tịnh, vô cấu, mà là không, vô tướng, vô tác, nên chẳng có chỗ phân biệt. Nói hắc hay nói bạch là có tương đãi, có phân biệt, mà nghiệp vô lậu là vô tướng, nên chẳng có thể gọi là bạch nghiệp được. Nghiệp vô lậu thường diệt hết thảy các quán, chẳng còn phân biệt hắc hay bạch. Vì là vô tướng, vô quán, nên nghiệp vô lậu được gọi là “phi hắc phi bạch nghiệp”.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu Phật chẳng được 4 nghiệp này, thì làm sao phân biệt có hắc nghiệp, có bạch nghiệp, làm sao phân biệt có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, a tu la; làm sao phân biệt có Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát... dẫn đến Phật?

Phật dạy: Nếu chúng sanh tự biết các pháp là tự tướng không, thì Bồ tát chẳng phải phát tâm tu Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng phải lăn lóc trong 6 đường chúng sanh, để dẫn dắt chúng sanh ra khỏi sanh tử. Vì sao? Vì nếu chúng sanh tự biết các pháp là tự tánh không, thì họ chẳng cần được độ nữa. Vì như chẳng có bệnh, thì chẳng cần đến thuốc; chẳng có tối thì chẳng cần phải có đèn sáng.

Do vì chúng sanh chẳng biết được các pháp là tự tướng không, nên tùy tâm mà chấp tướng. Do sanh tâm chấp, nên sanh nhiễm trước, tùy theo 5 dục mà sanh tham đắm. Do nhân duyên tham đắm mà sanh xan tham, tật đố, sân si... dẫn

đến đấu tranh lẫn nhau. Do đấu tranh mà bị các nghiệp tội che tâm, chẳng còn hay biết gì nữa.

Bởi vậy nên, hạng chúng sanh đó khi mạng chung sẽ bị các nghiệp nhân duyên dẫn sanh vào đường sanh tử, qua lại mãi trong 6 đường chúng sanh, chẳng bao giờ ngưng nghỉ.

Bồ tát nghe Phật dạy các pháp tự tánh không, khởi tâm từ bi thương xót chúng sanh, biết rõ chúng sanh do ngu si điên đảo, mà khởi tâm chấp, nên phát nguyện rằng, “Nếu được làm Phật, tôi sẽ phá tâm điên đảo của chúng sanh, khiến họ được giải thoát”.

Các pháp vốn là tự tướng không, mà phạm phu khởi tâm chấp, nên ở trong vô sở hữu mà lại ức tướng phân biệt, vọng chấp có sở đắc; ở trong vô chúng sanh mà lại khởi tướng có chúng sanh; ở trong vô sắc... dẫn đến vô thức mà lại tưởng có sắc... dẫn đến có thức.

Do khởi các vọng tưởng như vậy mà điên đảo tạo nên các nghiệp ở thân khẩu và ý, khiến phải trôi lăn mãi trong 6 đường sanh tử, chẳng có thể thoát ra được.

Nếu chúng sanh nào chỉ khởi các tưởng về phiền não kiết sử mà chưa có hành động tạo tội ác, thì còn có thể độ được. Còn những chúng sanh tham dục, sân nhuế v.v... mà tạo nên tội ác nặng, thì do các nghiệp nhân ác đó sẽ phải thọ các nghiệp quả khổ; hạng chúng sanh này rất khó được độ. Ví như vi trần đã được chất thành núi cao rồi, thì rất khó mà dời đi hết được vậy.

Vì muốn phá các nhân duyên quả báo sanh tử của chúng sanh, mà Bồ tát nguyện ở trong Bát nhã Ba-la-mật, nhiếp hết thảy các thiện pháp, hành Bồ tát đạo, được Vô Thượng Bồ Đề, rồi vì chúng sanh thuyết 4 thánh đế, gồm khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế.

**Hỏi:** *Phật có rất nhiều pháp vi diệu dẫn đến “vô ngại giải thoát”. Vì sao chỉ nói đến 4 thánh đế mà thôi?*

**Đáp:** Vì chúng sanh khổ, nên trước hết phải trừ khổ cho chúng sanh; sau đó mới khai thị Phật đạo.

Ví như người lâm bệnh nặng, trước hết phải trừ gốc bệnh cho họ; sau đó mới cho họ bổ dưỡng để phục hồi lại.

-o0o-

Chúng sanh thọ thân 5 ấm, mà 5 ấm là gốc của hết thảy khổ. Do vậy mà phải vì chúng sanh nói về “khô đế”.

Có vô lượng khổ; nếu nói lược thì có các khổ “sanh, già bệnh, chết”.

Lại phải cho chúng sanh biết về các nguyên nhân sanh khổ, nên phải vì họ nói về “tập đế”. Do có “ái, thủ và hữu” mà chúng sanh phải thọ thân ở đời sau. Đã thọ thân tức là phải thọ khổ. Do vậy mà nói “ái, thủ, hữu là các nhân chính tạo ra khổ”.

Lại phải dạy cho chúng sanh biết về cách diệt khổ, nên phải vì họ nói về “diệt đế”. Chúng sanh muốn đoạn khổ thì trước hết phải đoạn “ái”. Đoạn ái rồi thì thủ, hữu... dẫn đến sanh, già, chết đều đoạn cả. Do vậy mà nói “ái” đoạn thì “khổ” tự diệt.

Lại phải cho chúng sanh biết con đường đưa đến sự diệt khổ, nên phải vì họ nói về “đạo đế”. Con đường diệt khổ tức là “đạo” vậy.

Ở đời này, chúng sanh phải quán thân 5 ấm là gốc của khổ, nên phải quán thân này là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã. Lại phải biết do “ái” mà phải thọ thân nên phải

quán “ái” như bệnh, như ung nhọt, như giặc cướp; phải hành 8 thánh đạo, tu chánh kiến và 7 pháp thánh đạo kia, để giúp cho sự phát đạo tâm, giúp đoạn sạch pháp “ái”, ví như dùng chất rượu để dẫn thuốc vậy.

Nếu ở nơi hết thấy pháp thế gian mà chẳng còn khởi tâm tham đắm nữa, thì mới ly được khổ. Khi ly được khổ rồi, thì ảnh hưởng của khổ liền tự diệt. Có như vậy thì mới thành tựu được diệu pháp.

Bởi vậy nên, ở đoạn kinh trên đây, Phật dạy, “4 thánh đế nhiếp hết thấy các thiện pháp”.

**Hỏi:** *Vì sao chẳng nói đến các pháp trợ đạo?*

**Đáp:** Vì hết thấy các thiện pháp nhiếp bên trong 4 thánh đế. Các thiện pháp trợ đạo làm nhân duyên giúp chúng sanh tin kính 3 ngôi Tam bảo. Nếu chúng sanh chẳng tin Tam bảo thì chẳng ra khỏi 6 đường sanh tử. Bởi vậy nên trước hết phải dạy cho chúng sanh 4 thánh đế, khiến họ trừ được khổ, rồi sau đó mới dùng các thiện pháp trợ đạo để đưa họ vào đạo.

**Hỏi:** *Vì sao ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật, “Dùng khổ để mà được diệt độ, hay dùng khổ trí mà diệt độ chăng? Như vậy có phải là hỏi về một sự việc thô chăng?”*

**Đáp:** Hỏi như vậy chẳng phải là thô. Hỏi như vậy để cho thấy rõ về thể của 4 thánh đế. Muốn diệt độ thì phải dùng đến trí. Khi diệt sạch hết các phiền não rồi thì được diệt độ, tức là được Niết Bàn vậy. Khổ đế là do khổ trí hòa hợp mà thành tựu.

Cho nên chẳng phải dùng khổ đế mà được diệt độ, được Niết Bàn, mà phải do khổ trí mới được như vậy. Dẫn đến đạo đế và đạo trí cũng là như vậy.

Phật dạy: Chẳng phải dùng khổ đế, cũng chẳng phải dùng khổ trí mà được diệt độ... dẫn đến chẳng phải dùng đạo đế, cũng chẳng dùng đạo trí mà được diệt độ. Tất cả 4 đế đều bình đẳng; 4 đế tức là Niết Bàn. Chẳng phải dùng khổ đế hay khổ trí... dẫn đến chẳng phải dùng đạo đế hay đạo trí mà được diệt độ. Vì sao? Vì khổ, tập, diệt và đạo đều do nhân duyên sanh, là hư dối, là chẳng có thật, là chẳng có tự tánh. Nếu khổ, tập, diệt và đạo đều chẳng thật có, thì chẳng có thể dùng các pháp ấy để được diệt độ vậy.

**Hỏi:** 2 pháp “khổ” và “tập” là pháp hữu lậu, hư dối chẳng thật có. Còn “đạo đế” là pháp vô lậu, do nhân duyên sanh mà chẳng phải hư dối; “diệt đế” là pháp vô vi chẳng do nhân duyên sanh. Vì sao nói cả 4 pháp đều là hư dối, chẳng thật có?

**Đáp:** Khi mới vào đạo, thì chi mới biết có 2 đế hư dối, là khổ đế và tập đế mà thôi. Khi đã vào vô dư Niết Bàn rồi, thì cũng sẽ biết đạo đế và diệt đế chính là “không tam muội” vậy.

Do hữu lậu, hữu vi mà nói đến vô lậu, vô vi. “Khổ” khi đã diệt rồi, ví như cây đèn đã tắt, chẳng nên hý luận, tâm câu xú sở làm gì nữa. Bởi vậy nên Phật dạy, “Chẳng phải dùng khổ mà được diệt độ... dẫn đến chẳng phải dùng đạo mà được diệt độ”.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Vì sao nói 4 đế bình đẳng?

Phật dạy: Chẳng có khổ cũng chẳng có khổ trí... dẫn đến chẳng có đạo cũng chẳng có đạo trí; chẳng có chỗ chia 4 đế ra làm 8 pháp, thì gọi là bình đẳng. “Đế” là như thật, chẳng hư dối, là như pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế. Dù có Phật hay chẳng có Phật, thì pháp tướng vẫn thường trú, chẳng hư dối.

Chúng sanh chẳng biết rằng chỉ có thật tướng pháp là chẳng hư dối, là thường trú, bất diệt, mà cứ mãi vọng chấp điên đảo, tạo nên các nghiệp nhân duyên, khiến phải thọ lãnh các nghiệp quả báo; dù được quả báo phước lạc ở cõi trời hay cõi người, thì phước lạc đó lâu sau cũng sẽ bị hoại diệt.

Bởi vậy nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật thông đạt “thật đế”, dùng các lực phương tiện vì chúng sanh nói ra “thật đế” vậy.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát thông đạt thật đế như thế nào, mà vào thẳng Bồ tát vị?

Phật dạy: Bồ tát tư duy hết thấy pháp đều không; pháp nhiếp trong 4 thánh đế là không, pháp chẳng nhiếp trong 4 thánh đế cũng là không. Do quán hết thấy pháp không, mà Bồ tát vào thẳng Bồ tát vị.

**Hỏi:** *Vì sao nói chẳng quán các pháp không, như trên đây, thì chẳng vào được Bồ tát vị?*

**Đáp:** Quán hết thấy pháp không, như nói trên đây, có nghĩa là quán hết thấy pháp đều là không, và ở trong “không” đó, thì “không” cũng là không. Nếu trong “không” mà còn có “bất không” thì chẳng thể gọi là hết thấy pháp không vậy.

Bồ tát hành “không” như vậy, nên vào thẳng Bồ tát vị. Vào Bồ tát vị, Bồ tát an trú trong “tánh địa”, chẳng còn bị lạc về Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa.

“Tánh địa” là đệ nhất thế gian. Pháp này tùy thuận “vô lậu đạo” nên gọi là tánh.

Bồ tát an trú trong “tánh địa” cầu được làm Phật, nên sanh 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định. Khi vào được thiên định, Bồ tát nhiếp tâm phân biệt các pháp, thông đạt 4 đế, nghĩa là biết khổ mà chẳng duyên khổ.

Phàm phu cũng biết khổ, nhưng cứ mãi miết tạo tác ra các nhân duyên nghiệp khổ, khiến mãi miết thọ thân trong các nẻo đường sanh tử.

Bồ tát biết rõ thân là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã, là oán tặc, là giặc cướp. Biết rõ như vậy, nên gặp khổ Bồ tát liền xả, chẳng chấp tướng khổ, cũng chẳng chấp khổ đế. Dẫn đến đạo đế cũng là như vậy.

Bồ tát chỉ nhất tâm hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề; biết 4 đế chỉ là phương thuốc để đối trị bệnh chấp của chúng sanh, nên chẳng chấp 4 đế, Bồ tát chỉ quán thật tướng pháp, nên chẳng có phân biệt 4 pháp quán về 4 đế vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào gọi là như thật quán các pháp?

Phật dạy: Đó là quán “không”.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu nói Bồ tát quán hết thấy các pháp, từ lớn đến nhỏ đều là “không”, thì như vậy dùng pháp “không” gì để quán?

Phật dạy: Dùng “tự tướng không” để quán.

**Hỏi:** Có đến 18 pháp không, vì sao Phật chỉ nói đến “tự tướng không” mà thôi?

**Đáp:** Nói “tự tướng không” là nói ở trong “không” thì “tự tướng có” mặc nhiên bị phá rồi. Do vậy mà tâm chẳng còn bị chìm đắm, dẫn đến chẳng còn thấy một pháp “hữu tánh” nào nữa... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng là tự tướng không. Bồ tát an trú trong “tánh không” mà được Vô Thượng



Bồ Đề. Tánh không đó chẳng phải do Phật làm ra chẳng phải do ai khác làm ra, là thường tịch diệt, chẳng có hý luận vậy.

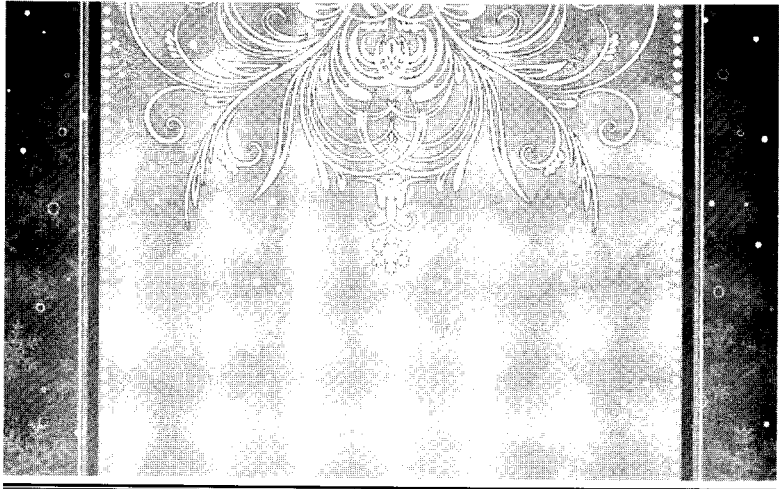
Vì chúng sanh chẳng có thể biết được như thật tướng của các pháp, nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật vì chúng sanh nói ra diệu pháp đó.

Bồ tát được vô sanh pháp nhãn, đã vào Bồ tát vị, đã thông đạt đệ nhất nghĩa đế, nên có đầy đủ các lực phương tiện. Bồ tát quán các đạo tướng thậm thâm vi diệu, mà chẳng đắc, chẳng xả; lại dùng trí huệ quán biết chúng sanh ở trong “không” mà phải đọa vào 3 đường ác, phải thọ bao nhiêu khổ não. Quán như vậy rồi, Bồ tát trải rộng lòng đại từ bi, thâm niệm chúng sanh, dùng mọi phương tiện cứu vớt chúng sanh ra khỏi các khổ.

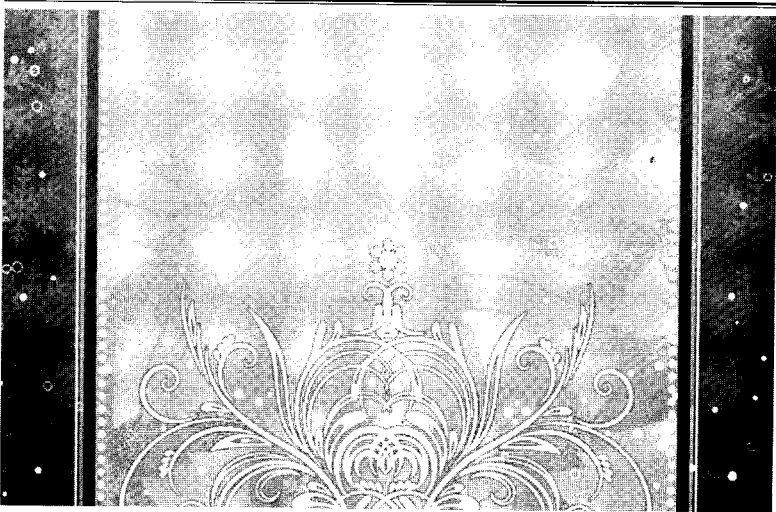
Nếu Bồ tát nói thẳng về tự tướng không của các pháp, thì chúng sanh sẽ chẳng tin, chẳng thọ, dẫn đến sẽ phá hoại pháp, khiến phải bị đọa vào địa ngục. Bởi vậy nên Bồ tát phải thành tựu hết thấy các thiện pháp, tự trang nghiêm thân tướng của mình, để phương tiện dẫn đạo chúng sanh, tùy từng đối tượng chúng sanh mà thuyết pháp, khiến họ được giải thoát.

(Hết quyển 94)





**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 95**





## Phẩm Thứ Tám Mười Lăm



### Thất Dụ (Bảy Thí Dụ)

**KINH:**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp là tánh vô sở hữu, chẳng phải do Phật làm ra, cũng chẳng phải do ai khác làm ra, thì vì sao phân biệt có các pháp dị biệt nhau?**

**Vì sao phân biệt có địa ngục, có ngạ quỷ, có súc sanh, có trời, có người? Vì sao phân biệt có Thanh Văn, có Bích Chi Phật... dẫn đến có Phật?**

**Bạch Thế Tôn! Trong pháp vô tánh, chẳng có các nghiệp dụng. Vì sao lại có các nhân duyên, tác nghiệp dẫn đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh ở cõi trời, cõi người? Vì sao lại có Bồ tát hành Bồ tát đạo, được Nhất thiết chủng trí, và được Nhất thiết chủng trí rồi mới có thể độ chúng sanh ra khỏi các đường sanh tử?**

**Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Trong pháp vô tánh, chẳng có nghiệp, chẳng có nghiệp quả báo.**

**Này Tu Bồ Đề! Hàng phàm phu chẳng vào được thánh pháp, nên chẳng biết được các pháp là chẳng có tánh tướng. Chỉ do ngu si điên đảo mà họ khởi ra các nghiệp nhân duyên; rồi theo nghiệp dẫn mà phải thọ thân, hoặc đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc làm trời, làm người vậy.**

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp đều là vô tánh, thì làm sao các quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật... dẫn đến có Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Đạo có phải là vô tánh chăng? Chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật... dẫn đến chư Phật là bậc Nhất thiết chủng trí có phải là vô tánh chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đạo là vô tánh. Chư Thanh Văn, Chư Bích Chi Phật... dẫn đến chư Phật Nhất thiết chủng trí đều là vô tánh cả.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Pháp vô tánh có thể được pháp vô tánh chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng có thể được vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Pháp hữu tánh có được pháp hữu tánh chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng có thể được vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Pháp vô tánh, đạo, cùng hết thảy các pháp đều chẳng hợp, chẳng tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, đều là nhất tướng, là vô tướng.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, thấy chúng sanh ở nơi 5 ấm vô thường, khổ, vô ngã, và bất tịnh, mà lại điên đảo tưởng là thường lạc, ngã và tịnh, nên dùng các lực phương tiện dẫn dắt họ đến chỗ “vô sở hữu”.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phàm phu chấp thân 5 ấm là thật có, nên khởi nghiệp tạo

tội, khiến phải qua lại trong các đường sanh tử, chẳng thoát ra khỏi được.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Chỗ chấp trước khởi nghiệp của phàm phu chẳng có mấy may sự thật, dù nhỏ như lông tóc. Đó chỉ là điên đảo mà thôi.

Nay ta vì ông nói lên các thí dụ, khiến người trí hiểu rõ hơn.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao ? Như ở trong mộng mà thấy có người thọ dục lạc. Sự việc ấy thật có nơi chốn chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Mộng là hư vọng, là bất khả đắc, huống nữa là người thấy trong cảnh mộng mà thật có nơi chốn thọ dục lạc.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Các pháp hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi có phải là như mộng chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Tất cả các pháp ấy đều là như mộng.

**Phật dạy:** Trong mộng có chúng sanh qua lại trong các đường sanh tử chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề Bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Chẳng có vậy.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Trong mộng có tu đạo chăng? Do sự tu đạo mà có cấu, có tịnh chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Mộng chẳng thật có, nên chẳng thể nói là có cấu, có tịnh được vậy.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Bóng trong gương thật sự có khởi các nghiệp nhân duyên dẫn đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh làm trời, làm người chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bóng trong gương chẳng thật có. Bóng ấy làm sao có thể khởi các nghiệp nhân duyên dẫn đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh làm trời, làm người được.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bóng trong gương có tu đọa chẳng? Do sự tu đọa mà có cấu, có tịnh chẳng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì bóng trong gương chẳng thật có, nên chẳng thể nói là có cấu, có tịnh được vậy.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như ở chốn núi sâu có tiếng vang dội ra. Tiếng vang ấy thật sự có khởi các nghiệp nhân duyên dẫn đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh làm trời, làm người chẳng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tiếng vang chẳng thật có. Tiếng vang ấy làm sao có thể khởi các nghiệp nhân duyên dẫn đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh làm trời, làm người được.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tiếng vang có tu đọa chẳng? Do sự tu đọa mà có cấu có tịnh chẳng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì tiếng vang chẳng thật có, nên chẳng có thể nói là có cấu, có tịnh được vậy.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như vào những ngày nắng gắt, người lữ hành đi trên khoảng đường trống, thấy ở đằng xa hiện ra những vùng nước óng ánh, tươi mát; nhưng khi đến gần nơi đó, thì chẳng còn thấy gì nữa. Hiện tượng này gọi là sóng nắng (diệm). Sóng nắng ấy thật sự có các khởi nghiệp nhân duyên dẫn đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh làm trời,**



làm người chẳng? Sóng nắng ấy có tu đạo và do sự tu đạo mà có cầu, có tịnh chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Sóng nắng ấy thật chẳng có nên chẳng thể khởi các nghiệp nhân duyên dẫn đọa vào địa ngục ngạ quỷ súc sanh, hoặc dẫn sanh làm trời, làm người được. Sóng nắng ấy chẳng thật có nên chẳng thể nói là có cầu, có tịnh được vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như khi mặt trời mới mọc, các đám mây trên trời hiện ra đủ thứ hình, nào thành trì, nào cung điện, nguy nga. Thành trì với các cung điện nguy nga đó được gọi là thành Càn Thát Bà. Thành Càn Thát Bà ấy thật sự có khởi các nghiệp nhân duyên dẫn đọa địa ngục ngạ quỷ súc sanh, hoặc dẫn sanh làm trời, làm người chẳng?

Thành Càn Thát Bà ấy có tu đạo, và do sự tu đạo mà có cầu, có tịnh chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thành Càn Thát Bà ấy chẳng thật có, nên chẳng có thể khởi các nghiệp nhân duyên dẫn đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh làm trời, làm người. Thành ấy chẳng thật có, nên chẳng thể nói là có cầu, có tịnh được vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như nhà huyền thuật huyền tác ra đủ các hình tượng. Nào voi, ngựa, trâu, dê, nào người nam, người nữ v. v... để giúp vui cho khán thính giả. Súc vật huyền, người huyền ấy thật sự có khởi các nghiệp nhân duyên dẫn đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh làm trời, làm người chẳng?

Súc vật huyền, người huyền ấy có tu đạo, và do sự tu đạo mà có cầu, có tịnh chẳng?

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Các súc vật huyễn và các người huyễn ấy chẳng thật có, nên chẳng có thể khởi nghiệp nhân duyên dẫn đọa vào dẫn đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh làm trời, làm người được. Các súc vật và các người huyễn ấy chẳng thật có, nên chẳng thể nói là có cấu, có tịnh được vậy.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao! Như Phật hóa hiện ra các người hóa. Các người hóa ấy thật sự khởi các nghiệp nhân duyên dẫn đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh hoặc dẫn sanh làm trời, làm người chẳng? Các người hóa ấy có tu đạo và do sự tu đạo mà có cấu có tịnh chẳng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Các người hóa ấy chẳng thật có, nên chẳng có thể khởi các nghiệp nhân duyên dẫn đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh làm trời, làm người được. Các người hóa ấy chẳng thật có, nên chẳng thể nói là có cấu, có tịnh được vậy.**

**Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Trong tướng “không” có cấu có tịnh chẳng?**

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Chẳng có vậy, bạch Thế Tôn! Trong “vô sở hữu” chẳng thể có cấu có tịnh được vậy.**

**Phật dạy: Nếu như chẳng có người cấu, chẳng có người tịnh, thì cũng chẳng có cấu, chẳng có tịnh, Vì sao? Vì chúng sanh an trú trong “ngã” và trong “ngã sở”, nên mới thấy có cấu, có tịnh. Chân thật pháp chẳng có cấu tịnh. Bởi vậy nên người thấy như thật là người chẳng thấy có cấu tịnh.**

**LUẬN:**

**Hỏi: Trước đây, Phật đã giải đáp nhiều về vấn đề này rồi. Nay vì sao ngài Tu Bồ Đề còn hỏi thêm nữa?**

**Đáp:** Nghĩa tuy chi là một, nhưng nhân duyên chấp sự có khác. Dù có Phật, hay dù chẳng có Phật, thì pháp tánh vẫn thường trú. Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều là không, là vô sở hữu, chẳng phải do chư Phật làm ra, chẳng phải do chư Thánh hiền làm ra, cũng chẳng phải do ai khác làm ra cả.

Bát nhã Ba-la-mật quá thâm, rất khó biết, rất khó lường. Chẳng có thể dùng tâm phàm phu, hạn hẹp, mà có thể vào trong vi diệu pháp này được.

Chư Phật, chư đại Bồ tát, chư Thánh hiền thường dùng các danh tự ngôn ngữ, dùng nhiều thí dụ giúp người có căn trí thông lợi hiểu rõ được thánh ý. Trong lúc đó thì người độn căn lại cứ chấp vào danh tự, ngôn ngữ mà thôi. Ví như khi nghe nói pháp “không” thì họ liền chấp “không” khi nghe nói “pháp tướng tịch diệt, ngôn ngữ đoạn, tâm hành diệt v.v...” thì họ cũng lại chấp nữa.

Vì sao? Vì do tự tâm chẳng được thanh tịnh, nên dù nghe được thánh pháp cũng chẳng được thanh tịnh vậy. Ví như người đang bị nhặm mắt nhìn lên hư không, thanh tịnh, trong suốt, mà lại chỉ thấy toàn là hoa đốm.

Phật dùng các nhân duyên cho thấy rằng những người có tâm nghi thường hay phạm lầm lỗi. Ví như khi họ nghe nói hết thấy pháp đều là không, thì họ liền dấy niệm rằng “Nếu hết thấy các pháp đều là không, và nếu “không” cũng là không, thì làm sao phân biệt có 6 đường chúng sanh v.v...”.

Đây là chỗ nghi khó giải, nên vì lợi ích chúng sanh, ngài Tu Bồ Đề phải nêu lên nhiều câu hỏi để được Phật rộng giải.

**Hỏi:** Vì sao ngài Tu Bồ Đề lấy pháp “không” để vấn nạn Phật, mà lại được Phật ấn chứng?

**Đáp:** Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu pháp “không” là thường

trú; dù có Phật hay chẳng có Phật, cũng chẳng thay đổi, thì làm sao phân biệt có 6 đường chúng sanh?

Sở dĩ ngài Tu Bồ Đề nêu lên câu hỏi này, vì ngài muốn giải nghi cho chúng sanh, nhằm phá pháp chấp “không” của họ vậy.

Dựa vào lời nạn hỏi của ngài Tu Bồ Đề, Phật dạy: Phàm phu chẳng vào được thánh vị, chẳng biết được các pháp là tánh vô sở hữu. Do ngu si điên đảo mà chấp có ngã, chấp có pháp, chấp có 3 cõi, chấp có 6 đường sanh tử, chấp có chúng sanh qua lại trong 6 đường sanh tử, mà chẳng biết rằng tất cả những pháp này đều là hư vọng, chẳng thật có. Do chấp tâm điên đảo mà chúng sanh khởi nghiệp, rồi thọ báo, nhưng quả báo đó cũng là hư vọng, chẳng thật có. Vì sao? Vì 6 đường sanh tử đều là không, đều là giả danh.

Các bậc thánh hiền đã đoạn sạch các chấp phân biệt điên đảo, đã diệt sạch các chấp “hữu” và “vô” vào được nơi tánh vô sở hữu.

Thánh hiền lấy chỗ đoạn diệt điên đảo làm nhân tu đạo, mà vẫn biết rằng đạo cùng đạo quả cũng là vô sở hữu.

Khi tu đạo ắt phải dùng “không, vô tướng và vô tác” để phân biệt các đạo quả của Hiền, của Thánh có sai khác.

Thế nhưng, ở nơi thật tướng pháp tất cả đều vô sở hữu, nên chẳng có đắc quả, chẳng đắc “vô sở hữu”, chẳng có sai khác nhau vậy. Biết được như vậy, thì chẳng có gì để nạn hỏi nữa.

-o0o-

Trên đây, ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng, “Điên đảo là thế gian; còn chẳng điên có điên đảo là Thánh hiền”. Như vậy là có tương đãi.

Do vậy mà ngài lại hỏi: Chỗ chấp của phàm phu thật sự có khởi các nghiệp nhân duyên dẫn đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh làm trời, làm người, khiến chúng sanh chẳng được giải thoát chăng?

Phật nói chúng sanh do điên đảo mà khởi chấp các pháp, nhưng thật sự chẳng có sự tương đãi sai biệt giữa thật pháp và giả pháp. Vì sao? Vì hết thảy pháp đều là rốt ráo không vậy.

**Hỏi:** *Đây là chỗ sở hành của Phật. Vậy hành “rốt ráo không” và hành “đệ nhất nghĩa không” có phải là hành “thật pháp” chăng?*

**Đáp:** Do phàm phu điên đảo khởi các chấp phân biệt, nên phải nói “đệ nhất nghĩa là không”. Khi chẳng còn điên đảo nữa, thì cũng chẳng còn có “đệ nhất nghĩa là không” nữa.

**Hỏi:** *Nếu nói giả pháp và thật pháp đều chẳng thật có, thì làm sao có thể được giải thoát? Ví như tay bẩn mà dùng nước bẩn để rửa tay, thì làm sao rửa cho sạch được?*

**Đáp:** Các pháp tướng đều là rốt ráo không. Sở dĩ nói đệ nhất nghĩa thanh tịnh, vì có phàm phu điên đảo, chẳng thanh tịnh.

Pháp thanh tịnh là chẳng bị phá hoại, chẳng bị biến đổi. Do phàm phu ở nơi các pháp thật tướng mà khởi chấp sanh phiền não, nên phải vì họ nói pháp tướng là không, là vô sanh, là vô sở hữu. Vì là vô sở hữu nên là chẳng thật.

Tuy nói 2 pháp, mà cả 2 đều chẳng thật. Nhưng dù đều chẳng thật mà vẫn có chỗ sai khác nhau. Ví như 10 thiện pháp và 10 bất thiện pháp đều là pháp hữu vi, đều là pháp hư dối chẳng thật, mà giữa thiện và bất thiện vẫn có chỗ sai khác vậy. Ví như người phạm tội sát sanh bị đọa vào đường ác; người chẳng sát sanh được sanh làm người, làm trời. Ví ở

nơi vô sở hữu mà não hại chúng sanh thì bị tội; khởi tâm từ bi đối với chúng sanh thì được phước v.v ...

Lại nữa, tuy các pháp đều là không, là hư dối, nhưng lại có dụng khác nhau. Ví như từ bi phá được sân hận, bố thí thì phá được xan tham v.v...

Bởi vậy nên nói các pháp chẳng có bản định thật. Để chứng minh, Phật nêu lên 7 thí dụ.

Phật nêu lên thí dụ trong mộng thấy có người thọ 5 dục, mà cảnh mộng đó chẳng thật có. Sở dĩ Phật nêu thí dụ trên đây để phá chấp cho rằng, “Nếu các pháp là không, là tánh vô sở hữu, thì làm sao khiến mắt có thể thấy được Phật, tai có thể nghe được pháp... ”.

Thí dụ này cho thấy mộng tuy chẳng thật có, mà vẫn có nghe thấy, có sân hận, có vui mừng v.v... ; Khi tỉnh mộng rồi, thì chẳng còn thấy gì nữa cả. Phạm phu do vô minh điên đảo che tâm, nên cảm thấy có sân hận, có vui mừng v.v... còn các bậc thánh đã được giác ngộ rồi, thì chẳng thấy gì hết.

Hết thấy các pháp, dù là hữu lậu hay vô lậu, hữu vi, vô vi v. v... đều là hư dối, chẳng thật có, đều ví như cảnh mộng vậy. Cũng như cảnh mộng, khi mê thì thấy có 6 đường sanh tử, thấy có chúng sanh qua lại 6 đường sanh tử, thấy có Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát... dẫn đến có Phật; khi ngộ, thì chẳng còn thấy gì nữa. Cũng như cảnh mộng khi mê thì thấy các nghiệp nhân duyên dẫn đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc dẫn sanh làm người, làm trời, thấy có cấu có tịnh; khi ngộ, thì chẳng thấy có các nghiệp nhân duyên, chẳng thấy có cấu tịnh. Chỉ do điên đảo chấp mới khởi các nghiệp nhân duyên... dẫn đến phải thọ các nghiệp quả báo; khi ngộ, thì chẳng còn thấy gì nữa.

Các chấp điên đảo là hư dối, là chẳng thật có. Nếu trừ được các pháp điên đảo rồi, là liền được đạo. Thế nhưng, khi các chấp điên đảo đã tận trừ rồi thì đạo cũng là chẳng có thật vậy. Tất cả đều là như mộng... dẫn đến đều là như bóng trong gương, như tiếng vang, như sóng nắng, như thành Càn Thát Bà, như huyễn, như hóa cả.

-o0o-

Phật hỏi ngài Tu Bồ Đề: Các pháp ấy có cấu, có tịnh chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Chẳng có vậy.

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng, “Các pháp là vô ngã, nên chẳng có cấu, chẳng có tịnh”.

Phật dạy: Nếu chẳng có người cấu, chẳng có người tịnh, thì cũng chẳng cấu hay tịnh. Phạm phu trú trong ngã và ngã sở, mới thấy có cấu tịnh; chư Thánh hiện như thật thấy các pháp, chẳng thấy có cấu tịnh.

Nếu phân biệt như trong kinh *A Tỳ Đà*, thì có cấu, có tịnh, có người thọ sự cấu hay tịnh. Ví như nói 3 độc cùng các phiền não khác là cấu; 3 giải thoát môn, các thiện pháp trợ đạo là tịnh.

Tuy nói có cấu tịnh, nhưng chẳng phải như vậy. Vì sao? Vì nếu chẳng có chúng sanh pháp, thì chẳng có tác giả; chẳng có tác giả, thì chẳng có tác pháp. Ví như người chẳng có triền phược, thì chẳng cầu được giải thoát vậy.

Ví như người sợ lửa đốt, thì phải xa rời chỗ có lửa. Cũng như vậy, chúng sanh sợ các khổ do 5 ấm gây ra, thì phải xa bỏ các nghiệp nhân duyên dẫn sanh 5 ấm thân ở đời sau.

Chẳng phải thật có khổ mới cần ly khổ. Nếu chẳng có người cầu tịnh, thì cũng chẳng có cầu tịnh, cũng chẳng có giải thoát vậy.

Phật nói lên các nhân duyên do chấp có ngã, có ngã sở, mà chúng sanh mới trú trong đó, thọ cầu hay tịnh vậy. Khi ngã đã rớt ráo không thì cầu tịnh chẳng còn có chỗ trú nữa. Vì là chẳng có chỗ trú (vô trú xứ), nên nói là vô cầu vô tịnh vậy.

**Hỏi:** *Vì sao chẳng có ngã, mà phàm phu lại trú trong đó, để rời khỏi sanh các phiền não?*

**Đáp:** Nếu được “vô ngã” thì “ngã kiến” chẳng có chỗ duyên, và do chẳng có chỗ duyên nên chẳng sanh khởi được.

Tuy là “vô ngã”, nhưng ở nơi 5 âm chúng sanh lại sanh các tà hạnh, nên mới sanh “ngã kiến”. Rồi do “ngã kiến” mà chúng sanh chấp 5 âm làm ngã và ngã sở.

**Hỏi:** *Nếu ở nơi 5 âm của mình mà mình tự sanh ngã kiến, thì vì sao ở nơi 5 âm của người khác thì lại chẳng sanh?*

**Đáp:** Nếu ở nơi 5 âm của người khác cũng có sanh ngã kiến, thì có lỗi. Vì sao? Vì ngã kiến chẳng có chỗ trú nhất định, chỉ do điên đảo chấp dẫn sanh mà thôi.

Từ vô thi đến nay, chúng sanh tự có ý thức về 5 âm thân của mình tương tục sanh, rồi khởi sanh chấp ấy. Do trú trong “ngã thân”, nên chúng sanh phải thọ cầu, thọ tịnh; rồi thấy mình và thấy người có cầu, có tịnh, hay chẳng có cầu, chẳng có tịnh.

Trái lại, người như đã thật thấy các pháp rồi, thì chẳng còn thấy có cầu, có tịnh. Bởi vậy nên nói là vô cầu, vô tịnh. Người vô cầu, vô tịnh là người đã vào được nơi thật tướng pháp.



Có thuyết nói, “Thật tướng pháp là vô tướng, nên là vô cầu, vô tịnh”

Lại có thuyết nói, “Ở nơi thật tướng pháp mà chẳng chấp, nên là vô cầu, vô tịnh”.

Lại có thuyết nói, “Vào 8 thánh đạo mà còn chấp danh, thì gọi là vô tịnh; chẳng chấp các phiền não điên đảo, thì gọi là vô cầu”.

-o0o-

## Phẩm Thứ Tám Mười Sáu



### Bình Đăng

#### KINH :

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người thấy như thật là chẳng cấu, chẳng tịnh. Người chẳng thấy như thật cũng là chẳng cấu, chẳng tịnh. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tánh vô sở hữu.

Bạch Thế Tôn! Trong “vô sở hữu” chẳng có cấu tịnh. Trong “sở hữu” cũng chẳng có cấu tịnh.

Bạch Thế Tôn! Vì sao người nói như thật là chẳng cấu, chẳng tịnh; người chẳng nói như thật cũng là chẳng cấu, chẳng tịnh?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Các pháp tướng bình đẳng, ta nói đó là tịnh.

Này Tu Bồ Đề! Thế nào là tướng bình đẳng của các pháp? Đó là như, là chẳng dị diệt, là pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế. Dù có Phật hay chẳng có Phật, thì pháp tánh vẫn thường trú. Đó gọi là tịnh.

Đây là nói theo thế đế; chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế, vì đệ nhất nghĩa đế vượt lên trên tất cả ngôn ngữ, luận nghị, âm thanh vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp là không, là chẳng thể nói ra được, là như mộng, như huyễn, như ảnh, như điệm, như huyễn, như hóa, thì

vì sao Bồ tát lại dùng các pháp như mộng, như hường, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa? Nếu các pháp ấy chẳng có căn bản định thật, thì làm sao Bồ tát có thể phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, nguyện rằng, “Tôi sẽ đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến 18 bất cộng pháp, tôi sẽ đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp; tôi sẽ đầy đủ các môn đà la ni, các môn tam muội, tôi sẽ phóng đại quang minh chiếu khắp cả 10 phương, sẽ biết tâm niệm của chúng sanh, để tùy thuận thuyết pháp”?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Chỗ nói pháp của ông có như mộng như hường, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đúng là như vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp là như mộng, như hường, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa, thì Bồ tát làm sao hành Bát nhã Ba-la-mật?

Bạch Thế Tôn! Như mộng... dẫn đến như hóa là hư vọng, chẳng thật có. Chẳng nên dùng pháp hư vọng, pháp chẳng thật ấy để tu, hòng có thể được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến 18 bất cộng pháp.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Pháp hư vọng chẳng thật ấy, chẳng có thể đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến 18 bất cộng pháp. Hành pháp hư vọng, chẳng thật ấy, chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy các pháp ấy đều là tác pháp do ức tướng tư duy, nên chẳng có thể được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Các pháp ấy chỉ là những pháp trợ đạo, chẳng có thể tăng ích đạo quả. Các pháp đều vô sanh (chẳng sanh), vô xuất, (chẳng xuất), vô tướng (chẳng có tướng).

Từ khi sơ phát tâm cho đến nay, Bồ tát hành các thiện pháp, như hành bố thí Ba-la-mật... dẫn đến Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì Bồ Tát biết rõ các pháp đều là như mộng... dẫn đến như hóa. Các pháp như vậy chẳng có thể được đầy đủ bố thí... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, cũng chẳng có thể thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, cũng chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát hành các thiện pháp, từ bố thí... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, mà biết rõ các pháp ấy là như mộng, như hóa cũng biết rõ chúng sanh là như mộng như hóa. Bồ tát chẳng chấp Bát nhã Ba-la-mật là có pháp dụng. Do chẳng chấp như vậy nên được Nhất thiết chủng trí, biết rõ pháp như mộng là chẳng có chỗ thủ chấp... dẫn đến pháp như hóa cũng là chẳng có chỗ thủ chấp. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có tướng có thể thủ, Thiền Ba-la-mật chẳng có tướng có thể thủ... dẫn đến 18 bất cộng pháp chẳng có tướng có thể thủ.

Bồ tát biết rõ hết thấy pháp đều chẳng có tướng có thể thủ được nên phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Vì pháp chẳng có tướng có thể thủ được là pháp chẳng có căn bản định thật, chỉ như mộng, như hóa vậy.

Dùng pháp bất khả thủ tướng (pháp chẳng có tướng có thể thủ) chẳng thể được pháp bất khả thủ tướng. Chỉ vì chúng sanh chẳng biết các pháp tướng như vậy, nên Bồ tát phải vì chúng sanh cầu Vô Thượng Bồ Đề.

Từ khi sơ phát tâm cho đến nay, Bồ tát vì hết thấy

chúng sanh mà hành bố thí... dẫn đến vì hết thấy chúng sanh mà hành trí huệ. Bồ tát cầu Vô Thượng Bồ Đề chỉ vì hết thấy chúng sanh, chẳng phải vì bản thân mình hoặc vì những sự việc gì khác.

Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát thấy chúng sanh là vô chúng sanh (chẳng là chúng sanh) mà lại trú trong tướng chúng sanh... dẫn đến thấy tri giả, kiến giả là vô tri giả, vô kiến ngã, mà lại trụ trong tướng tri kiến. Bồ tát giáo hóa chúng sanh khiến họ xa rời điên đảo và đến an trú trong tánh Cam Lồ. Ở nơi đây chẳng còn có các tướng hư vọng, chẳng có tướng chúng sanh... dẫn đến chẳng có tướng tri giả, tướng kiến giả.

Lúc bấy giờ, Bồ tát xả ly tâm động, tâm có niệm, tâm hý luận và thường hành tâm chẳng động, tâm chẳng có niệm, tâm chẳng hý luận.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dùng lực phương tiện hành Bát nhã Ba-la-mật, tự mình chẳng có chỗ thủ chấp, cũng dạy người khác, khiến họ chẳng có chỗ thủ chấp. Đây là tùy theo thể đế, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Khi được Vô Thượng Bồ Đề, Thế Tôn được hết thấy Phật pháp. Nói như vậy là y theo thể đế hay là y theo đệ nhất nghĩa đế?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Y theo thể đế mà nói Phật được các pháp ấy.

Trong pháp ấy chẳng có pháp để được, cũng chẳng có người được pháp.

Vì sao? Vì người được pháp là có “sở đắc”. Nếu dùng “2 pháp” thì chẳng có đạo, chẳng có quả.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hành “2

pháp” thì chẳng có đạo, chẳng có quả. Như vậy hành “chẳng 2 pháp” (bất nhị pháp) thì có đạo có quả chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề ! Hành “2 pháp” chẳng có đạo, chẳng có quả, hành “chẳng 2 pháp” cũng chẳng có đạo, chẳng có quả. Chẳng dùng “2 pháp” (nhị pháp), cũng chẳng dùng “chẳng 2 pháp” (bất nhị pháp) thì đó mới tức là đạo, tức quả vậy.

Vì sao? Vì nói dùng pháp ấy mà được đạo, được quả là hý luận, nói dùng pháp ấy mà chẳng được đạo, chẳng được quả cũng là hý luận. Nơi các pháp bình đẳng chẳng có hý luận chẳng có tướng hý luận. Các pháp chẳng có hý luận là các pháp bình đẳng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Các pháp đều chẳng có tánh. Trong tánh vô sở hữu đó, những pháp gì là bình đẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu chẳng có “pháp hữu” thì chẳng có “pháp vô”, cũng chẳng nói đến các pháp tướng bình đẳng. Ngoài tướng bình đẳng ra, chẳng có tướng pháp nào khác. Phạm phu cùng các bậc thánh đều chẳng có thể hành, chẳng có thể đến được pháp tướng bình đẳng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Cho đến các đức Phật cũng chẳng thể hành, chẳng thể đến được chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hết thấy các bậc Thánh... dẫn đến Phật dạy đều chẳng thể hành, chẳng thể đến được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phật có lực tự tại ở nơi hết thấy pháp. Như vậy vì sao nói Phật chẳng thể hành, chẳng thể đến được?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Nếu các pháp bình đẳng cùng Phật có sai khác nhau, thì mới nên nói như vậy. Nay nói phàm phu, Thanh Văn, Bích Chi Phật... dẫn đến Phật bình đẳng, tức là nói bình đẳng là một, là chẳng phải hai vậy. Đây có nghĩa là hàng phàm phu, chư thánh... dẫn đến chư Phật bình đẳng, đều là bất khả đắc.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Nếu ở nơi tướng bình đẳng mà hết thấy pháp đều bất khả đắc, thì giữa phàm phu, chư Thánh, chư Phật chẳng có gì sai khác nhau chăng?

**Phật dạy:** Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Nơi các pháp bình đẳng chẳng có sai khác, chẳng có sự phân biệt giữa phàm phu, thánh nhân và Phật.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng có sự phân biệt giữa phàm phu, thánh nhân và Phật, thì làm sao phân biệt có 3 ngôi Tam bảo xuất hiện ở thế gian?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo cùng các pháp bình đẳng có khác nhau chăng?

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Như chỗ con được nghe qua lời Phật dạy, thì Tam bảo cùng các pháp bình đẳng, chẳng có sai khác nhau.

**Vì sao? Vì Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo tức là pháp bình đẳng, chẳng hợp chẳng tan, chẳng có sắc chẳng có hình, chẳng có đối, là nhất tướng, là vô tướng vậy.**

**Phật dùng trí lực ở nơi các pháp vô tướng, phân biệt là phàm phu, là Tu-đà-hoàn, là Tư-đà-hàm, là A-na-hàm, là A-la-hán, là Bích Chi Phật, là Bồ tát... dẫn đến là Phật.**

**Phật dạy:** Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu các đức Phật được Vô Thượng Bồ Đề mà chẳng phân biệt các pháp, thì sẽ có biết được địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, người chẳng? Sẽ có biết được 37 Phẩm Trợ Đạo, 18 pháp không, 10 Phật lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp chẳng?

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Sẽ chẳng biết vậy.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Bởi vậy nên biết Phật có ân lực lớn. Bất động ở nơi hết thấy các pháp mà phân biệt được hết thấy các pháp.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Như Phật chẳng động ở nơi các pháp bình đẳng, phàm phu cũng chẳng động ở nơi các pháp bình đẳng, Thanh Văn và Bích Chi Phật cũng chẳng động ở nơi các pháp bình đẳng.

**Bạch Thế Tôn!** Tướng pháp bình đẳng tức là tướng phàm phu, tức là tướng Thanh Văn, tức là tướng Bích Chi Phật,... dẫn đến tức là tướng Phật. Đó là tướng bình đẳng.

**Bạch Thế Tôn!** Nay các pháp mỗi mỗi đều có tướng sai khác. Ví như tướng sắc khác; tướng thọ, tưởng, hành và thức khác; tướng nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý khác; tướng địa, thủy, hỏa, phong, không và thức khác; tướng tham, sân và si khác; tướng tà kiến khác; tướng thiên khác, tướng 4 vô lượng tâm khác; tướng 4 vô sắc định khác; tướng 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo khác; tướng bố thí Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật khác; tướng 3 giải thoát môn khác; tướng 18 bất cộng pháp khác; tướng pháp hữu vi khác; tướng pháp vô vi khác; tướng phàm phu khác... dẫn đến tướng Phật khác.



Các pháp mỗi mỗi đều có tướng riêng khác như vậy, thì làm sao Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, ở nơi các pháp có tướng sai khác nhau mà chẳng khởi tâm phân biệt?

Nếu chẳng có phân biệt, thì chẳng thể hành Bát nhã Ba-la-mật. Nếu chẳng hành Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng thể tu từ địa này lên địa khác. Nếu chẳng tu từ địa này lên địa khác, thì chẳng thể vào Bồ tát vị. Nếu chẳng vào Bồ tát vị, thì chẳng thể vượt qua Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa, chẳng được đầy đủ các thần thông Ba-la-mật, chẳng được đầy đủ bố thí Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật; chẳng thể đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác để cúng dường chư Phật và gieo trồng thiện căn dẫn đến chẳng thể thành tựu chúng sanh và tịnh Phật quốc độ.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông hỏi. Tướng pháp ấy cũng là tướng phàm phu, tướng Tu-đà-hoàn... dẫn đến là tướng Phật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu mỗi pháp có tướng riêng khác, như tướng sắc khác... dẫn đến tướng pháp hữu vi khác, tướng pháp vô vi khác v.v... thì làm sao Bồ tát quán “nhất tướng” mà chẳng khởi sanh phân biệt?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Tướng sắc là không chẳng? Dẫn đến tướng Phật là không chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thật là “không” vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Trong “không” thì các tướng riêng khác của các pháp có khả đắc chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đều là bất khả đắc.

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Bởi vậy nên phải biết rằng các pháp tướng bình đẳng. Trong đó, chẳng có phạm phu cũng chẳng ly phạm phu... dẫn đến chẳng có Phật cũng chẳng ly Phật.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Các pháp bình đẳng là pháp hữu vi hay là pháp vô vi?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải pháp hữu vi, chẳng phải pháp vô vi, cũng chẳng ly pháp hữu vi, chẳng ly pháp vô vi, vì hữu vi và vô vi đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Dù là tánh hữu vi hay là tánh vô vi, thì cả 2 pháp ấy đều chẳng hợp chẳng tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, đều là nhất tướng, là vô tướng.

**Phật cũng dùng thế để mà nói, chẳng phải dùng đệ nhất nghĩa đế.**

Vì sao? Vì ở nơi đệ nhất nghĩa đế chẳng có thân hành, khẩu hành và ý hành, cũng chẳng ly thân hành, khẩu hành và ý hành.

Vì trong đệ nhất nghĩa đế thì pháp hữu vi và pháp vô vi đều là tướng bình đẳng. Tướng bình đẳng của các pháp tức là đệ nhất nghĩa đế vậy.

Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát trú bất động trong đệ nhất nghĩa đế, mà hành các sự việc làm lợi ích cho chúng sanh.

### **LUẬN:**

Ngài Tu Bồ Đề suy nghĩ về lời nói của Phật rằng, “Người thấy như thật là chẳng cấu tịnh, người chẳng thấy như thật cũng là chẳng cấu tịnh”.

Suy nghĩ như vậy rồi ngài Bạch Phật: Người thấy như thật là chẳng cấu tịnh, người chẳng thấy như thật cũng là chẳng cấu tịnh. Vì sao? Vì hết thấy pháp là tánh vô sở hữu chẳng có cấu tịnh; trong sở hữu cũng chẳng có cấu tịnh.

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng, “Vô sở hữu là tịch diệt kiến, nên chẳng phải có cấu hay tịnh. Sở hữu là thường kiến nên chẳng phải cấu hay tịnh. Sở hữu, nếu quyết định có, cũng chẳng phải theo nhân duyên sanh; nếu chẳng phải theo nhân duyên sanh thì phải là thường có; nếu đã là thường có thì cũng chẳng có cấu hay tịnh vậy”.

-oOo-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Người thấy như thật và người chẳng thấy như thật có nghĩa khác nhau như thế nào?

Phật dạy: Nghĩa chẳng có sai khác nhau. Cấu và tịnh chẳng có tướng riêng khác, chẳng thể phân biệt nói ra, vì là bình đẳng.

Nếu phân biệt nói có cấu, có tịnh là có lỗi. Các pháp tướng bình đẳng; ta nói đó là tịnh. Ở nơi thật tướng thì các pháp đều là như pháp tánh, pháp trí, pháp vị, thật tế, đều là bình đẳng, chẳng có sai khác.

Khi vào trong tánh bình đẳng rồi, Bồ tát giữ được tâm chẳng ghét (tắng), chẳng thương (ái), nên dù có Phật hay chẳng có Phật thì pháp tánh vẫn thường trú. Trái lại, các tác pháp đều là hư dối cả. Bởi vậy nên kinh dạy, “Dù có Phật hay chẳng có Phật, thì vô tác pháp vẫn thường trú”.

Như thấy có người dùng ngón tay chỉ mặt trăng, mà người ngu vẫn đăm đăm nhìn ngón tay người này khiến chẳng sao thấy được mặt trăng. Phải đừng chấp ngón tay, phải nhìn theo

hướng ngón tay chỉ thì mới thấy được mặt trăng vậy. Cũng như vậy, người nghe nói các pháp tướng bình đẳng, chẳng nên chấp tướng bình đẳng đó.

Nên biết, Phật y theo thể đế mà nói các pháp tướng bình đẳng, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế.

Thể đế là chẳng phải thật, nhưng vì muốn hành các sự việc, nên phải y theo thể đế mà nói. Ví như người đem vàng ra đổi lấy các vật dụng cần thiết cho đời sống. Mặc dù vàng là quý, các vật dụng kia là tiện, nhưng cần thiết thì phải đổi vậy.

-o0o-

Xét về đệ nhất nghĩa đế, thì tánh bình đẳng chẳng có thể nói ra được (bất khả thuyết), chẳng có thể dùng ngữ ngôn, danh tự, hay âm thanh mà diễn đạt được. Vì sao? Vì pháp tướng bình đẳng là chẳng có hý luận, là tướng thường tịch diệt.

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật nói về pháp tướng bình đẳng, về thật tướng pháp và hiểu rõ y chỉ của Phật, nhưng vì lợi ích cho hàng Bồ tát sơ phát tâm, mà ngài hỏi Phật: Nếu hết thảy pháp đều là không, là như mộng, thì làm sao ở nơi các pháp chẳng có căn bản định thật mà Bồ tát có thể phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề, dẫn đến vì chúng sanh thuyết pháp?

Phật hỏi lại: 6 pháp Ba-la-mật, các môn đà la ni, các môn tam muội, thuyết pháp v.v... có phải là như mộng chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Thật là như mộng vậy. Các pháp tuy có làm lợi ích cho chúng sanh, mà đều là mộng pháp cả. Mộng pháp là hư vọng, chẳng thật. Như vậy, Bồ tát cầu Bát nhã Ba-la-mật, cầu Phật đạo, làm sao lại hành các pháp chẳng thật như vậy? Nếu hành các pháp chẳng thật, thì làm sao vào được trong Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Đúng như vậy! Bồ thì cùng hết thấy các thiện pháp đều do tư duy, phân biệt mà được tạo tác, được sanh khởi. Pháp như vậy chẳng nên trú để thành Nhất thiết chủng trí.

Lúc bấy giờ, trong chúng hội, có người nghe nói như vậy, liền sanh tâm giải đãi, nên Phật nói tiếp: Hết thấy các thiện pháp đều là pháp trợ đạo. Nếu ở nơi các thiện pháp mà sanh tà hạnh, thì các pháp ấy mới gọi là chẳng thật; còn nếu thật hành, chẳng có làm lạc, thì các pháp ấy trở thành pháp trợ đạo. Nhưng vì là pháp trợ đạo, nên chẳng trực tiếp dẫn đến đạo quả.

Trái lại, “thật pháp” là chẳng xuất, chẳng sanh, là nhất tướng, là vô tướng, là tịch diệt tướng. Ví như trời mưa làm lợi ích cho cây cỏ, đồng ruộng, mà chẳng làm lợi ích cho hư không. Cũng như vậy, hành các pháp trợ đạo chỉ đem lại các quả báo hữu lậu, mà chẳng có lợi ích cho đạo quả Niết Bàn vậy.

Bồ tát biết rõ các pháp trợ đạo, cũng biết rõ đạo quả, nên từ sơ phát tâm cho đến nay vẫn thường hành các pháp trợ đạo, như bố thí, trì giới v.v... mà vẫn biết rõ các pháp ấy đều là rất ráo không, đều là như mộng.

**Hỏi:** *Nếu Bồ tát biết rõ thật tướng các pháp, thì cần gì phải hành bố thí?*

**Đáp:** Phật dạy, “Nếu chẳng đầy đủ bố thí, thì chẳng có thể thành tựu chúng sanh”.

Bởi vậy nên Bồ tát phải tự trang nghiêm thân, dùng âm thanh, ngôn ngữ cùng các lực thần thông, để phương tiện dẫn đạo chúng sanh. Bồ tát hành bố thí chỉ vì lợi ích chúng sanh, mà chẳng chấp bố thí, chẳng khởi hý luận, xem bố thí như mộng, như hóa. Do hành bố thí như vậy, mà Bồ tát được Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có chỗ

thủ chấp. Bồ tát biết hết thấy các pháp, mà chẳng thủ chấp các pháp tướng; chẳng thủ chấp các pháp tướng mà vẫn phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề. Bồ tát biết hết thấy các pháp đều chẳng có căn bản định thật, chẳng có tướng có thể chấp thủ, chỉ là như mộng, như hóa. Nhưng vì thấy chúng sanh mê muội, chẳng biết được như vậy, nên Bồ tát phải vì chúng sanh mà cầu Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát, từ sơ phát tâm cho đến nay, chỉ vì chúng sanh mà hành bố thí... dẫn đến hành hết thấy các thiện pháp, chỉ vì chúng sanh mà cầu Vô Thượng Bồ Đề, chẳng phải vì chính mình vậy.

Vì sao? Vì nếu Bồ tát xa lìa tâm đại bi, tâm thương xót chúng sanh, mà cầu Vô Thượng Bồ Đề, cầu thật tướng pháp, thì sẽ đọa về tà kiến. Người như vậy, chẳng có thể được Nhất thiết chủng trí. Do tâm cầu Nhất thiết chủng trí chưa được nhu nhuyễn, nên rất dễ bị đọa vào biên kiến chấp, rất khó có thể vào nơi thật tướng pháp vậy.

Phật dạy “Từ sơ phát tâm, Bồ tát phải thường bi niệm chúng sanh, thương xót chúng sanh, thì dần dần mới vào được rốt ráo không”.

**Hỏi:** Ở các chỗ khác thường nói Bồ tát tự lợi và làm lợi ích cho chúng sanh. Vì sao ở nơi đây chỉ nói Bồ tát làm lợi ích cho chúng sanh, mà chẳng nói Bồ tát tự lợi ích cho chính mình?

*Nếu vừa làm lợi ích cho mình, vừa làm lợi ích cho người khác, thì có lỗi gì?*

**Đáp:** Bồ tát chỉ vì lợi ích cho chúng sanh mà hành các thiện pháp; như vậy mới là thật nghĩa của việc hành Bồ tát đạo.

Trước đây, nói vừa tự lợi mình và lợi người, là vì phạm phu mà nói. Người hành Bồ tát đạo, khi đã vào trong đạo rồi,

dù có tự lợi thì đó cũng nhằm lợi tha, là trên hết. Bởi vậy nên nói, “Bồ tát chỉ vì lợi ích cho chúng sanh mà hành các thiện pháp, chẳng phải vì lợi ích cho riêng mình”.

**Hỏi:** Có thuyết nói, “Người làm việc chỉ vì thân mình là người bậc hạ; người làm việc vì lợi ích cho người khác là người bậc trung; người làm việc vì lợi ích cho mình và cho người đầy đủ, viên mãn là người bậc thượng”.

Nếu lợi tha mà chẳng có tự lợi thì làm sao gọi là bậc thượng được?

**Đáp:** Chẳng phải như vậy.

- Người hành đạo chỉ vì tự thân mình là người bậc hạ. Người ở thế gian hành các thiện pháp chỉ vì lợi ích cho mình, mà chẳng phải vì lợi ích cho người khác. Do hành đạo mà tự ái chấp thân mình, chấp việc làm của mình, nên chẳng có được nhiều phước báo, mặc dù chẳng có phạm tội.

- Người thường xả niềm vui riêng của mình, chỉ vì chúng sanh mà hành đạo, mới gọi là người bậc thượng. Người hành đạo bậc thượng là người chỉ vì chúng sanh mà hành các thiện pháp.

- Người chưa thành tựu được chúng sanh, mới phải tự lợi cho đầy đủ trước đã, để sẵn sàng làm lợi ích cho người về sau. Như hành tự lợi và lợi tha chỉ là giai đoạn tập sự trong quá trình hành Bồ tát đạo vậy.

-o0o-

Nên phân biệt có 3 hạng người cầu Phật đạo. Đó là:

- Người vì tự thân mình mà cầu thành Phật.

- Người vì tự thân mình và cũng vì chúng sanh mà cầu thành Phật.

- Người chỉ vì chúng sanh mà cầu thành Phật.

Hạng người sau cùng này thường hành đạo thanh tịnh, nhằm phá các chấp điên đảo. Đây là hàng Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà biết rõ chúng sanh là vô chúng sanh (chẳng là chúng sanh)... dẫn đến tri giả, kiến giả là vô tri giả, vô kiến giả (chẳng là tri giả, chẳng là kiến giả). Bồ tát an trú trong vô tướng, mà vẫn thường hành các thiện pháp trợ đạo, dạy chúng sanh hành các thiện pháp trợ đạo, nhằm độ thoát chúng sanh ra khỏi sanh tử, đưa họ vào trong tánh Cam Lộ. Vì sao? Vì hành tất cả các thiện pháp trợ đạo đều dẫn đến Niết Bàn vậy. Tánh Niết Bàn gọi là tánh Cam Lộ. Trú trong tánh Cam Lộ, Bồ tát chẳng còn sanh các vọng tưởng, được vô sở trước, và cũng khiến chúng sanh được vô sở trước. Như vậy mới gọi là lợi ích cho chúng sanh vào bậc nhất.

**Hỏi:** Trước đây nói vì lợi ích cho chúng sanh mà Bồ tát hành đạo. Nay vì sao nói vì muốn khiến chúng sanh được vô sở trước mà Bồ tát hành đạo?

**Đáp:** Nếu mình chẳng có trí huệ, thì chẳng có thể làm lợi ích cho người được. Bởi vậy nên tự mình phải được vô sở trước (chẳng có chỗ chấp trước), rồi mới dạy người khác khiến cho được vô sở trước. Nếu có tài vật hay công đức gì..., Bồ tát cũng đều đem hết cho chúng sanh. Ví như ông Điều Đạt, tức là Đề Bà Đạt Đa, là oán tặc của Phật, mà Phật cũng cho tất cả.

Như vậy mới là tự tu tập công đức. Nếu chẳng như vậy, thì chẳng có thể phá được chấp ngã, nên chẳng có thể bố thí thanh tịnh được.



Đây cũng là y theo thể đế mà nói, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế. Vì sao? Vì ở nơi đệ nhất nghĩa đế là chẳng có chúng sanh, chẳng có pháp, chẳng phải một cũng chẳng phải hai, là bình đẳng, chẳng có phân biệt các pháp tướng, nên cũng là chẳng có chỗ chấp (vô sở chấp) vậy.

Bởi vậy nên nói tướng chẳng thể nói ra được (bất khả thuyết tướng) là tướng của đệ nhất nghĩa đế; tướng có thể nói ra được (khả thuyết tướng) là tướng của thể tục đế.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nói ở nơi đạo tràng mà được pháp là nói theo thể đế, hay là nói theo đệ nhất nghĩa đế?

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói, “Nếu nói dùng thể đế mà được đạo, tức là hư vọng, chẳng thật. Còn nói dùng đệ nhất nghĩa đế mà được đạo, thì cũng chẳng thể được, vì đệ nhất nghĩa đế là vô đắc (chẳng có đắc), là bất khả thuyết (chẳng thể nói ra được), là bất khả thọ (chẳng thể thọ được), nên chẳng có pháp đắc, chẳng có người đắc pháp vậy.

Phật dạy: Do y theo thể đế, dùng ngữ ngôn, danh tự, mà nói Phật được Vô Thượng Bồ Đề. Thật ra chẳng có người đắc pháp, chẳng có pháp để đắc.

Vì sao? Vì chấp có pháp để đắc, chấp có người đắc pháp, là chấp có 2 pháp. Do chấp có 2 pháp, nên chẳng có đạo, cũng chẳng có quả. Bồ tát chẳng đắc đạo, chẳng đắc quả, mới thật được gọi là Bồ tát đắc Vô Thượng Bồ Đề.

Như vậy y theo thể đế nên mới dùng “2 pháp”.

Phật pháp chẳng phải là pháp hư dối, nhưng vì hàng sơ phát tâm mà phải dùng “2 pháp” để phân biệt các pháp là hư vọng.

Chư Phật và chư đại Bồ tát đã được đệ nhất nghĩa đế, nên giáo hóa chúng sanh, khiến họ cũng được đệ nhất nghĩa đế.

Tuy có phân biệt các pháp, mà chẳng có chấp các pháp tướng hư vọng.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hành “2 pháp” (nhị pháp) chẳng được đạo chẳng được quả, thì hành “chẳng 2 pháp” (bất nhị pháp) có được đạo, được quả chẳng?

Phật dạy: Hành “2 pháp” chẳng có đạo, chẳng có quả; hành “chẳng 2 pháp” cũng chẳng có đạo, chẳng có quả.

**Hỏi:** Trước đây nói “2 pháp” là pháp của phàm phu; “chẳng 2 pháp” là pháp của bậc thánh hiền. Trong kinh Duy Ma Cật có nói đến vào pháp môn “chẳng 2 pháp” (bất nhị pháp môn), thì nghĩa ấy như thế nào?

**Đáp:** “Chẳng 2 pháp” (bất nhị pháp) là thánh pháp chân thật. Vì các Bồ tát sơ phát ý chưa vào được nơi thật tướng pháp, nên vừa nghe nói đến “chẳng 2 pháp” (bất nhị pháp) là liền sanh tâm chấp, hoặc liền sanh tâm hủy báng. Phật muốn ngăn sự chấp thiên lệch về cả 2 bên, nên vì họ thuyết về “trung đạo”, là “chẳng hai” (phi nhị), cũng “chẳng phải chẳng hai” (phi bất nhị).

Nói “2 pháp” là có phân biệt các tướng; nói “chẳng 2 pháp” là nói “nhất không tướng” (tướng không đồng nhất). “Nhất không tướng” phá được hết thảy các pháp tướng sai khác. Khi đã phá xong các tướng sai khác rồi, thì cũng phải xả luôn chấp về “chẳng 2 tướng” mới được đạo quả. Vì sao? Vì các bậc thánh hiền tuy tán thán “chẳng 2 tướng” (bất nhị tướng) mà chẳng chấp pháp ấy, chẳng sanh hý luận; dùng pháp ấy mà được đắc đạo, đắc quả. Như vậy mới gọi là pháp bình đẳng.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp đều là tướng vô sở hữu, thì sao có thể gọi là tướng bình đẳng?

Phật dạy: Nếu ly “tánh hữu”, thì chẳng có “tánh vô”, cũng chẳng có thể nói đến các pháp tướng bình đẳng.

Bồ tát chẳng nói hết thấy các pháp là “tánh vô”, mà nói hết thấy pháp tướng bình đẳng; cũng chẳng nói ly 2 bên “hữu-vô” là có tướng bình đẳng. Vì sao? Vì ở nơi hết thấy các chỗ đều chẳng có thủ chấp mới thật là tướng bình đẳng. Như vậy là các pháp bình đẳng vượt trên hết thấy pháp, chẳng ngăn ngại việc hành các thiện pháp vậy.

**Hỏi:** Trước đây nói các pháp tướng bình đẳng là thật tướng pháp. Nay vì sao nói pháp bình đẳng vượt lên trên hết thấy pháp?

**Đáp:** Hết thấy pháp nói trên đây có 2 nghĩa. Đó là:

- Hết thấy sắc pháp ở nơi pháp thể đều bình đẳng, chẳng khác.

- Ở nơi các sắc pháp phân biệt có pháp phạm phu hành tà hạnh, và pháp của các bậc Thánh hành chánh hạnh.

Ở nơi đây nói về nghĩa thứ 2. Nói bình đẳng là nói ở ngay nơi tà hạnh của phạm phu, mà xuất ra khỏi các tà hạnh đó; chẳng phải là vượt ra khỏi hết thấy các pháp vậy.

Lại nữa, bình đẳng cũng có nghĩa là chẳng thể hành, chẳng thể đến được.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Cho đến các đức Phật cũng chẳng hành, chẳng đến được chăng?

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng, “Dù pháp thậm thâm vi diệu, dù là khó hành, khó đến, nhưng các đức Phật đã được

đạo rồi, ắt có thể hành, có thể đến được vậy”: Nghĩ như vậy nên ngài nêu lên các câu hỏi trên đây.

Phật dạy: Hết thầy chư Thánh hiền... dẫn đến chư Phật đều chẳng hành, chẳng đến được.

Ý Phật muốn nói rằng, “Vì là tự tánh bình đẳng, nên chư Phật 3 đời 10 phương đều chẳng hành, chẳng đến được, huống nữa là 1 đức Phật”.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Ở nơi hết thầy pháp, Phật có lực tự tại, có trí huệ vô ngại. Như vậy vì sao nói chẳng thể hành, chẳng thể đến được?

Phật dạy: Nếu các pháp bình đẳng cùng Phật có khác nhau, thì mới nên hỏi. Phạm phu bình đẳng, Tu-đà-hoàn bình đẳng... dẫn đến Phật bình đẳng cùng với bình đẳng là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Phạm phu, Tu-đà-hoàn... dẫn đến Phật đều cùng một tự tánh. Trong một tánh thì chẳng có hành, chẳng có đến vậy. Cùng với tự tánh phải có tha tánh mới nói đến có hành, có đến. Vì tự tánh và tha tánh là bình đẳng, nên chẳng có hành, chẳng có đến.

Bởi vậy nên Phật dạy, “Nếu Phật và bình đẳng khác nhau, thì Phật mới hành bình đẳng. Nay Phật tức là bình đẳng, thì chẳng nói đến hành bình đẳng, đến bình đẳng vậy”.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu ở nơi bình đẳng mà hết thầy các pháp đều bất khả đắc, thì giữa phạm phu, chư thánh... dẫn đến chư Phật có gì sai khác nhau chẳng?

Phật dạy: Chẳng có sự sai khác, chẳng có sự phân biệt giữa phạm phu, chư thánh, và chư Phật.

Ý Phật muốn nói rằng, “Thế gian y thế tục mà phân biệt có sự sai khác; còn ở nơi pháp bình đẳng thì chẳng có sự sai khác, chẳng có sự phân biệt”.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu chẳng có sự phân biệt giữa phàm phu, thánh nhân và Phật, thì làm sao có 3 ngôi Tam bảo xuất hiện ở thế gian, làm các việc lợi ích cho chúng sanh?

Phật dạy: Pháp bình đẳng tức là thật pháp. Thật pháp tức là Phật pháp, tức là Tam bảo; tức là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo.

Vì sao? Vì người chưa được pháp bình đẳng thì chẳng được gọi là Phật; người được pháp bình đẳng mới được gọi là Phật. Phật dùng lực trí huệ, ở nơi các pháp bình đẳng, vô tướng, mà phân biệt có phàm phu, có các quả thánh sai khác, như là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật... dẫn đến có quả vị Phật.

Ngài Tu Bồ Đề lãnh hội lời Phật dạy, và thưa: Các pháp đều chẳng hợp, chẳng tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, đều là nhất tướng, là vô tướng. Thế nhưng, Phật ở nơi không, nơi vô tướng mà dùng lực trí huệ phân biệt có phàm phu, có các quả thánh sai khác nhau.

Phật ấn chứng lời ngài Tu Bồ Đề, và dạy: Đúng như vậy. Nếu Phật chẳng phân biệt các pháp, thì làm sao biết có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, người; làm sao biết có 37 pháp trợ đạo... dẫn đến có 18 bất cộng pháp?

**Hỏi:** *Phật ví như mặt trời chiếu sáng vạn vật, chẳng phân biệt vật ở cao hay thấp, vật lớn hay nhỏ... Chúng sanh ở khắp nơi có thể dùng mắt để riêng thấy mặt trời. Cũng như vậy, Phật chẳng chuyển các pháp tướng, nhưng dùng lực trí huệ soi chiếu các pháp, để vì chúng sanh diễn nói. Như*

vậy, vì sao Ngài Tu Bồ Đề lại nói “Nếu chẳng phân biệt các pháp, thì chẳng biết có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, người; chẳng biết có 37 pháp trợ đạo... dẫn đến có 18 bất cộng pháp”?

**Đáp:** Ở đây nên phân biệt giữa sự biết của phàm phu và sự biết của Phật:

- Sự biết của hàng phàm phu là biết hư vọng.
- Sự biết của Phật là biết như thật.

Phàm phu biết các pháp là có các tướng sai khác, như có xấu tốt, lớn nhỏ, hơn thua v.v... Sự biết của phàm phu như vậy chỉ là hư vọng, Phật tuy chẳng nói về xấu tốt, lớn nhỏ, hơn thua v.v..., nhưng vẫn thường phân biệt các pháp, khai thị để chúng sanh được biết rõ về các pháp hư vọng, nhằm đưa chúng sanh vào nơi thật tướng pháp.

-o0o-

Dùng “2 pháp” (nhị pháp) mới phân biệt có địa ngục, có ngạ quỷ, có súc sanh, có trời, có người; phân biệt có phàm phu, có các bậc thánh hiền... dẫn đến có các đức Phật v.v...

Dùng “chẳng 2 pháp” (bất nhị pháp) thì chẳng có các sự phân biệt như vậy. Vì sao? Vì Phật pháp là tướng tịch diệt, chẳng có hý luận. Nếu ở trong Phật pháp mà còn phân biệt có các pháp tướng sai khác, như có tướng địa ngục, tướng ngạ quỷ, tướng súc sanh v.v... thì chẳng phải là tịch diệt nữa. “Chẳng 2 pháp” (bất nhị pháp) là chẳng có hý luận.

Phật ở nơi tướng tịch diệt mà vẫn thường vì chúng sanh phân biệt các pháp. Tuy phân biệt các pháp mà chẳng đọa vào hý luận, cũng chẳng ly thật tướng pháp.

Vì sao? Vì người thế gian dùng mắt thấy một con vật, mà chẳng biết tướng của con vật ấy do nhiều tướng khác, từng phần nhỏ hòa hợp lại, mà có vậy. Ví như nói một con trâu sanh ra một con trâu. Thật ra thì chẳng thể nói như vậy được. Con trâu do nhiều thành phần của trâu hòa hợp lại mới thành ra trâu. Nếu loại trừ các thành phần của trâu ra, thì chẳng có một pháp nào được gọi là “pháp trâu” cả. Vì sao? Vì do nhiều thành phần của trâu hòa hợp lại mà thành ra có một pháp gọi là trâu. Nếu chỉ thấy tướng chung, chẳng thấy được các tướng riêng của các thành phần, mà đã gọi là thấy trâu, thì như vậy là chưa thấy như thật tướng trâu vậy. Phải vào được các pháp bình đẳng, mới có thể thấy như thật, biết như thật tướng trâu.

-o0o-

Phật bất động ở nơi hết thấy các pháp, mà phân biệt được hết thấy các pháp. Do bất động mà phân biệt các pháp như vậy, nên chẳng có chấp “hai tướng” (nhị tướng), cũng chẳng có chấp “một tướng” (nhất tướng) vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Như Phật chẳng động ở nơi các pháp bình đẳng, thì làm sao phạm phu, Thanh Văn, Bích Chi Phật cũng đều chẳng động ở nơi các tướng bình đẳng? Như vậy, Phật làm sao phân biệt được các pháp có tướng sai khác nhau, như tướng sắc khác... dẫn đến tướng pháp hữu vi khác, tướng pháp vô vi khác? Nếu chẳng có phân biệt như vậy thì làm sao Bồ tát tu từ địa này lên địa khác,... dẫn đến thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ?

Phật dạy: Tướng sắc là không chẳng? Dẫn đến tướng Phật là không chẳng? Trong không thì có các tướng sai khác có khả đắc chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Các pháp tướng đều là không. Trong rốt ráo không, trong vô tướng, thì làm sao nói các pháp tướng sai khác được.

Phật dạy: Trong “không” chẳng có các pháp tướng sai khác. Pháp “không” là thật pháp, thì làm sao ở trong “không” ông lại phân biệt các pháp, và nêu lên các lời vấn nạn? Trong rốt ráo “không” thì “không” là bất khả đắc, các pháp tướng mỗi mỗi đều bất khả đắc, thì ông còn vấn nạn làm gì nữa?

Bởi vậy nên phải biết rằng các pháp bình đẳng là chẳng có phân biệt. Ở nơi các pháp bình đẳng đó, chẳng có phạm phu, cũng chẳng ly phạm phu... dẫn đến chẳng có Phật, cũng chẳng ly Phật. Tướng của phạm phu cũng tức là tướng của thánh hiền... dẫn đến cũng tức là tướng của Phật. Bởi vậy nên nói thánh hiền chẳng phải phạm phu mà cũng chẳng ly phạm phu... dẫn đến Phật chẳng phải phạm phu mà cũng chẳng ly phạm phu vậy.

Ngài Tu Bồ Đề muốn hiểu rõ hơn về tướng bình đẳng, nên hỏi: Các pháp bình đẳng là pháp hữu vi hay là pháp vô vi?

Phật dạy: Chẳng phải là pháp hữu vi, cũng chẳng phải là pháp vô vi. Vì sao? Vì pháp hữu vi là pháp hư vọng, chẳng thật; còn pháp vô vi thì chẳng có sanh trú diệt, nên là vô pháp (chẳng có pháp). Nếu đã là vô pháp, thì cũng chẳng thể gọi là pháp vô vi được.

Vì sao? Vì do đối đãi với hữu vi, mà nói có vô vi; nếu ly hữu ra, thì vô vi là bất khả đắc. Ví như dài và ngắn là hai khái niệm tương đãi; nếu chẳng có khái niệm về dài, thì cũng chẳng có khái niệm về ngắn, và ngược lại.

**Hỏi:** *Pháp hữu vi là pháp vô thường; pháp vô vi là pháp thường. Như vậy vì sao nói, ly hữu vi, thì vô vi là bất khả đắc?*



**Đáp:** Pháp vô vi là pháp vô phân biệt (chẳng có phân biệt), là pháp vô tướng (chẳng có tướng).

Nếu pháp vô vi là thường, thì chẳng phải là vô tướng được vậy. Chỉ vì nhằm phá hữu vi, nên mới nói vô vi. Một khi hữu vi đã bị phá rồi, thì chẳng cần nói đến vô vi nữa. Ví như người bị giam cầm ở trong ngục tối, tìm mọi cách đục thủng vách tường, để thoát ra bên ngoài. Khi vách tường đã được đục thủng rồi, thì nó chẳng còn là vật ngăn cách bên trong và bên ngoài nữa. Lúc bấy giờ thì khoảng hư không bên trong và khoảng hư không bên ngoài đã hòa đồng với nhau, chẳng còn có sự phân biệt, chẳng còn sai khác nữa.

Pháp vô vi chẳng phải do các nhân duyên sanh. Sở dĩ lập ra tánh vô vi là để phá chấp về tánh hữu vi. Khi đã phá hữu vi rồi, thì chẳng còn phân biệt hữu vi và vô vi nữa.

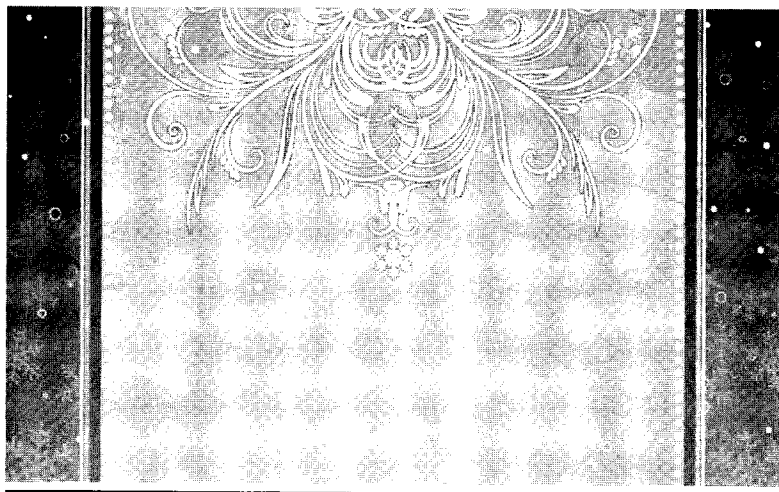
Pháp hữu vi và pháp vô vi đều là bất khả đắc, chẳng hợp, chẳng tan, đều là nhất tướng (một tướng), là vô tướng (chẳng có tướng) vậy.

Vì y theo thể tục đế mà nói có hữu vi, có vô vi; chẳng phải là y theo đế nhất nghĩa đế. Vì sao? Vì ở nơi đế nhất nghĩa đế thì chẳng còn có thân hành, khẩu hành và ý hành. Hữu vi và vô vi bình đẳng mới tức là đế nhất nghĩa đế.

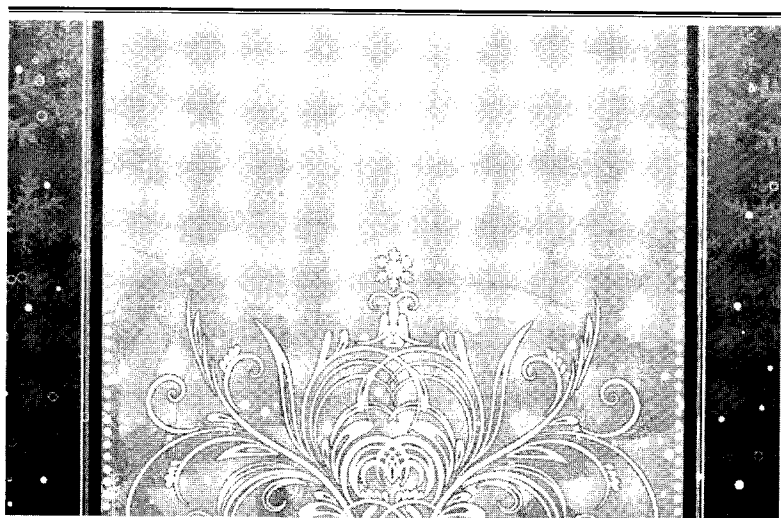
Bồ tát biết rõ pháp hữu vi và pháp vô vi đều là bình đẳng tướng, là nhất tướng, là vô tướng, mà chẳng chấp bình đẳng tướng, nhất tướng, vô tướng đó.

Bồ tát an trú bất động ở nơi đế nhất nghĩa mà làm các việc lợi ích cho chúng sanh, dùng các lực phương tiện để vì chúng sanh thuyết pháp.





**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 96**





## Phẩm Thứ Tám Mười Bảy



Như Hóa

**KINH:**

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp đều là bình đẳng, chẳng có chỗ tạo tác, chỗ thi thiết thì làm sao khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát có thể an trú bất động ở trong các pháp bình đẳng, mà làm các việc của Bồ tát, như là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói. Các pháp bình đẳng đều chẳng có sở tác.

Nếu như chúng sanh tự biết các pháp bình đẳng như vậy, thì Phật chẳng dùng thần lực, an trú bất động ở trong các pháp bình đẳng, để vì chúng sanh nói pháp, nhằm cứu thoát họ ra khỏi 5 đường sanh tử; dạy họ xa lìa các chấp về tướng ngã... dẫn đến tướng tri giả, tướng kiến giả; dạy họ xa lìa các chấp về tướng sắc... dẫn đến tướng thức, tướng nhãn... dẫn đến tướng ý, tướng địa chủng... dẫn đến tướng thức chủng; dạy họ xa lìa tánh tướng hữu vi để được tánh tướng vô vi, mà tánh tướng vô vi tức là “không” vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phải dùng pháp không gì để biết hết thấy pháp không?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải xa lìa hết thấy các pháp tướng, dùng “không” để biết hết thấy pháp không.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu có người hóa làm ra các vật hóa, thì người hóa ấy là “thật có”, là “chẳng không” (bất không) chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người hóa ấy là chẳng phải “thật có” mà cũng chẳng phải “không”. “Không” và người hóa là 2 sự việc chẳng có hợp, chẳng có tan. Chớ nên phân biệt “không” và “hóa”.

Vì sao? Vì hai sự việc ấy bình đẳng. Trong “không” thì “không” và “hóa” đều là bất khả đắc.

Vì sao? Này Tu Bồ Đề! Vì sắc tức là hóa; vì thọ, tưởng, hành và thức tức là hóa; dẫn đến Nhất thiết chủng trí tức là hóa.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Các pháp thế gian đều là hóa. Như vậy, các pháp xuất thế gian, từ 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp, các bậc Thánh, từ Tư Đà Hoàn... dẫn đến A-la-hán, Bích Chi Phật cũng đều là hóa chẳng?

Dẫn đến các đức Phật Thế Tôn cũng đều là hóa chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hết thấy các pháp đều là hóa. Pháp Thanh Văn biến hóa, pháp Bích Chi Phật biến hóa, pháp Bồ tát biến hóa... dẫn đến pháp Phật biến hóa. Lại có pháp phiền não biến hóa nên có các pháp nghiệp nhân duyên biến hóa. Bởi vậy nên nói hết thấy các pháp đều là hóa.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Do đoạn dứt được các phiền não mà được 4 quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo... dẫn đến được Phật đạo. Vậy thì đoạn dứt tập phiền não cũng là biến hóa chẳng?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Pháp có tướng sanh diệt là có biến hóa.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Có pháp gì chẳng biến hóa, chẳng?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Pháp chẳng có sanh, chẳng có diệt là pháp chẳng có biến hóa.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Có pháp gì chẳng có sanh diệt, nên chẳng có biến hóa chẳng?

**Phật dạy:** Niết Bàn chẳng có tướng hư vọng, là pháp chẳng có biến hóa.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy thì các pháp bình đẳng chẳng phải do Thanh Văn làm ra, chẳng phải do Bích Chi Phật làm ra, chẳng phải do Bồ tát làm ra dẫn đến chẳng phải do Phật làm ra; dù có Phật hay chẳng có Phật, thì tánh của các pháp vẫn thường không, mà tánh không tức là tánh Niết Bàn. Nay vì sao Phật lại nói chỉ có một pháp Niết Bàn là chẳng biến hóa?

**Phật dạy:** Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Các pháp bình đẳng chẳng do ai làm ra, mà đều dẫn đến tánh không, tức là tánh Niết Bàn.

Nếu có Bồ tát sơ phát ý nào, khi nghe nói hết thấy pháp đều rốt ráo không, dẫn đến nghe nói Niết Bàn cũng là như hóa, mà chẳng sanh tâm sợ hãi, thì phải biết rằng vị Bồ tát sơ phát ý đó đã biết các pháp có sanh diệt là như hóa, các pháp chẳng có sanh diệt là chẳng như hóa.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Làm sao có thể dạy cho hàng Bồ tát sơ phát ý biết được tánh không?

**Phật dạy:** Nay Tu Bồ Đề! Nên nói hết thấy pháp, từ trước đến nay, là không.

**LUẬN:**

**Hỏi:** Các sự việc này trước đây Phật đã nói nhiều rồi. Nay vì sao ngài Tu Bồ Đề lại hỏi nữa?

**Đáp:** Các sự việc này rất khó giải, nên Phật phải nói nhiều lần. Nay bộ kinh này đã đến giai đoạn gần kết thúc, nên Phật nói chỗ thâm thâm của pháp “không” là chỗ mà hàng phàm phu... dẫn đến hàng Thánh Hiền vẫn chưa có thể đến được.

Ngài Tu Bồ Đề biết rõ hết thấy pháp tướng đều rất ráo không, nên ngài hỏi Phật: Các pháp bình đẳng chẳng có tướng tạo tác; việc làm lợi ích chúng sanh là có tướng tạo tác. Như vậy, làm sao Bồ tát trú trong không, trong vô tác, mà lại thường làm lợi ích cho chúng sanh?

Phật ẩn chứng chỗ hỏi của ngài Tu Bồ Đề, và dạy: Làm việc lợi ích cho chúng sanh có nghĩa là giáo hóa họ, khiến họ biết rõ được các pháp bình đẳng là rất ráo không, để có thể tự độ cho chính mình, mà chẳng phải nhờ đến ân đức của Phật. Ví như người bệnh nào tự biết được bệnh của mình, tự tìm lấy thuốc để trị bệnh cho mình, thì chẳng cần phải nhờ đến thầy thuốc nữa.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp tướng là rất ráo không, thì chẳng có chỗ tạo tác. Nếu dùng pháp tướng bình đẳng để làm lợi ích cho chúng sanh, thì phá hoại thật tướng pháp. Như vậy, Bồ tát phải trú nơi đâu để làm các việc lợi ích cho chúng sanh?

Phật dạy: Chẳng phải Bồ tát dùng thật tướng pháp để làm lợi ích cho chúng sanh. Nhưng vì chúng sanh chẳng biết được các pháp là rất ráo không, nên Bồ tát phải dạy cho họ biết vậy.



Sự việc Bồ tát giáo hóa chúng sanh chỉ là “đôi trị tất đàn”, chẳng phải là “đệ nhất nghĩa đàn”. Sở dĩ ngài Tu Bồ Đề nạn hỏi, vì ngài đứng ở nơi “đệ nhất nghĩa đàn”, nên thấy sự việc dùng pháp bình đẳng dạy cho chúng sanh chẳng thể đem lại lợi ích cho họ.

Phật đáp: Do chúng sanh điên đảo chẳng biết được Phật tánh, nên phải phá tâm điên đảo của họ. Đây chẳng phải là dùng “đệ nhất nghĩa đàn”. Bởi vậy nên Bồ tát trú trong tướng bình đẳng, xa lìa các tướng ngã, tướng chúng sanh... dẫn đến tướng tri giả, tướng kiến giả; ở nơi chúng sanh không, mà dùng hết thấy pháp vô ngã để giáo hóa chúng sanh.

-o0o-

Nên biết ở trong chúng sanh có 2 hạng. Có hạng ái chấp nhiều; có hạng kiến chấp nhiều.

- Đối với người ái chấp nhiều, khi được pháp vô ngã thì dễ sanh tâm nhàm chán. Họ thường tự ly dục, và thường niệm vô ngã.

- Đối với hạng người kiến chấp nhiều, khi nghe được pháp vô ngã rồi cũng vẫn thường khởi các kiến chấp. Mặc dù biết được pháp vô ngã, mà ở nơi các sắc pháp họ vẫn thường khởi các hý luận, như chấp các pháp là thường, là vô thường v.v... Đối với hạng người này, thì phải nên dạy họ xa lìa các tướng sắc, xa lìa tướng 5 âm, tướng 12 nhập, tướng 18 giới... dẫn đến xa lìa tánh tướng hữu vi, khiến họ vào được tánh tướng vô vi, tức là tánh không vậy.

**Hỏi:** Vì sao ngài Tu Bồ Đề hỏi, “Phải dùng pháp không gì, để biết hết thấy pháp không”?

**Đáp:** “Không” có rất nhiều nghĩa.

Ví như nói trong nước chẳng có lửa, trong lửa chẳng có nước; đó là nói về nghĩa không. Ví như nói vô ngã, vô chúng sanh, vô tri giả, vô kiến giả; đó cũng là nói về nghĩa không. Ví như nói pháp không, chúng sanh không; đó cũng là nói về nghĩa không. Ví như nói nếu đem một pháp hữu vi chia chẻ ra, thì sẽ có được các vi trần, và nếu cứ tiếp tục chia chẻ ra đến cùng, thì sẽ trở thành hư không; đó cũng là nói về nghĩa không v.v...

Vì “không” có vô lượng nghĩa như vậy, nên ngài Tu Bồ Đề mới hỏi Phật như trên.

Phật dạy: Dùng “vô sở đắc rốt ráo không” sẽ lia được hết thảy các pháp không.

Ở nơi đây nói “không” là nói chúng sanh không và pháp không. Cả 2 pháp đó đều không, nên hết thảy pháp đều là rốt ráo không.

**Hỏi:** *Vì sao nói, “Trú ở trong không, là ly hết thảy các pháp tướng”?*

**Đáp:** Hết thảy các pháp đều chẳng có thể tận hoại. Chỉ khi nào ly hết thảy các tà ức tướng, thì hết thảy các pháp tự ly.

Ví như người có thân thông, quán hoại sắc tướng, có thể xuyên qua núi đá, qua vách tường, mà chẳng có bị ngăn ngại vậy.

Phật dạy: Nếu ở nơi 5 ám mà thường tu chánh ức niệm, thường đoạn tham dục, thì được giải thoát. Như vậy là được ly tướng.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Vì sao nói hết thảy pháp, từ lớn đến nhỏ, đều chẳng có căn bản định thật? Phạm phu hư vọng là

chẳng thật có, nhưng vì sao nói các bậc Thánh cũng là chẳng thật có?

Ngài Tu Bồ Đề, tuy đã là bậc A-la-hán, thâm quý Phật pháp, nhưng ngài cũng chỉ mới là Bồ tát sơ phát tâm, nên mới hỏi Phật như trên. Phật biết rõ tâm niệm của ngài Tu Bồ Đề, nên hỏi trở lại: Ý ông nghĩ sao? Ví như người hóa làm ra các vật hóa, thì người hóa ấy có căn bản định thật chẳng? Có phải là “có”, là “chẳng không” (bất không) chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Người hóa chẳng có căn bản định thật, chẳng phải là “thật có”, chẳng phải là “chẳng không” (phi bất không).

“Không” và “hóa” là 2 sự việc chẳng có hợp, chẳng có tan. Đây là 2 pháp bình đẳng, chẳng có phân biệt. Bởi vậy nên nói 2 pháp ấy là chẳng phải thật có, chẳng phải “chẳng không”.

Do vì muốn phá 18 sự chấp thật có, nên mới lập ra 18 pháp không. Thế nhưng, người thế gian lại chấp “không”, chấp “hóa”, nên phải dùng đến danh từ “chẳng không” (bất không), và cho họ biết rằng 2 pháp “không” và “hóa” đều là không, là chẳng thật có, là chẳng phải “chẳng không”. Do vậy, chẳng nên phân biệt “không” và “hóa”.

-o0o-

Phàm phu chấp các pháp là thật có, mà chẳng biết rằng các pháp là không, là chẳng thật có, là như hóa.

Phật nêu lên các thí dụ để cho họ thấy rằng hết thảy pháp đều là như hóa; hết thảy pháp cùng hóa chẳng có sai khác vậy.

Phật dạy: Sắc tức là hóa; thọ, tưởng, hành và thức tức là hóa;... dẫn đến Nhất thiết chủng trí tức là hóa.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nói pháp phàm phu là hư vọng, là như hóa, thì còn hợp lý. Vì sao cũng nói các pháp xuất thế gian là như hóa?

Nếu pháp xuất thế gian đều như hóa, thì Niết Bàn cũng là như hóa; các quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật... dẫn đến quả Phật cũng là như hóa chẳng?

Phật dạy: Hết thấy các pháp hữu vi và vô vi là như hóa. Tất cả các bậc Thánh hiền... dẫn đến Phật cũng đều là như hóa, đều là rốt ráo không cả.

Nghĩa này, Phật đã dạy rõ ở các phẩm trước rồi. Nay chỉ rộng nói thêm rằng, “Hết thấy pháp đều là như hóa”.

**Hỏi:** *Nếu các pháp đều là như hóa, thì làm sao phân biệt có các pháp sai khác?*

**Đáp:** Ví như Phật hóa hiện ra các người hóa. Các người hóa, tuy chẳng phải là thật có, nhưng cũng có những tướng mạo khác nhau, có những tâm tư tình cảm khác nhau, như có xấu, có đẹp, có buồn, có vui, có sợ hãi, có an ổn v.v...

Hết thấy các pháp đều ví như bóng trong gương. Tuy có hình tướng sai nhau, mà đều là chẳng thật có.

Phật dạy: Hết thấy pháp đều là biến hóa. Pháp Thanh Văn biến hóa, pháp Bích Chi Phật biến hóa, pháp Bồ tát biến hóa... dẫn đến pháp Phật biến hóa. Lại có các pháp phiền não biến hóa, nên có các pháp nghiệp nhân duyên biến hóa.

Vì Thanh Văn biến hóa, nên 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo biến hóa, 4 thánh đế... dẫn đến 3 giải thoát môn biến hóa. Vì sao? Vì người tu pháp Thanh Văn, trú trong giới luật, trong thiền định nhiếp tâm cầu Niết Bàn, quán nội ngoại thân bất tịnh, nên gọi là thân niệm xứ. Đây là vì cầu Niết Bàn

mà siêng năng, tinh tấn tu tập, sanh khởi các pháp ấy. Các pháp ấy, ngay từ căn bản, vốn là không, vốn không mà nay trở thành có; nay có rồi lại trở thành không. Như vậy gọi là Thanh Văn biến hóa.

Người tu Bích Chi Phật đạo, do quán 12 nhân duyên mà được đạo. Như vậy gọi là Bích Chi Phật biến hóa.

Người hành Bồ tát đạo, do tu đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, mà được đầy đủ các quả báo thần thông, đầy đủ các Phật pháp. Như vậy gọi là Bồ tát biến hóa.

Phật biến hóa thành tựu đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, 10 Phật lực... dẫn đến Nhất thiết chủng trí; ở nơi vô lượng Phật pháp đều được bình đẳng.

Phiền não biến hóa là do phiền não mà khởi sanh ra các nghiệp; trong đó có các nghiệp thiện, nghiệp bất thiện, nghiệp vô ký. Lại còn có nghiệp định, nghiệp bất định, nghiệp bất động hoặc thiện, hoặc ác, cùng vô lượng nghiệp khác.

**Hỏi:** *Phiền não là pháp ác, bất thiện. Như vậy phiền não làm sao có thể sanh khởi nghiệp thiện và nghiệp bất động?*

**Đáp:** Nên phân biệt, ở trong các nhân duyên, có nhân duyên gần (cận nhân duyên) và có nhân duyên xa (viễn nhân duyên).

Ví như người có “ngã tâm” thiện, thường hành bố thí, thì đời sau được giàu sang, phú quý. Bố thí là nhân duyên gần (cận nhân duyên). Ví như người tu ly cõi Dục, quán thân bất tịnh, tinh tấn tu thiền định là nhân duyên xa.

Có thuyết nói hết thầy phàm phu đem “ngã tâm” hòa hợp với các hành động, nên khởi các nghiệp.

Lại có thuyết nói chẳng có thể ly “ngã tâm” mà khởi thức thứ sáu được. Đây có nghĩa là do trú trong “ngã tâm” mới

khởi thức thứ sáu mới phân biệt được thiện ác, mà “ngã tâm” là gốc phiền não vậy.

**Hỏi:** *Phiền não do tâm cấu sanh; còn các việc làm thiện phải do tâm tịnh mới sanh được. Như vậy, cấu và tịnh làm sao có thể hòa hợp được? Trú trong “ngã tâm” làm sao có thể khởi những nghiệp thiện được?*

**Đáp:** Chẳng phải như vậy. Hết thấy các tâm đều cùng với huệ cấu sanh; dù trong tâm vô minh cũng vẫn có huệ. Tuy huệ cùng với vô minh trái nhau, nhưng ở nơi một tâm có khởi cả tịnh, cả cấu.

**Hỏi:** *Phàm phu chưa vào được đạo, thì làm sao ly được “ngã tâm” để hành thiện?*

**Đáp:** Khi tâm sân si phiền não dấy lên, thì chẳng có được tâm thiện. Thế nhưng, khi “ngã tâm” vô ký, nhu nhuyễn, thì chẳng có phiền não, nên có thể sanh các nghiệp thiện, và các nghiệp bất động. Như vậy là chẳng có lỗi lầm.

Do nghiệp biến hóa, nên sanh hết thấy các quả báo. Các nghiệp quả báo dẫn sanh vào 6 đường sanh tử, trong đó có 3 đường ác và 3 đường thiện.

Nghiệp ác có thượng, trung và hạ. Thượng ác thì đọa vào địa ngục; trung ác thì đọa làm súc sanh; hạ ác thì đọa làm ngạ quỷ.

Nghiệp thiện cũng có thượng, trung và hạ. Thượng thiện thì sanh làm trời; trung thiện thì sanh làm người; hạ thiện thì sanh là a tu la.

**Hỏi:** *Nếu chúng sanh theo nghiệp dẫn sanh thì vì sao nói là biến hóa?*

**Đáp:** Phạm phu chẳng biết các pháp biến hóa. Còn các bậc Thánh biết rõ các pháp đều là tướng rỗng ráo không, nên quán chúng sanh cùng hết thấy đều là như hóa; trước không, nay có; nay có rồi lại trở thành không. Như vậy gọi là như hóa.

Nghiệp biến hóa cũng là như vậy. Do đời trước tạo nghiệp mà đời nay phải thọ thân, rồi sanh tâm vui buồn, sợ hãi, v.v... như vậy là biến hóa mà chúng sanh chẳng biết nên chấp thân này là thật có.

Người trí quán tất cả các sự việc vui buồn, sợ hãi... đều do nơi mình sanh, đều chỉ là hý luận, nên xem các nghiệp quả báo đều là như hóa.

**Hỏi:** *Biến hóa là do nghiệp làm ra. Như vậy vì sao chẳng nói nghiệp mà lại nói biến hóa?*

**Đáp:** Nên phân biệt có hai loại nghiệp là nghiệp tịnh và nghiệp cấu.

Có thuyết nói nghiệp tịnh là do đoạn phiền não mà có; ví như Thanh Văn biến hóa, Bích Chi Phật biến hóa, Bồ tát biến hóa,... dẫn đến Phật biến hóa. Còn nghiệp cấu là do phiền não mà có; ví như chúng sanh biến hóa trong 6 đường sanh tử.

Lại có thuyết nói có 2 loại nghiệp là nghiệp thánh và nghiệp phàm. Nghiệp thánh là nghiệp đưa đến các quả vị Thánh, từ quả vị Tu-đà-hoàn... dẫn đến quả vị Phật. Còn nghiệp phàm là do phiền não biến hóa, đưa chúng sanh vào trong 6 đường sanh tử. Đây cũng nói về các nghiệp biến hóa, tịnh và cấu, nhưng khai triển rộng thêm ra vậy thôi.

Bởi vậy nên Phật dạy: Hết thấy các pháp đều là không, là như hóa.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật: Các bậc Thánh đã đoạn dứt phiền não và tập khí rồi mà cũng là như hóa chăng?

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng các pháp hữu vi là hư vọng, nên nói là như hóa. Nhưng các pháp vô vi là các pháp chân thật, chẳng có được tạo tác; chẳng thể nói là như hóa được. Do suy nghĩ như vậy mà ngài hỏi như trên.

Phật dạy: Các pháp có sanh, có diệt đều là như hóa. Vì sao? Vì các pháp ấy trước là không, nay là có; nay có rồi trở lại thành không, nên là như hóa, chỉ có làm cho tâm người lầm chấp mà thôi.

Ý Phật muốn nói rằng hết thấy pháp đều do nhân duyên sanh, chẳng có tự tánh, nên là rốt ráo không, là như hóa vậy.

Ngài Tu Bồ Đề câu thật tướng pháp, muốn được hiểu rõ hơn, nên lại hỏi Phật: Có pháp gì chẳng phải như hóa chăng?

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng ắt phải có 1 pháp quyết định chẳng phải như hóa, thì mới có thể nương theo đó mà tinh tấn tu hành vậy.

Phật dạy: Phật chẳng sanh, chẳng diệt là pháp chẳng như hóa. Chỉ có Niết Bàn là pháp chẳng có tướng hư vọng, là pháp chẳng có biến hóa. Phật này chẳng có sanh (vô sanh), nên là chẳng có diệt (vô diệt). Do pháp này chẳng diệt, nên chẳng làm cho người tu sanh ưu bi, buồn khổ. Như vậy là Phật phân biệt nói hết thấy các pháp đều là rốt ráo không, là như hóa; duy chỉ có Niết Bàn là chẳng phải như hóa.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Như lời Phật dạy thì pháp bình đẳng chẳng phải do Thanh Văn làm ra, chẳng phải do Bích Chi Phật làm ra, chẳng phải do Bồ tát làm ra... dẫn đến chẳng phải do Phật làm ra; dù có Phật hay chẳng có Phật thì tánh của pháp vẫn thường trú, thường không, mà tánh không tức là tánh Niết Bàn.



Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói: “Nếu thâm nhập vào trong Bát nhã Ba-la-mật thì Niết Bàn cũng là không. Như vậy vì sao nay Phật lại dạy Niết Bàn là như hóa?”

Suy nghĩ như vậy, nên ngài dẫn lời Phật để hỏi lại: Thật tướng các pháp là tánh không, là pháp thường trú, mà chư Phật chỉ vì chúng sanh diễn nói tánh không tức là Niết Bàn. Nay vì sao ở nơi các pháp sanh diệt mà nói tướng không tức là tướng Niết Bàn, và nói Niết Bàn là chẳng như hóa?

Phật dạy: Các pháp bình đẳng là thường trú, chẳng phải do chư Thánh làm ra... dẫn đến chẳng phải do chư Phật làm ra. Nếu có các Bồ tát tân học nghe như vậy mà sanh sợ hãi, thì phải nên vì họ nói các pháp sanh diệt là như hóa, các pháp chẳng sanh diệt là chẳng như hóa.

Đây chỉ vì hàng tân học Bồ tát mà Phật nói Niết Bàn là chẳng phải như hóa.

**Hỏi:** *Như vậy là vì từng đối tượng người nghe mà chuyển các pháp tướng chăng?*

**Đáp:** Phật thường nói: “Các pháp tướng là tánh không, mà tánh không thì chẳng làm sao có thể chuyển được”.

Lúc ban đầu, khi vừa mới thành đạo, chúng được thật tướng các pháp, Phật chỉ muốn hướng về Niết Bàn tịch diệt. Lúc bấy giờ, chư Thiên ở các cõi Phật khắp mười phương đồng thỉnh Phật chớ nên vào Niết Bàn, và nên vì hết thầy chúng sanh trụ lại ở đời này, nhằm độ thoát hết thầy chúng sanh thoát khỏi các khổ.

Trong suốt thời gian thuyết pháp, độ sanh, Phật đã tùy thuận theo từng đối tượng chúng sanh mà phương tiện nói pháp.

Phật dạy chúng sanh tu tập, hướng về Niết Bàn tịch tịnh.

Thế nhưng có nhiều vị Bồ tát sơ phát ý, khi quán hết thấy các pháp đều là hư vọng, chỉ riêng có Niết Bàn là chẳng biến đổi, nên họ liền khởi tâm chấp Niết Bàn. Do nơi tâm chấp đó mà khởi sanh các phiền não, chẳng còn muốn có độ sanh nữa. Đối với những Bồ tát sơ phát ý này, Phật nói: “Niết Bàn là như hóa”.

Như vậy, đối với hạng người chẳng có chấp tâm thì Phật dạy cho họ rằng: “Niết Bàn chẳng phải như hóa”. Còn đối với hạng người chấp tâm thì Phật lại dạy họ rằng: “Niết Bàn là như hóa”.

Lại nữa, Tiểu thừa và Đại thừa có quan niệm khác nhau về Niết Bàn. Tiểu thừa luận nghị cho Niết Bàn là thật có. Đại thừa thâm nhập trí huệ Bát nhã, quán hết thấy pháp đều như Niết Bàn.

Phật vì cả 2 bên mà nói, nên chẳng có lỗi.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Làm sao giáo hóa hàng Bồ tát tân phát ý, để khiến họ biết được các pháp bình đẳng là tánh không?

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng: “Phàm phu rất sợ hãi khi nghe nói các pháp là tánh không. Khi họ nghe nói tánh không, tánh vô sở hữu của các pháp, họ tự xem mình như rơi xuống hầm sâu thăm thẳm”.

Vì sao? Vì người chưa được đạo, do tâm chấp sâu dày nên vừa nghe nói đến pháp không, thì liền sanh tâm sợ hãi, nghĩ rằng: “Phật dạy người đời phải nên hành các thiện pháp. Nhưng nếu rốt ráo sau cùng, ai cũng trở về trong không, trong vô sở hữu thì hành đạo đâu có sự lợi ích gì?”

Phật dạy: Đối với hạng người này, nên nói: “Các pháp trước có, nay không”.

Ý Phật muốn nói rằng: “Vì các Bồ tát tâm phát ý này sợ hãi về sau cùng sẽ không, nên phải vì họ nói các pháp trước có, nay không”.

Nói như vậy có nghĩa là ở ngay hiện tại, nếu biết được thật tướng các pháp thì liền thấy các pháp là không vậy.

Ngài Tu Bồ Đề đã biết rõ các pháp từ trước vốn là không, nay cũng là không. Chỉ vì các Bồ tát tâm phát ý, do bị phiền não che tâm mà sanh sợ hãi. Nếu trừ được tâm chấp điên đảo của họ, khiến họ thấy được chỗ rốt ráo không, biết được thật tướng của phiền não cũng là rốt ráo không thì chẳng còn sợ hãi nữa.

Bởi vậy, phải nên dạy các Bồ tát tâm phát ý rằng, “Các pháp trước có, do hành đạo mà nay mới được không, chớ nên sợ hãi”. Vì sao? Vì các pháp từ ban đầu vốn đã là không rồi, nên chẳng có gì mà phải sợ hãi. Chỉ cần trừ tâm chấp là thấy rõ như vậy.

## Phẩm Thứ Tám Mười Tám



### Tát Đà Ba Luân

**KINH:**

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Bồ tát cầu Bát nhã Ba-la-mật, phải nên như Bồ tát Tát Đà Ba Luân. Vị đại Bồ tát này hiện đang hành đạo ở cõi nước của đức Phật Đại Lô Âm.

**Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:** Bạch Thế Tôn! Bồ tát Tát Đà Ba Luân cầu Bát nhã Ba-la-mật như thế nào?

**Phật dạy:** Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Tát Đà Ba Luân cầu Bát nhã Ba-la-mật, chẳng tiếc thân mạng, chẳng màng danh lợi.

Trong rừng vắng vẻ, Bồ tát bỗng nghe giữa hư không có tiếng nói rằng: Này thiện nam tử! Ông hãy đi về phương Đông, chớ nghĩ mệt nhọc, chớ niệm ngủ nghỉ, chớ niệm ăn uống, chớ niệm ngày đêm, chớ niệm nóng lạnh, chớ niệm ngoại cảnh. Này thiện nam tử! Khi đi, ông chớ nhìn 2 bên, chớ hoại thân tướng, chớ hoại sắc tướng... dẫn đến thức tướng. Vì sao? Vì nếu hoại các tướng thì ở trong Phật pháp sẽ gặp trở ngại. Nếu gặp trở ngại thì sẽ phải qua lại trong 5 đường sanh tử, cũng sẽ chẳng được Bát nhã Ba-la-mật.

**Bồ tát Tát Đà Ba Luân đáp:** Tôi sẽ y theo lời dạy bảo. Vì sao? Vì tôi muốn hết thảy chúng sanh làm ngọn đèn sáng chói; tôi muốn tu tập tất cả Phật pháp của chư Phật; tôi muốn được Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nghe giữa hư không có tiếng nói: Lành thay, lành thay!

Này thiện nam tử! Ông phải sanh lòng tin nơi các pháp không, vô tướng và vô tác; ông phải dùng tâm ly tướng mà cầu Bát nhã Ba-la-mật, ly tướng ngã... dẫn đến ly tướng tri giả, tướng kiến giả, ông phải thường xa lánh các ác tri thức, thường gần gũi các thiện tri thức. Như thế nào gọi là thiện tri thức?

Người thường nói về các pháp Không, vô tướng, vô tác, vô sanh, vô diệt... dẫn đến nói về Nhất thiết chủng trí, khiến người nghe được tâm an lạc, hoan hỷ tin theo; đó là bậc thiện tri thức của ông. Này thiện nam tử! Nếu ông hành theo như vậy thì chẳng bao lâu nữa ông sẽ được nghe Bát nhã Ba-la-mật, được nghe từ trong kinh quyển, hoặc được nghe từ miệng một vị đại Bồ tát nói ra. Này thiện nam tử! Khi nghe được Bát nhã Ba-la-mật, ông phải xem như được nghe Phật. Này thiện nam tử! Ông phải biết ơn, phải nghĩ rằng nhờ các thiện tri thức mà ông mới nghe Bát nhã Ba-la-mật, sẽ mau được bất thối chuyển ở nơi Vô Thượng Bồ Đề, sẽ được thân cận chư Phật, sẽ thường được sanh ở các cõi Phật, sẽ xa lìa được các ách nạn, sẽ được sanh vào các nơi chẳng có các ách nạn. Này thiện nam tử! Ông phải tư duy, trừ lượng về các công đức ấy, để từ chỗ nghe pháp mà sanh tâm tưởng đó như là Phật. Ông chớ nên mong tâm theo lợi dưỡng thế gian mà phải theo bên vị pháp sư. Chỉ vì ái pháp, vì cung kính pháp mà ông phải theo bên Bồ tát pháp sư. Lúc bấy giờ, ông phải đề cao cảnh giác về các ma sư. Nếu thấy có ác ma đem 5 dục dăng hiến cho Bồ tát pháp sư, khiến ngài phải thọ, rồi sau mới thuyết pháp, thì ông nên biết ngài đã thâm nhập chân thật pháp, đã có đầy đủ lực công

đức, nên thọ 5 dục mà chẳng hề bị nhiễm dục. Lại nữa, có 3 sự việc mà Bồ tát pháp sư phải thị hiện thọ 5 dục. Đó là vì ngài muốn làm lực phương tiện; muốn dạy chúng sanh gieo trồng thiện căn; muốn cùng với chúng sanh đồng sự. Đối với ngài, ông chớ nên sanh tâm tà vạy phải một lòng tin kính; phải tự niệm rằng mình chưa có được phương tiện trí như ngài, rằng ngài vì muốn độ chúng sanh mà thọ 5 dục khiến họ được phước đức, rằng tuy ngài thọ 5 dục mà ở nơi trí huệ vẫn chẳng bị chướng ngại, chẳng bị dục nhiễm.

Này thiện nam tử! Ông phải quán hết thấy các pháp ở nơi thật tướng đều chẳng cấu, chẳng tịnh. Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều là tự tánh không, nên chẳng có chúng sanh, chẳng có nhân, chẳng có ngã,...; hết thấy các pháp đều là như mộng, như hường, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa. Này thiện nam tử! Quán thật tướng các pháp rồi, ông lại phải tùy theo pháp sư. Được như vậy, thì chẳng bao lâu nữa ông sẽ thành tựu được Bát nhã Ba-la-mật. Lại nữa, Này thiện nam tử! Ông vẫn thường phải giác biết các ma sự. Nếu trong lúc ông chỉ muốn nghe Bát nhã Ba-la-mật, mà Bồ tát pháp sư lại thuyết những pháp khác chẳng hợp với ý nguyện của ông, thì ông cũng chẳng nên sanh tâm oán hận; ông phải một lòng tôn kính pháp sư; ông chẳng nên sanh tâm nhàm chán, giải đãi, mà phải thường tùy theo pháp sư.

### **LUẬN:**

Ở phẩm trước, ngài Tu Bồ Đề hỏi: Làm sao có thể dạy cho các Bồ tát sơ phát ý biết được tánh không?

Vì tánh của các pháp là rốt ráo không, là vô sở hữu, rất khó giải, rất khó được, nên Phật dạy: Phải vì họ nói các pháp trước có, nay không.

Ý Phật muốn nói rằng: “Tánh không chẳng phải khó biết, khó được. Vì sao? Vì các pháp bản lai vẫn thường không, chẳng có mới cũ.

Pháp tánh không tuy rất thâm thâm, nhưng nếu Bồ tát nhất tâm tinh tấn, chẳng tiếc thân mạng mà cầu được pháp ấy, thì quyết định sẽ được”.

Bởi vậy, nên Phật thuyết phẩm Tát Đà Ba Luân để dẫn chúng.

-o0o-

Trong Phật pháp có 12 bộ kinh. Tùy theo căn trí, có người tu theo bộ kinh này mà được độ, có người tu theo bộ kinh khác mà được độ; ví như có người tu theo bộ kinh Bốn Sanh mà được độ, có người tu theo bộ kinh Bốn Sự mà được độ.

Nay Phật dùng bộ kinh Bốn Sanh để dẫn chúng, khiến có người nghe được liền đầy niệm nghĩ rằng, “Nếu có người trước đã tu được thì nay tôi cũng phải tu được như vậy.”

Bởi vậy nên Phật, y cứ vào kinh *Bốn Sanh*, thuyết phẩm Tát Đà Ba Luân này. Phật dạy: Bồ tát cầu Bát nhã Ba-la-mật, phải nên như Bồ tát Tát Đà Ba Luân.

**Hỏi:** *Bát nhã Ba-la-mật là vô tướng, là rốt ráo không. Người hành thiền định còn khó vào được, huống nữa là người đầy phiền não, ưu sầu thì làm sao có thể vào được?*

**Đáp:** Phật thuyết phẩm Tát Đà Ba Luân nhằm nêu gương sáng để hàng Bồ tát tâm phát ý noi theo.

**Hỏi:** *Nếu nói Bồ tát Tát Đà Ba Luân là tâm phát ý, thì vì sao vị Bồ tát này có thể hiện ra trước 10 phương chư Phật?*

*Vì sao? Vì có thể hành Bồ tát đạo mà chẳng tiếc thân mạng? Vì sao khi vừa thấy Bồ tát Đàm Vô Kiệt là liền được vô lượng tam muội? Nếu có công đức như vậy thì vì sao lại gọi là Bồ tát sơ phát ý?*

**Đáp:** Có hai hạng Bồ tát tâm phát ý. Đó là:

- Hạng Bồ tát tâm phát ý, tuy đã phát ý như nguyện mà ở thâm tâm vẫn còn tham chấp các dục lạc thế gian.

- Hạng Bồ tát tâm phát ý đã phát ý như nguyện và ở thâm tâm chẳng còn chấp đắm thế gian nữa.

Phật dạy; “Thâm tâm phát ý như vậy mới gọi là phát tâm”.

Phát ý thì mới là pháp nhỏ, nếu ở trong thâm tâm vẫn còn chấp đắm thế gian.

Phật dạy, “Các Tỷ-kheo trong pháp của ta chẳng cần đến Noãn pháp. Vì sao? Vì tuy Noãn pháp là pháp lớn của hàng Thanh Văn mà Phật chỉ xem là pháp nhỏ vậy. Ví như vị vua thấy các gấm vóc chẳng cho là quý, trong khi đó người dân thường nếu được một tấm gấm sẽ rất sung sướng, cho đó là vật rất quý giá

Phật chỉ muốn nêu lên chỗ nhất tâm, chẳng tiếc thân mạng của người cầu Bát nhã Ba-la-mật, nên mới thuyết phẩm Tát Đà Ba Luân, để làm chứng.

**Hỏi:** *Bồ tát Tát Đà Ba Luân thường hành khổ hạnh, theo Bồ tát pháp sư Đàm Vô Kiệt, được vô lượng tam muội rồi. Vì sao nói vị Bồ tát này hiện nay còn đang hành đạo ở cõi nước của Phật Đại Lô Ím?*

**Đáp:** Phật pháp là vô lượng vô biên. Người tinh tấn tu khổ hạnh, trải qua nhiều đời còn chưa được hưởng nữa là Bồ tát Tát Đà Ba Luân chỉ mới tu khổ hạnh trong một đời.



Lại nữa, có nhiều Bồ tát đã đầy đủ 10 Phật lực, nhưng vì chúng sanh vẫn còn trú ở thế gian, chưa làm Phật. Như Bồ tát Văn Thù Sư Lợi nay vẫn còn là Bồ tát, chưa làm Phật.

Lại nữa, có Bồ tát vào tam muội, thấy các quốc độ ở khắp 10 phương nhiều như số vi trần. So với các đại Bồ tát này thì Bồ tát Tát Đà Ba Luân chỉ mới được 6 vạn tam muội, chưa phải là nhiều vậy.

Ví như vị đại Long vương, khi muốn làm mưa, phát đại lôi âm (tiếng sấm sét lớn), khiến các loài chim, các loài thú, các côn trùng đều sợ hãi. Cũng như vậy, đức Phật Đại Lôi Âm khi vừa mới thành đạo, liền chuyên pháp luân, khiến chúng sanh khắp 10 phương đều phát tâm. Hàng ngoại đạo, tà kiến thấy như vậy đều sợ hãi, khiếp phục. Bởi vậy, nên hàng Thiên chúng đều gọi đức Phật ấy là Phật Đại Lôi Âm. Hiện nay, Phật Đại Lôi Âm vẫn còn.

**Hỏi:** *Bồ tát Tát Đà Ba Luân cầu Bát nhã Ba-la-mật như thế nào mà được công đức lớn như vậy?*

**Đáp:** Có Bồ tát, tuy chưa được thật trí huệ mà vẫn thường thâm niệm Bát nhã Ba-la-mật, chẳng tiếc thân mạng, nên có công đức lớn. Do công đức lớn như vậy nên cũng được gọi là đại Bồ tát.

-o0o-

Bồ tát Tát Đà Ba Luân, từ tấm bé, đã là một người đa sầu, đa cảm. Khi thấy có chúng sanh bần cùng, đau khổ, cũng như khi gặp trở ngại trong lúc hành đạo, ngài thường khóc lóc.

Có thuyết nói, “Dù Bồ tát sống ở nơi hoang vắng, xa lìa dân chúng mà vẫn thường tư duy trừu lượng, nhất tâm cầu

Phật đạo. Bồ tát sanh vào thời chẳng thấy được Phật nhưng vẫn thường phát tâm đại bi, tinh tấn chẳng bao giờ thôi nghỉ”.

Lại có thuyết nói “Vào các đời trước, Bồ tát đã gieo trồng các nhân duyên phước đức, nên đời nay mới nhất tâm tinh tấn”.

Bởi hai nhân duyên ấy nên đời nay mới nghe được lời dạy bảo vang lên giữa hư không. Thế nhưng vừa mới nghe, chưa kịp hỏi lại cho cặn kẽ, rõ ràng thì tiếng nói giữa hư không bỗng im bặt, khiến Bồ tát rất buồn khổ, khóc lóc suốt cả 7 ngày đêm.

**Hỏi:** *Tiếng nói vang lên giữa hư không là của ai?*

**Đáp:** Có thuyết nói vì Bồ tát Tát Đà Ba Luân chẳng tham đắm thế gian, chỉ nhất tâm cầu Phật đạo nên chư Phật, chư đại Bồ tát, chư Thiên long đẽm lòng thương xót mà khuyên như vậy.

Có thuyết nói vào thời chẳng có Phật, chư Phật vẫn thường khai thị cho chúng sanh, khiến họ được Bát nhã Bà-la-mật, nên thường có tiếng nói vang lên giữa hư không để khuyên chúng sanh như vậy.

Lại có thuyết nói Bồ tát Tát Đà Ba Luân ở đời trước đã gieo trồng nhiều thiện căn, nên ở trong rừng vắng, quý thân thấy Bồ tát vì cầu đạo mà phải sầu khổ như vậy, bèn đẽm lòng thương, phát ra tiếng nói giữa hư không.

-o0o-

Trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

Ở thành Vương Xá có một vị Bà-la-môn, vì ăn quá nhiều chẳng tiêu mà chết. Sau khi chết, vị Bà-la-môn ấy trở thành một trong những vị thần giữ thành.

Có một hôm ông Tu Đạt Đa(\*) đến nhà một vị trưởng giả trong thành, thấy vị ấy đang bày la liệt các thức ăn uống, bèn hỏi rằng: Ông sắp tổ chức đám gả cho con gái, hay sắp thỉnh một vị Quốc vương về dự tiệc mà xem về ông quá bận rộn như vậy?

Ông trưởng giả đáp: Tôi sắp thỉnh Phật cùng chúng Tăng về đây.

Ông Tu Đạt Đa vừa nghe nói đến Phật liền sanh tâm hoan hỷ.

Ông trưởng giả do đời trước đã được thân cận và cúng dường Phật, nên nói về các công đức của Phật cho ông Tu Đạt Đa nghe.

Nghe xong, ông Tu Đạt Đa nôn nóng muốn được thấy Phật. Do tâm chí thành như vậy, nên giữa đêm tối ông bèn mở cửa đi tìm Phật.

Lúc bấy giờ Phật đang ở tại rừng Hàng Lâm. Ông Tu Đạt Đa nương theo ánh trăng lần bước theo hướng rừng ấy. Nhưng chỉ vừa đi được nửa chặng đường thì trăng lặn. Vạn vật chìm trong bóng tối, khiến ông Tu Đạt Đa thối tâm, muốn trở về thành.

Lúc bấy giờ vị thần giữ thành liền phóng quang minh chiếu sáng khắp vùng và nói với ông Tu Đạt Đa rằng: Này cư sĩ! Ông chớ nên sanh tâm sợ hãi, chớ nên thối tâm, ông nên tiếp tục đi tìm Phật, sẽ được lợi ích lớn.

Ông Tu Đạt Đa nghe lời khuyên của vị thần, tiếp tục đi, và chỉ một thời gian ngắn sau đó, ông gặp được Phật.

Trong kinh cũng có chép bài kệ tán thán ông Tu Đạt Đa rằng:

---

\*. Ông Tu Đạt Đa là trưởng giả Cấp Cô Độc, vị đại thí chủ dưới thời Phật.

*Tu Đạt Đa mới vừa thấy Phật,  
Liên đắc sơ quả Tu-đà-hoàn.  
Ông thỉnh Phật, Tăng về nước Vệ,  
Xin trọn đời lo việc cúng dường.*

Vì ông Tu Đạt Đa, Phật bảo ngài Xá Lợi Phất về thành Xá Vệ lập tịnh xá.

Do thấy ông Tu Đạt Đa mong muốn được gặp Phật, mà vị thân giữ thành Vương Xá đã hiện làm bậc thiện tri thức, chiếu quang minh khai đạo cho ông.

Cũng như vậy, do thấy Bồ tát Tát Đà Ba Luân sầu khổ vì đạo mà chur vị thiện tri thức động lòng thương, khai đạo cho Bồ tát vậy.

**Hỏi:** *Đói khát, nóng lạnh...bức bách thân, chẳng để cho được an ổn. Vì sao chẳng nghĩ đến, mà chỉ nhất tâm ái lạc Phật đạo, chẳng hề tiếc thân mạng?*

**Đáp:** Đồ ăn, thức uống, áo quần... chỉ là pháp trợ thân. Bồ tát dù phải chịu đói khát, nóng lạnh cũng chẳng bị loạn tâm.

Bồ tát biết rõ thân là vô thường, là chẳng thật có, là phùng oán tặc, chẳng nên vì cơm áo mà phải xả Phật đạo.

Bồ tát tinh tấn tu hành cả ngày lẫn đêm, biết rõ nội pháp là thân và ngoại pháp là 5 dục đều chẳng nên chấp, lại cũng chẳng đưa mắt nhìn ngó qua lại hai bên, biết rõ việc làm như vậy khiến tâm bị tán loạn, chướng ngại cho việc hành đạo.

Bồ tát cũng biết rõ các ác ma thường nhiễu loạn người tu. Khi gặp các ác ma hiện các thân trước mặt mình, Bồ tát chẳng hề chấp, nên trừ được các thô niệm.

Bồ tát cũng chẳng hoại thân tướng. Vì sao? Vì Bồ tát

biết rõ thân do 5 âm hòa hợp mà giả danh có. Nếu chấp thân quyết định có thì đó là hoại thân tướng. Nhưng nếu chấp chẳng có thân thì đó cũng là hoại thân tướng. Bởi vậy, nên Bồ tát ly cả hai chấp “có” và “không”, hành trung đạo. Hành trung đạo như vậy mới mau được Vô Thượng Bồ Đề. Phật dạy, “Hoại thân tướng là chướng ngại Phật pháp. Người hoại thân tướng phải qua lại trong 5 đường sanh tử, chẳng có thể được Bát nhã Ba-la-mật”.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân hướng lên không trung nguyện rằng: “Viết hết thầy chúng sanh đang bị trầm luân trong vô minh hắc ám, tôi muốn đốt ngọn đèn trí huệ soi sáng cho họ. Vì hết thầy chúng sanh đang bị phiền não làm nhiều loạn, tôi muốn họ đều được pháp lạc. Vì thế hết thầy chúng sanh đang bị đọa về tà kiến, tôi muốn vì họ cầu được Vô Thượng Bồ Đề”.

Do 3 lời nguyện đó mà Bồ tát Tát Đà Ba Luân sẽ được Bát nhã Ba-la-mật.

**Hỏi:** *Bồ tát Tát Đà Ba Luân chỉ nghe tiếng nói vang giữa hư không, chẳng có thấy người. Như vậy vì sao Bồ tát lại đáp: “Tôi sẽ xin y theo lời chỉ giáo”?*

**Đáp:** Người cầu đạo nghe lời hay, lẽ thật giữa hư không, có thể biết đó là lời thành thật của thiện tri thức, chẳng cần phải thấy tận mắt vậy. Ví như trong đêm tối, nghe tiếng nói của các loài vật vọng lại, cũng có thể phân biệt chủng loại của các loài vật đó là xấu hay tốt, dữ hay lành, v.v...

Bồ tát nghe giữa hư không tán thán, “Lành thay, lành thay!”

Vì sao có lời tán thán như vậy?

Vì dù chẳng thấy hình dáng vị thiện tri thức đã khuyên dạy mình, mà Bồ tát Tát Đà Ba Luân vẫn một lòng tín thọ

thiện ngữ. Bồ tát muốn độ hết thầy chúng sanh nên tinh tấn cầu Vô Thượng Bồ Đề tâm chẳng hề giải đãi.

Bởi nhân duyên vậy, nên ở giữa hư không có những lời tán thán, “Lành thay, lành thay”, như đã nêu trên đây.

Tiếng nói giữa hư không dạy rằng: “Ông phải có lòng tin nơi các pháp không, vô tướng và vô tác, vì đây là cửa dẫn vào nơi thật tướng pháp. Ông phải sanh tín căn, tín lực vững mạnh; có được tín căn, tín lực rồi, ông sẽ có được đầy đủ các căn, các lực khác. Ông phải ly tướng mà cầu Bát nhã Ba-la-mật. Ông phải quán hết thầy pháp tướng là rốt ráo không; quán tướng chúng sanh... dẫn đến quán tướng Phật là rốt ráo không”.

**Hỏi:** *3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác” nhiếp trong Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao trong hội Bát nhã Ba-la-mật lại nói riêng về 3 giải thoát môn? Nếu 3 giải thoát môn chẳng nhiếp trong Bát nhã Ba-la-mật thì vì sao các kinh đều nói 3 giải thoát môn nhiếp trọn vào trong Bát nhã Ba-la-mật?*

**Đáp:** Hết thầy các pháp đều nhiếp trọn vào trong Bát nhã Ba-la-mật. Chúng sanh sợ khổ, muốn cầu được giải thoát nên từ trong Bát nhã Ba-la-mật cần phải tách riêng 3 giải thoát môn để vì họ nói trước.

Ly 2 bên (nhị biên), có nghĩa là ly tướng chúng sanh, ly tướng các pháp là nhân duyên dẫn vào 3 giải thoát môn... dẫn đến được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

**Hỏi:** *Vì sao sau khi dạy tu tinh tấn, tu 3 giải thoát môn, tu Bát nhã Ba-la-mật, nay lại phải thân cận thiện tri thức?*

**Đáp:** Dù có pháp quý mà chẳng có người hướng dẫn tu hành thì rất dễ bị lầm lạc. Ví như có sẵn một tù thuốc tốt

mà chẳng có vị thầy thuốc hay chẩn bệnh, cho toa, thì cũng chẳng sao dùng các thuốc tốt đó để chữa cho lành bệnh được.

Cũng như vậy, Bồ tát Tát Đà Ba Luân là Bồ tát tân phát ý, còn Bát nhã Ba-la-mật là pháp bảo quá thậm thâm, chẳng có thể chỉ nghe giữa hư không lược dạy mà có thể vào được. Bởi vậy nên phải tìm thiện tri thức để học hỏi thêm.

-o0o-

Người thường dạy về các pháp Không, vô tướng, vô tác, vô sanh, vô diệt... tức Bát nhã Ba-la-mật, thường dạy phải nhất tâm hướng về Nhất thiết chủng trí là bậc thiện tri thức.

Nếu gặp được thiện tri thức thì chẳng bao lâu sẽ gặp được toa thuốc tốt, sẽ mau lành bệnh.

Tiếng nói giữa hư không dạy Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng, “Nếu ông đúng như pháp mà hành thì chẳng bao lâu nữa ông sẽ được nghe Bát nhã Ba-la-mật, hoặc từ trong kinh quyền, hoặc từ miệng một vị đại Bồ tát nói ra. Ông hãy tìm đến Bồ tát Đàm Vô Kiệt mà học đạo. Ở nơi đó có Bát nhã Ba-la-mật, trong bảo đài có kinh quyền Bát nhã Ba-la-mật, lại có Bồ tát Đàm Vô Kiệt thường thuyết về Bát nhã Ba-la-mật. Người chưa đầy đủ phước đức sẽ được học Bát nhã Ba-la-mật qua kinh quyền; người đã có nhiều phước đức sẽ được Bồ tát Đàm Vô Kiệt trực tiếp truyền dạy. Dù ở nơi kinh, dù ở nơi thầy, người nghe vẫn sanh được Phật tướng, vẫn đến được Phật đạo”.

-o0o-

Ví như người dùng đò để qua sông; khi đã qua bờ bên kia rồi, thường chẳng còn nghĩ đến chiếc đò đã giúp mình đến nơi an toàn. Cũng như vậy, người thế gian khi đã được học

pháp nơi thầy rồi, thường quên ơn thầy. Bởi vậy nên tiếng nói giữa hư không lại dạy Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng, “Ông phải biết ơn, phải nghĩ rằng nhờ có thầy mà ông mới được nghe Bát nhã Ba-la-mật. Do được nghe Bát nhã Ba-la-mật mà ông sẽ mau được bắt thôi chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề, sẽ được thân cận chư Phật, sẽ thường được sanh ở các cõi Phật, sẽ sanh ở các chốn chẳng có các ách nạn. Ông phải nghĩ rằng được các công đức lớn như vậy là nhờ nơi Bát nhã Ba-la-mật; được Bát nhã Ba-la-mật là nhờ có thầy truyền pháp. Bởi vậy nên ông phải xem Bát nhã Ba-la-mật, phải xem pháp sư như là Phật vậy”.

-o0o-

Lại có trường hợp người đệ tử lúc ban đầu chỉ vì Bát nhã Ba-la-mật mà theo sát bên vị pháp sư để cầu học; nhưng lâu sau cũng có nhiều tín thí cúng dường nên lại sanh tâm chấp đắm lợi dưỡng. Bởi vậy nên tiếng nói giữa hư không lại dạy Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng, “Ông chớ nên mong tâm theo các lợi dưỡng thế gian mà phải nên theo sát bên vị pháp sư”.

**Hỏi:** *Vì sao đang nói về vấn đề “thân cận thiện tri thức”, lại nói qua các nhân duyên khác?*

**Đáp:** Có người đã được thiện tri thức dạy dỗ, mà chẳng có vừa lòng nên trở lại oán thầy, khiến phải bị đọa địa ngục.

Có người lại tìm cách vạch các lỗi lầm của thầy... dẫn đến hủy báng thầy, nói xấu thầy.

Dù nghĩ đúng, hay nghĩ sai thì người đệ tử cũng tự hoại tâm mình chẳng sao có được pháp lợi.

Bởi vậy nên tiếng nói giữa hư không lại dạy Bồ tát Tát Đà



Ba Luân rằng, “Nếu thấy pháp sư có lầm lỗi, ông chẳng nên sanh tâm sân hận. Ông nên tự niệm rằng vì đời trước chẳng có đầy đủ phước đức, nên chẳng được gặp Phật; nay gặp thầy có phạm lỗi lầm cũng chẳng nên chấp, mà bỏ mất Bát nhã Ba-la-mật”

Vì sao? Vì mặc dù thầy có lỗi, người đệ tử cũng vẫn phải theo thầy, để thọ pháp. Ví như có cái dây bèo ngoài xấu xí mà bên trong có chứa đựng vàng; nếu chê cái dây xấu xí mà chẳng cầm lấy thì sẽ chẳng có được số vàng ở bên trong. Lại ví như đi trong đêm tối phải theo ánh đuốc của người dẫn đường; nếu biết người dẫn đường là kẻ xấu mà từ chối chẳng đi theo ánh đuốc, thì chẳng sao đi đến nơi chốn được.

-o0o-

Lại nữa, người đệ tử theo thầy học đạo phải giác biết về các ma sự. Bởi vậy nên tiếng nói giữa hư không lại dạy Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng, “Nếu thấy có ác ma đem 5 dục dâng hiến pháp sư, khiến ngài phải thọ dụng, rồi mới thuyết pháp thì ông nên biết rằng pháp sư đã có đầy đủ công đức nên thọ 5 dục mà chẳng bị nhiễm dục.

Lại nữa, có trường hợp pháp sư thị hiện thọ 5 dục để dùng làm phương tiện, để dạy chúng sanh gieo trồng thiện căn, để cùng với chúng sanh đồng sự nhằm giáo hóa họ”.

Vì sao? Vì các đại Bồ tát đã thông đạt thật tướng pháp, nên chẳng có bị chướng ngại, chẳng có bị tội lỗi; tuy hiện thấy có tội mà tự tâm chẳng bị chướng ngại. Ví như người còn trai tráng, dồi dào sức lực, tuy có ăn nhiều thức ăn mà vẫn chẳng sanh bệnh. Lại ví như người đã có thuốc trị độc tốt, thì khi ăn phải chất độc, liền tự giải được độc, chẳng bị hại vậy.

Như vậy sơ lược về các nhân duyên cho thấy rằng người đệ tử theo thầy học đạo, chớ nên sanh tâm hiềm giận thầy. Làm như vậy chỉ có hại cho mình, tự mình xa rời Bát nhã Ba-la-mật, tự mình xa rời Nhất thiết chủng trí vậy.

-o0o-

Như trong kinh dạy rằng: “Người trì giới thanh tịnh, thuyết pháp thanh tịnh, thường ly 5 dục, có oai đức lớn, được nhiều người tôn kính, cúng dường. Đệ tử thọ pháp với thầy chớ nên quan tâm đến tiền tài, bổng lộc của thầy, chớ bao giờ sanh tâm sân hận đối với thầy. Đệ tử phải tự nghĩ rằng do đời trước mình có tội lỗi nhiều, nên đời nay mới sanh làm người thấp hèn. Chẳng phải thầy khinh mình, mà vì mình chẳng có được phước đức, nên chẳng được gần gũi thầy. Lại nữa ở nơi thầy, mình phải phá kiêu mạn, nhẫn nhục để cầu pháp”.

Vì sao? Vì người cầu Bát nhã Ba-la-mật phải nhất tâm cung kính vị pháp sư của mình, chẳng niệm hơn thua, tốt xấu. Nếu được nhẫn nhục như vậy, thì ở nơi thầy mới được nhất tâm, chẳng tăng, chẳng giảm, mới thọ nhận được đầy đủ diệu pháp do thầy truyền đạt vậy. Ví như cái bình đất dùng để đựng nước phải được nung thật chín, chẳng có chỗ nứt rạn, mới giữ trọn vẹn nước, chẳng để cho nước thoát ra ngoài.

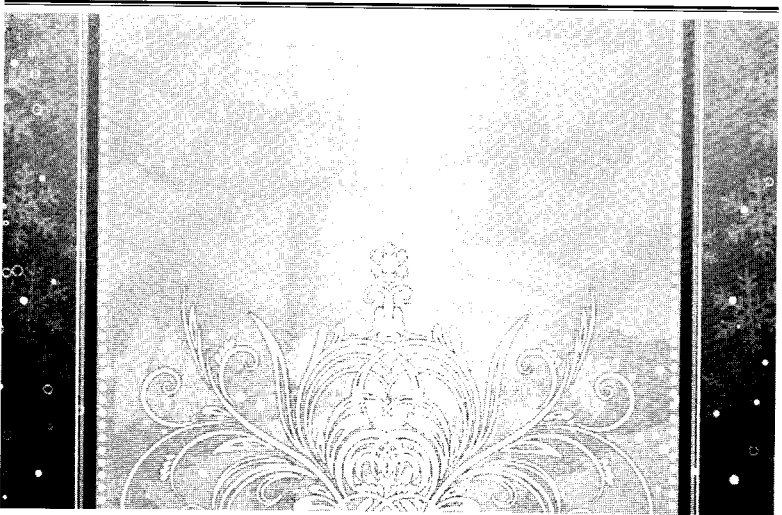
-o0o-

Bồ tát Tát Đà Ba Luân nghe lời dạy giữa hư không như vậy rồi, nhất tâm đi về phương Đông, tìm thầy, học đạo.

(Hết quyển 96)



**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 97**





## Phẩm Thứ Tám Mười Tám (TIẾP THEO)



### Tát Đà Ba Luân (tiếp theo)

#### KINH:

Này Tu Bồ Đề! Sau khi đã được nghe lời dạy bảo từ giữa cõi hư không, Bồ tát Tát Đà Ba Luân y theo hướng Đông mà đi. Nhưng đi chưa được bao lâu, ông chợt nghĩ rằng, “Vì sao tôi chẳng hỏi giữa hư không là tôi phải đi đến đâu, sẽ phải đi bao xa nữa, sẽ phải đi theo ai để học Bát nhã Ba-la-mật?”

Nghĩ như vậy xong, Bồ tát Tát Đà Ba Luân liền dừng lại, khóc lóc, bi thảm, và tự nghĩ rằng, “Tôi phải ở lại nơi đây, từ 1 cho đến 7 ngày đêm, chẳng niệm cực khổ, chẳng niệm đói khát, chẳng niệm nóng lạnh. Nếu tôi chẳng có được nhân duyên nghe Bát nhã Ba-la-mật, thì tôi nguyện chẳng đứng dậy, rời khỏi nơi đây”.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người chỉ có một đứa con duy nhất bỗng nhiên bị chết. Người ấy rất sầu khổ; ở trong lòng chỉ ôm mối sầu khổ, chẳng sanh một niệm gì khác. Cũng như vậy, Bồ tát Tát Đà Ba Luân, lúc bấy giờ, chẳng sanh tâm niệm khác, ngoài tâm niệm duy nhất rằng, “Bao giờ tôi mới được nghe Bát nhã Ba-la-mật? Vì sao tôi chẳng hỏi giữa hư không là tôi phải đi đến đâu, sẽ phải đi bao xa nữa, sẽ phải đi theo ai để học Bát nhã Ba-la-mật?”

Này Tu Bồ Đề! Trong khi Bồ tát Tát Đà Ba Luân đang sầu niệm như vậy, thì ở giữa hư không có tiếng Phật bảo

rằng: Lành thay, lành thay! Này thiện nam tử! Các đức Phật quá khứ cũng cầu Bát nhã Ba-la-mật như ông cầu ngày hôm nay. Ông hãy siêng năng, tinh tấn, một lòng ái pháp, mà tiếp tục đi về phương Đông. Từ nơi đây đi 500 do tuần, sẽ gặp thành Chúng Hương. Thành có 7 lớp bằng 7 báu trang nghiêm; có lầu đài bằng 7 báu trang nghiêm; có 7 lớp hào, có 7 hàng cây báu bao quanh. Thành rộng 12 do tuần đẹp đẽ, an tịnh. Dân chúng trong thành đông đúc và rất sung túc. Thành gồm 500 thị trấn có đường xá đẹp đẽ trang nghiêm, có cầu rộng rãi, sạch sẽ, có mặt đất bằng phẳng; chẳng khác gì một bức tranh vẽ. Trên 7 lớp thành đều có các lầu đài bằng 7 báu, có các hàng cây 7 báu, cành lá toàn bằng vàng, bạc, xà cừ, mã não, san hô, hổ phách, lưu ly, pha lê cùng trân châu màu hồng. Từ các cành cây thòng xuống những dây bằng vàng ròng kết thành những tấm lưới lớn trùm khắp thành. Gió thổi khua động các linh lưới, tạo ra âm thanh hòa nhã, làm vui lòng người nghe. Ví như một giàn nhạc, khi thổi lên các bản hòa tấu, có sức hấp dẫn kỳ diệu, đem lại cho khán thính giả một bầu không khí hòa nhã, vui tươi và an lạc, thanh thoát đối với người nghe vậy. Ở 4 phía thành có các hồ nước; nước chảy đều, thanh tịnh, mát mẻ, nóng lạnh tùy theo ý muốn. Trên mặt hồ có những chiếc thuyền bằng 7 báu, đẹp đẽ. Đây là do các phước nghiệp đời trước của chúng sanh ở nơi đây tạo ra. Ngồi trên các thuyền, chèo qua lại trên hồ thật là vui vẻ, thoải mái. Trong hồ có đủ loại hoa sen xanh, vàng, trắng, đỏ... cùng các loại hoa khác. Bao nhiêu thứ hoa đẹp khắp cõi đại thiên thế giới đều có ở trong hồ. Ở 4 phía thành có 500 khu vườn nhà bằng 7 báu trang nghiêm, rất hấp dẫn. Mỗi khu vườn có 500 hồ nước rộng 10 dặm; thành hồ làm bằng 7 báu rất trang nghiêm, màu sắc rực rỡ. Trong các hồ cũng đều có đủ loại hoa sen

xanh, vàng, trắng, đỏ...; mỗi hoa sen lớn bằng cái bánh xe; hoa màu gì thì phát ra ánh hào quang màu đó. Trong các hồ có đủ loại chim quý, như khổng tước, chim uyên ương... cùng các loại chim khác; tiếng chim hót tạo thành những âm thanh hòa hợp, rất vui tai. Các khu vườn nhà ấy chẳng thuộc về ai cả. Tất cả chúng sanh ở trong thành, do phước duyên đời trước đều đến được. Do đều thâm ái chánh pháp, và thật hành Bát nhã Ba-la-mật, nên mới được thọ quả báo như vậy.

Này thiện nam tử! Trong thành Chúng Hương ấy có đài cao rộng, trên đài là cung điện của Bồ tát Đàm Vô Kiệt. Cung điện ấy rộng 1 do tuần, bằng 7 báu trang nghiêm với nhiều màu sắc rực rỡ, rất vui mắt, có 7 thứ lớp tường cao bằng 7 báu bao quanh. Lan can, lầu gác cũng toàn bằng 7 báu. Lại có 7 lớp hồ bằng 7 báu, 7 hàng cây cảnh lá đều bằng 7 báu bao quanh cung điện. Trong cung điện ấy có 4 khu vườn để vui chơi, giải trí. Các khu vườn có tên là Thượng Hỷ, Lưu Ly, Hoa Sứ và Hương Sứ. Trong mỗi khu vườn đều có 8 cái hồ. Các hồ có tên là Hiền, Hiền Thượng, Hoan Hỷ, Hỷ Thượng, An Ổn, Đa An Ổn, Viễn Ly và A Bệ Bạt Trí. Cả 4 bờ quanh các hồ đều là bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Đáy hồ làm bằng chất pha lê, trên có trải cát bằng vàng. Mỗi hồ có 8 cái thang bằng đá quý. Quanh hồ có các hàng cây ba tiêu bằng vàng ròng Diêm Phù Đà. Trong hồ có đủ loại hoa sen xanh, vàng, trắng, đỏ,...; hoa sen nở đầy khắp mặt hồ. Quanh hồ có các cây hoa đẹp; khi gió thổi, hoa rụng xuống hồ, làm cho nước hồ có đầy đủ 8 công đức, có mùi vị chiên đàn, đủ màu sắc và mùi vị, vừa nhẹ nhàng, vừa êm dịu.

Ở trong cung điện, Bồ tát Đàm Vô Kiệt cùng 6 vạn 8 ngàn thế nữ cùng chung hưởng 5 dục đầy đủ. Dân chúng

nam cũng như nữ đều vào vui chơi trong các khu vườn, các hồ ao, chung hưởng 5 dục đầy đủ.

Này thiện nam tử! Sau khi đã cùng các thế nữ vui chơi, Bồ tát Đàm Vô Kiệt, ngày 3 thời, thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật. Dân chúng trong thành nam nữ, lớn nhỏ, đều tụ tập nhau, thiết lập pháp tòa lớn; 4 chân pháp tòa làm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê; trên mặt pháp tòa có trải màu sắc đẹp đẽ, có các gối kê chân cũng màu sắc đẹp đẽ; trên nệm và gối đều có rải diệp hương thơm ngát. Pháp tòa cao 5 dậm, có treo trướng thông xuống sát mặt đất. Cả 4 bên pháp tòa đều có rải các thứ hoa thơm 5 sắc, có các thứ hương thơm xông đốt tỏa mùi hương thơm ngát. Tất cả đều nhằm cung kính và cúng dường Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

Dân chúng cùng kính thỉnh Bồ tát lên pháp tòa, để thuyết giảng kinh Bát nhã Ba-la-mật.

Pháp hội có đến 500 vạn chư Thiên cùng người thế gian đều vân tập quanh pháp tòa. Trong số đó, có vị nghe, có vị thọ, có vị trì, có vị tụng, có vị biên chép, có vị chánh quán, có vị như thuyết tu hành.

Do nhân duyên được nghe pháp như vậy, nên lúc bấy giờ chẳng bị đọa vào 3 đường ác, chẳng thối tâm nơi Vô Thượng Bồ Đề.

Này thiện nam tử! Ông nên đến chỗ Bồ tát Đàm Vô Kiệt để được nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật.

Này thiện nam tử! Trải qua nhiều kiếp. Bồ tát Đàm Vô Kiệt đã từng làm thiện tri thức của ông, đã dạy cho ông đạo Vô Thượng Bồ Đề; rồi đây lại sẽ khai thị, làm lợi ích cho ông.



Trước kia Bồ tát Đàm Vô Kiệt cũng đã cầu Bát nhã Ba-la-mật y như ông cầu ngày hôm nay. Ông hãy đi ngay, chớ quán ngại ngày đêm, chớ quán ngại khó khăn,... chẳng bao lâu nữa, ông sẽ được nghe Bát nhã Ba-la-mật

Lúc bấy giờ, Bồ tát Tát Đà Ba Luân rất vui mừng, phấn khởi, mong chờ ngày được gặp vị thiện tri thức để được nghe Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người bị trúng mũi tên độc, chẳng có niệm gì khác, chỉ mong đến lúc được gặp vị thầy thuốc giỏi, nhổ mũi tên độc ra và trị độc cho mình. Cũng như vậy, Bồ tát Tát Đà Ba Luân chẳng có niệm gì khác, chỉ mong đến lúc được gặp Bồ tát Đàm Vô Kiệt, được nghe Bát nhã Ba-la-mật, để đoạn trừ tâm chấp trước (hữu tâm) của mình.

Do nhất tâm tưởng niệm Bồ tát Đàm Vô Kiệt, mà ở ngay tại chỗ, Bồ tát Tát Đà Ba Luân được tri kiến vô ngại ở nơi hết thấy các pháp.

Ở ngay hiện tiền, Bồ tát Tát Đà Ba Luân liền đắc vô lượng tam muội như: Chư pháp tánh quán tam muội – chư pháp tánh bất khả đắc tam muội – phá chư pháp vô minh tam muội – chư pháp bất dị tam muội – chư pháp bất hoại tự tại tam muội – chư pháp năng chiếu tam muội – chư pháp ly ám tam muội – chư pháp vô dị tướng tương tục tam muội – chư pháp bất khả đắc tam muội – tán hoa tam muội – chư pháp vô ngã tam muội – như huyền oai thể tam muội – như cảnh tượng tam muội – nhất thiết chúng sanh ngữ ngôn tam muội – nhất thiết chúng sanh hoan hỷ tam muội – phân biệt âm thanh tam muội – chủng chủng ngữ ngôn tứ cú trang nghiêm tam muội – vô úy tam muội – tánh thường mặc nhiên

tam muội – vô ngại giải thoát tam muội – ly trần cấu tam muội – danh tự ngữ ngôn trang nghiêm tam muội – kiến chư pháp tam muội – chư pháp vô ngại đánh tam muội – như hư không tam muội – như kim cang tam muội – vô úy trước sắc tam muội – thắng tam muội – chuyển nhãn tam muội – tất pháp tánh tam muội – thường an ổn tam muội – sư tử hồng tam muội – thắng nhất thiết chúng sanh tam muội – tán hoa trang nghiêm tam muội – đoạn nghi tam muội – nhất thiết kiên cố tam muội – xuất chư pháp thần thông lực vô úy tam muội – thường đạt chư pháp tam muội – chư pháp tài ẩn tam muội – chư pháp vô phân biệt kiến tam muội – ly chư kiến chấp tam muội – ly nhất thiết u ám tam muội – ly nhất thiết tướng tam muội – giải thoát nhất thiết trước tam muội – trú nhất thiết giải đãi tam muội – thâm pháp minh tam muội – bất khả đoạt tam muội – phá ma tam muội – bất trước tam giới tam muội – khởi quang minh tam muội – kiến chư Phật tam muội.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân an trú trong các tam muội ấy, liền thấy vô lượng chư Phật ở khắp 10 phương đang vì chư Bồ tát thuyết Bát nhã Ba-la-mật.

### LUẬN:

*Hỏi: Vì sao Bồ tát Tát Đà Ba Luân quên chẳng hỏi thêm giữa hư không về các vấn đề cần phải biết?*

**Đáp:** Vì Bồ tát Tát Đà Ba Luân quá vui mừng nên quên hỏi. Người quá buồn hay quá vui vẫn thường hay quên như vậy.

*Hỏi: Tiếng nói giữa hư không đã dứt rồi. Vì sao Bồ tát Tát Đà Ba Luân giữ im lặng suốt 7 ngày mà chẳng có hỏi lại?*

**Đáp:** Trước đây ở chốn rừng vắng, do nhất tâm cầu Bát nhã Ba-la-mật mà Bồ tát Tát Đà Ba Luân nghe được lời dạy bảo giữa hư không. Nay Bồ tát cũng muốn được nhất tâm cầu Bát nhã Ba-la-mật như trước để được nghe lời dạy bảo giữa hư không, nhằm đoạn nghi cho mình. Vì sao? Vì Bồ tát đã xả thế lạc, thâm nhập Phật đạo, nhưng chẳng hiểu sao vừa mới nghe lời khai thị, chưa kịp đoạn nghi thì tiếng nói giữa hư không lại liền bật dứt. Ví như đứa con nít vừa được thức ăn ngon, đang thích thú mà thức ăn đó đã hết, khiến em khóc lóc, buồn thảm. Cũng như vậy, Bồ tát Tát Đà Ba Luân có được các thuận duyên để được nghe, được học Bát nhã Ba-la-mật, nhưng Bồ tát chỉ mới có được ít khí vị Bát nhã Ba-la-mật, chưa thông đạt được Bát nhã Ba-la-mật mà tiếng nói giữa hư không đã mất, khiến Bồ tát chẳng còn biết phải đi đâu, phải đi bao xa nữa và phải gặp ai để được nghe Bát nhã Ba-la-mật. Do vậy mà Bồ tát phải ở lại và khóc than suốt 7 ngày đêm.

**Hỏi:** *Vì sao hết hạn 7 ngày đêm rồi, Phật mới hiện thân?*

**Đáp:** Ví như người khát nước nhiều mới cho nước là quý. Nếu chờ 2, 3 ngày thì quá ít. Còn nếu để quá 7 ngày thì lại quá nhiều, khiến người trong cuộc mất hết sự nhẫn nại... dẫn đến sẽ sanh ưu sầu, trở ngại cho việc cầu đạo.

Bởi vậy nên trong kinh mới nói đến thời hạn 7 ngày.

**Hỏi:** *Vì sao Bồ tát Tát Đà Ba Luân phải khóc lóc thảm thiết như người cha khóc khi chôn con mình vậy?*

**Đáp:** Trong tất cả các pháp thì Bát nhã Ba-la-mật là pháp tối thượng, là chân thật pháp của chư Phật 10 phương. Ở nơi Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Tát Đà Ba Luân chỉ mới được chút ít khí vị Bát nhã Ba-la-mật, chưa thông đạt đầy đủ, nên sầu khổ, khóc lóc như cha chôn con vậy.

Ví như cha mẹ nuôi dưỡng con, muốn con chóng trưởng thành để làm việc lớn. Cũng như vậy, Bồ tát muốn tăng ích lực Bát nhã Ba-la-mật, mong được bất thối chuyển... dẫn đến được thành Phật.

Ví như con có hiếu với cha mẹ, trọn đời chẳng xa rời tâm hiếu.

Cũng như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, từ khi mới phát tâm cho đến khi được thành Phật, trọn đời chẳng xa rời Bát nhã Ba-la-mật.

Lại ví như cha mẹ gặp được con liền sanh tâm hoan hỷ, mừng rỡ. Cũng như vậy, Bồ tát được Bát nhã Ba-la-mật sanh tâm hoan hỷ, mừng rỡ.

Thế nhưng, giữa phàm phu và Bồ tát có nhiều sự sai khác.

Ví như người cha, tuy rất thương con mà chẳng thể vì con hy sinh đầu, mắt, chân, tay của mình. Trái lại, Bồ tát vì chúng sanh sẵn sàng hy sinh thân mạng của mình.

Ví như con, dù rất có hiếu với cha mẹ, cũng chỉ báo hiếu có hạn lượng, phụng dưỡng cha mẹ đầy đủ trong hiện tại, đem lại lợi ích rất nhỏ. Còn Bồ tát dùng phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, chẳng gì mà chẳng làm được; Bồ tát dạy chúng sanh tu các thiện pháp... dẫn đến đưa chúng sanh đến Nhất thiết chủng trí, khiến được lợi ích lớn.

Ví như con, dù rất có hiếu, rất giàu có, cũng chỉ báo hiếu cha mẹ nhiều lắm là trong một đời. Bồ tát dạy chúng sanh hành Bát nhã Ba-la-mật, khiến họ được lợi ích trong vô lượng đời... dẫn đến được thành Phật. Pháp báo hiếu chỉ là giả danh, chẳng có thật; còn Bát nhã Ba-la-mật là chân thật thánh pháp, chẳng có hư dối.

Ví như con báo hiếu cha mẹ, chỉ làm cha mẹ mình sung sướng trong hiện đời, mà chẳng sao có thể làm tiêu được ưu sầu, khổ não của cha mẹ trong vô lượng kiếp. Bồ tát dạy chúng sanh hành Bát nhã Ba-la-mật, khiến họ được tiêu ưu sầu, khổ não,... dẫn đến được chân thật lạc, được giải thoát, được thành Phật.

Ví như con, dù rất có hiếu với cha mẹ, cũng chẳng thể làm cho cha mẹ thoát khỏi các khổ sanh già và chết. Bồ tát dạy chúng sanh hành Bát nhã Ba-la-mật khiến họ thoát được các khổ sanh già và chết, ra khỏi ngục tù 3 cõi.

Trên đây tóm lược các nhân duyên và thí dụ cho thấy sự sai khác giữa phàm phu và Bồ tát.

Người cha chôn con đương nhiên là rất đau buồn, nhưng nỗi đau buồn đó chẳng sao có thể sánh được với nỗi đau buồn của Bồ tát cầu Bát nhã Ba-la-mật mà chưa được như nguyện. Đây là lý do vì sao Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã khóc thảm thiết suốt 7 ngày đêm vậy.

**Hỏi:** *Đức Phật hiện ra giữa hư không là đức Phật gì? Phải chăng đây là đức Phật phát ra lời dạy trước đây, nay mới hiện thân? Nếu Phật đã hiện thân, vì sao chẳng liền độ Bồ tát Tát Đà Ba Luân mà lại bảo Bồ tát phải đi đến chỗ Bồ tát Đàm Vô Kiệt?*

**Đáp:** Có thuyết nói rằng đây chẳng phải là chân Phật mà chỉ là một vị hóa Phật, hoặc một vị đại Bồ tát hiện thân Phật.

Sở dĩ lần trước Bồ tát Tát Đà Ba Luân chỉ nghe được tiếng nói ở trong hư không mà chẳng thấy được thân Phật, vì lúc bấy giờ Bồ tát tuy đã có thiện căn phước đức mà chưa được thành tựu đầy đủ, nên ở trong thiên định chỉ được nghe tiếng mà thôi. Sau 7 ngày đêm nhất tâm niệm Phật thành tựu

thêm công đức mới được thấy Phật thân.

Sở dĩ Phật chẳng liền độ vì ở đời trước Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã có nhiều nhân duyên với Bồ tát Đàm Vô Kiệt nên nay phải theo Bồ tát Đàm Vô Kiệt mới được độ. Như trong kinh có nói đến trường hợp những người chỉ có nhân duyên với ngài Xá Lợi Phất thì Phật bảo họ đến thọ giáo với ngài để được khai ngộ vậy.

Vì Bồ tát Tát Đà Ba Luân nhất tâm cầu biết chỗ đến để được nghe Bát nhã Ba-la-mật nên Phật hiện thân ở giữa hư không tán thán: “Lành thay, lành thay!” và an ủi rằng: “Các đức Phật trong quá khứ cũng cầu Bát nhã Ba-la-mật như ông cầu ngày hôm nay. Ông hãy siêng năng, tinh tấn, một lòng ái pháp, mà tiếp tục đi về phương Đông. Từ nơi đây, đi 500 do tuần, sẽ gặp thành Chúng Hương...”

Ông nên đến chỗ Bồ tát Đàm Vô Kiệt để được nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật. Hãy đi ngay, chớ quản ngại ngày đêm, chớ quản ngại khó khăn; chẳng bao lâu nữa, ông sẽ được nghe Bát nhã Ba-la-mật”.

Sở dĩ Phật an ủi Bồ tát Tát Đà Ba Luân như vậy, vì người mới phát tâm, do phước đức còn mỏng nên rất dễ thoái tâm. Người cầu Bát nhã Ba-la-mật dù gặp khổ nhọc gian nguy cũng chẳng nên giải đãi, chẳng nên thoái chuyển; khi hành nhân thì gian khổ, nhưng khi thọ quả thì sẽ được an vui.

**Hỏi:** *Thành Chúng Hương ở nơi nào?*

**Đáp:** Các đức Phật quá khứ đã diệt độ, chỉ để lại di pháp, mà di pháp ấy chẳng có ở khắp cõi Diêm phù đề. Chúng sanh nào có được nhân duyên nghe pháp mới đến được thành Chúng Hương này. Do nhân duyên phước đức đời trước nên chúng sanh ở nơi đây rất giàu có, an vui, ở

nơi đây có rất nhiều kim quý, nên thành toàn làm 7 báu trang nghiêm.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân tuy ở cõi Diêm phù đề nhưng lại ở chỗ chẳng có 7 báu. Do đời trước đã có tích tập phước đức, do phiền não đã mỏng nên Bồ tát đã nhàm chán thế gian, từ bỏ thân quyến, vào an trú trong rừng vắng, mong đến được nơi Phật pháp để tu học.

Do vậy mà có tiếng giữa hư không khai thị chỉ đường cho Bồ tát đi đến chỗ Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

**Hỏi:** *Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã đầy đủ nhân duyên mới nghe được tiếng nói giữa hư không chỉ đường đến chỗ Bồ tát Đàm Vô Kiệt để cầu pháp. Như vậy, Bồ tát Đàm Vô Kiệt có nhân duyên như thế nào?*

**Đáp:** Bồ tát Đàm Vô Kiệt ở tại thành Chúng Hương vì chúng sanh thuyết pháp khiến chúng sanh trông được thiện căn. Bởi vậy nên thành Chúng Hương còn được gọi là Pháp thành.

Ở cõi nước này chẳng có vua, chỉ có Bồ tát Đàm Vô Kiệt làm vị pháp chủ. Nhân dân ở cõi nước trong thành hưởng phước báu giàu sang, sung túc, chẳng có tâm chấp ngã lại có thiện tâm nhu nhuyễn rất dễ độ.

Bồ tát Đàm Vô Kiệt là “sanh thân Bồ tát” nhưng vì chúng sanh ở cõi nước này, ngài đã dùng lực thần thông hiện “hóa thân” và dùng hóa thân để độ chúng sanh.

Cõi nước này rất khó đến. Bồ tát Tát Đà Ba Luân nhất tâm cầu Phật đạo, chẳng tiếc thân mạng nên được chư Phật, chư đại Bồ tát khai thị, chỉ đường đi đến đây.

**Hỏi:** *Vì sao Bồ tát Đàm Vô Kiệt lại cùng với 6 vạn thế nữ thọ 5 dục, lấy 5 dục để tự trang nghiêm, để tự vui hưởng?*

*Nếu Bồ tát Đàm Vô Kiệt là “sinh thân Bồ tát” thì làm sao có thể khiến Bồ tát Tát Đà Ba Luân tôn trọng cúng dường? Làm sao hóa các lễ vật cúng dường thành bảo đài ở giữa hư không? Làm sao có thể nhập vào tam muội suốt 7 năm?*

**Đáp:** Có thuyết nói “sinh thân Bồ tát” đã vào thật tướng pháp nên ở nơi thâm thiền định có được đầy đủ các lực thần thông.

Chư đại Bồ tát có thể nhập thiền định, cũng có thể hành các pháp cõi Dục; vì muốn độ chúng sanh nên các ngài thọ 5 dục nhưng vẫn chẳng mất thiền định. Ví như hoa sen ở trong bùn mà chẳng vậy mùi. Phạm phu vì độn căn, chẳng có thể làm được như vậy.

Bồ tát có đầy đủ các lực thần thông nên có thể hóa tác ra các bảo đài trụ giữa hư không, có thể nhập vào tam muội suốt thời gian 7 năm, lại cũng có thể phương tiện thọ 5 dục mà chẳng bị nhiễm dục vậy. Bồ tát chẳng phải chỉ hành Phật đạo, mà còn phải dùng thế gian đạo để nhiếp hóa và dẫn đạo chúng sanh.

Có thuyết nói Bồ tát Đàm Vô Kiệt là “pháp tánh sinh thân Bồ tát”, vì nếu là “sinh thân Bồ tát” thì làm sao được chư Phật 10 phương tán thán và bảo Bồ tát Tát Đà Ba Luân đến thọ pháp với ngài?

Làm sao chỉ nhất tâm tưởng niệm đến ngài mà Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã liền đắc 6 vạn tam muội?

Bởi vậy nên biết Bồ tát Đàm Vô Kiệt là một vị đại Bồ tát biến hóa thân và dùng hóa thân để giáo hóa chúng sanh ở thành Chúng Hương. Ví như trong biển lớn có con rồng chết. Tướng rồng hiện ra như tướng trái cây chín muối vừa rụng xuống đất; tức thì có đàn kên kên đến ăn thịt. Cũng như vậy,



khi có chúng sanh nào hành thiện nghiệp nhân duyên đã đến thời kỳ chín muồi thì liền có đại Bồ tát đến độ.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân nghe lời Phật truyền dạy giữa hư không nên sanh tâm hoan hỷ, chỉ mong sao được sớm gặp Bồ tát Đàm Vô Kiệt được học Bát nhã Ba-la-mật để đoạn sạch ái kiến cùng các phiền não chấp trước. Lúc bấy giờ, Bồ tát Tát Đà Ba Luân chẳng sanh niệm khác, mà chỉ nghĩ đến Bồ tát Đàm Vô Kiệt và Bát nhã Ba-la-mật mà thôi.

Ở nơi đây, Phật dùng thí dụ người bị trúng mũi tên độc, chẳng có niệm gì khác, chỉ mong đến lúc gặp được thầy thuốc giỏi, nhổ mũi tên độc ra và trị độc cho mình. Cũng như vậy, Bồ tát Tát Đà Ba Luân xem tà nghi, tham dục cùng các phiền não như là những mũi tên độc đâm vào mình, nên chỉ mong sớm gặp Bồ tát Đàm Vô Kiệt rút các mũi tên độc đó ra và đem lại sự giải thoát cho mình. Vì sao? Vì mũi tên độc bắn vào người làm cho đau nhức,... dẫn đến có thể làm hại đến tánh mạng. Cũng như vậy, các mũi tên độc tà nghi, tham dục làm não loạn tâm... có thể đoạt cả huệ mạng. Ý Phật muốn nói rằng phải đoạn hết thầy các tâm chấp trước; chẳng chấp hết thầy các pháp tướng. Chấp ác pháp cũng như chấp thiện pháp đều phải đoạn cả, vì đều là bệnh.

-o0o-

Bồ tát Tát Đà Ba Luân được thấy Phật thân, được nghe các lời giáo huấn của Phật, nên được pháp hỷ, được ly dục. Do được pháp hỷ, nên được tri kiến vô ngại ở nơi hết thầy các pháp; và ngay ở hiện tiền liền đắc vô lượng tam muội. Như:

- Chư pháp tánh quán tam muội: Vào tam muội này, quán được thật tánh các pháp.

- Chư pháp tánh bất khả đắc tam muội: Vào tam muội này, biết tánh các pháp là bất khả đắc.

- Phá chư pháp vô minh tam muội: Vào tam muội này chẳng còn chấp pháp tánh, pháp tướng, nên phá được nhân duyên vô minh, tà khúc, bất chánh ở nơi các pháp.

Vô minh có nhiều tầng lớp; chẳng phải một lần mà có thể phá được, có phần Thanh Văn có thể phá được; có phần Bồ tát có thể phá được; có phần chỉ có Phật mới có thể phá được. Lại nữa, cùng là Thanh Văn mà Tu-đà-hoàn phá ít... A-la-hán phá nhiều hơn; cùng là Bồ tát mà tiểu Bồ tát phá ít, đại Bồ tát phá nhiều hơn. Như trước đây đã nêu thí dụ về các cây đèn; đèn nhỏ phá bóng tối ít, đèn lớn phá bóng tối nhiều hơn.

Nếu đem so sánh các phương tiện phá vô minh của Tiểu thừa và của Đại thừa thì phương tiện phá vô minh của Tiểu thừa chưa được rốt ráo. Phương tiện của Đại thừa mới thật là rốt ráo; dùng phương tiện của Đại thừa mới thật phá vô minh... dẫn đến khi thành Phật thì vô minh mới được tận phá.

Ở trong Phật pháp, Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã phá được các tà kiến, ái kiến, ngã kiến, v.v... nên vào được tam muội này.

- Chư pháp bất dị tam muội: Vào tam muội này, quán biết hết thấy các pháp chỉ là một tướng (nhất tướng), chẳng có tướng khác nhau (dị tướng).

- Chư pháp bất hoại tự tại tam muội: Vào tam muội này, quán biết thật tánh pháp là tướng vô vi, nên được tự tại ở nơi hết thấy pháp; biết rõ ràng hết thấy các pháp khi hành Phật đạo.

- Chư pháp năng chiếu tam muội: Vào tam muội này, phá

được vô minh hắc ám. Vô minh có mỏng, có dày; mỏng thì gọi là vô minh, dày thì gọi là vô minh hắc ám.

- Chư pháp vô dị tướng tương tục tam muội: Vào tam muội này, biết các pháp niệm niệm tương tục, như 5 âm niệm niệm tương tục sanh diệt.

- Chư pháp bất khả đắc tam muội: Vào tam muội này, biết rõ hết thấy các pháp đều là không, là bất khả đắc.

- Tán hoa tam muội: Vào tam muội này, đi khắp các cõi Phật ở khắp 10 phương, dùng hoa quý tán Phật.

- Chư pháp vô ngã tam muội: Vào tam muội này, quán biết hết thấy pháp đều là vô ngã.

- Như huyễn oai thế tam muội: Vào tam muội này, biến ra các sự việc, các cảnh giới hy hữu, khiến chúng sanh tín thọ.

- Như cảnh tượng tam muội: Vào tam muội này, quán biết cả 3 cõi đều là như bóng trong gương, chẳng thật có.

- Nhất thiết chúng sanh ngữ ngôn tam muội: Vào tam muội này, thường biết được hết thấy các ngữ ngôn của chúng sanh.

- Nhất thiết chúng sanh hoan hỷ tam muội: Vào tam muội này, chuyển được tâm sân hận của chúng sanh thành tâm hoan hỷ.

- Phân biệt âm thanh tam muội: Vào tam muội này, thường nghe được và phân biệt được tiếng của các loài chúng sanh.

- Chùng chùng ngữ ngôn tự cú trang nghiêm tam muội: Vào tam muội này, thì khi nói năng, dù dùng câu, dùng chữ đơn giản, dùng nghĩa nông cạn cũng thường được trang nghiêm, khiến người nghe sanh tâm hoan hỷ.

- Vô úy tam muội: Vào tam muội này, chẳng còn sợ hãi hết thấy tà ma, ngoại đạo.

- Tánh thường mặc nhiên tam muội: Vào tam muội này, thường giữ im lặng, giữ tâm chuyên nhất. Chỉ khi nào cần nói để độ chúng sanh mới cất tiếng mà thôi.

- Vô ngại giải thoát tam muội: Vào tam muội này, được trí huệ vô ngại, giải thoát ở nơi hết thảy các pháp.

- Ly trần cấu tam muội: Vào tam muội này, diệt hết thảy phiền não trần cấu. Tam muội này còn được gọi là Vô sanh pháp nhẫn tam muội.

- Danh tự ngữ ngôn trang nghiêm tam muội: Vào tam muội này, khi thuyết pháp được đầy đủ các ngôn thuyết trang nghiêm.

- Kiến chư pháp tam muội: Vào tam muội này, thấy rõ cả thế đế lẫn đệ nhất nghĩa đế.

- Chư pháp vô ngại đánh tam muội: Vào tam muội này, thấy rõ các pháp một cách vô ngại. Ví như người đứng trên đỉnh núi cao thấy rõ khắp cả 4 phương.

- Như hư không tam muội: Vào tam muội này, thấy các pháp nội thân, ngoại thân đều như hư không, nên được tự tại ở nơi hết thảy các pháp.

- Như kim cang tam muội: Vào tam muội này, được tâm kiên cố như kim cang, phá tan các núi phiền não cùng các chướng ngại khác khi hành 6 pháp Ba-la-mật, cho đến khi vào Phật đạo.

- Vô úy trước sắc tam muội: Vào tam muội này, chẳng còn có sợ hãi, chẳng còn có chấp trước hết thảy các sắc.

- Thắng tam muội: Vào tam muội này, muốn làm sự việc gì đều có thể làm được cả.

- Chuyển nhãn tam muội: Vào tam muội này, khiến ma

vương, ma dân chẳng có thể tìm thấy được chỗ sở đoản của mình.

- Tất pháp tánh tam muội: Vào tam muội này, thấy hết thấy các pháp đều rót ráo vào trong pháp tánh.

- Thường an ổn tam muội: Vào tam muội này, tuy còn qua lại 6 đường sanh tử mà vẫn biết mình ắt sẽ thành Phật nên thường được an lạc, chẳng có lo âu.

- Sư tử hồng tam muội: Vào tam muội này, hàng phục được các tà ma ngoại đạo.

- Thắng nhất thiết chúng sanh tam muội: Vào tam muội này, ở nơi hết thảy chúng sanh đều được tối thắng.

- Tán hoa trang nghiêm tam muội: Vào tam muội này, thấy khắp trong 10 phương, các đức Phật ngồi trên các đài sen quý, có các hoa sen quý từ trên hư không rơi xuống như mưa, tán lên các đức Phật.

- Đoạn nghi tam muội: Vào tam muội này, tuy chưa thành Phật mà đã đoạn nghi cho chúng sanh.

- Nhất thiết kiên cố tam muội: Vào tam muội này, được kiên cố ở nơi thật tướng pháp, chẳng còn tùy các pháp.

- Xuất chư pháp thân thông lực vô úy tam muội: Vào tam muội này, được các lực thần thông của Bồ tát, được vô sở úy nên được ra khỏi pháp của phàm phu.

- Thường đạt chư pháp tam muội: Vào tam muội này, thông đạt hết thảy các pháp... dẫn đến như pháp tánh thật tế cũng thông đạt. Tuy thông đạt mà chẳng trú nơi các pháp; xem các pháp bình đẳng, chẳng phân biệt.

- Chư pháp tài ẩn tam muội: Vào tam muội này, được tất cả các thiện pháp. Được pháp ẩn này rồi, chẳng còn bị lưu

nạn ở nơi hết thấy các pháp.

- Chư pháp vô phân biệt tam muội: Vào tam muội này, thấy rõ hết thấy các pháp đều chẳng có phân biệt.

- Ly chư kiến chấp tam muội: Vào tam muội này, ly được tất cả 62 tà kiến của ngoại đạo, biết rõ do chấp tướng mà sanh chấp tâm.

- Ly nhất thiết u ám tam muội: Vào tam muội này, ly được các tướng tâm mê muội, điên đảo.

- Ly nhất thiết tướng tam muội: Vào tam muội này, được giải thoát môn vô tướng.

- Giải thoát nhất thiết trước tam muội: Vào tam muội này, ở nơi hết thấy các pháp chẳng còn có chỗ chấp trước.

- Trừ nhất thiết giải đãi tam muội: Vào tam muội này, thường tinh tấn, chẳng hề giải đãi, như vậy mãi cho đến khi được thành Phật.

- Thâm pháp minh tam muội: Vào tam muội này, thâm nhập vào hết thấy các Phật pháp, được hết thấy các trí huệ, thường được thấy Phật, được nghe pháp.

- Bất khả đoạt tam muội: Vào tam muội này, được đầy đủ ý chí, chẳng ai có thể đoạt được.

- Phá ma tam muội: Vào tam muội này, phá được các ma sự.

- Bất trước tam giới tam muội: Vào tam muội này, tuy thân còn ở trong 3 cõi, mà tâm thường ở nơi Niết Bàn.

- Khởi quang minh tam muội: Vào tam muội này, thường khởi các quang minh chiếu sáng đến vô lượng cõi Phật.

- Kiến chư Phật tam muội: Vào tam muội này, dù chưa có thiên nhãn và thiên nhĩ, mà cũng đã có thể thấy và nghe chư

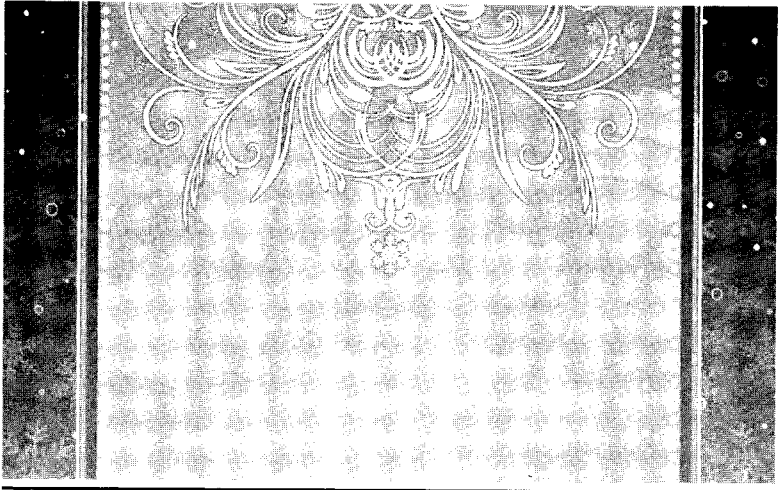
Phật trong 10 phương thuyết pháp, cũng có thể thưa hỏi chư Phật về các chỗ nghi của mình.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân được tam muội này nên thấy ở các cõi Phật khắp 10 phương, có các đức Phật đang thuyết pháp giữa đại chúng.

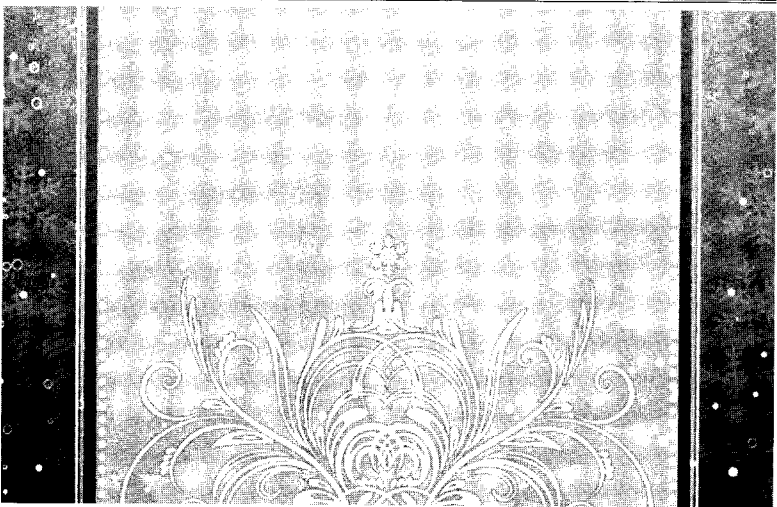
(Hết quyển 97)







**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 98**





## **Phẩm Thứ Tám Mười Tám (TIẾP THEO)**



### **Tát Đà Ba Luân (tiếp theo)**

#### **KINH:**

Lúc bấy giờ chư Phật trong 10 phương an ủi Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: Lành thay, lành thay! Nay thiện nam tử! Trước đây khi chúng ta hành Bồ tát đạo, cầu Bát nhã Ba-la-mật, được các tam muội cũng y như trường hợp của ông hiện nay. Khi được các tam muội rồi, chúng ta cũng vào Bát nhã Ba-la-mật, thành tựu các lực phương tiện, trú bất thối chuyển địa. Khi quán tánh của các tam muội, chúng ta chẳng có thấy pháp gì gọi là ra hay vào các tam muội; chẳng thấy có ai hành Phật đạo; chẳng thấy có ai được Vô Thượng Bồ Đề.

Nay thiện nam tử! Nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật là như vậy. Đó là chẳng niệm có các pháp.

Nay thiện nam tử! Chúng ta an trú trong pháp vô sở niệm ấy mà được thân kim sắc, được quang minh sáng chói, được 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp, được trí huệ chẳng thể nghĩ bàn; được giới vô thượng, tam muội vô thượng, trí huệ vô thượng, cùng hết thảy các công đức đầy đủ.

Phật có hết thảy công đức đầy đủ như vậy mà còn chẳng có thể nói hết ra được các tướng có thể thủ, hưởng nữa là các hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật cùng các người khác.

Này thiện nam tử! Bởi vậy đối với Phật pháp, ông phải nên cung kính, ái niệm và sanh tín tâm thanh tịnh; đối với thiện tri thức, ông phải nên xem như là Phật.

Vì sao? Vì nhờ có chư thiện tri thức thủ hộ mà Bồ tát mới mau được Vô Thượng Bồ Đề.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Tát Đà Ba Luân bạch với chư Phật rằng: Ai sẽ là vị thiện tri thức của con, mà con phải nên thân cận và cúng dường?

Chư Phật bảo: Bồ tát Đàm Vô Kiệt là vị thiện tri thức của ông. Vị Bồ tát ấy đã có nhiều đời giáo hóa ông tu Vô Thượng Bồ Đề. Vị Bồ tát ấy cũng lại sẽ thủ hộ ông, sẽ dạy cho ông các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật. Đó là vị thiện tri thức của ông. Bởi vậy ông phải nên cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt. Dù 1 kiếp, 2 kiếp, 3 kiếp... dẫn đến 100 kiếp cúng dường, ông vẫn phải nên nhất tâm cung kính cúng dường. Dù có đem tất cả các diệu sắc, diệu thanh, diệu hương, diệu vị, diệu xúc ra cúng dường cũng chẳng sao đền đáp được thâm ân trong muôn một.

Vì sao? Vì do nhân duyên có Bồ tát Đàm Vô Kiệt mà ông được các tam muội, được Bát nhã Ba-la-mật, được các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân được chư Phật an ủi, giáo hóa như vậy, lấy làm vui mừng sung sướng.

An ủi và giáo hóa xong, chư Phật bỗng nhiên biến mất, chẳng còn thấy đâu nữa.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân chẳng còn thấy chư Phật nữa, bèn đầy niệm rằng: “Chư Phật đã từ đâu đến, và nay lại đi về đâu?”

Do nghĩ như vậy nên tâm chẳng được an vui, ngài lại khóc lóc và than rằng, “Ai sẽ là người đoan các chỗ nghi cho tôi?”.

Rồi ngài lại nghĩ đến Bồ tát Đàm Vô Kiệt từ lâu nay đã thường hành Bát nhã Ba-la-mật, đã được các lực phương tiện, đã được các môn đà la ni tam muội, đã được tự tại ở nơi hết thảy các pháp, đã cúng dường vô lượng đức Phật trong quá khứ, đã nhiều đời làm thiện tri thức cho mình, đã thường làm lợi ích cho mình. Nghĩ như vậy nên ngài tự bảo: “Tôi phải đến hỏi Bồ tát Đàm Vô Kiệt để biết chư Phật từ đâu đến và đi về đâu”.

Lúc bấy giờ Bồ tát Tát Đà Ba Luân sanh tâm cung kính, yêu quý, tôn trọng Bồ tát Đàm Vô Kiệt và tự nghĩ rằng: “Tôi phải nên cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt. Thế nhưng, hiện nay tôi nghèo khổ, chẳng có gì quý giá, xứng đáng để cúng dường Bát nhã Ba-la-mật, và cúng dường Bồ tát pháp sư Đàm Vô Kiệt. Chẳng nên đi tay không đến chỗ Bồ tát Đàm Vô Kiệt. Nếu đến tay không là thất lễ, khiến tôi chẳng sanh được tâm hoan hỷ. Tôi phải bán thân tôi để có phương tiện mua sắm lễ vật cúng dường Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát pháp sư. Trải qua nhiều đời, nhiều kiếp, trăm luân trong sanh tử, tôi đã mất vô số thân mà đâu có lợi ích gì? Có lúc tôi phải đọa địa ngục, chịu vô lượng khổ đau, nhưng chưa bao giờ tôi mất thân vì pháp thanh tịnh cả. Tôi quyết cúng dường Bát nhã Ba-la-mật và pháp sư, dù có mất thân này tôi cũng vui lòng”.

Nghĩ như vậy rồi, Bồ tát Tát Đà Ba Luân đi vào một thành, đến giữa chợ rao lớn rằng: Ai cần người, ai cần mua người! Tôi xin bán mình tôi đây!

Lúc bấy giờ ác ma nghĩ rằng: “Vì mến pháp mà Tát

Đà Ba Luân tự bán mình để cúng dường Bát nhã Ba-la-mật và vị pháp sư Đàm Vô Kiệt, cầu được các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật. Nếu người ấy hành Bát nhã Ba-la-mật, ắt sẽ chóng được Vô Thượng Bồ Đề. Nếu người ấy được đa văn như nước trong biển lớn, thì lúc đó chúng ta sẽ chẳng còn có thể phá hoại được nữa. Nếu người ấy được đầy đủ hết thảy công đức, làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề thì sẽ vượt khỏi cảnh giới của chúng ta, và cũng sẽ dạy người khác vượt khỏi cảnh giới của chúng ta. Chúng ta phải phá hoại ngay việc làm của người ấy”.

Nghĩ như vậy rồi, ác ma liền hóa phép che mắt, bịt tai các Bà-la-môn và dân chúng trong thành, chẳng cho thấy nghe gì về cảnh bán thân của Bồ tát Tát Đà Ba Luân cả. Chỉ trừ có một trưởng giả nữ, do phước duyên đời trước, khiến ma chẳng ngăn che được mà thôi.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân rao bán thân chẳng được, rất sầu khổ, bèn đứng tại chỗ khóc lóc thảm thiết, tự nghĩ rằng: “Tôi có nhiều tội lỗi, nên nay vì Bát nhã Ba-la-mật tôi muốn tự bán thân để cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt mà chẳng được”.

Lúc bấy giờ vị Thiên đế Thích Đề Hoàn Nhơn thấy Bồ tát Tát Đà Ba Luân vì thâm ái chánh pháp mà xả thân, nên đã hóa thân làm Bà-la-môn đến bên cạnh và hỏi rằng: Vì sao ông lại sầu khổ khóc than thảm thiết, khiến nhan sắc tiêu tụy như vậy?

Bồ tát Tát Đà Ba Luân đáp: Tôi vì ái kính pháp mà nguyện tự bán thân để cúng dường Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát Đàm Vô Kiệt mà chẳng có ai mua.

Vị hóa Bà-la-môn nói: Tôi chẳng cần mua người. Nay

tôi muốn tế trời, cần đến máu, tim và tủy người. Ông có thể bán các thứ ấy cho tôi chăng?

Bồ tát Tát Đà Ba Luân tự nghĩ: “Tôi được lợi ích lớn. Nay vì muốn được các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật nên tôi sẵn sàng bán máu, tim và tủy của tôi”.

Nghĩ như vậy rồi thâm tâm rất vui mừng, chẳng còn lo âu nữa, ngài nói với vị hóa Bà-la-môn rằng: Ông muốn mua gì tôi cũng xin sẵn sàng bán cho ông.

Vị hóa Bà-la-môn hỏi: Ông lấy giá bao nhiêu?

Bồ tát Tát Đà Ba Luân đáp: Tùy ông, bao nhiêu cũng được.

Liền khi đó Bồ tát Tát Đà Ba Luân cầm dao bén đâm vào cánh tay để lấy máu, lại muốn cắt thịt bắp về để phá xương lấy tủy.

Vị trưởng giả nữ từ trên gác cao nhìn thấy ở đằng xa Bồ tát Tát Đà Ba Luân đang tự cắt thân, chẳng tiếc gì đến mạng sống nên muốn biết rõ nguyên do. Nàng liền xuống gác, đến tận nơi hỏi Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: Thưa ngài! Vì nhân duyên gì mà ngài phải tự hủy thân, khổ khổ như thế này? Ngài dùng máu và tủy để cầu việc gì?

Bồ tát Tát Đà Ba Luân đáp: Tôi bán các thứ ấy cho vị Bà-la-môn này để có tiền mua sắm lễ vật cúng dường Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

Vị trưởng giả nữ hỏi: Ngài muốn bán máu và tủy để cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt chăng? Cúng dường như vậy ngài sẽ có được công đức gì?

Bồ tát Tát Đà Ba Luân đáp: Bồ tát Đàm Vô Kiệt đã khéo học Bát nhã Ba-la-mật và các lực phương tiện Bát

nhã Ba-la-mật. Vị Bồ tát này sẽ dạy cho tôi biết những việc phải làm của hàng Bồ tát để viên thành đạo nghiệp. Tôi học pháp ấy sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Được Vô Thượng Bồ Đề rồi, tôi sẽ làm chỗ y chỉ cho hết thảy chúng sanh; tôi sẽ được thân kim sắc với đầy đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp; tôi sẽ có vô lượng quang minh, tôi sẽ có đầy đủ 4 vô lượng tâm, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 10 Phật lực, 18 bất cộng pháp, 6 thần thông chẳng thể nghĩ bàn được, tôi sẽ có giới, định, huệ thanh tịnh, chẳng thể nghĩ bàn được; tôi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Ở nơi hết thảy các pháp, tôi sẽ được tri kiến vô ngại, rồi tôi sẽ đem Pháp bảo vô thượng ban phát cho hết thảy chúng sanh. Hết thảy các công đức, các sự lợi lạc đó, tôi sẽ được từ nơi Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

Vị trưởng giả nữ nghe nói Phật pháp thượng diệu, rất vui mừng. Nàng nói với Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: Việc làm của ngài thật là rất hiếm có. Như chỗ ngài nói, Bát nhã Ba-la-mật là pháp vi diệu, khó gặp được. Ngài vì diệu pháp ấy mà nguyện xả thân, thật là việc làm rất hiếm có vậy. Thưa ngài! Nay ngài cần bao nhiêu châu báu, hoa hương, tràng phan, bảo cái, y phục, nhạc khí,... để cúng dường Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát Đàm Vô Kiệt, tôi xin cung ứng đầy đủ. Ngài chớ nên tự hủy hoại thân. Tôi cũng muốn cùng ngài đến chỗ Bồ tát Đàm Vô Kiệt, cùng ngài gieo trồng thiện căn để được nghe pháp vi diệu, như lời ngài vừa nói.

Lúc bấy giờ, Thiên đế Thích Đề Hoàn Nhơn trở lại nguyên hình, tán thán Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: Lành thay, lành thay! Ông phải chịu đau đớn như vậy mà vẫn giữ được tâm kiên cố, bất động. Chư Phật trong quá khứ khi hành Bồ tát đạo, cầu các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật cũng như ông hiện nay mà được Vô Thượng



**Bồ Đề.** Tôi thật chẳng muốn dùng máu và tủy của ông để làm gì cả. Tôi chỉ muốn thử tâm ông đó thôi. Nay ông cầu việc gì, tôi sẽ ban cho.

**Bồ tát Tát Đà Ba Luân** đáp: Tôi chỉ muốn được Vô Thượng Bồ Đề.

**Vị Đế Thích** nói: Việc ấy ngoài sức của tôi. Đó là cảnh giới của Phật. Ông nên cầu việc khác trong khả năng của tôi.

**Bồ tát Tát Đà Ba Luân** nói: Vậy xin cho thân thể của tôi được hồi phục lại như cũ.

Liền khi đó, thân thể của **Bồ tát Tát Đà Ba Luân** được hồi phục lại như cũ. Đồng thời **vị Đế Thích** cũng biến mất, chẳng còn hiện nữa.

**Vị trưởng giả nữ** nói với **Bồ tát Tát Đà Ba Luân** rằng: Xin mời ngài hãy đến nhà tôi. Tôi sẽ xin cha mẹ tôi cung ứng đầy đủ lễ vật để ngài đem đi cúng dường. Tôi cũng sẽ từ giả cha mẹ tôi, sẽ dẫn theo đoàn thị nữ, sẽ cùng ngài đi đến chỗ **Bồ tát Đàm Vô Kiệt** để cúng dường và cầu pháp **Bát Nhã Ba-la-mật**.

Khi đến nhà, **vị trưởng giả nữ** bảo **Bồ tát Tát Đà Ba Luân** đứng ngoài cổng. Rồi nàng vào thưa với cha mẹ, xin đầy đủ các lễ vật cúng dường, nàng lại xin phép cha mẹ cho dẫn theo 500 thị nữ tháp tùng, để cùng đi với **Bồ tát Tát Đà Ba Luân** đến chỗ **Bồ tát Đàm Vô Kiệt** cúng dường và nghe thuyết **Bát Nhã Ba-la-mật**.

Hai ông bà trưởng giả nói với con rằng: **Bồ tát Tát Đà Ba Luân** là người như thế nào? Hiện nay người này ở đâu?

**Vị trưởng giả nữ** thưa rằng: **Bồ tát Tát Đà Ba Luân** hiện đứng ở ngoài cổng. Người này thâm tâm cầu **Vô Thượng Bồ Đề**, muốn độ hết thấy chúng sanh thoát khỏi

các khổ đau sanh tử, nên đã tự nguyện bán thân cúng dường Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát Đàm Vô Kiệt. Do vậy mà đã ra giữa chợ rao: “Ai muốn mua người hãy đến mua”. Rao mãi chẳng ai mua, người này buồn khổ, khóc lóc rất thảm thiết. Thiên đế Thích Đề Hoàn Nhơn tự biến thành một vị Bà-la-môn đến hỏi lý do. Khi được biết người này muốn bán thân, vị Đế Thích đòi mua máu, tim và tủy để tế trời, nếu muốn bán thì cho biết giá cả. Người này vui vẻ chấp nhận bán, nói rằng: “Cho bao nhiêu cũng được”. Thế rồi người này cầm dao bén xẻ thịt để lấy máu và toan phá xương để lấy tủy. Con từ trên gác cao trông thấy cảnh tượng thê thảm đó nên đã xuống gác đến hỏi nguyên nhân và được biết người này nguyện bán máu và tủy cho vị hóa Bà-la-môn để có tiền mua sắm lễ vật cúng dường Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát Đàm Vô Kiệt. Con hỏi về lợi ích của sự bán máu và tủy để cúng dường thì người này cho biết Bát nhã Ba-la-mật là pháp vi diệu, tối thượng, học pháp ấy sẽ được Vô Thượng Bồ Đề; lại cho biết Bồ tát Đàm Vô Kiệt sẽ vì người này dạy các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, dạy các việc mà hàng Bồ tát phải làm để viên thành đạo nghiệp. Khi đã biết nguyên nhân, con bảo người này chớ nên hủy hoại thân thể và con hứa sẽ về xin cha mẹ đầy đủ các lễ vật cần thiết để người này đem cúng dường Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát Đàm Vô Kiệt. Vậy con kính xin cha mẹ cho con đầy đủ các thứ châu báu, hoa hương, tràng phan, bảo cái, y phục, nhạc khí, v.v... Cho phép con đem theo 500 thị nữ tháp tùng, cho phép con được đi cùng với người này đến chỗ Bồ tát Đàm Vô Kiệt để cúng dường, gieo trồng thiện căn và để nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật.

Cha mẹ nàng nói với nàng rằng: Việc làm của người

này thật là hiếm có. Người này vì pháp chẳng thể nghĩ bàn, pháp tối diệu, tối thượng, đệ nhất trong thế gian mà phát đại thế trang nghiêm. Vậy cha mẹ bằng lòng cho con cùng đi với người này đến chỗ Bồ tát Đàm Vô Kiệt để được thân cận, cúng dường ngài và để được nghe ngài thuyết về Bát nhã Ba-la-mật. Con đã vì Phật pháp mà phát đại tâm, tinh tấn như vậy, cha mẹ đâu có lý do gì mà chẳng tùy hỷ.

Được cha mẹ hoan hỷ chấp thuận lời thỉnh nguyện, vị trưởng giả nữ thưa với cha mẹ rằng: Con cũng xin tùy tâm hoan hỷ và xin nguyện trọn chẳng bao giờ đoạn các thiện nhân duyên này.

Thế rồi vị trưởng giả nữ liền trang nghiêm 500 cỗ xe bảy báu, cùng với 500 thị nữ thu xếp các lễ vật cúng dường gồm châu báu, hoa hương, tràng phan, bảo cái, y phục, nhạc khí, v.v... các thức ăn uống cần thiết cho cuộc hành trình. Trưởng giả nữ, 500 thị nữ ngồi trên các cỗ xe bảy báu, tháp tùng Bồ tát Tát Đà Ba Luân đi lần về phương Đông, hướng thành Chúng Hương.

Thành Chúng Hương có 7 lớp thành bằng 7 báu trang nghiêm, lại có 7 vòng hào, có 7 hàng cây 7 báu bao quanh. Thành có đến 500 thị trấn; đường xá, chợ búa, cầu, bến, v.v... đều rất sạch sẽ, huy hoàng tợ như ở trong các bức tranh vẽ, mặt đất bằng phẳng, dân chúng trong thành đông đúc và rất sung túc. Vào thành là liền thấy Bồ tát Đàm Vô Kiệt ngồi trên đài cao trên pháp tòa, đang thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn vạn ức thính chúng cung kính đon đàng vây pháp tòa để nghe pháp.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân vừa thoáng thấy Bồ tát Đàm Vô Kiệt, liền sanh tâm hoan hỷ, như vị Tỷ-kheo nhập đệ

tam thiên, nhiếp tâm an tịnh và tự nghĩ rằng: “Nếu theo đúng lễ nghi, chẳng nên ngồi trên xe đến chỗ Bồ tát pháp sư”. Nghĩ như vậy rồi, liền xuống xe đi bộ. Vị trưởng giả nữ cùng 500 thị nữ cũng đều xuống xe, đi bộ theo sau.

Cạnh pháp tòa của Bồ tát Đàm Vô Kiệt có đài bảy báu trang nghiêm bằng gỗ “ngưu đầu chiên đàn”(\*) màu đỏ, có màn lưới kết bằng trân châu bao quanh, ở bốn bên đều có chuỗi trân bảo châu ma ni thông xuống dùng làm đèn, lại có 4 lò thường xuyên xông đốt các thứ hương thơm để cúng dường Bát nhã Ba-la-mật. Trên đài có đặt một cái giường lớn bảy báu, trên giường lớn lại có đặt một cái giường nhỏ 4 báu. Kinh Ma ha Bát nhã Ba-la-mật được chép trên các lá vàng ròng, và được đặt trên giường nhỏ này. Ngay phía bên trên đài có các tràng phan, bảo cái trang nghiêm treo rủ xuống.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân, vị trưởng giả nữ cùng 500 thị nữ thấy đài thờ kinh Bát nhã Ba-la-mật được trang nghiêm bằng đủ thứ châu báu, lại thấy Thiên đế Thích Đề Hoàn Nhơn cùng vô lượng chư Thiên đem hoa trời mạn đà la và bột thơm hương chiên đàn rải lên đài, lại nghe trên hư không có tiếng nhạc trời trỗi lên để cúng dường.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân hỏi vị Đế Thích: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Vì nhân duyên gì mà có vô lượng chư Thiên đem hoa trời mạn đà la và bột hương chiên đàn rải lên đài, lại có nhạc trời trỗi lên như vậy?

---

\*. Cây chiên đàn (cây trầm) là một loại cây gỗ quý, có hương thơm, có nhiều màu: Đỏ, trắng, tía. Bột gỗ chiên đàn đốt lên tỏa mùi hương thơm dễ chịu, thường được dùng để cúng Phật. Có rất nhiều giống. Ở trên dãy Hy Mã Lạp Sơn có loại “ngưu đầu chiên đàn” rất đặc biệt. Thứ chiên đàn này cho vào lửa chẳng bị cháy.

**Vị Đệ Thích** đáp: Ông chẳng biết gì chăng? Đây là chỗ để kinh Ma ha Bát nhã Ba-la-mật. Kinh này là mẹ của chư đại Bồ tát, hay sanh ra chư Phật và nhiếp trì chư Bồ tát. Do học Bát nhã Ba-la-mật mà thành tựu được hết thảy các công đức, được các Phật pháp và Nhất thiết chủng trí.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân rất vui mừng hỏi vị Đệ Thích: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của các chư đại Bồ tát hay sanh ra Phật và nhiếp trì chư Bồ tát. Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật mà thành tựu được hết thảy các công đức, được các Phật pháp... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí. Hiện nay pháp bảo ấy ở tại nơi đâu?

**Vị Đệ Thích** đáp: Ở trên đài cao có cái giường lớn bảy báu, bên trên cái giường lớn bảy báu ấy lại có cái giường nhỏ 4 báu, đó là nơi để kinh Ma ha Bát nhã Ba-la-mật. Kinh này được chép trên các lá vàng ròng. Vì Bồ tát Đàm Vô Kiệt đã dùng ấn 7 báu ấn lên rồi, nên chúng tôi chẳng có thể mở ra cho người xem được.

Lúc bấy giờ Bồ tát Tát Đà Ba Luân, vị trưởng giả nữ cùng 500 thị nữ đem các lễ vật cúng dường gồm hương hoa, chuỗi anh lạc, tràng phan, bảo cái, v.v... chia ra làm 2 phần:

- Một phần cúng dường kinh quyển Ma ha Bát nhã Ba-la-mật.

- Một phần cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

Sau khi cúng dường Bát nhã Ba-la-mật xong, Bồ tát Tát Đà Ba Luân cùng đoàn tùy tùng đem phần lễ vật còn lại đến cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt đang ngồi trên pháp tòa.

Bồ tát Đàm Vô Kiệt liền biến các đồ lễ vật cúng dường thành bảo đài, bảo trưởng, bảo cái, ở 4 bên bảo cái lại có các bảo phan thông xuống. Tất cả các thứ ấy đều trú trên hư không, ở ngay phía trên pháp tòa của Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân cùng đoàn tùy tùng thấy các sự biến hóa như vậy, rất lấy làm vui mừng, tự nghĩ rằng: “Thần thông và đức hạnh của Bồ tát Đàm Vô Kiệt thật là hiếm có chưa từng thấy! Đang trong giai đoạn hành Bồ tát hạnh mà đã được thần thông, đức hạnh như vậy, huống nữa là khi được Vô Thượng Bồ Đề”.

Vị trưởng giả nữ cùng 500 thị nữ khởi tín tâm thanh tịnh, kính trọng Bồ tát Đàm Vô Kiệt, phát tâm Vô Thượng Bồ Đề đồng phát nguyện rằng: “Nguyện được Bồ tát pháp thâm thâm như Bồ tát Đàm Vô Kiệt, nguyện được cúng dường Bát nhã Ba-la-mật như Bồ tát Đàm Vô Kiệt, nguyện ở trong đại chúng diễn thuyết, khai thị nghĩa Bát nhã Ba-la-mật như Bồ tát Đàm Vô Kiệt, nguyện được các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật như Bồ tát Đàm Vô Kiệt. Về sự thành tựu thần thông, về sự tự tại ở nơi việc làm của Bồ tát, chúng con cũng xin nguyện được như vậy”.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân, vị trưởng giả nữ cùng 500 thị nữ cúng dường xong, đồng đánh lễ Bồ tát Đàm Vô Kiệt rồi chấp tay cung kính đứng sang một bên.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân bạch với Bồ tát Đàm Vô Kiệt rằng: Đang ở trong rừng vắng vẻ, con bỗng nghe tiếng nói giữa hư không dạy rằng: “Này thiện nam tử! Ông hãy đi về phương Đông để được nghe Bát nhã Ba-la-mật”. Con y theo lời dạy, đi về phương Đông, nhưng chưa đi được bao xa, con chợt nghĩ rằng: “Vì sao chẳng hỏi thêm phải đi đến đâu, phải đi bao xa nữa, sẽ phải theo ai để học Bát

nhã Ba-la-mật?”. Nghĩ như vậy xong, con rất buồn khổ, con đã khóc lóc suốt 7 ngày đêm, chẳng nghĩ đến ăn uống, ngủ nghỉ, nóng lạnh,... Con chỉ có điều suy nghĩ duy nhất rằng: “Đến bao giờ mới nghe được Bát nhã Ba-la-mật?”.

Đang lúc con sầu khổ, nhất tâm niệm Bát nhã Ba-la-mật như vậy, thì con thấy Phật hiện thân giữa hư không bảo con rằng: “Ông hãy siêng năng tinh tấn, một lòng vì pháp mà tiếp tục đi về phương Đông. Từ nơi đây đi 500 do tuần, ông sẽ gặp thành Chúng Hương. Trong thành Chúng Hương, ông sẽ được gặp Bồ tát Đàm Vô Kiệt. Ông hãy theo Bồ tát pháp sư ấy để được học Bát nhã Ba-la-mật. Trải qua nhiều đời, vị Bồ tát ấy đã từng là thiện tri thức của ông, đã thủ hộ ông, rồi đây sẽ khai thị làm lợi ích cho ông”.

Y theo lời chỉ dạy của Phật, con đi thẳng về phương Đông, tâm con chẳng có niệm gì khác, chỉ niệm được mau được gặp Bồ tát pháp sư để được truyền dạy Bát nhã Ba-la-mật.

Giữa đường con được tri kiến vô ngại ở nơi hết thấy các pháp, quán được tánh của các pháp và ở ngay hiện tiền con được vô lượng tam muội. Trú trong các tam muội, con thấy được ở khắp trong 10 phương, các đức Phật đang thuyết Bát nhã Ba-la-mật. Các đức Phật tán thán rằng: “Lành thay, lành thay! Nay thiện nam tử! Trước đây khi chúng ta hành Bồ tát đạo, cầu Bát nhã Ba-la-mật, được các tam muội cũng y như trường hợp của ông hiện nay. Được các tam muội rồi, chúng ta cũng khắp được các Phật pháp”. Rồi các đức Phật vì con rộng nói các pháp. An ủi con xong, các đức Phật bỗng nhiên chẳng còn hiện nữa.

Con từ trong các tam muội ra, tự nghĩ rằng: “Các đức Phật từ đâu đến, rồi lại đi về đâu?” Vì con chẳng còn thấy đức Phật nữa, nên con lại sanh sầu khổ. Thế rồi con lại nghĩ đến Bồ tát pháp sư trải qua nhiều đời đã cúng dường chư Phật đã gieo trồng thiện căn, đã hành Bát nhã Ba-la-mật, đã khéo biết các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật đã được tự tại ở nơi hết thảy các pháp, đã từng là vị thiện tri thức, là vị thủ hộ của con. Vậy con sẽ phải hỏi Đại sư để biết các đức Phật từ đâu đến và đi về đâu.

Nay con xin được hỏi Đại sư: “Các đức Phật từ đâu đến rồi lại đi về đâu?”

Kính xin Đại sư vì con giải nói để con được biết, biết được như vậy để con thường chẳng rời thấy các đức Phật.

#### **LUẬN:**

Bồ tát Tát Đà Ba Luân khao khát muốn được nghe Bát nhã Ba-la-mật nên được thấy các đức Phật, ở khắp trong 10 phương, đang vì đại chúng thuyết pháp. Thấy được các đức Phật, nghe được các đức Phật thuyết pháp, ngài tự nghĩ rằng như vậy là đã được mãn nguyện.

Nay Bồ tát Tát Đà Ba Luân lại nghe giữa hư không tiếng nói của các đức Phật khuyên ngài nên giữ tín lực kiên cố, tinh tấn bất động, an ủi và tán thán ngài rằng: “Lành thay, lành thay! Trước đây khi chúng ta hành Bồ tát đạo, cầu Bát nhã Ba-la-mật, được tam muội cũng y như trường hợp của ông hiện nay. Vậy ông chớ nên lo buồn, tự cho mình là người bạc phước”.

Vì lúc bấy giờ, Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã được các lực tam muội, nên tâm ngài càng thâm tín. Bởi vậy nên các đức Phật vì ngài nói tiếp: “Chúng ta quán tánh các tam muội, chẳng thấy có chỗ ra, chỗ vào các tam muội, chẳng thấy có ai hành Phật đạo; chẳng thấy có ai được Vô Thượng Bồ Đề”.



Như vậy là các đức Phật đã vì Bồ tát Tát Đà Ba Luân lược nói về Bát nhã Ba-la-mật. Nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật là như vậy, là chẳng niệm có các pháp tướng, vì hết thấy các pháp đều là vô tướng, nên chẳng có chỗ niệm chấp. Các đức Phật trú trong pháp “vô sở niệm” mà được thân kim sắc, được đại quang minh, được 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, được trí huệ vô thượng, được đầy đủ các công đức. Như trong kinh nói các đức Phật được trí huệ vô thượng, được đầy đủ các công đức như vậy rồi, trở lại giáo hóa chúng sanh, khiến họ được nhiều lợi ích, được tăng trưởng trí huệ... dẫn đến được giải thoát.

**Hỏi:** *Trước đây tiếng nói của Phật giữa hư không đã bảo với Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: “Bồ tát Đàm Vô Kiệt là vị thiện tri thức của ông trong nhiều đời”. Nay vì sao Bồ tát Tát Đà Ba Luân còn hỏi thêm, “Ai sẽ là vị thiện tri thức của con mà con phải nên thân cận và cúng dường”?*

**Đáp:** Sở dĩ Bồ tát Tát Đà Ba Luân hỏi như vậy vì ngài muốn biết thêm từ kim khẩu của các đức Phật về các công đức của Bồ tát Đàm Vô Kiệt khiến tín tâm càng thêm kiên cố, chẳng còn có chỗ nghi.

Như trong kinh nói: “Bồ tát Đàm Vô Kiệt là người có nhân duyên với Bồ tát Tát Đà Ba Luân trong nhiều đời”. Bởi vậy nên Bồ tát Đàm Vô Kiệt mới là người sẽ khai ngộ cho Bồ tát Tát Đà Ba Luân.

**Hỏi:** *Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã được các tam muội. Vì sao ngài chẳng tự quán về chỗ đi và chỗ đến của các đức Phật mà lại phải hỏi Bồ tát Đàm Vô Kiệt về vấn đề này?*

**Đáp:** Các đức Phật trong khắp 10 phương đã dùng các nhân duyên tán thán Bồ tát Đàm Vô Kiệt là thầy của Bồ tát

Tát Đà Ba Luân trong nhiều đời. Bồ tát Tát Đà Ba Luân tự niệm rằng: “Bồ tát Đàm Vô Kiệt là bậc thầy của tôi trong nhiều đời; tôi phải tôn trọng, cung kính. Quý mến ngài, tôi phải đến hỏi ngài để biết chư Phật từ đâu đến, rồi lại đi về đâu”.

**Hỏi:** Trước đây nói rằng Bồ tát đã nhàm chán thế gian, chỉ cầu Bát nhã Ba-la-mật; do chưa được như nguyện nên buồn rầu, khóc lóc. Nay vì sao Bồ tát Tát Đà Ba Luân lại tự thẹn về sự bần cùng của mình, chẳng có lễ vật để cúng dường? Cúng dường là tùy ở tâm, trong sự cúng dường thì cúng dường pháp là hơn hết. Vì sao chẳng có hoa hương cùng các lễ vật khác để cúng dường mà phải sầu khổ?

**Đáp:** Tuy cúng dường là hơn hết nhưng nếu người thế gian thấy có người ở xa đến cầu pháp mà lại đi tay không, chẳng mang lễ vật theo, ắt họ sẽ chẳng sanh tâm hoan hỷ.

Có thuyết nói rằng Bồ tát Tát Đà Ba Luân tùy thuận thế pháp mà cầu có được đầy đủ các lễ vật cúng dường.

Có thuyết nói dù rằng 6 pháp Ba-la-mật hỗ trợ lẫn nhau và đều dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, nhưng khi hành Bồ tát đạo, phải lấy Đàn Ba-la-mật làm đầu, do vậy mà Bồ tát Tát Đà Ba Luân nghĩ đến việc tôn trọng và cúng dường phước điền Đàm Vô Kiệt.

Lại có thuyết nói rằng Bồ tát Tát Đà Ba Luân muốn làm gương sáng để người khác noi theo. Bồ tát Tát Đà Ba Luân là người trí, người thiện mà lại nghèo về các lễ vật cúng dường, do vì muốn cho chúng sanh thấy rằng các thiện pháp khi làm, khi suy nghĩ, khi nếm vị đều có sai khác nên Bồ tát Tát Đà Ba Luân muốn được nếm vị bố thí qua sự cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

**Hỏi:** Bồ tát Tát Đà Ba Luân thường vào thăm tam muội, thường thấy được chư Phật khắp 10 phương. Vì sao vẫn còn chịu sự bần khổ?

**Đáp:** Có thuyết nói Bồ tát Tát Đà Ba Luân, tuy sanh vào nhà phú quý, giàu sang nhưng vì đạo lý cao xa, mà ngài rời bỏ gia đình, một mình đi tìm thầy học đạo, chẳng có mang theo của cải.

Có thuyết nói Bồ tát Tát Đà Ba Luân tuy là một bậc đại nhân, nhưng do nhân duyên đời trước có tội nhẹ, nên nay phải sanh vào nhà bần cùng. Có thuyết nói Bồ tát Tát Đà Ba Luân tuy là bậc đại nhân, nhưng do nhân duyên đời trước ít hành bố thí nên nay chẳng được sanh vào nhà phú quý, giàu sang.

Có thuyết nói Bồ tát Tát Đà Ba Luân tuy nghèo nàn, mà vẫn được người và chư Thiên cúng dường, như trường hợp ngài Tô Đà Di vậy.

Ở đây nên phân biệt nghèo theo 2 nghĩa: Nghèo của cải và nghèo công đức.

Nghèo công đức, nghèo thiện pháp mới nên xấu hổ, còn nghèo của cải mà tâm tánh tốt vẫn là đáng được quý trọng.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân tuy rất nghèo về của cải nhưng lại rất giàu công đức. Dù ngài biết rõ lý vô ngã, nhưng đi cúng dường vị pháp sư mà chẳng có hoa hương, chẳng có diệu bảo cũng chẳng được yên tâm, nên ngài mới quyết định bán thân để cúng dường vậy.

**Hỏi:** Nếu bán thân rồi thì làm sao đi cúng dường vị pháp sư được nữa?

**Đáp:** Có thuyết nói Bồ tát Tát Đà Ba Luân lấy việc xả thân để cúng dường là cúng dường cao quý nhất.

Có thuyết nói Bồ tát Tát Đà Ba Luân bán thân để đổi lấy tài vật đem đi cúng dường. Nhưng vào thời bấy giờ toàn là người tốt, dù có bán thân làm tội tở, thì chủ có sai đi cúng dường rồi lại cũng được trở về ở với chủ.

Có thuyết nói Bồ tát Tát Đà Ba Luân thâm tâm hành bố thí Ba-la-mật, cúng dường pháp và pháp sư mà chẳng có vật gì ngoài thân, nên đã bán thân để cúng dường.

Nơi đây nói rõ nhân duyên Bồ tát Tát Đà Ba Luân nhất tâm muốn cúng dường Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát pháp sư, vì tự nghĩ rằng: “Tôi đã trải qua nhiều đời, nhiều kiếp mất thân mà chưa bao giờ mất thân vì pháp thanh tịnh. Nay tôi muốn cúng dường Bồ tát pháp sư để được nghe Bát nhã Ba-la-mật thì dù có phải mất thân mạng này mà được pháp lợi lớn, thì tôi cũng rất vui”. Như vậy Bồ tát Bồ tát Tát Đà Ba Luân chẳng hề tiếc thân mạng mình là vì đạo pháp vậy.

**Hỏi:** *Vì sao ác ma muốn phá ý nguyện của Bồ tát Tát Đà Ba Luân?*

**Đáp:** Ma là oan gia của chư Phật và chư Bồ tát, nên muốn đến phá hoại ý nguyện của Bồ tát Tát Đà Ba Luân.

Vì sao? Các tiểu Bồ tát chưa vào được thật tướng pháp rất dễ bị ma phá hoại; các vị đại Bồ tát đã được vô sanh pháp nhãn rồi, đã có đầy đủ các lực thần thông, thì ma chẳng có thể phá hoại được.

-oOo-

Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã vào được trong các tam muội, đã thấy được chư Phật trong khắp 10 phương, nên tâm ngài đã quyết định vì pháp chẳng tiếc thân mạng. Khi tướng tâm

quyết định của ngài hiện ra, thì ác ma mới lo sợ. Nay Bồ tát Tát Đà Ba Luân định tâm ra khỏi cảnh giới ma, nên ma mới đến phá.

Ví như mắc nợ chưa có ý định bỏ đi xa, thì chủ nợ chưa có lo sợ; khi người mắc nợ tỏ ý định muốn đi xa, thì chủ nợ mới lo ngại, tìm mọi cách ngăn cản sự ra đi của người kia, với chủ tâm đòi lại số nợ. Cũng như vậy, khi Bồ tát chưa định tâm thì ác ma chưa động đến; khi Bồ tát đã định tâm rồi thì ác ma thường đến phá vậy.

**Hỏi:** *Ma có thể lực lớn. Như vậy vì sao chẳng giết Bồ tát mà chỉ phá hoại Bồ tát mà thôi?*

**Đáp:** Ma chẳng có thù ghét thọ mạng, chỉ thù ghét huệ mạng, thù ghét Phật tâm nên chỉ phá hoại Bồ tát mà chẳng giết hại vậy.

Lại nữa, có chư Thiên thần thường ở bên giữ gìn chẳng để cho ác ma giết hại Bồ tát, nên ác ma chỉ có thể khùng bố, làm não loạn tâm Bồ tát mà chẳng thể hại mạng Bồ tát được vậy.

**Hỏi:** *Vì sao Bồ tát Tát Đà Ba Luân tự cầm dao hoại thân mà lại thoát chết như vậy?*

**Đáp:** Có thuyết nói vì vị trưởng giả nữ đời trước đã chứa nhóm nhiều công đức, nên ác ma chẳng thể che mắt, bít tai được. Do vậy mà nàng mới thấy nghe được cảnh tượng hoại thân ấy, kịp thời đến cứu được Bồ tát.

Có thuyết nói vì Bồ tát Tát Đà Ba Luân chưa đến số chết nên mới được cứu mạng.

Có thuyết nói do lực thần thông của Bồ tát Đàm Vô Kiệt khiến vị trưởng giả nữ nghe thấy cảnh tượng phá thân ấy mà kịp thời đến cứu mạng.

**Hỏi:** *Bồ tát Tát Đà Ba Luân chẳng tiếc thân mạng, chỉ vì chẳng có người đến mua nên chẳng bán thân được. Như vậy vì sao phải khóc lóc thảm thiết?*

**Đáp:** Vì ngài đã phát đại tâm mà chưa được mãn nguyện, nên buồn rầu mà khóc lóc vậy.

**Hỏi:** *Vị Thiên đế Thích Đề Hoàn Nhơn đã có được quá báo tha tâm thông, biết rõ quyết định của Bồ tát Tát Đà Ba Luân. Như vậy vì sao còn muốn thử thách làm gì?*

**Đáp:** Chư Thiên biết được tâm người, nhưng chẳng sao biết được tâm Phật. Nếu thấy có người vì Phật đạo mà sắp được thọ ký, thì vị Đế Thích cũng muốn được dẫn đạo họ. Sự thử thách có mục đích đẩy mạnh sự phát tâm của người cầu Phật đạo. Nếu thật sự Bồ tát có thể tự cắt thịt, trích máu, chẻ xương, lấy tủy thì biết tâm Bồ tát đã quyết định, chẳng còn động nữa. Đây là lý do vì sao Đế Thích muốn thử tâm Bồ tát Tát Đà Ba Luân.

**Hỏi:** *Vị Đế Thích là vua cõi trời. Như vậy vì sao còn phạm tội vọng ngữ, nói rằng: “Ta cần máu, tim và tủy để tế trời”?*

**Đáp:** Vì muốn biết tâm của Bồ tát Tát Đà Ba Luân nên mới có vọng ngữ như vậy. Nếu hiện thật thân thì sợ Bồ tát chẳng tin, nên phải nói cần các thứ ấy để tế trời, để Bồ tát tin vậy.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân nghe nói như vậy rất vui mừng, nghĩ rằng: “Tôi sẽ có lợi ích lớn; nay tôi được làm việc bố thí Ba-la-mật và sẽ được nghe Bát nhã Ba-la-mật là pháp đệ nhất trong 6 pháp Ba-la-mật. Được Bát nhã Ba-la-mật là đệ nhất lợi, nhưng được lục phương tiện Bát nhã Ba-la-mật mới là đại lợi; từ sơ địa đến thập địa là đệ nhất lợi, nhưng thập địa mới là đại lợi; Bồ tát địa là đệ nhất lợi, nhưng Phật địa mới là đại lợi”.

Vì Bồ tát Tát Đà Ba Luân muốn được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, muốn được đại lợi ích, nên nghe vị Đế Thích nói như trên, liền sanh tâm vui mừng.

**Hỏi:** *Vì sao vị Đế Thích lại hỏi: “Ông muốn bán các thứ ấy với giá bao nhiêu”?*

**Đáp:** Vì biết Bồ tát Tát Đà Ba Luân muốn bán thân để cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt nên vị Đế Thích hỏi như trên để xem ngài có thật sự quyết tâm, thật sự chẳng còn hối hận chăng?

Bồ tát Tát Đà Ba Luân thật sự đã quyết tâm, chẳng chút hối hận nên đáp: “Cho bao nhiêu cũng được”.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân chẳng có tiền để thuê một người chiêng đả la phá thân ngài; cũng chẳng có thể nhờ một vị Bà-la-môn làm việc ấy vì Bà-la-môn sợ tội phá thân người, nên ngài phải cầm dao, tự phá thân mình.

**Hỏi:** *Vì sao vị trưởng giả nữ khi nghe Bồ tát Tát Đà Ba Luân rao bán thân, chẳng liền hỏi; mà đến khi thấy ngài phá thân mới đến hỏi?*

**Đáp:** Việc bán thân là việc dễ làm, việc tự phá thân mới thật là việc khó làm.

Vị trưởng giả nữ, từ trên gác cao nhìn xuống, thấy cảnh phá thân, máu chảy ra lai láng, tự nghĩ rằng: “Hết thầy chúng sanh đều cầu vui, đều sợ khổ, mà người này tự xẻ thịt lấy máu là việc làm rất hy hữu”. Nghĩ như vậy, nên xuống tận nơi để hỏi nguyên nhân.

Khi được biết Bồ tát Tát Đà Ba Luân muốn bán máu, tim và tủy cho vị hóa Bà-la-môn để cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt, nàng bèn hỏi rằng: Ông cúng dường như vậy sẽ có được lợi ích gì?

Bồ tát Tát Đà Ba Luân đáp: Bát nhã Ba-la-mật là pháp mà Bồ tát phải học. Tôi phải theo Bồ tát Đàm Vô Kiệt để được nghe Bát nhã Ba-la-mật, được học Bát nhã Ba-la-mật. Do học Bát nhã Ba-la-mật mà sẽ được thành Phật. Khi tôi được làm Phật, tôi sẽ làm chỗ y chỉ cho hết thầy chúng sanh, ví như cây che bóng làm cho dân trong ấp được hưởng sự im mát vậy.

Phật có thân sắc vàng, có 32 tướng tốt, có 80 vẻ đẹp, có vô lượng quang minh. Quang minh của Phật là chân ánh sáng, chiếu khắp cả 10 phương; chúng sanh ở cõi Diêm phù đề nhờ nương theo quang minh của Phật mà thoát ra khỏi vô minh hắc ám. Phật có đại từ bi, có thần thông chẳng thể nghĩ bàn, có đầy đủ trí giới, thiên định, trí huệ thanh tịnh. Phật vì 5 chúng thuyết pháp, dạy họ tu bố thí, tu trì giới, ... dẫn đến tu trí huệ, khiến họ được trí vô ngại, được giải thoát vô ngại. Khi tôi được vô lượng công đức như vậy rồi, tôi sẽ đem pháp bảo vô thượng ban phát cho hết thầy chúng sanh. Bởi vậy nên tôi nguyện xả thân sanh già bệnh chết này, xả thân xú uế, bất tịnh này, để cúng dường Bát nhã Ba-la-mật, cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt, để được thành Phật.

Vị trưởng giả nữ đã gieo trồng thiện căn trong nhiều kiếp, đã có được trí huệ sáng suốt, nên vừa nghe pháp liền được đại pháp hỷ, chẳng còn sợ hãi nữa. Nàng nói với Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: Việc làm của ông thật là hy hữu, pháp mà ông vừa tán thán thật là vi diệu. Nếu được pháp vi diệu ấy mà phải xả vô lượng thân cũng nên làm, huống nữa là chỉ xả 1 thân.

Lúc ban đầu vị trưởng giả chưa rõ nguyên nhân gì khiến Bồ tát Tát Đà Ba Luân tự phá thân nên chỉ tỏ lòng thương xót. Nhưng nay nàng đã được nghe pháp thanh tịnh, nên sanh tâm hoan hỷ và tán thán Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: “Ngài vì pháp mà bán thân, tôi rất cảm phục. Vì ngài nghèo, chẳng có gì để cúng dường pháp và pháp sư nên tôi xin hết lòng



giúp ngài. Ngài cần gì, tôi xin sẽ cung ứng đầy đủ. Tôi cũng muốn theo ngài đến cầu đạo nơi Bồ tát Đàm Vô Kiệt”

**Hỏi:** *Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã xẻ thịt khiến máu chảy ra lai láng. Như vậy vì sao ngài còn có thể nói nhiều Phật pháp cho vị trưởng giả nữ nghe?*

**Đáp:** Tuy thân khổ mà Bồ tát chẳng bị vô minh che tâm. Lại nữa, lúc bấy giờ ngài mới xẻ thịt, nhưng chưa phá xương lấy, tùy nên chưa mê man. Do vậy ngài còn có thể nói pháp cho vị trưởng giả nữ nghe được.

-o0o-

Vị Đế Thích sau khi đã biết rõ tâm của Bồ tát Tát Đà Ba Luân quyết định, chẳng có gì lay chuyển được nữa nên trở lại nguyên hình và tán thán rằng: Lành thay, lành thay! Tâm của ông rất kiên cố. Ý vị Đế Thích muốn nói rằng: “Bồ tát Tát Đà Ba Luân, dù chưa được Phật đạo, mà chẳng còn tiếc thân mạng; chẳng bao lâu nữa sẽ được vô sở trước, sẽ được vô sanh pháp nhẫn, sẽ được Vô Thượng Bồ Đề”.

Các vị Thiên Vương vì ái lạc Phật đạo nên thường thù thách người tu cầu đạo giải thoát. Vị Đế Thích muốn biết tâm của Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã thật kiên cố chưa, nên mới đòi mua máu, tim và tùy vậy. Nay thấy tâm Bồ tát chẳng gì lay chuyển được nên nói: Ông cầu gì, tôi sẽ ban cho.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân do đã thâm tín Phật đạo, nên vừa nghe vị Đế Thích nói như trên, liền đáp: Tôi muốn được Vô Thượng Bồ Đề.

Vị Đế Thích nói: Tôi chẳng đủ sức để làm việc ấy. Đó là cảnh giới của chư Phật. Ông hãy cầu việc gì khác, trong khả năng của tôi.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân tuy chẳng tiếc thân mạng nhưng vì muốn giữ thân để đi cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt nên nói với vị Đế Thích rằng: Xin cho thân tôi được hồi phục lại như cũ.

Tức thì, thân ngài được hồi phục lại như cũ.

**Hỏi:** *Vì sao thân Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã bị cắt xẻ rồi mà vị Đế Thích có thể làm cho hồi phục lại như cũ?*

**Đáp:** Phật dạy: Có những việc bất khả tư nghì mà loài rồng còn có thể làm được, huống nữa là hàng Trời.

Trong hư không có đủ các loại vi trần. Vị Đế Thích đây tâm muốn làm phước nên đã hòa hợp các vi trần làm cho thân của Bồ tát Tát Đà Ba Luân trở lại lành lặn như trước.

Ví như thân của chúng sanh ở các cõi trời và ở các cõi địa ngục là do hóa sanh, chẳng phải là do thai sanh. Thân người do các nhân duyên tội phước hòa hợp mà thành. Vị Đế Thích cũng dùng các nhân duyên tội phước để hồi phục lại nguyên vẹn thân của Bồ tát Tát Đà Ba Luân.

-o0o-

Vị Đế Thích thấy nguyện của mình đã đầy đủ nên liền biến mất. Như vậy là Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã trả xong các nghiệp tội phước đời trước. Từ đây, ngài sẽ được phước đức vô lượng vô biên.

Ngay lúc bấy giờ, ngài liền được vị trưởng giả nữ đưa về nhà, xin với cha mẹ nàng cho đầy đủ các lễ vật cúng dường, như đã rộng nói ở đoạn kinh nêu trên đây.

**Hỏi:** *Trước đây, vị trưởng giả nữ nói: “Ngài muốn gì để cúng dường, tôi xin cung ứng đầy đủ”. Nay vì sao nàng lại*

*đưa Bồ tát về nhà để xin cha mẹ cung ứng các đồ lễ vật để cúng dường?*

**Đáp:** Lúc ban đầu, vị trưởng giả nữ muốn an ủi Bồ tát Tát Đà Ba Luân, lại sợ xấu hổ, chưa tiện nói phải về nhà xin cha mẹ, nên đã nói: “Ngài theo tôi về nhà, tôi sẽ cung ứng đầy đủ các đồ lễ vật để cúng dường”. Nhưng khi về đến nhà, nàng lại thưa trình với cha mẹ, xin cho nàng đầy đủ các thứ châu báu, hương hoa, tràng phan, bảo cái, y phục, nhạc khí v.v...; xin 500 cỗ xe, xin đem theo 500 thị nữ; xin cho nàng được phép đi cùng với Bồ tát Tát Đà Ba Luân đến cầu pháp nơi Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

Vì sao? Dù người con gái có đủ sức cho nhưng theo phép nhà thì con phải thừa ý cha mẹ nên nàng phải xin cha mẹ vậy.

-o0o-

Ở nước đó chẳng có Phật pháp nên ông bà trưởng giả mới hỏi con gái mình, “Bồ tát Tát Đà Ba Luân là người như thế nào?”.

Sau khi nghe con gái mình tường trình đầy đủ sự việc và còn khẩn thiết xin theo 500 vị nữ, xin được tháp tùng Bồ tát Tát Đà Ba Luân đi cầu pháp nơi Bồ tát Đàm Vô Kiệt thì cả 2 ông bà trưởng giả đều vui vẻ chấp nhận.

**Hỏi:** *Vị trưởng giả giàu sang, phú quý, lại có nhiều uy quyền. Vì sao chỉ vừa mới nghe nói đến công đức của Bồ tát Tát Đà Ba Luân mà đã thuận cho con gái mình đem bảo vật và đoàn thị nữ đi theo?*

**Đáp:** Người được làm trưởng giả là người đời trước đã trồng nhiều thiện căn nơi các đức Phật. Nay dù sanh vào nơi

chẳng có Phật pháp nhưng nếu nghe Phật pháp thì phát khởi được túc duyên đời trước, khiến tâm liền được khai ngộ. Ví như hoa sen khi đã tăng trưởng đầy đủ rồi thì chỉ cần ánh sáng mặt trời là liền nở. Ông bà trưởng giả thấy tâm con gái mình đã thuần thực, thanh tịnh, chẳng màng thế lạc, chỉ mong cầu pháp lợi, nên vui vẻ chấp thuận lời thỉnh nguyện của con vậy.

Lại nữa, nếu trái ý con thì sợ con buồn khổ, hại đến thân. Do suy nghĩ, trù lượng như vậy nên mới quyết định chịu theo ý con vậy.

Ông bà trưởng giả nghĩ rằng: “Tùy hỷ cho con gái mình đi tìm đạo là mình cũng góp phần công đức”; lại nghĩ rằng: “Người thế gian khi đã thâm chấp sự việc gì rồi thì rất khó giải. Nếu phát tình ái còn khó giải, huống nữa là phát tâm cầu đạo. Con gái mình cầu đạo thanh tịnh, chẳng nhiễm trước thế sự, nữ nào chẳng cho con được như nguyện”. Lại nữa, vì ông bà thấy con gái mình vì pháp chẳng tiếc các bảo vật nên đem tâm tùy hỷ trông thiện căn phước đức.

-o0o-

Sau đó, đoàn xe chở Bồ tát Tát Đà Ba Luân vị trưởng giả nữ và 500 thị nữ, cùng các bảo vật cúng dường theo hướng Đông, thẳng tiến về phía thành Chúng Hương. Khi đoàn xe đến gần thành Chúng Hương dân chúng cho là việc hy hữu nên đã tụ tập đông đảo, vui vẻ đi theo, mong mỗi sớm đến thành Chúng Hương như người khát nước đi tìm nước uống vậy.

Khi thấy thành Chúng Hương, Bồ tát Tát Đà Ba Luân và đoàn tùy tùng đều vui mừng, mong mỗi sớm được gặp Bồ tát Đàm Vô Kiệt để được nghe Bát nhã Ba-la-mật.

**Hỏi:** Bồ tát Đàm Vô Kiệt đã được văn trì đà la ni, đã trì tụng, đã thông đạt và chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy, đâu có cần đến kinh quyền Bát nhã Ba-la-mật viết trên lá vàng, và để trên đài 7 báu? Vì sao lại phải để kinh trên đài để, cho chúng sanh cúng dường?

**Đáp:** Có nhiều nhân duyên. Tóm lược như sau:

- Tâm hạnh của chúng sanh chẳng có đồng đều nhau. Có người ưa thấy kinh quyền, ưa cúng dường kinh quyền. Có người ưa được nghe giảng giải kinh pháp.

- Bồ tát Đàm Vô Kiệt ở trong nhà với đầy đủ quyền thuộc. Từ bên ngoài nhìn vào, người thế gian có thể nghĩ rằng: “Tu tại gia như vậy ắt phải có nhiệm trước. Nếu tu Bát nhã Ba-la-mật để làm lợi ích chúng sanh mà còn nhiệm trước thì làm sao có thể dùng vô sở trước để giáo hóa chúng sanh được”.

Bởi nhân duyên vậy, nên phải chép kinh Ma ha Bát nhã Ba-la-mật trên lá vàng, bày trên 7 báu, để chúng sanh cúng dường. Các hàng trời, rồng, cùng các quý, thần cũng thường lui tới cúng dường. Nhờ vậy mà tín căn của chúng sanh được thêm tăng trưởng. Sau đó mới dùng pháp khai thị, truyền Phật ngữ, diễn giải văn nghĩa để dạy chúng sanh, khiến họ được hết thấy pháp bảo trang nghiêm.

-o0o-

Bồ tát Tát Đà Ba Luân hỏi vị Đế Thích: Trong kinh nói có ấn 7 báu. Như vậy Bồ tát Đàm Vô Kiệt có chân bảo ấn chăng?

Khi cầu Phật đạo, Bồ tát cầm ấn 7 báu, có 7 vị đại thần cầm kim cương trượng hầu bên cạnh, giữ gìn kinh, chẳng cho ma đến nhiễu loạn.

Vì quý trọng kinh Ma ha Bát nhã Ba-la-mật nên có người nghe thuyết giảng kinh ấy mà phát tâm; có người thấy kinh ấy được để trên đài 7 báu trang nghiêm mà phát tâm. Bởi vậy nên phải trang nghiêm bảo đài, phải dùng lá vàng chếp kinh, phải dùng 7 báu ấn lên, để làm cho tín tâm của chúng sanh càng thêm tăng trưởng.

**Hỏi:** *Kinh Ma ha Bát nhã Ba-la-mật được đặt trên bảo đài; Bồ tát trên pháp tòa cũng diễn nói kinh Ma ha Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy cả 2 bên đều diễn bày diệu pháp. Vì sao phải cúng dường kinh trước rồi mới cúng dường pháp sư sau?*

**Đáp:** Nên biết 3 ngôi Tam bảo gồm có Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo.

Kinh *Ma ha Bát nhã Ba-la-mật* là Pháp bảo; Bồ tát Đàm Vô Kiệt là Tăng bảo. Bởi vậy, nên phải cúng dường Pháp bảo trước.

Bồ tát Đàm Vô Kiệt tuy nói pháp mà chúng sanh còn thấy có tướng nói pháp nên còn sanh tâm chấp. Nhưng nếu thấy Bồ tát Tát Đà Ba Luân cùng đoàn tùy tùng cúng dường kinh trước thì họ sẽ chẳng còn tâm chấp nữa.

Lại nữa, Ma ha Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật. Chư Phật còn cúng dường kinh này, huống nữa là chư Bồ tát. Bồ tát Đàm Vô Kiệt do tu Ma ha Bát nhã Ba-la-mật mà được đầy đủ công đức được chúng sanh cúng dường, nên khi cúng dường phải cúng dường kinh trước.

Bởi vậy nên, Bồ tát Tát Đà Ba Luân và đoàn tùy tùng đã phân chia lễ vật làm 2 phần: Một phần cúng dường kinh trước và một phần cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt sau.

**Hỏi:** *Bồ tát Đàm Vô Kiệt có 6 vạn thế nữ cùng thọ 5 dục, có*

*cung điện nguy nga. Như vậy làm sao có thể khiến các đồ lễ vật cúng dường hóa thành bảo đài trụ trên hư không được?*

**Đáp:** Bồ tát Đàm Vô Kiệt là một vị đại Bồ tát pháp tánh sanh thân, vì độ chúng sanh mà thọ 5 dục, nhằm dung thông 2 đế.

Có thuyết nói các đức Phật dùng thần lực hóa các lễ vật mà Bồ tát Tát Đà Ba Luân vừa đem đến cúng dường thành các bảo đài trụ trên hư không.

**Hỏi:** *Ở nơi hết thảy chúng sanh, Bồ tát phải khởi tâm đại bi. Vì sao nói Bồ tát muốn độ chúng sanh mà cầu Vô Thượng Bồ Đề?*

**Đáp:** Phát tâm do nhiều động cơ khác nhau.

Có người vì pháp mà phát tâm.

Có người thấy chúng sanh đau khổ, mà phát tâm đại bi, muốn đem lại niềm vui cho chúng sanh, muốn chúng sanh bớt khổ mà phát tâm.

Có người thấy được lực thần thông, thấy được oai đức lớn của chư Phật, chư đại Bồ tát mà phát tâm. Rồi sau đó mới sanh bi tâm và trí ấn(\*\*). Như trong kinh Trí Ấn nói: “Y ái mà đoạn ái, y mạn mà đoạn mạn”.

Có người do được nghe pháp, sanh ái trước pháp mà xả bỏ 5 dục, phát tâm xuất gia cầu đạo.

Có người thấy người khác được quả A-la-hán mà sanh cao tâm nghĩ rằng: “Người kia có hơn gì ta đâu mà sao chúng

---

\*\* Trí ấn là sự ấn chứng của trí tuệ. Nhà tu hành được ấn chứng Bát nhã Ba-la-mật thì được vào cảnh giới chân lý thật tướng, chẳng còn lầm lạc, thối chuyển.

được A-la-hán? Tại sao ta chẳng được như vậy?”. Nghĩ như vậy rồi siêng năng, tinh tấn tu hành, được quả A-la-hán vậy.

-oOo-

Cũng như vậy, vị trưởng giả nữ cùng 500 vị thị nữ muốn thấy được người có thể lực tự tại, có lực thần thông biến hóa ra đầy đủ các bảo vật, lại muốn biết cảnh vui ở cõi trời. Nay mới vừa thấy Bồ tát Đàm Vô Kiệt ở trong cung điện, ngồi trên tháp tòa trang nghiêm, thấy hàng trời người cung kính đảnh lễ nghe pháp, lại thấy các đồ lễ vật cúng dường biến thành bảo đài ở giữa hư không, các vị ấy liền phát đại tâm. Họ vui mừng nghĩ rằng đây là sự việc rất hy hữu, rất khó gặp; nghĩ rằng Bồ tát Đàm Vô Kiệt có nhân duyên phước đức lớn mới được như vậy. Do suy nghĩ như vậy mà họ phát tâm muốn được nghe pháp, muốn được làm Phật.

Như trong kinh *Duy Ma Cật* nói: “Ái, mạn, phiền não đều là căn bản của Phật đạo”.

Khi các người nữ này thấy các sự việc hy hữu, sanh tâm ái lạc, biết Bồ tát Đàm Vô Kiệt có nhiều nhân duyên phước đức mới thành tựu được các việc chẳng thể nghĩ bàn như vậy, nên họ liền phát đại tâm.

Như vậy là từ ái, mạn mà các người nữ này thành tựu được tâm thanh tịnh. Bởi vậy nên nói: “Ái, mạn, phiền não đều là căn bản của Phật đạo”.

Ví như hoa sen từ bùn vươn lên liền tỏa hương thơm ngát. Các người nữ này phát tâm rồi liền thế nguyện được như Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

Họ tự nghĩ rằng: “Bồ tát Đàm Vô Kiệt làm được như vậy; chúng tôi cũng xin nguyện được làm như vậy”.



Lúc bấy giờ, Bồ tát Tát Đà Ba Luân cung kính đánh lễ Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

Đánh lễ Bồ tát pháp sư xong, ngài tường trình về mọi sự việc kể từ khi ở trong rừng vắng, nghe tiếng nói giữa hư không, bảo đi về phương Đông cầu pháp... dẫn đến việc ngài cùng với đoàn người nữ đến gặp Bồ tát pháp sư. Ngài cũng nói đến việc các đức Phật từ giữa hư không cho ngài biết rằng: “Bồ tát Đàm Vô Kiệt từ nhiều đời đã là vị thiện tri thức của ngài. Chính Bồ tát Đàm Vô Kiệt sẽ là người khai ngộ cho ngài”. Ngài cũng nói rằng: “Khi các đức Phật an ủi ngài xong thì liền chẳng còn hiện nữa. Ngài chẳng rõ các đức Phật từ đâu đến, rồi lại đi về đâu”.

Bởi vậy nên nay được gặp Bồ tát pháp sư Đàm Vô Kiệt, ngài liền xin Bồ tát pháp sư được nêu câu hỏi: “Chư Phật từ đâu đến, rồi lại đi về đâu?”.

**Hỏi:** *Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã được các tam muội, đã phá được vô minh, đã quán được các pháp bình đẳng. Vì sao chẳng biết hết thấy pháp đều là tánh không, mà còn chấp có tướng Phật, còn sanh tâm chấp đắm Phật như vậy?*

**Đáp:** Các vị Bồ tát tâm phát ý tuy đã biết các pháp đều là không, là vô tướng, nhưng ở nơi các đức Phật vẫn còn ái chấp. Vì sao? Vì họ chưa được rõ Phật có phải là rốt ráo không, là vô tướng chẳng?

Các Bồ tát tâm phát ý tuy đã biết không, mà chưa thật sự hòa hợp với không. Vì sao? Vì Phật có vô lượng vô biên công đức, khiến các Bồ tát sơ phát ý thường hay thâm chấp.

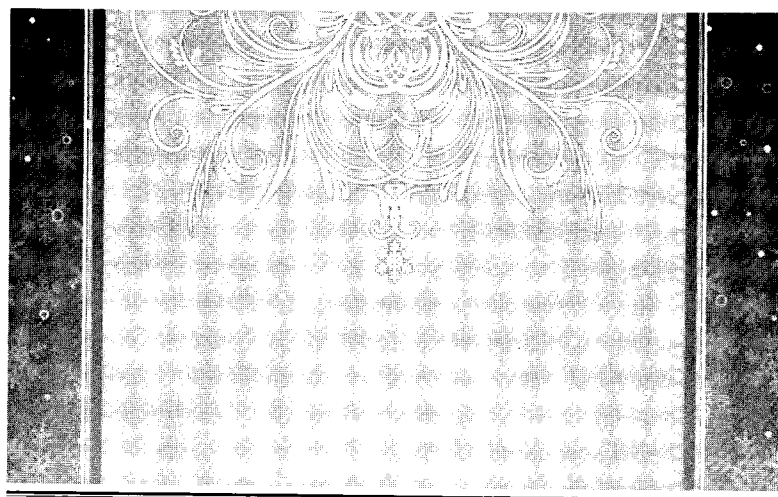
Bởi vậy nên Phật, vì hàng Bồ tát này, phải nói: “Phật cũng là không”. Nếu chẳng vì các Bồ tát này nói không, thì do thâm ái Phật, họ có thể tự diệt và diệt thân tộc họ. Thân tộc còn diệt, huống nữa là người khác.

Khi Bồ tát đã được biết rõ “không” rồi thì chẳng còn có những sự việc như vậy nữa.

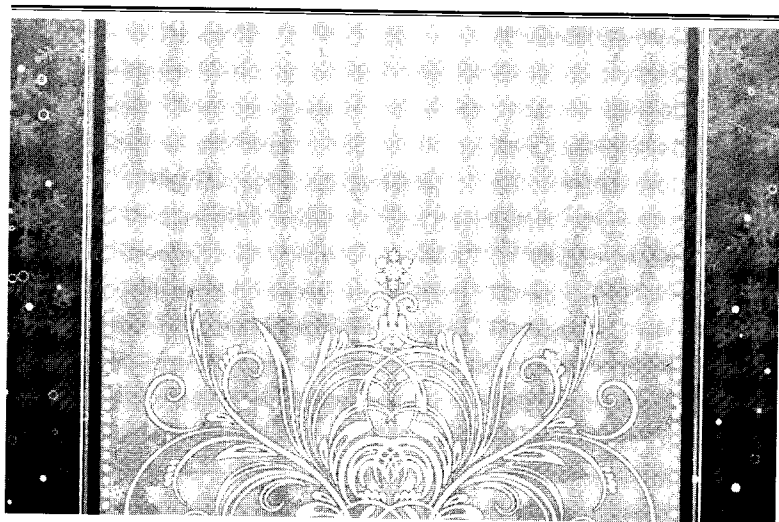
Bồ tát Tát Đà Ba Luân, do thâm ái chấp chư Phật nên chẳng có hay biết. Do vậy mà ngài mới hỏi Bồ tát Đàm Vô Kiệt: “Các đức Phật từ đâu đến, rồi lại đi về đâu?”.

Vì sao? Vì Bồ tát Tát Đà Ba Luân muốn thấy tướng của các đức Phật, mãi chẳng nhàm chán, nên chẳng muốn xa rời các đức Phật vậy.

(Hết quyển 98)



**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 99**





## Phẩm Thứ Tám Mười Chín



### Đàm Vô Kiệt

#### **KINH:**

Lúc bấy giờ Bồ tát Đàm Vô Kiệt bảo Bồ tát Tát Đà Ba Luân: Nay thiện nam tử! Các đức Phật chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu.

Vì sao?

Các pháp như là tướng bất động. Pháp như tức là Phật.

Pháp vô sanh (chẳng sanh) là chẳng đến, chẳng đi. Pháp vô sanh tức là Phật.

Pháp vô diệt (chẳng diệt) là chẳng đến, chẳng đi. Pháp vô diệt tức là Phật.

Pháp không là chẳng đến, chẳng đi. Pháp không tức là Phật.

Pháp vô nhiễm (chẳng nhiễm) là chẳng đến, chẳng đi. Pháp vô nhiễm tức là Phật.

Pháp tịch diệt là chẳng đến, chẳng đi. Pháp tịch diệt tức là Phật.

Tánh hư không là chẳng đến, chẳng đi. Tánh hư không tức là Phật.

Nay thiện nam tử! Rời các pháp thì chẳng có Phật. Các pháp như, các đức Phật như là nhất như, chẳng có phân biệt.

Này thiện nam tử! “Nhu” ấy là thường một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, ... “nhu” ấy ra ngoài các pháp số, vì là vô sở hữu.

Ví như vào cuối mùa xuân, khi trời nóng bức, vào các ngày nắng gắt, người lữ hành đi trên khoảng đường trống, thấy ở đằng xa sóng nắng in bóng những vùng nước tươi mát. Người vô trí đuổi theo sóng nắng mong tìm được nước. Ý ông nghĩ sao! Nước đó từ sông nào, từ suối nào chảy đến chẳng? Nước đó sẽ đi về đâu; sẽ chảy về biển Đông, về biển Tây, về biển Nam, về biển Bắc chẳng?

Bồ tát Tát Đà Ba Luân thưa: “Bạch Đại sư! Ở trong sóng nắng còn chẳng có nước thì làm sao có chỗ nước chảy đến và chỗ nước chảy đi được!”

Bồ tát Đàm Vô Kiệt dạy: Này thiện nam tử! Người vô trí, do bị nóng và khát bức bách nên thấy sóng nắng in bóng các vùng nước ở đằng xa mà tưởng đó là nước.

Này thiện nam tử! Người phân biệt các đức Phật có đến, có đi cũng là như vậy.

Vì sao?

Này thiện nam tử! Chẳng có thể do nơi sắc thân của Phật mà thấy được Phật. Pháp thân của Phật chẳng đến, chẳng đi; cũng chẳng có chỗ đến, chẳng có chỗ đi.

Này thiện nam tử! Ví như nhà huyền thuật hóa tác ra nào là voi, ngựa, trâu, dê, nào là người nam, người nữ. Ý ông nghĩ sao? Các sự vật huyền ấy từ đâu đến, rồi lại đi về đâu?

Bồ tát Tát Đà Ba Luân thưa: Bạch Đại sư! Các sự vật huyền ấy chẳng có thật thì làm sao có chỗ đến, có chỗ đi được.

**Bồ tát Đàm Vô Kiệt dạy:** Nay thiện nam tử! Người phân biệt các đức Phật có đến, có đi cũng là như vậy.

Nay thiện nam tử! Ví như người nằm mộng thấy có voi ngựa, có trâu dê, có người nam, người nữ. Ý ông nghĩ sao? Các sự vật thấy trong mộng ấy từ đâu đến, rồi lại đi về đâu?

**Bồ tát Tát Đà Ba Luân thưa:** Bạch Đại sư! Cảnh vật thấy trong mộng là hư vọng thì làm sao có chỗ đến, chỗ đi được.

**Bồ tát Đàm Vô Kiệt dạy:** Nay thiện nam tử! Người phân biệt các đức Phật có đến, có đi cũng là như vậy.

Nay thiện nam tử! Phật nói các pháp đều là như mộng. Nếu có người nào chẳng biết pháp nghĩa ấy, chấp danh tự sắc thân của Phật là Phật thì phải biết đó là người ngu phu, vô trí.

Người phân biệt Phật có đến, có đi, là người chẳng biết được tướng thật tế của các pháp, nên cũng là người ngu phu, vô trí.

Những hạng người này phải qua lại mãi trong 5 đạo chúng sanh, xa rời Bát nhã Ba-la-mật, xa rời các Phật pháp.

Nay thiện nam tử! Phật thuyết các pháp như huyễn, như mộng. Nếu người nào biết như thật, thì phải biết đó là người chẳng phân biệt các pháp có đến, có đi, có sanh, có diệt.

Nếu chẳng phân biệt các pháp có đến, có đi, có sanh, có diệt thì biết được thật tướng các pháp là chỗ mà Phật thường nói đến. Phải biết người này hành Bát nhã Ba-la-mật gần Vô Thượng Bồ Đề, gọi là bậc chân Phật tử, chẳng hư vọng thọ của tín thí. Người này xứng đáng thọ nhận sự cúng dường; xứng đáng là phước điền của thế gian.

Này thiện nam tử! Ví như trong biển lớn có các châu báu. Các châu báu ấy chẳng từ phương Đông đến, chẳng từ phương Tây đến, chẳng từ phương Bắc đến, chẳng từ phương Nam đến, cũng chẳng từ phương trên, phương dưới và 4 phương chéo đến. Chỉ do nhân duyên thiện căn của chúng sanh mà trong biển lớn có các châu báu sanh ra.

Các châu báu ấy chẳng phải chẳng có nhân duyên sanh. Thật sự, các châu báu đều do các nhân duyên hòa hợp mà được sanh ra; các châu báu ấy khi diệt lại cũng chẳng đi về đâu. Vì sao? Vì khi các nhân duyên hòa hợp thì sanh; khi các nhân duyên ly tán thì diệt vậy.

Này thiện nam tử! Thân của các đức Phật cũng là như vậy. Do bản nghiệp nhân duyên quả báo của chúng sanh mà sanh, nên khi sanh chẳng từ 10 phương đến, khi diệt cũng chẳng đi về 10 phương. Vì khi các nhân duyên hòa hợp thì sanh; khi các nhân duyên ly tán thì diệt vậy.

Này thiện nam tử! Ví như cây đàn “khổng hầu” phát ra tiếng. Khi sanh tiếng đàn chẳng từ đâu đến; khi diệt tiếng đàn cũng chẳng đi về đâu. Tiếng đàn do nhiều duyên hòa hợp mà có.

Ví như cây đàn do nhiều bộ phận rời rắp lại mà thành; lại phải có người dùng tay đánh lên cây đàn... mới có được tiếng đàn.

Tiếng đàn ấy chẳng từ nơi cây đàn, cũng chẳng từ nơi tay của người đánh đàn mà có. Do hội đủ các nhân duyên hòa hợp mà có phát ra tiếng đàn. Khi các nhân duyên ly tán thì tiếng đàn ấy cũng chẳng đi về đâu.

Này thiện nam tử! Thân Phật cũng là như vậy. Thân Phật do vô lượng nhân duyên công đức sanh, chẳng phải



do một nhân duyên, một công đức mà sanh, cũng chẳng phải chẳng có nhân duyên mà sanh ra vậy. Hội đủ các nhân duyên hòa hợp thì mới có thân Phật hiện ra; chẳng phải do một nhân duyên riêng mà thành được. Thân Phật chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu.

Này thiện nam tử! Phải nên biết tướng đến và tướng đi của các đức Phật là như vậy.

Này thiện nam tử! Biết rõ các đức Phật cùng các pháp chẳng có tướng đến, tướng đi, tướng sanh, tướng diệt, là được Vô Thượng Bồ Đề, là thường hành Bát nhã Ba-la-mật và các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật.

Lúc bấy giờ, Thiên đế Thích Đề Hoàn Nhơn đem hoa trời mạn đà la trao cho Bồ tát Tát Đà Ba Luân và nói rằng: Này thiện nam tử! Ông hãy lấy hoa này cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt. Tôi giữ gìn hoa này để ông cúng dường. Vì sao? Vì hôm nay ông đã có đầy đủ các lực duyên để làm lợi ích cho trăm ngàn vạn ức chúng sanh, khiến họ được Vô Thượng Bồ Đề.

Này thiện nam tử! Bạch thiện nhân như Bồ tát Đàm Vô Kiệt rất khó gặp. Vì lợi ích cho hết thảy chúng sanh mà ngài đã thọ khổ trong vô lượng kiếp.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân nhận hoa mạn đà la từ tay Đế Thích, dâng lên Bồ tát Đàm Vô Kiệt và thưa rằng: Bạch Đại sư! Kể từ hôm nay thân con thuộc về Đại sư; con xin đem thân này cúng dường Đại sư.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân tác bạch xong, chấp tay đứng sang một bên.

Lúc bấy giờ, vị trưởng giả nữ và 500 vị thị nữ nói với Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: Kể từ hôm nay thân chúng

con thuộc về ngài. Nhờ nhân duyên thiện căn mà chúng con được pháp như vậy, chúng con xin nguyện đời đời cúng dường ngài và cùng với ngài đời đời cúng dường chư Phật.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân bảo chúng người nữ rằng: Các người đã chí thành muốn thuộc về tôi, tôi sẽ nhận các người.

Chúng người nữ thưa: Chúng con đem tâm thành xin được thuộc về ngài. Chúng con xin vâng theo sự chỉ dạy của ngài.

Ngay sau đó, Bồ tát Tát Đà Ba Luân cùng với chúng nữ đem các bảo vật nghiêm trang, các lễ vật cúng dường thượng diệu và 500 cỗ xe báu dâng lên Bồ tát Đàm Vô Kiệt thưa rằng: Bạch Đại sư! Con xin đem dâng 500 người nữ này để hầu hạ Đại sư và 500 cỗ xe này tùy Đại sư sử dụng.

Lúc bấy giờ, vị Đệ Thích tán thán rằng: Lành thay, lành thay! Đây thiện nam tử! Bồ tát thí xả tất cả sở hữu. Bồ thí như vậy sẽ mau được Vô Thượng Bồ Đề. Cúng dường vị pháp sư như vậy ắt sẽ được Bát nhã Ba-la-mật và các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật. Chư Phật quá khứ, khi hành Bồ tát đạo cũng an trú trong bồ thí mà được nghe Bát nhã Ba-la-mật, được các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, được Vô Thượng Bồ Đề.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Đàm Vô Kiệt muốn khiến cho Bồ tát Tát Đà Ba Luân được đầy đủ thiện căn nên đã thọ 500 cỗ xe, 500 vị thị nữ, cùng vị trưởng giả nữ; thọ nhận xong, bèn đem trao lại cho Bồ tát Tát Đà Ba Luân. Xong Bồ tát Đàm Vô Kiệt thuyết pháp, mãi cho đến khi mặt trời lặn mới rời pháp tòa, trở vào cung.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân tự nghĩ rằng: Tôi vì pháp mà đến đây, chẳng nên ngồi nằm. Tôi chỉ nên dùng 2 oai

nghi, hoặc đi, hoặc đứng, chờ pháp sư từ trong cung trở lại thuyết pháp.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Đàm Vô Kiệt nhất tâm vào vô lượng a tăng kỳ tam muội; suốt 7 năm nhất tâm hành Bát nhã Ba-la-mật, hành lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát Tát Đà Ba Luân suốt 7 năm chỉ đi kinh hành, chẳng có nằm ngồi, chẳng ngủ nghỉ, chẳng dám sanh tâm sân nã, chẳng dám tham luyến, mà chỉ tưởng niệm Bồ tát Đàm Vô Kiệt đến bao giờ mới xuất tam muội, mới trở lại thuyết pháp.

Qua 7 năm, Bồ tát Tát Đà Ba Luân tự nghĩ rằng: “Tôi phải vì Bồ tát pháp sư lo việc trang trí pháp tòa để ngồi ngồi trên đó thuyết pháp. Tôi phải quét dọn, lau rửa mặt đất cho sạch sẽ, thanh tịnh; tôi phải rải các thứ hoa để trang nghiêm nơi mà Bồ tát pháp sư sẽ ngồi để thuyết Bát nhã Ba-la-mật”.

Bởi vậy nên Bồ tát Tát Đà Ba Luân, vị trưởng giả nữ cùng 500 vị thị nữ đều vì Bồ tát Đàm Vô Kiệt lo việc trang nghiêm pháp tòa. 500 vị thị nữ cõi thượng y của mình trải lên pháp tòa nghĩ rằng: “Bồ tát Đàm Vô Kiệt sẽ ngồi trên pháp tòa này để thuyết Bát nhã Ba-la-mật và các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật”.

Trang trí pháp tòa xong, Bồ tát Tát Đà Ba Luân đi tìm nước để lau rửa mặt đất nhưng chẳng tìm được. Vì sao? Vì ác ma che giấu, chẳng để cho nước hiện ra. Ác ma nghĩ rằng: “Bồ tát Tát Đà Ba Luân tìm nước chẳng được, ắt sẽ sanh tạp niệm; nếu ở nơi Vô Thượng Bồ Đề mà có sanh một niệm khác thì tâm cầu đạo sẽ suy yếu, thiện căn sẽ chẳng tăng trưởng, trí huệ sẽ chẳng được chiếu minh, sẽ trở ngại sự thành tựu Nhất thiết chủng trí”.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân tự nghĩ rằng: “Nếu chẳng tìm được nước thì tôi phải tự lấy máu nơi thân để tưới đất, khiến cho bụi chẳng bay lên làm dơ chỗ Đại sư ngồi. Từ vô thủy đến nay, tôi đã mất vô lượng thân mà chưa bao giờ được xả thân vì pháp cả”. Nghĩ như vậy rồi, Bồ tát Tát Đà Ba Luân bèn cầm dao bén, tự đâm vào thân lấy máu rưới xuống mặt đất.

Ác ma thấy Bồ tát Tát Đà Ba Luân, vị trưởng giả nữ cùng 500 vị thị nữ đều giữ vững tâm bất động nên chẳng thể hại được.

Lúc bấy giờ, vị Thiên đế Thích Đề Hoàn Nhơn nghĩ rằng: “Thật là chưa từng có. Bồ tát Tát Đà Ba Luân mèn pháp đến độ cầm dao tự đâm mình để lấy máu rưới xuống mặt đất. Bồ tát Tát Đà Ba Luân và chúng người nữ giữ tâm kiên cố, bất động như vậy, nên Ma ba tuần chẳng sao phá hoại được thiện căn của họ. Tất cả đều giữ tâm kiên cố, phát đại trang nghiêm, chẳng tiếc thân mạng, thâm tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề để độ hết chúng sanh thoát khỏi vô lượng khổ sanh tử”.

Vị Đế Thích nghĩ như vậy rồi, tán thán Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: “Lành thay, lành thay! Nay thiện nam tử! Ông có sức tinh tấn rất kiên cố, chẳng thể lay chuyển, chẳng thể nghĩ bàn được. Tâm ái pháp và cầu pháp của ông thật là vô thượng”.

Nay thiện nam tử! Các đức Phật trong quá khứ cũng làm như vậy; cũng do thâm ái pháp, tôn trọng pháp, chứa nhóm các công đức mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân lại nghĩ rằng: “Tôi đã vì Bồ tát Đàm Vô Kiệt trang trí pháp tòa, quét dọn và lau rửa mặt đất rồi. Nay tôi phải tìm các hoa quý để trang nghiêm pháp tòa. Lại nữa, khi Bồ tát pháp sư ngồi lên pháp tòa

thuyết pháp, còn phải rải hoa cúng dường. Tôi phải tìm hoa ở đâu đây!”.

Vị Đế Thích biết tâm niệm của Bồ tát Tát Đà Ba Luân liền đem 3.000 đóa hoa trời mạn đà la trao cho Bồ tát Tát Đà Ba Luân.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân nhận hoa, lòng vui mừng phấn khởi, liền đem phân nửa số hoa rải xuống đất. Ngài giữ lại phân nửa số hoa, chờ lúc Bồ tát Đàm Vô Kiệt đăng đàn thuyết pháp sẽ rải để cúng dường.

Sau 7 năm nhập tam muội, Bồ tát Đàm Vô Kiệt từ trong tam muội ra, lên pháp tòa thuyết Bát nhã Ba-la-mật. Hàng thính chúng gồm vô lượng trăm ngàn vạn ức trời và người đoanh vây pháp tòa.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân thấy Bồ tát Đàm Vô Kiệt rất vui mừng tợ như vị Tỷ-kheo vào đệ tam thiên vậy.

### **LUẬN:**

Bồ tát Tát Đà Ba Luân tuy đã biết các pháp là không, là chẳng có đến, chẳng có đi nhưng vì ngài chưa thật sự thâm nhập vào pháp không, nên ở nơi các đức Phật còn sanh tâm cung kính, chẳng chịu quán các đức Phật cũng là không.

Ví như sóng ở ngoài biển khơi, tuy có sức mạnh đến tận chân núi Tu Di mà vẫn phải thối lui, chẳng thể làm núi lay chuyển được.

Cũng như vậy, Bồ tát Tát Đà Ba Luân tuy có trí lực “đại không”, đến được gần bên Phật mà vẫn chưa dùng được trí lực đó vậy.

Nay Bồ tát Đàm Vô Kiệt vì Bồ tát Tát Đà Ba Luân nói rằng: “Các đức Phật chẳng từ đâu đến, lại cũng chẳng đi về đâu”.

Nơi đây Bồ tát Đàm Vô Kiệt nói lên nhân duyên các pháp như là tướng bất động; pháp như tức là Phật.

**Hỏi:** *Những pháp gì gọi là pháp như?*

**Đáp:** Hết thấy các pháp ở nơi thật tướng đều là không, là vô sở hữu, nên đều là như. Chẳng có pháp nào mà chẳng phải như.

**Hỏi:** *Trong pháp Đại thừa có 6 Ba-la-mật. Ở nơi pháp đệ nhất đồ nếu chẳng có Phật, thì chẳng có ai nói được Bát nhã Ba-la-mật, chẳng ai có được 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí... dẫn đến 18 bất cộng pháp; chẳng có ai được bình đẳng ở nơi sắc pháp và vô sắc pháp. Phải bình đẳng, tinh diệu hòa hợp với 5 ấm mới được gọi là Phật.*

*Ví như 5 ngón tay hòa hợp gọi là nắm tay, chẳng thể nói là chẳng có nắm tay được. Danh tự khác, hình thức cũng khác, lực dụng cũng khác nên chẳng thể gọi là chẳng có nắm tay được vậy.*

**Hỏi:** *Nếu nói có nắm tay thì vì sao lại nói chẳng có Phật?*

**Đáp:** Chẳng thể nói như vậy được. Trong Phật pháp có 2 đế, là thế tục đế và đệ nhất nghĩa đế.

Y theo thế tục đế, nên nói Phật thuyết Bát nhã Ba-la-mật. Y theo đệ nhất nghĩa đế nên nói các đức Phật là tánh không, là chẳng có đến và chẳng có đi.

Ví như nói có 5 ấm thanh tịnh hòa hợp mới gọi là Phật. Hòa hợp như vậy tuy là có, mà cũng tức là không.

Trong kinh, Phật dạy: “Nhân duyên 5 ấm hòa hợp chẳng phải là Phật mà ly 5 ấm cũng chẳng phải là Phật. Phật chẳng

phải ở trong 5 âm, 5 âm cũng chẳng phải ở trong Phật. Phật chẳng phải do 5 âm nên có, mà ly 5 âm cũng chẳng có Phật”.

Vì sao? Vì 5 âm là 5, mà Phật là 1. Như vậy 1 chẳng phải là 5 và 5 chẳng phải là 1. Lại nữa, 5 âm là tự tánh không, nên là hư dối, chẳng thật có.

Phật nói: “Hết thấy pháp là không, là hư dối. Trong hết thấy pháp thì pháp của Ta là pháp tối đệ nhất nên 5 âm không tức là Phật”.

**Hỏi:** *Nếu nói 5 âm tức là Phật thì tất cả những ai có thân 5 âm đều là Phật chăng?*

**Đáp:** Phật dạy: “Trước đây Ta đã trả lời về vấn đề này rồi. Có 5 âm thanh tịnh hòa hợp, có đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp mới gọi là Phật”.

**Hỏi:** *Chuyên luân thánh vương có đầy đủ 32 tướng tốt, vì sao chẳng được gọi là Phật?*

**Đáp:** Chuyên luân thánh vương có đầy đủ 32 tướng tốt trang nghiêm thân, nhưng chưa có được Nhất thiết chủng trí nên chẳng được gọi là Phật.

**Hỏi:** *Vào trong Bát nhã Ba-la-mật thì Nhất thiết chủng trí là tướng tịch diệt, là chẳng có hý luận. Được pháp ấy là vô sở đắc (chẳng có chỗ đắc). Vô sở đắc mới gọi là Phật.*

Phật dạy: “Phật tức là không”. Như vậy vì sao Phật nói lên nhân duyên 5 âm chẳng phải là Phật mà ly 5 âm cũng chẳng phải là Phật?

**Đáp:** Nếu ly 5 âm thì chẳng còn có pháp gì để nói nữa. Cũng như ly 5 ngón tay thì chẳng có nắm tay, chẳng còn gì để nói nữa.

**Hỏi:** *Vì sao nói chẳng có pháp “năm tay”?*

**Đáp:** Vì hình thức cũng có khác mà lực dụng cũng có khác. Nhân có 5 ngón tay hòa hợp mà có pháp gọi là “năm tay”, ly 5 ngón tay thì chẳng còn có pháp “năm tay” nữa. Lại nữa, năm tay là vô thường, là sanh diệt, nên là bất khả đắc, là không vậy.

**Hỏi:** *Nếu pháp “năm tay” là quyết định có, thì ly 5 ngón tay còn có thể có năm tay chẳng?*

**Đáp:** Như trên đây đã nói, nhân 5 ngón tay mới có năm tay, ly 5 ngón tay thì chẳng có năm tay. Cũng như vậy, ly 5 ám thì chẳng có Phật. Phật chẳng ở trong 5 ám, 5 ám chẳng ở trong Phật; ly 5 ám thì chẳng có Phật, ly Phật thì cũng chẳng có 5 ám.

Ví như vị Tỷ-kheo có 3 y và bát mới được gọi là Tỷ-kheo. Phật cùng 5 ám chẳng phải riêng khác. Bởi vậy chẳng nên nói Phật có 5 ám thanh tịnh, để rồi y nơi 5 ám thanh tịnh đó mà cầu Phật. Y nơi 5 ám thanh tịnh mà cầu Phật là chẳng thể được vậy. Nên biết Phật là tánh không, mà đã là không thì chẳng có đến, chẳng có đi vậy.

**Hỏi:** *Nếu nói chẳng có Phật thì đó là tà kiến. Như vậy vì sao Bồ tát lại phát tâm cầu làm Phật?*

**Đáp:** Nói chẳng có Phật là nhằm phá chấp tướng Phật. Đây chẳng phải là nói nên chấp tướng “không Phật”. Phật còn chẳng chấp, huống nữa là chấp “không Phật”.

Lại nữa, Phật là tướng thường tịch diệt, chẳng có tướng hý luận. Nếu còn phân biệt, còn hý luận thì dù ở trong tịch diệt cũng vẫn đọa về tà kiến. Phải ly cả 2 chấp “hữu - vô”, phải hành trung đạo mới vào được thật tướng pháp; mà vào được nơi thật tướng pháp tức là Phật vậy.



Lại nữa, hết thảy các sắc pháp đều là tướng như; mà pháp như tức là Phật.

Phật là tánh như, là tánh không, nên là chẳng đến, chẳng đi, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhiễm, là thường tịch diệt, là như pháp tánh thật tế. Hư không cũng là tánh như, là tánh không, nên là chẳng đến, chẳng đi, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhiễm, là thường tịch diệt, là như pháp tánh thật tế vậy.

Các pháp như cùng các đức Phật như là nhất như, chẳng phân biệt, là thường một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, vượt ra ngoài các pháp số. Pháp như là pháp bình đẳng, là pháp thật tướng; ở nơi đây chẳng có ức tướng phân biệt chấp tướng nên vượt ra ngoài các pháp số.

Ở đây nói nhân duyên các pháp đều là không, là chẳng thật có, là vô sở hữu vậy.

**Hỏi:** *Nếu các pháp là vô sở hữu, thì làm sao có thấy, có nghe, có vui, có khổ, có triền phược, có giải thoát, có phân biệt sai khác nhau?*

**Đáp:** Nơi đây Bồ tát nói lên các nhân duyên phàm phu do chấp tướng mà khởi sanh phân biệt các pháp có tướng sai khác nhau.

Bồ tát Đàm Vô Kiệt nêu lên thí dụ về người bộ hành đi trên khoảng đường trống vào những ngày hè nắng gắt, thấy ở đằng xa các sóng nắng in bóng những vùng nước mát mẻ. Người vô trí chẳng biết đó chỉ là sóng nắng mà lại chấp đó là nước; đuổi theo sóng nắng để mong được gặp nước; rồi đến khi đến nơi chẳng còn thấy gì, lại sanh tâm buồn khổ. Nước đó chẳng thật có, chỉ làm mắt người, mà phàm phu khởi chấp đắm, khiến sanh vui sướng hay buồn khổ.

Cũng như vậy, các pháp tuy là không, là vô sở hữu mà vẫn thường khiến người khởi tâm vui buồn, thương ghét, chỉ là như mộng, như huyễn. Chỉ do tâm chấp mà có ra các sự việc như vậy mà thôi.

-oOo-

Lại nữa, cũng nên biết Phật có 2 thân: Sắc thân và pháp thân.

Pháp thân là chân thật; còn sanh thân là y theo thể đế mà có.

Pháp thân Phật là thật tướng pháp. Các pháp ở nơi thật tướng là chẳng có đến, chẳng có đi; Pháp thân Phật cũng chẳng có đến, chẳng có đi. Bởi vậy nên nói: “Các đức Phật chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu”.

Người chân Phật tử là người gần được thật tướng pháp; Phật là người đã được thật tướng pháp. Nếu còn có sai khác thì chỉ được các quả Thanh Văn, Bích Chi Phật và đại Bồ tát. Thế nhưng các vị ấy đều được gọi là chân Phật tử, đều xứng đáng thọ nhận của tín thí.

Ví như người bố thí cho súc sanh, tuy được nhiều phước báo, nhưng phước báo ấy cũng có hạn lượng, chẳng thể độ chúng sanh ra khỏi sanh tử được, nên phước báo ấy còn là hư dối. Trái lại chư Thánh hiền và chư Phật có phước báo thọ sự cúng dường của tín thí. Phước báo là vô hạn lượng, dẫn đến Niết Bàn, nên là chẳng hư dối thọ sự cúng dường của hàng tín thí. Vì sao? Vì hướng về Niết Bàn mà chư vị Tu-đà-hoàn... dẫn đến A la hán, chư vị Bích Chi Phật thọ sự cúng dường của hàng phàm phu. Chư đại Bồ tát gần thành Phật, nên thọ sự cúng dường của hàng phàm phu, hàng Thanh Văn, hàng Bích Chi Phật và hàng Bồ tát.

Vì sao? Vì là phước điền của thế gian. Người gieo trồng

phước đức nơi phước điền tốt, sẽ gặt hái được quả báo tốt, như quả báo trì giới, quả báo thiên định, quả báo trí huệ, v.v... Muốn được quả báo vô lượng phải gieo trồng phước đức nơi các đức Phật, là phước điền chẳng có đến, chẳng có đi.

Vì Bồ tát Tát Đà Ba Luân và các người nghe pháp nghĩ rằng: “Các đức Phật đều là không, thì các pháp cũng đều diệt. Nghĩ như vậy là sẽ đọa về đoạn diệt, nên Bồ tát Đàm Vô Kiệt nói các nhân duyên thí dụ để khai thị”.

Các pháp do nhân duyên hòa hợp mà có hiện ra các tướng. Để chứng minh sự việc ấy, Bồ tát pháp sư nêu thí dụ: Như ở trong biển lớn có các châu báu sanh ra. Các châu báu ấy chẳng từ 10 phương đến, lại cũng chẳng đi về 10 phương. Các châu báu ấy chẳng phải chẳng có nhân duyên sanh. Đây là do các nhân duyên phước đức của chúng sanh trong 4 châu thiên hạ mà có sanh ra; khi các nhân duyên phước đức diệt thì châu báu tự nhiên mất giá trị, mà chẳng đi về đâu cả.

Ví như khi đèn tắt, ánh sáng chẳng đi về đâu. Thân Phật cũng là như vậy, Phật từ khi sơ phát tâm đã gieo trồng vô lượng thiện căn công đức; theo các nhân duyên đó mà có thân Phật hiện ra với đầy đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp.

Thân Phật chẳng tự tại. Do bản nghiệp nhân duyên của chúng sanh mà sanh. Bởi nhân duyên chúng sanh ở lâu trong tánh hữu vi phải bị vô thường tán hoại, nên chẳng thấy thân Phật. Như vậy, thân Phật khi sanh chẳng phải từ 10 đến; khi diệt cũng chẳng đi về 10 phương.

Ví như người thiện xạ bắn mũi tên lên hư không; dù bắn tên lên rất xa nhưng quyết định mũi tên rồi cũng phải rớt xuống đất. Thân Phật cũng là như vậy. Phật thành tựu thân có đầy đủ tướng tốt, có vô lượng quang minh đệ độ vô lượng chúng sanh. Nếu chẳng có chúng sanh thì Phật sẽ diệt độ.

**Hỏi:** *Do nhân duyên phước báu của chúng sanh mà ở trong biển lớn có hiện ra các thứ trân bảo. Như vậy vì sao các trân bảo lại ở dưới đáy biển, là chỗ mà chúng sanh khó đến được?*

**Đáp:** Ở trong biển lớn có các chúng sanh như rồng, như a tu la có thể lấy các trân bảo ấy. Ở trong đời ác “5 trược” cũng có các trân bảo nhưng vì chúng sanh ở nơi đó bị tâm tham ngăn che, khiến chẳng tìm được. Nếu gặp đời lành thì các trân bảo tự nhiên sanh trong nhân gian. Vì lúc bấy giờ chẳng có người tham vậy.

Ví như vào thời đức Phật Di Lặc, thì các trân bảo hiện ra đầy khắp, tựa như gạch ngói. Vì ở đời ác “5 trược” chúng sanh tham lam mà lại tiếc thân mạng; giải đãi, biếng nhác mà lại cầu được vui, nên các trân bảo hiện ra ở dưới biển sâu, khiến ít có ai tìm được. Nếu có người gan dạ, chẳng tiếc thân mạng, xuống tận đáy biển sâu thì ắt sẽ tìm được các trân bảo vậy.

Ở trong khắp 10 phương có vô lượng các đức Phật, nhưng chúng sanh giải đãi, biếng nhác, nên chẳng thấy Phật được.

-o0o-

Dù có Phật xuất thế, nhưng nếu chúng sanh còn giải đãi, biếng nhác, xan tham thì cũng chẳng sao thấy được Phật. Vì sao? Vì các pháp đều theo nhân duyên hòa hợp sanh. Chúng sanh phải hội đủ 2 nhân duyên sau đây mới dễ được độ. Đó là:

- Ở bên trong có được chánh kiến.

- Ở bên ngoài gặp được thiện duyên, như gặp chư thiện tri thức dắt dìu, chư vị pháp sư thuyết pháp cho nghe.

Dù có chư Phật, chư đại Bồ tát thuyết pháp, mà ở bên trong chẳng có được đầy đủ chánh kiến, thì cũng chẳng có

thê được độ. Ví như các trân bảo sẵn có ở dưới đáy biển mà người giải đãi, biếng nhác chẳng sao được, khiến vẫn phải chịu cảnh nghèo túng vậy.

Ví như cây đàn “không hầu” có đầy đủ các bộ phận, mà chẳng có người đánh đàn, thì chẳng sao phát ra tiếng đàn được. Phải có đầy đủ các duyên hòa hợp mới có tiếng đàn nghe được.

Cũng như vậy, người tu đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, đầy đủ các lực phương tiện, đầy đủ các Phật pháp...; đầy đủ các nhân duyên hòa hợp mới thành Phật, mới có Phật thân. Nhưng thân Phật chẳng phải tại trong 6 pháp Ba-la-mật, mà cũng chẳng ly 6 pháp Ba-la-mật.

Ví như tiếng đàn “không cầm” chẳng phải chẳng có nhân duyên mà được sanh, chẳng phải do ít nhân duyên mà được sanh. Tiếng đàn phải có đầy đủ nhân duyên hòa hợp mới sanh ra được.

Cũng như vậy, thân Phật chẳng phải chẳng có nhân duyên mà sanh, chẳng phải do ít nhân duyên mà được sanh; thân Phật phải có đầy đủ các nhân duyên hòa hợp mới sanh vậy.

Ví như có gương, có người soi gương, có ánh sáng đầy đủ, có mặt gương lau chùi sạch sẽ thì mới có bóng người ở trong gương. Nếu các duyên ly tán thì chẳng còn có bóng người ở trong gương nữa.

Cũng như vậy, nếu có đầy đủ nhân duyên hòa hợp thì Phật liền hiện. Nếu các nhân duyên ly tán thì Phật liền diệt vậy.

Bồ tát Đàm Vô Kiệt bảo Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: Này thiện nam tử! Phải nên như vậy mà quán thân Phật là chẳng có các tướng đến, tướng đi. Hết thầy các pháp cũng đều là như vậy, đều chẳng có đến, chẳng có đi.

Người nào biết các pháp tướng chẳng có tướng đến, chẳng có tướng đi, ắt sẽ được Bát nhã Ba-la-mật, được các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Vì người ấy được vô ngại ở nơi hết thảy các pháp vậy.

**Hỏi:** *Vì sao vị Đế Thích lại đem hoa trời mạn đà la dâng cho Bồ tát Tát Đà Ba Luân?*

**Đáp:** Vị Đế Thích ái lạc Phật đạo thường cung kính các Bồ tát, lại cũng muốn nhiếp chúng sanh, khiến họ vào được Phật đạo, nên mới hiện thân đem hoa trời mạn đà la dâng Bồ tát Tát Đà Ba Luân.

Vì thấy Bồ tát Tát Đà Ba Luân nhất tâm cầu Phật đạo, nên chư Thiên đến cúng dường Bồ tát, khiến chúng sanh thấy được mà phát tín tâm. Vị Đế Thích Thích Đề Hoàn Nhơn dẫn đạo chư Thiên đem hoa trời đến cúng dường.

Vị Đế Thích nói với Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: Thật là chưa từng thấy! Ngài đã làm lợi ích cho trăm ngàn vạn ức chúng sanh. Nay tôi đem hoa trời mạn đà la dâng ngài, để ngài cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân, trước nghe danh Bồ tát pháp sư, sau thấy Bồ tát pháp sư ngồi trên pháp tòa thuyết pháp, nên đã đoạn nghi nên ngài quyết đem thân ngài cúng dường Bồ tát pháp sư.

Vị trưởng giả nữ và 500 vị thị nữ noi theo gương Bồ tát Tát Đà Ba Luân, cũng đem thân cúng dường ngài.

**Hỏi:** *Bồ tát Tát Đà Ba Luân đem thân cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt, là vì Bồ tát này là đệ nhất phước điền. Như vậy*

*vì sao trưởng giả nữ và 500 vị thị nữ chẳng đem thân cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt, mà lại đem thân cúng dường Bồ tát Tát Đà Ba Luân?*

**Đáp:** Các người nữ trí hẹp hòi, mà lại nhiều chấp trước, nên chẳng muốn bỏ bỏn sư của mình để đi cúng dường một vị khác. Lại nữa, trong tâm tuy đã thanh tịnh nhưng bên ngoài vẫn còn e ngại.

**Hỏi:** *Vị trưởng giả nữ ngay khi từ già cha mẹ đi theo Bồ tát Tát Đà Ba Luân là đã thuộc về Bồ tát này rồi. Nay vì sao còn đem thân cúng dường làm gì nữa?*

**Đáp:** Lúc ban đầu từ già cha mẹ theo Bồ tát Tát Đà Ba Luân mới là vì pháp cúng dường, chưa phải là thân cúng dường.

Nay thấy Bồ tát Tát Đà Ba Luân hỏi Bồ tát Đàm Vô Kiệt về pháp nghĩa thậm thâm, nên họ phát tâm hoan hỷ, tự đem thân cúng dường Bồ tát Tát Đà Ba Luân.

Lại nữa, hết thấy người nữ, nếu thân chẳng thuộc người nào, thì sợ bị người chê cười. Người nữ khi còn nhỏ thuộc cha mẹ; lớn lên thuộc chồng; già lại theo con. Vị trưởng giả nữ cùng đi chung với Bồ tát Tát Đà Ba Luân, nhưng chưa thuộc về Bồ tát. Bởi vậy nên nàng mới đem thân cúng dường vị bổn sư và phát nguyện rằng: “Như thầy đã được, tôi cũng sẽ được như thầy”.

-o0o-

Lúc bấy giờ, Bồ tát Tát Đà Ba Luân muốn đem vị trưởng giả nữ và 500 vị thị nữ cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt, nhưng lại sợ các vị ấy hiềm giận, nên nói: Các người đã chỉ thành muốn thuộc về tôi; tôi sẽ nhận các người.

Các người nữ đều nói: Chúng tôi đã thật chí thành.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân đem các người nữ cùng 500 cỗ xe và các đồ lễ vật cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

Vì sao? Vì Bồ tát Tát Đà Ba Luân muốn tránh sự cơ hiểm của người đời, nên đã cúng dường như vậy, chúng tỏ mình chẳng còn chấp đắm.

Lại nữa, vì ngài do nghe được tiếng dạy bảo trên hư không mà được giải thoát nên phát tâm cúng dường hết thảy nội cùng ngoại sở hữu của mình, mong được thâm nhập vào bố thí Ba-la-mật.

Vị Đế Thích biết rõ Bồ tát Tát Đà Ba Luân dù chưa sạch tham ái mà muốn xả sạch các nội ngoại sở hữu để hành bố thí, nên đã tán thán rằng: Lành thay, lành thay! Bố thí như vậy thật là việc rất khó làm, ắt sẽ mau được Vô Thượng Bồ Đề. Các đức Phật trong quá khứ, khi hành Bồ tát đạo cũng đã an trú trong bố thí Ba-la-mật mà được nghe Bát nhã Ba-la-mật, được các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, được Vô Thượng Bồ Đề.

**Hỏi:** *Vì sao muốn cho Bồ tát Tát Đà Ba Luân được thiện căn đầy đủ, được bố thí Ba-la-mật đầy đủ mà Bồ tát Đàm Vô Kiệt thọ sự cúng dường của Bồ tát Tát Đà Ba Luân? Vì sao sau khi thọ nhận xong, Bồ tát Đàm Vô Kiệt lại trả hết thảy các người nữ về cho Bồ tát Tát Đà Ba Luân?*

**Đáp:** Bồ tát Đàm Vô Kiệt là bậc đại trí có đầy đủ các phương tiện khiến Bồ tát Tát Đà Ba Luân có được phước đức lớn mà chẳng mất gì cả.

Trước hết khi Bồ tát Tát Đà Ba Luân thành kính đem thân cúng dường. Bồ tát Đàm Vô Kiệt đã thọ nhận, để Bồ tát Tát Đà Ba Luân đoạn sạch các tham chấp, vì cúng dường mà chẳng mong được đền đáp lại là đã đầy đủ phước đức rồi vậy.



Lại nữa, Bồ tát Đàm Vô Kiệt tư duy rằng: “Bồ tát Tát Đà Ba Luân từ phương xa đến mà chẳng tham đắm 5 dục, chẳng đắm nhiễm người xưa”.

Bởi vậy nên sau khi thọ nhận sự cúng dường chúng người nữ xong, Bồ tát Đàm Vô Kiệt liền đem chúng người nữ trao lại cho Bồ tát Tát Đà Ba Luân. Bồ tát Đàm Vô Kiệt biết rằng chúng người nữ này trước đây đã đem thân cúng dường Bồ tát Tát Đà Ba Luân là người chẳng còn tham đắm tài vật, chẳng còn tham đắm 5 dục, chỉ nhất tâm cầu Bất nhã Ba-la-mật. Lại nữa, Bồ tát Đàm Vô Kiệt biết rõ chúng người nữ này, trải qua nhiều đời, đã là đệ tử của Bồ tát Tát Đà Ba Luân, nên đã đem họ trao lại cho vị bổn sư của họ.

**Hỏi:** *Các đại Bồ tát thuyết pháp chẳng có mệt mỏi. Vì sao Bồ tát Đàm Vô Kiệt lại phải vào nghỉ trong cung?*

**Đáp:** Chúng sanh ở trong thành Chúng Hương, mặc dù có quả báo phước đức lớn; nhưng họ cũng chẳng có thường tinh tấn nghe pháp để cầu đạo, mà lại thường nhầm chán nghe pháp, thường tham đắm 5 dục, chư Thiên khi cúng dường cũng mong được thọ 5 dục, bỏ phế việc cầu đạo. Bởi vậy nên Bồ tát Đàm Vô Kiệt y theo thế pháp mà thị hiện ngu nghỉ vậy. Chỉ có hàng Bồ tát trú trong thành Chúng Hương là thường tinh tấn cầu đạo, chẳng thọ dục lạc.

Bồ tát Đàm Vô Kiệt biết rõ chúng sanh trong thành Chúng Hương đã mệt mỏi, nên sau thời pháp, Bồ tát đã lui vào cung nghỉ vậy.

**Hỏi:** *Vì sao suốt thời gian chờ đợi Bồ tát Đàm Vô Kiệt trở lại thuyết pháp mà Bồ tát Tát Đà Ba Luân chẳng dám nằm ngồi?*

**Đáp:** Vì cung kính pháp, tinh tấn cầu pháp nên Bồ tát Tát Đà Ba Luân tự nghĩ rằng: “Nếu nằm hay ngồi thì ta sẽ sanh tâm giải đãi. Khi ban đầu cầu pháp ta chẳng còn phải tiếc thân mạng, hướng nữa sợ mệt mỏi. Ta đến đây để cầu pháp, chẳng nên nằm ngồi, giải đãi”.

Người tinh tấn cầu pháp thường chẳng nằm ngồi, vì đi đứng, chẳng nằm ngồi mới làm tăng trưởng lực tinh tấn. Bởi vậy nên Bồ tát Tát Đà Ba Luân thường trú trong 2 oai nghi đi và đứng, chờ đợi Bồ tát Đàm Vô Kiệt trở ra thuyết pháp.

**Hỏi:** *Bồ tát Tát Đà Ba Luân có biết Bồ tát Đàm Vô Kiệt nhập định 7 năm mới xuất định chăng?*

**Đáp:** Lúc ban đầu chưa biết Bồ tát Đàm Vô Kiệt vẫn thường nhập định trong thời gian 7 năm; về sau mới biết. Thế nhưng, Bồ tát Tát Đà Ba Luân hầu thầy mà thấy thầy chưa ra nên trọn chẳng dám nằm ngồi. Đối với bậc đại nhân thì ở nơi pháp thế gian còn chẳng tự làm trái, huống nữa là vì đạo pháp.

Lại nữa, khi ban đầu cầu pháp còn chẳng tiếc thân mạng, nên nay vì pháp chờ đợi trong 7 năm, Bồ tát chẳng thấy đó là việc khó làm.

**Hỏi:** *Thân người yếu đuối làm sao có thể chịu đựng nổi 7 năm chẳng có nằm ngồi?*

**Đáp:** Những người có thọ mạng lâu dài xem 7 năm như 7 ngày.

Lại nữa, người có phước đức lớn có thể đi đứng suốt 7 năm mà chẳng thấy mệt. Ví như vị Tỷ-kheo Hiệp Tỷ năm 60 tuổi mới xuất gia mà tự thệ rằng: “Lưng tôi chẳng nằm xuống chiếu miến sao cho tôi được 6 thần thông, được chứng quả A-la-hán”.

Ở đời ác còn được như vậy, huống nữa là Bồ tát Tát Đà Ba Luân sanh vào đời lành (hảo thế).

Bồ tát Tát Đà Ba Luân tuy thân lực yếu kém nhưng tâm lực rất dũng mãnh nên mới làm được việc khó làm như vậy. Lại nữa, do ngài nhất tâm cầu đạo nên được 10 phương chư Phật hộ niệm, ngoài ra chư vị Bồ tát cầu Phật đạo thường được chư Thiên ở bên cạnh giữ gìn và giúp thêm khí lực nên Bồ tát Tát Đà Ba Luân mới làm được việc khó làm như vậy.

**Hỏi:** *Bồ tát Đàm Vô Kiệt vào những tam muội gì mà đến 7 năm?*

**Đáp:** Trước đây đã nói ở đời lành (hảo thế) thì thời gian 7 năm chỉ bằng 7 ngày.

Bồ tát Đàm Vô Kiệt sống ở trong cung với các thể nữ có đầy đủ 5 dục vi diệu, chẳng khác gì ở cõi trời. Bồ tát Tát Đà Ba Luân chỉ là Bồ tát tân phát ý, tâm chưa được nhu nhuyễn, nếu thấy như vậy có thể khởi tâm nghi rằng Bồ tát Đàm Vô Kiệt tuy nói Bát nhã Ba-la-mật mà tâm chưa ly dục, chưa xả sạch các dục nhiễm. Bởi vậy Bồ tát Đàm Vô Kiệt mới nhập vào vô lượng tam muội, nhằm phá tâm nghi của Bồ tát Tát Đà Ba Luân, khiến phải sanh tâm quý trọng thầy vậy.

Khi Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã thấy vị thầy của mình vào vô lượng tam muội suốt 7 năm thì biết rõ thầy mình tâm và miệng tương ưng, lời nói và việc làm hòa hợp. Biết rõ như vậy nên Bồ tát Tát Đà Ba Luân nhất tâm tín thọ lời thầy dạy và trở nên dễ được độ hơn.

Ví như mụn nhọt khi chưa chín thì chưa có thể phá được. Phải đắp thuốc lên, chờ một thời gian cho mụn nhọt ấy chín muồi rồi mới có thể phá được vậy.

Lại nữa, vì muốn cho người thọ pháp thật sự được hưởng hiệu lực, nên Bồ tát Đàm Vô Kiệt mới vào tam muội suốt thời gian 7 năm; sau khi xuất tam muội mới thuyết pháp.

Nên biết có 2 lối thuyết pháp: Khẩu thuyết và thân thuyết.

Bồ tát Đàm Vô Kiệt vào tam muội suốt 7 năm là hiển thị thân thuyết pháp, khiến cho chúng sanh được nhiếp tâm, nhờ vậy họ mới dễ vào được thật trí huệ. Đây cũng có nghĩa là hành lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật.

Trong suốt 7 năm chờ đợi, Bồ tát Tát Đà Ba Luân chẳng có ác giác quán. Tuy chưa phá được các phiền não, nhưng ngài thường tu tập các thiện pháp nên chế ngự được các phiền não chẳng cho sanh khởi.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân ngày đêm chỉ có một niệm duy nhất “chờ ngày Bồ tát Đàm Vô Kiệt xuất tam muội, và vì mình thuyết pháp”.

Khi đã gần 7 năm, Bồ tát Tát Đà Ba Luân lại nghĩ rằng: “Tôi phải vì Bồ tát Đàm Vô Kiệt trải pháp tọa và quét dọn, trang trí pháp tòa cho thật trang nghiêm”.

**Hỏi:** *Vì sao Bồ tát Tát Đà Ba Luân biết được Bồ tát Đàm Vô Kiệt sắp ra thuyết pháp?*

**Đáp:** Vì Bồ tát Đàm Vô Kiệt nhập định có thời hạn là 7 năm. Ví như Phật Thích Ca Mâu Ni khi muốn nhập thiền định trong thời gian 1, 2, 3 tháng, hay lâu hơn thì Phật đều có bảo ngài A Nan để ngài thông báo cho cả 4 chúng biết.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân tham ái pháp, cung kính, tôn trọng vị pháp sư, nên muốn trang nghiêm pháp tòa để pháp sư ra ngồi thuyết pháp. Như vậy là sau khi đã trang nghiêm tâm để chờ nghe pháp, Bồ tát Tát Đà Ba Luân lại

muôn trang nghiêm pháp tòa để tỏ sự cung kính, tôn trọng vị pháp sư.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân cùng với chúng người nữ quét dọn, lau rửa mặt đất cho sạch sẽ, thanh tịnh; các người nữ còn cõi thượng y của mình trải lên pháp tòa.

Trang trí pháp tòa xong, Bồ tát Tát Đà Ba Luân đi tìm nước rửa mặt đất, nhưng ma che giấu nước, chẳng để cho nước xuất hiện.

Vì sao? Vì mặc dù ác ma biết tâm Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã quyết định, chẳng thể lay chuyển được, nhưng vẫn tìm cách làm ngưng trệ công việc của ngài. Ác ma nghĩ rằng: “Nếu Bồ tát chẳng tìm được nước ắt sẽ sanh tạp niệm mà đã có sanh tạp niệm thì tâm cầu đạo sẽ suy yếu, thiện căn sẽ chẳng tăng trưởng, trí huệ sẽ chẳng được sáng suốt, sẽ trở ngại cho sự thành tựu Nhất thiết chủng trí. Ví như mặt trời bị mây che chẳng chiếu sáng được”.

Chẳng tìm được nước, Bồ tát Tát Đà Ba Luân liền cầm dao tự đâm vào thân để lấy máu rửa đất.

**Hỏi:** *Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã tùy nguyện thành tựu được nhiều phước đức. Như vậy vì sao ác ma lại còn có thể che, chẳng cho ngài thấy nước?*

**Đáp:** Vì Bồ tát Tát Đà Ba Luân là tân phát ý, nên nguyện lực còn yếu. Do vậy mà ác ma có thể phá khuấy được.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân nghĩ rằng từ đời vô thi đến nay đã mất vô lượng thân nhưng chưa bao giờ được mất thân vì đạo pháp, nên ngài mới hành động như trên đây.

**Hỏi:** *Vì ái pháp mà tự đâm vào thân để lấy máu rửa đất. Nếu rùi chết thì làm sao nghe được pháp?*

**Đáp:** Chư Thiên, chư thiện Thần cũng như chư đại Bồ tát thường giữ gìn chẳng để cho Bồ tát phải bị thiệt thân mạng.

Khi biết chẳng thể phá hoại tâm Bồ tát được, ác ma liền tháo lui, và nước lại hiện ra.

-o0o-

Bồ tát Tát Đà Ba Luân tuy chỉ là Bồ tát sơ phát ý nhưng đã nhất tâm vì chúng sanh, vì Bát nhã Ba-la-mật nên chẳng tiếc thân mạng. Do tín tâm vững mạnh muốn được Vô Thượng Bồ Đề nên chẳng còn sợ khổ. Lại do thương xót chúng sanh nên thường vì chúng sanh thọ khổ mà chẳng cho là việc khó làm. Ví như bà mẹ thương con, thường vì con chịu khổ, mà chẳng cho là khó.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã biết rõ ở nơi thật tướng thì các pháp đều là rốt ráo không, biết rõ thân này chỉ là giả dối, do các nhân duyên hòa hợp mà thành nên chẳng ngần ngại phá thân vì Vô Thượng Bồ Đề khiến ác ma chẳng tìm được chỗ tiện để phá hoại.

Ví như thân thể có mụn nhọt thì các độc trùng mới có thể xâm nhập vào được. Cũng như vậy, Bồ tát có tham dục, có ưu sầu thì các ác ma mới tìm được chỗ tiện để phá hoại tâm Bồ tát. Nay Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã quyết lấy máu rửa đất thì ác ma chẳng còn chỗ tiện để gây tác hại vậy.

-o0o-

Vị Đế Thích tán thán Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: Lành thay, lành thay! Tâm ái pháp và cầu pháp của ông thật là chưa từng thấy. Các đức Phật trong quá khứ cũng làm như ông

hôm nay, cũng do thâm ái pháp, tôn trọng pháp, chứa nhóm các công đức mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao vị Đế Thích tán thán như vậy? Vì vị Đế Thích thấy việc làm của Bồ tát Tát Đà Ba Luân rất là hy hữu. Dù Bồ tát chưa được vô sanh pháp nhẫn, chưa đoạn sạch các phiền não mà đã vì pháp cúng dường, chẳng tiếc thân mạng. Còn là Bồ tát sơ phát ý mà đã làm được như vậy, thật là đáng tôn kính.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân nghe lời tán thán của vị Đế Thích, như lửa thêm dầu, càng thêm phần khởi, tự nghĩ rằng: “Bây giờ tôi còn phải tìm hoa đẹp để trang nghiêm pháp tòa. Tôi phải tìm các thứ hoa đó ở đâu đây!”.

**Hỏi:** *Nếu chẳng tìm được nước để rửa đất thì sao chẳng đi đến chỗ xa hơn để tìm nước mà phải tự lấy máu mình thay nước?*

**Đáp:** Vị Bồ tát Tát Đà Ba Luân mới đến, nên chẳng biết chỗ tìm nước. Lại nữa, vì biết có ác ma che mắt mình nên nghĩ: “Tôi có thể lấy máu của tôi thay nước được”. Nghĩ như vậy nên ngài tự đâm vào thân lấy máu để rửa đất.

**Hỏi:** *Bồ tát Tát Đà Ba Luân chẳng có cách gì để tìm hoa hay sao, mà phải băng khuâng như vậy?*

**Đáp:** Nước có thể lấy nước ở thân 4 đại thay thế, nhưng hoa thì làm sao có được. Lại nữa, Bồ tát Đàm Vô Kiệt sắp ra thuyết pháp; thời gian cấp bách chẳng có thể đi tìm hoa nên Bồ tát Tát Đà Ba Luân mới phải băng khuâng sanh niệm nghĩ về việc đi tìm hoa như trên đây.

Vị Đế Thích biết được tâm niệm của Bồ tát Tát Đà Ba Luân nên liền đem 3.000 bó hoa trời mạn đà la, đủ để Bồ tát cúng dường.

Sở dĩ vị Đệ Thích chẳng có dùng hoa đất mà dùng hoa trời vì muốn Bồ tát Tát Đà Ba Luân phát tâm hy hữu.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân thọ nhận hoa xong, chia ra làm 2 phần, một phần rải xuống mặt đất và để dành một phần còn lại cúng dường Bồ tát Đàm Vô Kiệt khi ngài ra thuyết pháp. Ở cõi nước này có phong tục rải hoa xuống mặt đất để mời các vị thượng khách đi lên, biểu hiện sự cúng dường.

-o0o-

Bồ tát Đàm Vô Kiệt, từ trong tam muội ra, đi thẳng đến pháp tòa thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật. Hàng thính chúng gồm vô lượng trăm ngàn vạn ức trời và người doanh vây pháp tòa.

**Hỏi:** *Khi các vị đại Bồ tát nhập vào các tam muội vì diệu như vậy, có ai có thể làm cho các vị ấy xuất ra khỏi tam muội chăng?*

**Đáp:** Khi vào tam muội, các vị ấy đã tự thệ ở trong tam muội một thời gian hạn định; Suốt thời gian nhập định, tâm Bồ tát theo các tam muội mà khởi đại bi, sanh các giác quán.

Trong kinh có ghi mẫu chuyện như sau:

Có một vị Tỷ-kheo vào diệt thọ tướng định, tự kỳ hạn khi nghe tiếng chùy mới xuất định. Trong lúc vị Tỷ-kheo này đang nhập định thì tăng phòng bị lửa thiêu cháy. Các vị Tỷ-kheo khác hoảng hốt, tháo chạy, quên mất việc đánh chùy. Thời gian 12 năm sau, Tăng chúng và tín đồ muốn làm lại Tăng phòng nên đã đánh chùy để triệu tập buổi họp. Vị Tỷ-kheo nghe tiếng chùy liền xuất định nhưng vì thân đã bị thiêu rụi rồi, nên liền chết. Những người chứng kiến sự việc đã thuật lại như vậy.



Lại có thuyết nói: “Bồ tát pháp tánh sanh thân” cũng như Phật, khi vào tam muội vẫn chẳng tán loạn thô tâm, vẫn dùng các thần thông vì chúng sanh thuyết pháp, hoặc đi đến các cõi nước khắp 10 phương để độ thoát chúng sanh. Vì y theo pháp thế gian mà hiện các tướng nhập hay tướng xuất tam muội. Tuy vào tam muội vì diệt như vậy, mà Bồ tát thường xuất tam muội, dùng tâm đại bi cứu độ chúng sanh.

-o0o-

Ví như nhà huyền thuật hóa tác ra con rồng lớn, có vô lượng quyến thuộc doanh vây, diễu quanh. Cũng như vậy, khi Bồ tát Đàm Vô Kiệt từ trong tam muội ra có vô lượng trăm ngàn vạn ức trời và người doanh vây pháp tòa, diễu quanh Bồ tát vậy.

Đây là y theo thế đế, dùng các danh tự ngữ ngôn để khai thị cho chúng sanh thấy rõ đệ nhất nghĩa đế là tướng bất động.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân vừa thấy Bồ tát Đàm Vô Kiệt liền được tâm thanh tịnh, được hỷ lạc đầy khắp thân, như vị Tỷ-kheo vào đệ tam thiên vậy. Vì sao? Vì dục lạc của chúng sanh tuy chẳng được tịnh diệu mà họ đã thấy đó là niềm hỷ lạc rồi, huống nữa là khi thấy được chân công đức trang nghiêm thân.

Lại nữa, từ khi nghe tiếng chư Phật giữa hư không nói đến tên Bồ tát Đàm Vô Kiệt, Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã sanh tâm ham muốn chóng được gặp pháp sư Đàm Vô Kiệt. Do nhất tâm niệm Bồ tát Đàm Vô Kiệt mà Bồ tát Tát Đà Ba Luân ở ngay tại chỗ liền vào được các tam muội, thấy được chư Phật khắp 10 phương, và nghe chư Phật dạy rằng: “Do Bồ tát Đàm Vô Kiệt có nhân duyên với ông trong vô lượng đời về trước, nên nay chính Bồ tát Đàm Vô Kiệt sẽ là bậc thiện tri thức của ông và cũng là người sẽ khai ngộ cho ông”.

Vì nghe chư Phật dạy như vậy nên Bồ tát Tát Đà Ba Luân khao khát được mau thấy Bồ tát Đàm Vô Kiệt. Cũng vì nghe như vậy mà ở dọc đường ngài quyết định bán thân để chúng sanh Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát Đàm Vô Kiệt.

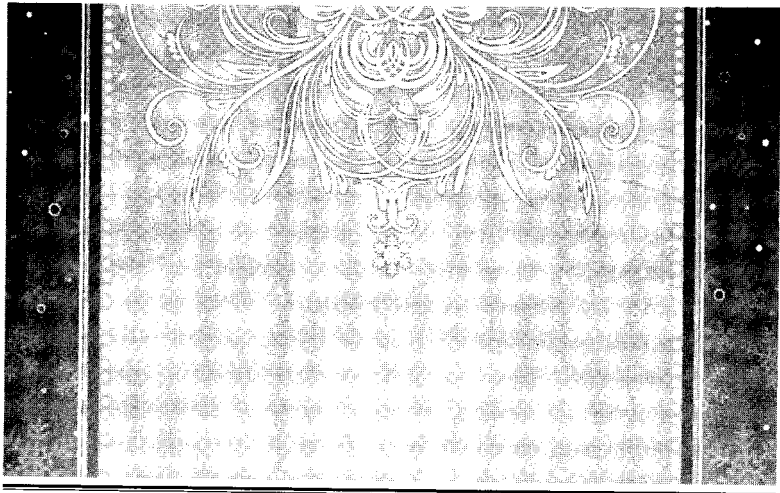
Nay ở tại thành Chúng Hương, sau 7 năm chờ đợi chẳng có nằm ngồi, sự khát ngưỡng ấy lại càng tăng lên đến tột độ. Ví như người khát nước và bị nóng nực bức bách lâu ngày, nay gặp được vũng nước đục còn vui mừng, huống nữa là gặp được suối nước trong mát, ngọt ngào, Bồ tát Tát Đà Ba Luân khát ngưỡng mong được sớm gặp Bồ tát Đàm Vô Kiệt cũng là như vậy.

Vì Bồ tát Đàm Vô Kiệt có công đức rất lớn, nên ngay khi vừa được gặp ngài, Bồ tát Tát Đà Ba Luân liền sanh tâm vui mừng khôn xiết.

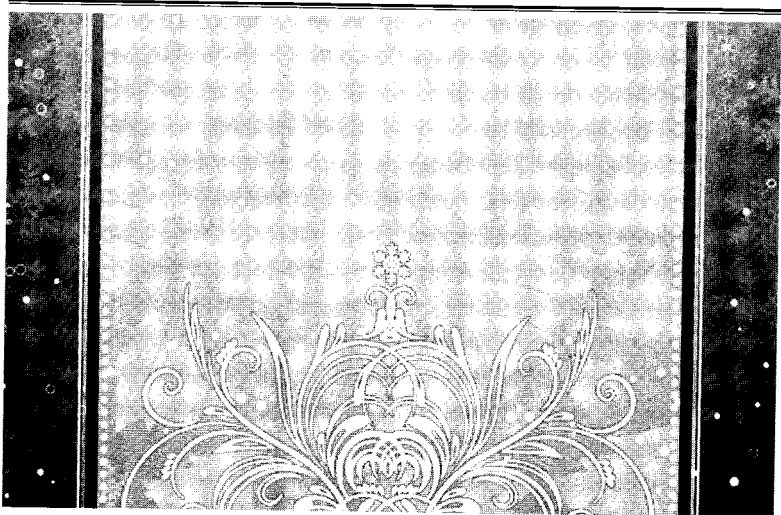
**Hỏi:** *Vì sao chẳng nói đến “thượng địa định lạc” và “giải thoát lạc” mà chỉ nhắc đến “đệ tam thiên lạc”?*

**Đáp:** Vì chúng sanh ở cõi Dục nghe nói đến “Niết Bàn lạc” là vô sở hữu nên tâm chẳng có ưa; nghe nói vào đệ tứ thiên đoạn hết khổ lạc nên tâm cũng chẳng có ưa; thường chỉ ưa thích lạc ở đệ tam thiên.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân chưa vào được vi tế thâm diệu tịnh nên vừa thấy Bồ tát pháp sư liền sanh hoan hỷ tợ như vào tam thiên.



**LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ**  
**Quyển 100**





## **Phẩm Thứ Tám Mười Chín** **(TIẾP THEO)**



### **Đàm Vô Kiệt (tiếp theo)**

#### **KINH:**

Lúc bấy giờ, Bồ tát Tát Đà Ba Luân, vị trưởng giả nữ cùng 500 vị thị nữ đến chỗ Bồ tát Đàm Vô Kiệt rải hoa cúng dường. Xong đầu mặt cung kính đánh lễ, rồi đứng sang một bên.

Bồ tát Đàm Vô Kiệt thấy đại chúng đã ngồi xong, liền bảo Bồ tát Tát Đà Ba Luân rằng: Nay thiện nam tử! Hãy lắng nghe và tín thọ. Nay ta vì ông nói về tướng của Bát nhã Ba-la-mật.

Này thiện nam tử! Các pháp bình đẳng nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng bình đẳng.

Các pháp ly, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng ly.

Các pháp bất động, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng bất động.

Các pháp vô niệm, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô niệm.

Các pháp vô úy, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô úy.

Các pháp nhất vị, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng nhất vị.

Các pháp vô biên, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

Các pháp vô sanh, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô sanh.

Các pháp vô diệt, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô diệt.

Hư không vô biên, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

Nước trong biển lớn vô biên, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

Núi Tu Di trang nghiêm, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng trang nghiêm.

Hư không vô phân biệt, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô phân biệt.

Sắc vô biên, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

Thọ, tướng, hành, thức vô biên, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

Địa chủng vô biên, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

Thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng vô biên, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

Không chủng vô biên, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

Như kim cang bình đẳng, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng bình đẳng.

**Các pháp vô phân biệt, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô phân biệt.**

**Pháp tánh bất khả đắc, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng bất khả đắc.**

**Các pháp vô sở hữu bình đẳng, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô sở hữu bình đẳng.**

**Các pháp vô tác, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô tác.**

**Các pháp bất khả tư nghi, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng bất khả tư nghi.**

Ngay lúc ấy, Bồ tát Tát Đà Ba Luân, ngay tại chỗ ngồi, liền vào được các tam muội, như: Chư pháp bình đẳng tam muội - chư pháp vô úy tam muội - chư pháp nhất vị tam muội - chư pháp vô biên tam muội - chư pháp vô sanh tam muội - chư pháp vô diệt tam muội - hư không vô biên tam muội - đại hải thủy vô biên tam muội - Tu Di Sơn trang nghiêm tam muội - hư không vô phân biệt tam muội - sắc vô biên tam muội - thọ, tưởng, hành, thức vô biên tam muội - địa chủng vô biên tam muội - thủy chủng, không chủng, hỏa chủng, phong chủng vô biên tam muội - như kim cang bình đẳng tam muội - chư pháp vô phân biệt tam muội - chư pháp bất khả tư nghi tam muội.

Như vậy, có đến 600 vạn tam muội.

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Như hôm nay, trong 3.000 đại thiên thế giới, giữa chúng Tỷ-kheo Tăng vây quanh, ta lấy tướng như vậy, tướng mạo như vậy, danh tự như vậy mà thuyết Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát Tát Đà Ba Luân được 600 vạn tam muội thấy 10 phương chư Phật trong 3.000 đại thiên thế giới, giữa

chúng Tỷ-kheo vây quanh cũng lấy tướng như vậy, tướng mạo như vậy, danh tự như vậy, nên cũng thuyết Bát nhã Ba-la-mật như vậy.

Từ đây trở về sau, Bồ tát Tát Đà Ba Luân được đa văn, được trí huệ bất khả tư nghĩ tự như nước trong biển lớn, thường chẳng xa rời chư Phật, thường sanh vào các cõi có Phật... dẫn đến trong mộng cũng chẳng lúc nào chưa từng thấy Phật cả. Khi hết thấy các nạn đều đoạn dứt, Bồ tát này được tùy nguyện vãng sanh về các cõi Phật.

Này Tu Bồ Đề! Phải biết do nhân duyên Bát nhã Ba-la-mật mà chư Bồ tát Ma ha tát thành tựu được hết thấy các công đức, được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bởi vậy nên chư Bồ tát Ma ha tát muốn học 6 pháp Ba-la-mật, muốn thâm nhập vào trí huệ của chư Phật, muốn được Nhất thiết chủng trí, phải thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật; phải vì người rộng thuyết Bát nhã Ba-la-mật; phải biên chép kinh quyển Ba-la-mật; lại phải tôn trọng tán thán, dùng hương hoa... dẫn đến dùng kỹ nhạc cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của 3 đời 10 phương chư Phật. Chư Phật trong 3 đời và trong 10 phương đều tôn trọng Bát nhã Ba-la-mật.

### **LUẬN:**

Sau khi ở tam muội ra, Bồ tát Đàm Vô Kiệt đến nơi pháp tòa mà Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã trang nghiêm sẵn. Khi Bồ tát Đàm Vô Kiệt đã ngồi lên pháp tòa, Bồ tát Tát Đà Ba Luân, vị trưởng giả nữ cùng 500 vị thị nữ đến trước Bồ tát Đàm Vô Kiệt cung kính đầu mặt đánh lễ, rồi đứng sang một bên.



Có 3 trường hợp đánh lễ. Đó là:

- Cúi đầu đánh lễ.
- Quỳ gối và cúi đầu đánh lễ.
- Đầu mặt sát đất mà đánh lễ.

Gieo đầu mặt sát đất mà đánh lễ là lối đánh lễ bậc nhất, gọi là thượng lễ. Người đời thường lấy đầu làm quý, cho chân là tiện. Như vậy lấy đầu mặt của mình gieo sát đất, dưới chân người là lối cung kính đánh lễ vào bậc nhất vậy.

-o0o-

Bồ tát Đàm Vô Kiệt nhìn pháp tòa quét dọn, trang trí rất trang nghiêm, biết là do người từ phương xa đến. Người ấy chẳng tiếc thân mạng, cần khổ trong mọi công việc, chỉ vì muốn được nghe pháp. Lần trước Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã được gặp mặt Bồ tát Đàm Vô Kiệt, nhưng 2 vị Bồ tát gặp nhau chưa được bao lâu thì mặt trời đã xế bóng và Bồ tát Đàm Vô Kiệt lui vào cung để nghỉ.

Trong lần gặp gỡ này, Bồ tát Đàm Vô Kiệt biết rõ Bồ tát Tát Đà Ba Luân suốt 7 năm dài chờ đợi ngày được thầy truyền pháp đã chẳng nằm ngò, giữ tâm bất động, chẳng thối chuyển, quyết định chẳng còn nghi hối, nguyện nhất tâm kham thọ sự giáo huấn của thầy.

Bồ tát Đàm Vô Kiệt thương xót Bồ tát Tát Đà Ba Luân vì pháp mà suốt 7 năm dài chờ đợi mà chẳng hề nằm ngò, chẳng tiếc thân mạng, tự dùng dao bén đâm vào thân để lấy máu rửa đất nhằm trang nghiêm pháp tòa, nên đã vì Bồ tát Tát Đà Ba Luân dạy rằng: Đây thiện nam tử! Ông hãy nhất tâm lắng nghe và tín thọ lời ta nói. Trước đây, ta đã đoạn chỗ

nghe cho ông, khi ông muốn tìm hiểu về chỗ đến và chỗ đi của chư Phật. Nay ta muốn khai thị rõ thêm và thậm thâm Bát nhã Ba-la-mật và ta cũng sẽ vì ông nói về tướng của Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát nói tiếp: Các pháp bình đẳng, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng bình đẳng.

Vì sao? Vì nhân và quả phải tương tự nhau. Lúc ban đầu quán các pháp bình đẳng là tu nhân; khi quyết định được Bát nhã Ba-la-mật bình đẳng là được quả.

**Hỏi:** *Quán các pháp bình đẳng tức là vào được Bát nhã Ba-la-mật rồi, vì Bát nhã Ba-la-mật tức là bình đẳng. Như vậy cần gì phải phân biệt nhân và quả?*

**Đáp:** Bát nhã Ba-la-mật cùng với các pháp tuy chỉ là nhất tướng, là chẳng phải hai, chẳng phải khác, nhưng người tu hành lúc ban đầu phải quán nhân bình đẳng, rồi sau đó mới thấy được quả bình đẳng. Như vậy, thấy hết thấy pháp bình đẳng tức là được Bát nhã Ba-la-mật bình đẳng.

**Hỏi:** *Muốn nói tướng của Bát nhã Ba-la-mật, thì sao lại nói đến nhân bình đẳng?*

**Đáp:** Vì chúng sanh chẳng thấy được tướng bình đẳng của Bát nhã Ba-la-mật, nên phải nói nhân bình đẳng trước. Nếu đã thấy nhân bình đẳng rồi, thì sẽ thấy rõ các pháp bất bình đẳng khi đã vào trong Bát nhã Ba-la-mật rồi chỉ là một tướng, chẳng phải hai tướng, chẳng phải khác tướng vậy.

**Hỏi:** *Nếu nói hết thấy pháp chỉ là một tướng (nhất tướng), chẳng phải hai tướng, chẳng phải khác tướng thì như vậy có thể thủ cái tướng “nhất tướng” đó chăng?*

**Đáp:** Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm, vi diệu. Nếu chẳng dùng các phương tiện diễn nói ra thì chẳng sao biết rõ được. Bởi vậy nên, trước phải phân biệt nói “bất bình đẳng” là có phiền não sanh, có 3 độc tăng trưởng, khiến có ra thương ghét, thân thù; phân biệt thương thân là thiện, ghét thù là bất thiện.

Bồ tát quán hết thấy pháp đều bình đẳng; quán thương ghét bình đẳng, thân thù bình đẳng, chẳng có sanh tâm phân biệt.

Khi đã được bình đẳng rồi thì liền mở cửa phước đức và đồng thời đóng kín các cửa thương ghét, thân thù. Bồ tát an trú trong các pháp bình đẳng như vậy nên diệt trừ được mọi sự chấp tâm, thù tướng, mọi sự phân biệt, ức tướng. Lúc bấy giờ, chỉ còn thấy các pháp bình đẳng, vô phân biệt; thấy rõ “bình đẳng” tức là “không” và “không” tức là “bình đẳng”.

Thế nhưng có người biết được các pháp là bình đẳng, là không, mà lại chấp bình đẳng, chấp không, nên chẳng vào được Bát nhã Ba-la-mật.

Phải chẳng chấp tướng “bình đẳng”, chẳng chấp tướng “không”, mới rõ được chân tướng của Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là chẳng có hý luận. Phải ly cả 2 bên “bình đẳng” và “bất bình đẳng” mới là chân thật tướng của Bát nhã Ba-la-mật.

**Hỏi:** *Bình đẳng là tướng của Bát nhã Ba-la-mật. Sao lại nói ly bình đẳng là tướng của Bát nhã Ba-la-mật?*

**Đáp:** Trong kinh nói: “Các pháp bình đẳng nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng bình đẳng”. Thế nhưng, người tu chẳng nên chấp cái tướng bình đẳng ấy.

Bình đẳng là tự tướng ly. Hết thấy các pháp đều là tự tướng ly. Ly có nghĩa là như tướng, là vô tướng. Trước đây đã có nói “ly tướng”, “vô tướng” tức là bình đẳng tướng.

Trong kinh nói: “Các pháp ly, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng ly”.

Nếu là ly tướng thì là trú trong không, mà trú trong không tức là trú bất động. Vì sao? Vì ở nơi thật tướng pháp thì hết thấy các pháp đều bình đẳng, bất động; các pháp hý luận bất động, các phiên não bất động... dẫn đến các pháp vô thường bất động vậy.

Trong kinh nói: “Các pháp bất động nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng bất động”.

Nếu là bình đẳng, là ly, là bất động, thì cũng là vô niệm. Vì sao? Vì có niệm tức là có tướng, có chấp tướng. Phải là vô niệm mới là vô tướng vậy. Trong kinh nói: “Các pháp vô niệm, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô niệm”.

Nếu là bất động thì chẳng có đến, chẳng có đi, chẳng có sanh, chẳng có diệt. Trong kinh nói: “Các pháp vô sanh, vô diệt nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô sanh, vô diệt”.

Người có hý luận thì ở giữa đại chúng mới sanh sợ hãi, chẳng rõ được Niết Bàn mới sanh sợ hãi. Người nghe nói các pháp vô sanh, vô diệt mà chẳng sanh sợ hãi là người đã vào được pháp tánh, đã được vô sanh pháp nhẫn rồi vậy. Trong kinh nói: “Các pháp vô úy, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng có vô úy”.

Khi đã vào được trong pháp tánh thì biết rõ hết thấy pháp đều chỉ là một tướng (nhất tướng), chỉ là một vị (nhất vị) mà thôi. Trong kinh nói: “Các pháp nhất vị nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng nhất vị”.

**Hỏi:** *Trên đã nói các pháp bình đẳng. Nay vì sao còn nói đến “nhất vị” làm gì nữa?*

**Đáp:** Trong “không” có thể có vị, có thể chẳng có vị.

Có người tu hành rồi mà còn có kiến chấp, còn chấp tâm, còn thủ tướng, còn phân biệt trừ lượng. Hạng người đó khi biết được các pháp là rốt ráo không, là rốt ráo bình đẳng, thì rất hoan hỷ, vui mừng nhưng lại lấy đó làm vị. Ví như người đang bị nóng nực bức bách mà gặp được nước được gió, thì rất hoan hỷ, vui mừng, lấy đó làm vị.

Như vậy ở nơi không mà còn chấp không thì vẫn còn có vị. Khi đã vào được nơi chân thật rốt ráo không, thì chẳng còn có vị nữa.

Nay nói đến “nhất vị” là nói Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật thì chỗ duyên và chỗ quán đều đồng một vị, nên gọi là “nhất vị”.

Bồ tát ở nơi “không” có “đại không trí lực”, nên hết thấy các pháp tùy theo đó cũng đều là rốt ráo không.

Ví như trong một chảo đường phèn đang được nấu sôi, nếu bỏ những thứ đường khác vào, thì tất cả đều hòa hợp thành một vị duy nhất của đường phèn. Lại ví như nước từ trăm sông chảy dồn vào biển, đều hòa hợp với nhau và hòa hợp với nước biển để thành một vị duy nhất là vị mặn của nước biển.

Các pháp cũng là như vậy. Phạm phu thấy các pháp có khác nhau. Thế nhưng khi đã vào trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì tất cả các pháp đều thành một vị.

-o0o-

Chấp có tướng là chấp “hữu”, chấp chẳng có tướng là chấp “vô”.

Người tu hành khi đã vào được thật quán, thấy hết thấy các pháp là chẳng phải có, cũng là chẳng phải không, nên nói là vô tướng, là vô tướng tướng vậy.

Nếu là vô tướng thì cũng tức là vô biên. Quán như vậy nên được “vô biên Bát nhã Ba-la-mật”. Trong kinh nói: “Các pháp vô biên, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên”.

Có thuyết nói “hữu biên” là có 2 bên: bên thường và bên đoạn; bên ác và bên thiện, bên thế gian và bên Niết Bàn v.v... Khi đã vào trong Bát nhã Ba-la-mật rồi thì chẳng còn phân biệt có các biên như vậy nên gọi là “vô biên Bát nhã Ba-la-mật”.

Lại có thuyết phân biệt có biên trước (tiền biên), có biên sau (hậu biên). Ví như nói thế gian vô thì là chẳng có biên trước (vô tiền biên); vào Vô Du Niết Bàn là có biên trước (tiền biên), chẳng có ra lại nữa là chẳng có biên sau (vô hậu biên) v.v...

Như vậy, người chấp thế gian, sợ Niết Bàn là người phân biệt có các biên. Trái lại, người đã vào trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì chẳng thấy có các biên, nên nói hết thấy các pháp ở nơi thật tướng là chẳng có vào ra, chẳng có đến đi vậy.

**Hỏi:** *Các pháp bình đẳng, các pháp ly đã là vô biên rồi. Như vậy cần gì phải nói riêng nữa?*

**Đáp:** Đối với người đã biết rõ các pháp là bình đẳng, là ly thì chẳng cần phải nói. Nhưng đối với những người còn chấp tướng, còn chấp một bên thì phải nói các pháp là vô biên.

Bồ tát Đàm Vô Kiệt chẳng phải chỉ thuyết pháp cho một mình Bồ tát Tát Đà Ba Luân. Bồ tát Tát Đà Ba Luân cũng chẳng phải chỉ vì mình mà hỏi Bồ tát Đàm Vô Kiệt. Đây là vì chúng sanh có tâm hành sai khác nhau nên Bồ tát Đàm Vô Kiệt phải dùng các nhân duyên thí dụ để chúng sanh thấy rõ

Bát nhã Ba-la-mật cùng hết thảy các pháp đều là vô biên, như nói: “Hư không vô biên, nước trong biển lớn vô biên, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên”.

**Hỏi:** *Hư không là vô vi, là thường pháp, chẳng có thể tìm được biên bờ, nên nói là hư không vô biên. Còn biển lớn ở trong 4 châu thiên hạ bao quanh núi Tu Di; nước trong biển lớn có thể đo lường được. Vì sao lại nói nước trong biển lớn là vô biên?*

**Đáp:** Phải hiểu “vô biên” theo 2 nghĩa:

- Thật sự là chẳng có biên bờ, nên gọi là vô biên.

- Thật sự là có biên bờ, nhưng vì mênh mông, chẳng thể suy lường được, nên gọi là vô biên.

Dùng thuyền có thể vượt qua biển nhỏ; còn biển lớn quá mênh mông, chẳng có thể dùng thuyền vượt qua được, chỉ dùng thần thông mới vượt qua được, nên gọi biển lớn là vô biên vậy.

Ví dụ hàng ngoại đạo tu thiên định chỉ có thể đến các cõi trời Dục giới, Sắc giới hoặc Vô sắc giới, nên chỉ ví như người vượt qua biển nhỏ. Hàng ngoại đạo do còn chấp tâm, do chưa phá được ngã tâm nên chẳng có thể vượt qua biển lớn “3 cõi”.

Các bậc Thánh hiền đã được đầy đủ trí huệ, đã phá được các tà tướng, đã vào được thật tướng pháp, mới có thể vượt qua được biển lớn “3 cõi” vậy.

**Hỏi:** *Núi Tu Di chỉ có một sắc. Như vậy vì sao nói, “Núi Tu Di trang nghiêm”?*

**Đáp:** Trong các bộ luận Lục Túc và A Tỳ Đàm đều có nói: “Núi Tu Di ở 4 bên đều có thành 7 báu trang nghiêm. Nếu có các loài chim ở nơi khác bay đến thì đều biến thành một

sắc. Có hai anh em Long vương tên là Nan Đà và Bà Nan Đà dùng thân doanh vây trên đỉnh núi 7 vòng. Có 33 cung điện nguy nga, có thành 7 lớp gọi tên là Hỷ Kiến. Thành Hỷ Kiến có 999 cửa; ở mỗi cửa đều có 16 vị quý thần hùng mạnh, mặc y phục màu xanh, trấn giữ. Trong thành có chỗ gò cao; trên gò cao có xây cung điện gọi tên là Tội Thắng; 4 bên cung điện có 4 khu vườn. Lại có hòn núi tên là Du Càn Đà, là nơi 4 vị vua Trời (Tứ thiên vương) ở. Lại có 4 biển lớn; nơi đây có các loài a tu la cùng các Long vương dùng làm cung điện. Núi Du Càn Đà có đỉnh cao gọi tên là Cửu Bảo Sơn; có mặt trăng, mặt trời, 5 vị sao cùng 28 vị tinh tú khác doanh vây hòn núi này, tạo nên cảnh trang nghiêm, hùng vĩ. Các vật trang trí như vậy nhìn rất trang nghiêm, nhìn mãi chẳng có nhàm chán”.

Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật có quả báo 6 pháp Ba-la-mật rất trang nghiêm. Nếu hành Bát nhã Ba-la-mật mà chưa được đầy đủ thì thọ được các quả báo Chuyển luân thánh vương, Phạm vương, Đế Thích cùng các quả báo khác ở các cõi trời. Nếu hành Bát nhã Ba-la-mật đầy đủ thì thọ được các quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật và Bồ tát địa.

Như vậy, khi chưa đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật thì có quả Chuyển luân thánh vương, các quả Thiên vương trang nghiêm; khi hành đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật thì có các đạo quả trang nghiêm.

Núi Tu Di, ở kiếp sơ, có gió thổi 4 bên, tụ đất lại làm thành núi. Lại có gió thổi khiến cho đất trở nên kiên cố, hóa thành các thứ trân bảo.

Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật do hết thảy các thiện pháp kiên cố vào bậc nhất hòa hợp mà thành.

Núi Tu Di ở 4 bên có gió mạnh ở thổi mãi; ở trong biển lớn bao quanh núi có sóng nhồi. Thế nhưng sức gió, sức sóng chẳng sao làm lay động được núi Tu Di.



Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật rất kiên cố. Các hàng ngoại đạo tà kiến các loài ác ma chẳng sao làm lay động được.

Trên đỉnh núi Tu Di có 4 vị trời sống trong 4 khu vườn rộng rãi. Người đến được nơi đây sẽ hưởng được các thứ diệu dụng lạc. Cũng như vậy, người hành Bát nhã Ba-la-mật đầy đủ sẽ lên được đỉnh của Bát nhã Ba-la-mật, ở nơi các vườn thiên định, hưởng được thiên định lạc vi diệu.

Các loài chim khi bay đến núi Tu Di đều biến thành một sắc.

Cũng như vậy, các pháp khi vào được Bát nhã Ba-la-mật rồi đều trở thành một tướng (nhất tướng), trở thành chẳng có tướng (vô tướng).

-o0o-

Ví như hư không vô phân biệt, thì trong ngoài, xa gần, tịnh uế... đều bình đẳng, vô phân biệt.

Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật vô phân biệt. Các pháp vào trong Bát nhã Ba-la-mật đều vô phân biệt, nên trong ngoài, thiện ác,... đều bình đẳng. Phân biệt nói 5 âm vô biên là nói 5 âm thường có trong khắp thế gian.

Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật chẳng xa rời 5 âm, vì 5 âm thật tướng tức là Bát nhã Ba-la-mật.

Hết thấy các sắc pháp nếu được chia chẻ sẽ trở thành vi trần, trở thành vô phân vô lượng (chẳng thể phân, chẳng thể lượng). Như vậy các sắc pháp đều là vô hình, vô sắc, vô biên, chẳng có bờ bên này bờ bên kia (chẳng có bờ thứ).

“Vô biên Bát nhã Ba-la-mật” cũng là như vậy. Các pháp phân biệt, sắc pháp cùng vô sắc pháp, khi đã vào trong Bát nhã Ba-la-mật đều chẳng có biên bờ, chẳng có phân biệt.

Bởi vậy nên nói: “Sắc vô biên, thì Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên”.

Đôi với địa chủng, thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng, không chủng, thức chủng cũng là như vậy.

Ví như 4 vị vua Trời Chấp Kim Cang mà chẳng có thương ghét; chỉ tùy theo chỗ dụng mà phá nát tất cả.

Cũng như vậy, các đức Phật có “nhất thiết trí tam muội” thường phá sạch các kiết sử phiền não, diệt tận các tập khí nên gọi là tam muội, đó là “Như Kim Cang tam muội”.

“Như Kim Cang tam muội” tương ứng với trí huệ, quán hết thấy các pháp bình đẳng. Bát nhã Ba-la-mật cũng quán hết thấy các pháp bình đẳng như vậy.

-o0o-

Người thế gian do bị phiền não che tâm nên phân biệt có các pháp riêng khác. Các bậc thánh, khi được Bát nhã Ba-la-mật rồi, dùng pháp “không” để phân biệt ức tướng các pháp, nên vào được 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác”. Lúc bấy giờ, các ngài đã phá hết thấy các pháp tướng, nên chẳng còn ưu bi sầu khổ nữa; các ngài chẳng còn chấp các pháp tướng, vì biết rõ pháp tánh là bất khả đắc. Hết thấy các pháp đều theo nhân duyên sanh, nên chẳng có tự tánh, ngay từ căn bản là quyết định chẳng thật có. Vì các pháp đều theo nhân duyên hòa hợp sanh, nên khi các duyên chưa hòa hợp là không, khi có các duyên hòa hợp mới thành có. Như vậy là trước không, nay theo nhân duyên hòa hợp mà có, nên là chẳng có tự tánh vậy.

Các pháp theo nhân duyên sanh, tánh của các pháp là pháp tánh. Hết thấy các pháp hữu vi cũng như vô vi đều là

chẳng có tự tánh, đều là bất khả đắc. Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy.

Bất khả đắc cũng tức là vô sở hữu; vô sở hữu cũng tức là bình đẳng. Vì sao? Vì “có” mới phân biệt, “không” thì chẳng có phân biệt.

Ví như hương chiên đàn khi được đốt lên thì mới phân biệt được khói của hương chiên đàn thơm; khi khói đã diệt rồi thì chẳng còn phân biệt nữa. Bởi vậy nên nói các pháp là vô tác; chúng sanh là không, các pháp cũng là không; chúng sanh và các pháp đều là vô tác.

Ví như nói lửa cháy, nước trôi, gió động, thức hay biết, v.v... thì tất cả các sự việc ấy đều là pháp; mỗi mỗi tự như có tự lực riêng, nhưng thật ra đều là vô sắc, vô hình, đều là không, là vô tác cả. Dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Trước đây đã nói chúng sanh là vô tác giả, nay rộng nói các pháp đều là vô sở tác cả.

Hết thấy các pháp bình đẳng là bất khả tư nghì. Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều chẳng thể quyết định là thường hay là vô thường, là khổ hay là lạc, là thật hay là hư, là có ngã hay là vô ngã, là sanh diệt hay là bất sanh diệt, là ly hay là bất ly, là hữu hay là vô.

Hết thấy các pháp tuy có phân biệt sai khác, nhưng tất cả đều bất khả tư nghì. Vì sao? Vì do tâm chúng sanh ức tưởng, phân biệt mà sanh ra có các pháp. Thật ra thật tánh của các pháp vượt qua khỏi tâm lượng của chúng sanh, vượt ra ngoài danh tự ngữ ngôn. Các bậc thánh hiền chẳng có thể hành được, chẳng có thể đến được, nên gọi là bất khả tư nghì. Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Tát Đà Ba Luân ở ngay tại chỗ nghe như vậy, liền được vô lượng tam muội.

**Hỏi:** Trước đây Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã biết các pháp đều là không, là vô sở hữu. Như vậy vì sao ngài phải cần khổ suốt 7 năm chờ thấy được Bồ tát Đàm Vô Kiệt nghe thuyết pháp, mới được lợi ích?

**Đáp:** Trước đây Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã được các tam muội, đã thấy được các đức Phật ở khắp 10 phương, nhưng còn vì quý trọng Bát nhã Ba-la-mật, quý trọng chư Phật, nên sanh chấp tướng.

Nay sau 7 năm dài chờ đợi, được thấy Bồ tát Đàm Vô Kiệt vừa ra khỏi các tam muội, đã vì mình thuyết Bát nhã Ba-la-mật nên ngài mới phá được các tâm chấp, biết rõ hết thấy các pháp đều là tự tánh không, chẳng phải Bát nhã Ba-la-mật khiến cho thành không. Bồ tát Đàm Vô Kiệt nói: “Các pháp bình đẳng, nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng là bình đẳng; các pháp ly, các pháp bất khả tư nghì v.v..., nên phải biết Bát nhã Ba-la-mật cũng ly, cũng bất khả tư nghì v.v...”. Do nghe thuyết như vậy nên Bồ tát Tát Đà Ba Luân chẳng còn khinh thường các pháp, chẳng còn chỉ quý trọng Bát nhã Ba-la-mật như trước. Vì sao? Vì chỉ quý trọng Bát nhã Ba-la-mật mà khinh thường các pháp khác là cấu chấp Bát nhã Ba-la-mật vậy. Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo thanh tịnh, đem lại phải lợi ích nhưng chẳng nên chấp tướng Bát nhã Ba-la-mật. Nếu hành Bát nhã Ba-la-mật mà còn sanh tâm chấp Bát nhã Ba-la-mật thì cũng chỉ ví như vàng nấu chảy, tuy rất quý nhưng chẳng thể nhúng tay vào hay cầm nắm được. Bồ tát Tát Đà Ba Luân được sự giáo hóa của Bồ tát Đàm Vô Kiệt như vậy nên đoạn được tâm chấp Bát nhã Ba-la-mật, liền được các pháp bình đẳng và vào được vô lượng tam muội.

Mỗi câu của Bồ tát pháp sư nói ra đều có tác dụng dẹp tan tâm tán loạn của Bồ tát Tát Đà Ba Luân, chỉ còn lưu lại trí huệ “không” gọi là tam muội. Bồ tát Tát Đà Ba Luân nghe lời thầy dạy được nhất tâm, chẳng tán loạn nên trí huệ biến thành tam muội. Ví như cây đèn bị gió chẳng sao chiếu sáng tỏ được. Nếu được che kín gió, thì đèn sẽ chiếu sáng tỏ rất nhiều, tỏa ánh sáng khắp 4 bên.

Trước đây Bồ tát Tát Đà Ba Luân bị tâm dục giới làm tán loạn nên chẳng thành tựu được lực trí huệ. Sau 7 năm chờ đợi được nghe Bồ tát Đàm Vô Kiệt thuyết Bát nhã Ba-la-mật, ngài được tận phá được các phiền não, thành tựu lực trí huệ, vào được vô lượng tam muội.

Ví như nước tuy lỏng có thể trở thành những tảng băng kiên cố. Khi chưa có gió lạnh thổi đến, thì nước chưa có thể thành băng được; khi gặp gió lạnh; nước đông lại thành băng. Các tảng băng kiên cố có đủ sức gánh vác những vật nặng đặt lên trên.

Cũng như vậy, sau khi nghe Bồ tát Đàm Vô Kiệt thuyết Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã được trí huệ sáng suốt, đã vào được 600 vạn tam muội, đã vào được nơi thật tướng pháp, đã thấy hết thấy các pháp đều bình đẳng, vô phân biệt. Như vậy là từ nơi tâm thiền định của Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã khởi sanh lực trí huệ. Lực trí huệ đó đã biến thành quả báo tam muội ở đời này và cả ở đời sau.

-o0o-

Lúc bấy giờ, Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Như hôm nay, giữa chúng Tỷ-kheo vây quanh, ta lấy tướng như vậy, tướng mạo như vậy, danh tự như vậy mà thuyết Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát Tát Đà Ba Luân theo Bồ tát Đàm Vô Kiệt nghe pháp, được

600 vạn tam muội nên ở trong tam muội cũng thấy được các đức Phật, ở trong khắp 10 phương, cũng lấy tướng như vậy, tướng mạo như vậy, danh tự như vậy nên cũng thuyết Bát nhã Ba-la-mật như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Từ sau khi thâm ái pháp lạc, Bồ tát Tát Đà Ba Luân đã tu tập nhiều pháp môn, rộng học nhiều kinh nên đã được trí huệ, đa văn bất khả tư nghĩ. Cũng như A Nan, Bồ tát Tát Đà Ba Luân nghe lời thuyết pháp rồi thì liền ghi nhớ, trọn chẳng hề quên sót. Bồ tát Tát Đà Ba Luân được trí huệ, đa văn minh mông như nước trong biển lớn, nên dù ở trong thế gian mà thường chẳng ly các đức Phật. Đây là quả báo ở đời này. Khi xả báo thân, Bồ tát ấy thường sanh về các nước Phật, tu hành niệm Phật tam muội, trọn chẳng ly các đức Phật. Các nhân địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cũng như các nhân trời, người, a tu la đã tận diệt, nên Bồ tát ấy tùy ý vãng sanh về các cõi Phật. Đây là do thâm nhập Bát nhã Ba-la-mật, do tu tập vô lượng công đức nên Bồ tát chẳng còn tùy nghiệp dẫn sanh vậy. Ví như vị trưởng giả hào hiệp hết lập hội từ thiện này, lại lập hội từ thiện khác. Bồ tát Tát Đà Ba Luân đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, cúng dường chư Phật, tu tập vô lượng công đức, và độ thoát vô lượng chúng sanh.

Hiện nay, Bồ tát ấy đang ở cõi nước của Phật Đại Lô Âm, tịnh tu phạm hạnh, hành Bồ tát đạo. Người muốn cầu Phật đạo phải theo như Bồ tát Tát Đà Ba Luân mà cầu.

Vi sao?

Vi người cầu Phật đạo phải giữ tâm kiên cố, chẳng lay chuyển như Bồ tát Tát Đà Ba Luân; phải biết rõ nhân duyên thành tựu hết thấy công đức là tận trừ tội cấu, giữ tâm thanh tịnh. Bồ tát tu tại gia hay xuất gia đều phải hành như vậy.

Do giữ tâm thanh tịnh mà thành tựu được hết thấy công

đức, được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật; từ sơ địa lên đến thất địa được vô sanh pháp nhẫn, từ bát địa lên đến thập địa thâm nhập trí huệ Phật, được Nhất thiết chủng trí, được Vô Thượng Bồ Đề... dẫn đến thành tựu làm Phật. Lúc bấy giờ, ở nơi hết thấy các pháp đều được tự tại. Bởi vậy nên người cầu Phật đạo phải thọ trì Bát nhã Ba-la-mật; lại phải dùng hương hoa, kỳ nhạc... cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề thường ái lạc “không hạnh”, do nghe Phật thuyết Bát nhã Ba-la-mật mà được “vô tránh tam muội”.

Còn ngài A Nan được “văn trì đà la ni”, lại thường thân cận, thường theo hầu bên Phật, nên ở phẩm Chúc Lụy sau đây rộng nói về ngài A Nan.

-o0o-

## Phẩm Thứ Chín Mười



**Chúc Lụy**  
(Phó Chúc)

**KINH:**

Lúc bấy giờ, Phật bảo ngài A Nan rằng: Này A Nan! Ý ông nghĩ sao? Phật có phải là đại sư của ông chăng? Ông có phải là đệ tử của Phật chăng?

Ngài A Nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phật là đại sư của con. Đấng thiện thế là đại sư của con. Con là đệ tử của Phật.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này A Nan! Ta là bậc Đại sư của ông. Ông là đệ tử của ta. Nếu là đệ tử của ta, thì phải làm như chỗ ông đã làm.

Này A Nan! Ông đã dùng các nghiệp thân, khẩu, ý từ hòa cúng dường ta, cũng thường làm theo như ý của ta, chẳng có sai trái.

Này A Nan! Hiện tại ông ái kính, cung cấp cúng dường thân ta với tâm thường thanh tịnh. Sau khi ta diệt độ, tất cả sự ái kính, cung cấp, cúng dường đó ông phải dành cho Bát nhã Ba-la-mật. Nay ta đem Bát nhã Ba-la-mật chúc lụy cho ông.

Phật 3 phen chúc lụy như vậy.

Này A Nan! Ông chớ có quên, chớ có để mất, chớ nên làm cho hạt giống Phật đoạn mất ở đời sau.



**Này A Nan! Khi nào Bát nhã Ba-la-mật còn ở đời thì phải biết thời gian ấy xem như vẫn có Phật ở đời và đang thuyết pháp.**

**Này A Nan! Nếu có người nào biên chép, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật thì phải biết người ấy thường chẳng rời thấy chư Phật, thường chẳng rời nghe pháp, thường thân cận chư Phật.**

-o0o-

**Phật thuyết xong Bát nhã Ba-la-mật rồi, Bồ tát Di Lặc và các Bồ tát Ma ha tát khác, các ngài Huệ mạng Tu Bồ Đề, Huệ mạng Xá Lợi Phất, Ma ha Mục Kiền Liên, Ma ha Ca Diếp, Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử, Ma ha Câu Hy La, Ma ha Ca Chiên Diên và ngài A Nan cùng toàn thể đại chúng, gồm tất cả thế gian, trời, người, a tu la, càn thát bà, v.v... đều rất vui mừng.**

### **LUẬN:**

**Hỏi:** *Phật đã đoạn các pháp ái, đã được Nhất thiết chủng trí, đã được Niết Bàn, chẳng còn chấp tâm, chẳng còn thủ tướng. Như vậy vì sao Phật lại dùng các nhân duyên chúc lụy Bát nhã Ba-la-mật cho ngài A Nan tựa như vẫn còn chấp pháp ấy?*

**Đáp:** Các đức Phật có tâm đại từ bi, từ khi sơ phát tâm cho đến khi vào Niết Bàn, trọn chẳng xả ly chúng sanh. Ở giữa 2 cây Sa La song thọ, Phật đã nhập kim cang tam muội, phá nát thân thành xá lợi để cho chúng sanh đời sau cúng dường, huống nữa là kinh điển Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm vi diệu, có nhiều lợi ích cho chúng sanh mà Phật chẳng chúc lụy lại hay sao?

Lại nữa, vì ngài A Nan chưa ly dục, chưa biết rõ Bát nhã Ba-la-mật có thể lực lớn, đem lại quả báo bất khả tư nghì, lợi ích vô cùng tận, nên Phật mới ân cần phó chúc cho ngài A Nan rằng: “Ông chớ có quên, chớ để mất, chớ làm cho giống Phật đoạn mất ở đời sau”.

Dù ở nơi các pháp chẳng còn có ghét thương (tăng ái), dù vẫn thường ở trong tướng tịch diệt, nhưng Phật cũng phải chúc lụy Bát nhã Ba-la-mật cho ngài A Nan để lưu truyền lại cho chúng sanh ở đời sau.

**Hỏi:** *Ngài A Nan chỉ là vị Thanh Văn. Vì sao Phật đem Bát nhã Ba-la-mật chúc lụy cho ngài A Nan mà chẳng đem chúc lụy cho Bồ tát Di Lặc và các Bồ tát Ma ha tát khác?*

**Đáp:** Ngài A Nan thường ở bên cạnh Phật, thân cận, cùng đường Phật nên được nghe tất cả những lời Phật dạy. Ngài A Nan đã được văn trì đà la ni nên một phen được nghe Phật thuyết pháp liền ghi nhớ, chẳng hề quên sót. Ngài A Nan là em của Phật, có rất nhiều người biết đến. Ngài A Nan có nhiều trí huệ, lừng danh trong khắp cả 4 chúng thường theo Phật chuyển pháp luân, thường được gọi là vị đệ tam sư, chuyên pháp luân.

Lại nữa, khi có được 6 thần thông, có được 3 minh giải thoát rồi, ngài A Nan sẽ là vị thầy của 500 vị A-la-hán.

Bởi các nhân duyên vậy, nên Phật chúc lụy Bát nhã Ba-la-mật cho ngài A Nan mà chẳng có chúc lụy cho các vị khác.

Nhân đây, cũng nên biết rằng ngài Xá Lợi Phất xả thọ mạng sớm, diệt độ trước Phật, nên Phật chẳng chúc lụy cho ngài. Còn Bồ tát Di Lặc cũng chư Bồ tát Ma ha tát khác, thì sau khi Phật diệt độ rồi, sẽ đi đến các cõi khác, để giáo hóa chúng sanh. Bồ tát Di Lặc sẽ lên cõi trời Đâu Suất; Bồ tát

Duy Ma Cật, Bồ tát Văn Thù Sư Lợi... cũng sẽ đi đến các cõi nước mà các ngài có duyên với chúng sanh để giáo hóa họ.

Lại nữa, Phật đã biết các vị Bồ tát Ma ha tát đã thâm nhập vào Bát nhã Ba-la-mật, nên chẳng cần phải chúc lụy Bát nhã Ba-la-mật cho chư vị Bồ tát Ma ha tát nữa; còn ngài A Nan là Thanh Văn, theo pháp Tiểu thừa, nên cần phải ân cần chúc lụy vậy.

**Hỏi:** *Như vậy, vì sao Phật lại đem kinh Pháp Hoa và các kinh Phương Đẳng khác phó chúc cho các vị Bồ tát?*

**Đáp:** Có thuyết nói khi Phật thuyết các pháp thậm thâm chẳng có để cho hàng Thanh Văn nghe.

Ví như khi Phật thuyết kinh Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát, tuy lúc bấy giờ có 500 vị A-la-hán ở bên cạnh Phật mà các ngài chẳng có nghe gì hết, hoặc có nghe mà chẳng thâm nhập vào được.

Bởi vậy nên Phật phải chúc lụy các kinh đó cho hàng Bồ tát.

**Hỏi:** *Nếu nói chẳng có pháp gì thậm thâm hơn Bát nhã Ba-la-mật thì vì sao Phật lại đem Bát nhã Ba-la-mật chúc lụy cho ngài A Nan và đem các kinh khác chúc lụy cho hàng Bồ tát Ma ha tát?*

**Đáp:** Bát nhã Ba-la-mật tuy thậm thâm vi diệu, nhưng chẳng phải là pháp bí mật như kinh Pháp Hoa và một số kinh Đại thừa khác.

Ví như trong kinh *Pháp Hoa* có nêu trường hợp các vị A-la-hán được thọ ký làm Phật. Các Bồ tát Ma ha tát là những người thọ trì, ứng dụng Bát nhã Ba-la-mật, mà nay Phật nói A-la-hán được thọ ký làm Phật thì đây là quả thật là pháp bí mật của Phật vậy.

Phật là bậc đại y vương nên đã có thể dùng chất độc để làm thuốc trị bệnh vậy.

Trước đây đã có nói đến 2 lối thuyết Bát nhã Ba-la-mật. Đó là:

- Vì hàng Thanh Văn mà thuyết.

- Vì hàng Bồ tát thập địa mà thuyết. Trong trường hợp này thì hàng Bồ tát cửu địa còn chẳng nghe được, huống nữa là hàng Bồ tát sơ phát ý.

Nếu nói về tổng tướng của Bát nhã Ba-la-mật thì hàng Bồ tát cửu địa... dẫn đến hàng Bồ tát sơ phát ý, cũng như Thanh Văn đều có thể nghe được. Thế nhưng tùy theo đối tượng nghe pháp mà Phật thuyết Bát nhã Ba-la-mật có sâu có cạn sai khác nhau.

Bởi vậy nên việc đem Bát nhã Ba-la-mật chúc lụy cho ngài A Nan cũng là hợp lý, chẳng có gì sai khác.

**Hỏi:** Trước đây ở phẩm 66, Phật nhiếp thân lực cho đại chúng thấy được cõi nước của Phật A Súc Bệ, thấy được Phật ấy đang thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật cho hàng Tỷ-kheo Tăng nghe và Phật đã chúc lụy Bát nhã Ba-la-mật cho ngài A Nan rồi. Nay vì sao ở phẩm 90 này Phật lại đem Bát nhã Ba-la-mật chúc lụy cho ngài A Nan thêm một lần nữa?

**Đáp:** Trong Bồ tát đạo phân biệt có 2:

- Bát nhã Ba-la-mật đạo.

- Phương tiện đạo.

Trước đây thuyết về thể của Bát nhã Ba-la-mật, nên Phật đã một lần chúc lụy. Nay thuyết về phương tiện của Bát nhã Ba-la-mật, nên Phật lại chúc lụy thêm một lần nữa.

Ở phẩm 66 trước đây chỉ nói về thể của Bát nhã Ba-la-mật; nay nói đến phương thức sử dụng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật là chỗ mà hàng Tiểu thừa chẳng biết đến, nên phải nói riêng.

Ví như người thợ vàng dùng các phương tiện tinh vi để từ một chất vàng làm ra đồ trang sức, có tên và dụng khác nhau.

Bồ tát được thật tướng Bát nhã Ba-la-mật rồi, biết rõ hết thấy các pháp đều là không, là vô sở hữu, là tướng tịch diệt. Vì Bồ tát chẳng muốn diệt độ nên dùng các lực phương tiện tự nghĩ rằng: “Hết thấy pháp đều là tánh không, Niết Bàn cũng là tánh không. Ta nay ở nơi Bồ tát đạo chưa có được đầy đủ các công đức nên ta chớ nên vội vào Niết Bàn, bao giờ được đầy đủ các công đức rồi, ta mới nên thủ chứng Niết Bàn”. Bồ tát dùng các lực phương tiện, quán Nhị thừa địa, vào Bồ tát vị, trú trong Bồ tát vị, Bồ tát biết thậm thâm vi diệu Bát nhã Ba-la-mật là pháp chẳng có thể dùng ngữ ngôn, văn tự để diễn bày, nhưng vẫn dùng ngữ ngôn văn tự để giáo hóa chúng sanh. Bồ tát biết rõ các pháp là không, là vô sở hữu, mà vẫn trở lại trong thế gian, dùng 6 pháp Ba-la-mật cùng các thiện pháp khác, để dạy chúng sanh về pháp không. Có như vậy mới có thể thành tựu được 4 việc. Đó là: Trừ được tà kiến; trừ được nghi hối; chưa vội vào Niết Bàn; chưa vội làm Phật. Như vậy mới có thể vào trong các đạo chúng sanh, dùng các phương tiện giáo hóa họ.

Lại nữa, Bát nhã Ba-la-mật làm nhiều lợi ích cho chúng sanh, là đại pháp bảo. Phật biết rõ sau khi ngài diệt độ rồi sẽ có rất nhiều kẻ oán tặc muốn phá hoại Bát nhã Ba-la-mật nên mới thuyết phẩm chúc lụy này, để người đời sau biết giữ gìn pháp bảo này.

**Hỏi:** *Vì sao chỉ chúc lụy, mà phải ân cần, phải trịnh trọng như vậy?*

**Đáp:** Đây là Phật muốn tùy thuận pháp thế gian, để phương tiện dẫn đạo chúng sanh.

Ví như lái buôn đường xa, trước khi lên đường phải đem các tài vật quý báu phó chúc lại cho con. Vì người con chưa biết được giá trị của các bảo vật, nên người lái buôn phải ân cần, trịnh trọng phó chúc cho con mình như vậy. Người con nghe được lời phó chúc của cha sẽ tuyệt đối tuân theo, ra sức giữ gìn các bảo vật.

Cũng như vậy, Phật chọn ngài A Nan là vị đệ tử có tín tâm kiên cố, chẳng có chút hiềm nghi để phó chúc. Vì sao? Vì nếu đem Bát nhã Ba-la-mật phó chúc cho người khác, chưa có được tín tâm kiên cố thì họ sẽ nghĩ rằng: “Phật tự xưng tán pháp bảo của Phật”. Do suy nghĩ như vậy, nên sanh nghi, khiến chẳng giữ vững được niềm tin.

Có thuyết nói rằng: “Ở phẩm 66 trước đây, Phật nói tịch diệt là chẳng có hý luận; nói ở trong Nhất thiết chủng trí quyết định là chẳng có pháp có thể thủ, nên nhiều người chẳng cho Bát nhã Ba-la-mật quý”. Nay Phật đem Bát nhã Ba-la-mật ân cần phó chúc, thì biết rằng mặc dù Phật chẳng có chấp pháp không, nhưng vì chúng sanh ái niệm, tôn trọng Bát nhã Ba-la-mật, xem Bát nhã Ba-la-mật có thâm ân đối với họ, nên mới ân cần phó chúc như vậy.

Lại có thuyết nói: “Phật muốn thể hiện trung đạo nên phó chúc”. Vì sao? Vì trước đây Phật dùng pháp “không” để ngăn sự chấp về hữu biên. Nhưng lại sợ chúng sanh đọa về chấp vô biên nên đã ân cần phó chúc nhằm phá chấp về vô biên. Như vậy là ở nơi trung đạo. Nếu có người gọi Phật là ái trước Bát nhã Ba-la-mật thì Phật đã nêu rõ các nhân duyên

nói Bát nhã Ba-la-mật là tướng không. Nếu có người gọi Phật là đọa về đoạn diệt thì Phật đã ân cần phó chúc Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy là ly cả 2 biên rồi vậy.

**Hỏi:** *Phật biết rõ ngài A Nan là đệ tử. Như vậy vì sao còn hỏi ngài A Nan rằng: “Ta có phải là đại sư của ông chăng? Ông có phải là đệ tử của ta chăng?”*

**Đáp:** Phật có nhiều đệ tử ác, như ông Tu Na Lợi Đa La có ít nhân duyên mà vẫn làm đệ tử; muốn ở trong Phật pháp mà lại làm nghề bán tên.

Phật chẳng muốn vì hạng người như vậy nói là đệ tử, vì khi có ai hỏi thì họ liền phản giới, nói rằng: “Tôi chẳng phải là đệ tử Phật”.

Lại ví như ông Tu Thi Na chỉ nghe trộm pháp mà cũng tự xưng là đệ tử.

Như vậy có nhiều người mang danh đệ tử Phật mà thật sự chẳng phải là đệ tử Phật vậy.

Lại nữa, hàng ngoại đạo nói ngài A Nan chưa được đạo, đã từng là đệ tử của họ; nay vì thường gần bên Phật, vì là thân tộc của Phật nên được làm thị giả vậy thôi.

Bởi các sự việc như vậy, nên trước đại chúng, Phật phải hỏi ngài A Nan rằng: “Ta có phải là đại sư của ông chăng? Ông có phải là đệ tử của ta chăng?”

-o0o-

Đã là chân đệ tử của Phật, thì phải tùy theo lời Phật dạy. Bởi vậy nên muốn cho đại chúng tin, ngài A Nan đáp lại: “Phật là đại sư của con, con là đệ tử của Phật”.

Phật dạy: Đúng như vậy. Nếu là đệ tử của Ta thì phải làm như chỗ ông đã làm. Ông đã dùng các nghiệp thân, khẩu và ý từ hòa, cúng dường Ta, thường làm theo ý Ta, chẳng có sai trái. Có đệ tử tâm rất tốt nhưng thân, khẩu và ý chẳng có từ hòa nên chẳng xứng đáng làm đệ tử của Ta. Có đệ tử thân, khẩu, ý từ hòa mà tâm chẳng được tốt cũng chẳng đáng làm đệ tử của Ta. Ông đã làm đầy đủ các sự việc để được xứng đáng là đệ tử của Ta.

Phật lại dạy tiếp: Hiện tại ông ái kính, cung cấp, cúng dường thân ta, với tâm thương thanh tịnh. Sau khi Ta diệt độ rồi, tất cả các sự ái kính, cung cấp, cúng dường đó ông phải dành cho Bát nhã Ba-la-mật.

**Hỏi:** *Bát nhã Ba-la-mật là thầy của chư Phật. Vì sao ngài A Nan chưa cung kính, cúng dường bậc thầy của Phật mà lại cung kính, cúng dường Phật?*

**Đáp:** Ngài A Nan tuy đã được sơ quả Tu-đà-hoàn, nhưng chưa lậu tận nên chưa biết rõ được Bát nhã Ba-la-mật thâm sâu như Phật.

Trước hết, Phật bảo ngài A Nan rằng: “Hiện tại ông ái kính, cung cấp, cúng dường thân ta”.

Vì sao? Vì thân Phật có 32 tướng tốt, có 80 vẻ đẹp, có sắc vàng kim, có đại quang minh khiến cho mọi người trông thấy đều ái kính.

Sau đó, Phật bảo ngài A Nan rằng: “Sau khi ta diệt độ, tất cả các sự ái kính, cung cấp, cúng dường đó ông phải dành cho Bát nhã Ba-la-mật”.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm vi diệu pháp, chẳng có sắc, chẳng có hình, chỉ có người trí mới hay biết. Thân Phật với các tướng tốt trang nghiêm thì kẻ ngu, người



trí đều thấy được cả; ai đã nhìn thấy được thân Phật cũng đều muốn nhìn mãi, chẳng có nhàm chán. Ở đây, Phật dùng thân Phật để dụ cho Bát nhã Ba-la-mật; khi Phật còn ở đời thì thân Phật có oai lực tự ngăn các ác ma, chẳng cho các ác ma phá hoại. Sau khi Phật diệt độ rồi, thì phải giữ gìn Bát nhã Ba-la-mật, vì khi nào Bát nhã Ba-la-mật còn ở đời, thì khi đó xem như Phật còn ở đời vậy.

**Hỏi:** *Một phen chúc lụy là đủ rồi, vì sao phải căn dặn đến 3 lần như vậy?*

**Đáp:** Vì thâm ái Bát nhã Ba-la-mật, nên phải chúc lụy 3 phen.

**Hỏi:** *Nếu thâm ái Bát nhã Ba-la-mật, thì vì sao chỉ chúc lụy 3 phen mà thôi?*

**Đáp:** Pháp Phật thường chỉ nói ra chẳng quá 3 lần. Nếu quá 3 phen là chẳng theo ý của vị “Chấp Kim Cang Thần”. Ý của vị thần ấy là chẳng quá 3 phen.

Phật tùy thuận theo ý của vị thần ấy, nên chẳng có nói quá 3 phen. Nếu chỉ nói 1 lần thì chưa đủ; nếu nói quá 4 lần thì lại quá dư thừa.

Lại có thuyết nói rằng: “Tâm người lãnh thọ có 3 hạng. Người độn căn phải đến phen thứ 3 mới lãnh hội được, mới sanh được thiện tâm. Tuy rằng ngài A Nan là bậc lợi căn, nhưng vì trong chúng hội còn có nhiều vị. Thanh Văn khác chỉ cầu mong độ cho riêng mình, nên Phật vì các vị ấy mà phải nói đến 3 phen vậy”.

Khi ân cần đem Bát nhã Ba-la-mật chúc lụy cho ngài A Nan đến 3 phen như vậy, Phật muốn nói rằng: “Muốn cho Bát nhã Ba-la-mật được truyền thừa lại cho chúng sanh ở

đời sau thì ngài A Nan phải giáo hóa đệ tử; đệ tử của ngài A Nan phải giáo hóa cho bao nhiêu người khác; cứ như vậy mãi mãi truyền từ đời này sang đời khác vậy. Ví như có một ngọn đèn được thắp sáng rồi, thì ánh sáng từ ngọn đèn ấy có thể chuyển từ cây đèn này sang cây đèn khác, liên tục mãi như vậy. Chớ nên để cho sự truyền thừa Bát nhã Ba-la-mật bị đoạn tuyệt, khiến hạt giống Phật bị đoạn mất ở thế gian này”.

**Hỏi:** Trước đây nói rằng: “Dù có nói ra Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng tăng, dù chẳng nói ra thì Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng giảm, vì tướng của Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo tịch diệt”. Lại nữa, Bát nhã Ba-la-mật là như hư không, chẳng có ai có thể diệt được. Vì sao nay Phật lại bảo ngài A Nan: “Chớ nên để cho Bát nhã Ba-la-mật đoạn diệt”?

**Đáp:** Tuy rằng Bát nhã Ba-la-mật là tịch diệt, là vô sanh, vô diệt, là như hư không, là chẳng có hý luận, nhưng vì lợi ích chúng sanh mà phải dùng văn tự để biên chép kinh quyền Bát nhã Ba-la-mật, dùng ngôn thuyết để giảng nói cho người khác nghe. Đây là nói về nhân tu, rồi sau mới nói về quả tu vậy.

Phàm phu nghe nói Bát nhã Ba-la-mật là pháp vi diệu, liền khởi chấp tâm, thù tướng của Bát nhã Ba-la-mật, rồi phân biệt có thiện có ác, có thế gian có Niết Bàn, v.v... Vì chấp tâm nên khởi phân biệt; vì phân biệt nên khởi đấu tranh; vì đấu tranh nên khởi các nghiệp tội. Hành động như vậy gọi là diệt Bát nhã Ba-la-mật.

Phật bảo ngài A Nan: Ông phải y theo Bát nhã Ba-la-mật chớ chấp vào văn tự ngữ ngôn khi giáo hóa Bát nhã Ba-la-mật cho chúng sanh. Như vậy mới gọi là chẳng diệt Bát nhã Ba-la-mật. Bát nhã Ba-la-mật còn ở đời bao nhiêu lâu thì phải biết Phật còn ở đời bấy nhiêu lâu.

Trong kinh rộng nói rằng: Phật ân cần phó chúc Bát nhã Ba-la-mật giữa đại chúng, nhưng sợ có người khởi tâm nghi, nên Phật mới thuyết riêng phẩm Chúc Lụy này, để chúng sanh biết rõ nhân duyên có Bát nhã Ba-la-mật ở đời là có Phật ở đời vậy.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của 3 đời 10 phương các đức Phật, là thầy của các pháp, đem lại lợi ích lớn cho chúng sanh. Bởi vậy nên nói, “Bát nhã Ba-la-mật còn ở đời tức là Phật còn ở đời”.

-o0o-

Phật bảo chẳng ly Pháp bảo. Bồ tát được 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp, vẫn chưa có thể được gọi là Phật. Khi được pháp bảo rồi mới được gọi là Phật. Pháp bảo nói ở đây là Bát nhã Ba-la-mật vậy.

**Hỏi:** *Nếu có người phạm trọng tội, hành các nghiệp bất thiện, mà nghe được Bát nhã Ba-la-mật, nghe rồi thọ trì, đọc tụng, biên chép Bát nhã Ba-la-mật, thì người ấy có thường chẳng rời thấy chư Phật, thường chẳng rời nghe pháp, thường thân cận chư Phật chăng?*

**Đáp:** Sự việc này đã được nói rõ trước đây rồi. Có 2 hạng người nghe pháp.

- Có hạng người nghe pháp mà chẳng tin, chẳng thọ hành.
- Có hạng người nghe pháp rồi, liền tin và thọ hành.

Nếu có người đệ tử nghe thầy thuyết pháp mà chẳng tin, chẳng thọ hành, thì thầy xem người ấy như là chẳng có nghe pháp.

Nếu người đệ tử nghe thầy thuyết pháp mà khởi lòng tin và tinh tấn thọ hành, thì thầy gọi người ấy là chân thật nghe pháp. Người đệ tử sau khi đã chân thật nghe pháp rồi, lại còn phải đọc tụng, chánh ức niệm, tùy theo ý Phật, xa lìa cả 2 bên mà hành trung đạo, như chỗ nghe pháp mà thọ trì, giải nghĩa, rồi vì người khác giải nói nghĩa trong kinh pháp. Ngoài ra còn phải cung kính, tôn trọng, tán thán và đem hoa hương cúng dường kinh pháp.

Nếu người đệ tử y như vậy mà hành, thì lúc ban đầu phát tâm chỉ mới được phước đức cạn mông; nhưng càng lâu phước đức thêm sâu dày, tín tâm càng thêm kiên cố, bất động.

Nếu người đệ tử nghe thầy thuyết pháp, mà đem hoa hương cúng dường kinh pháp thì cũng có được một phần phước đức.

Nếu người đệ tử là người trí, biết công đức của Bát nhã Ba-la-mật mà cúng dường, thì được phước đức rất nhiều; còn nếu là người ít trí huệ, chẳng biết được công đức của Bát nhã Ba-la-mật mà vẫn cúng dường, thì chỉ được phước đức cạn mông mà thôi.

Người nào thành tựu được phước đức sâu dày, thì khi chuyển thân cũng chẳng rời thấy chư Phật, chẳng rời nghe pháp, thường thân cận chư Phật.

Người nào chỉ có phước đức cạn mông, thì khi chuyển thân chẳng có được 3 đời phước báo, cũng chẳng đền hết các tội. Thế nhưng khi đã đền tội xong rồi, thì về sau cũng sẽ được thấy Phật, được nghe pháp, được thân cận chư Phật vậy.

Nơi đây, Phật nói rằng, “Người có phước đức thuần hậu thường chẳng rời thấy Phật, chẳng rời nghe pháp, thường được thân cận và cúng dường chư Phật. Người có phước đức

cạn mông, khi đã đền tội xong rồi cũng sẽ được thấy Phật, được nghe pháp, dần dần cũng sẽ được đầy đủ 6 pháp Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến cũng sẽ được làm Phật.”

Phật dùng Phật nhãn thấy Bát nhã Ba-la-mật có đại lợi ích cho chúng sanh nên mới ân cần chúc lụy như vậy.

**Hỏi:** *Chư vị đại A-la-hán đã chứng thật tế, chẳng còn có vui buồn. Như vậy vì sao các ngài còn sanh tâm đại hoan hỷ?*

**Đáp:** Chư vị đại A-la-hán tuy đã ly dục, đã vượt ra ngoài 3 cõi nhưng chưa có đầy đủ trí huệ. Nay được nghe Bát nhã Ba-la-mật, minh giải rõ ràng, nên các ngài đã đoạn trừ tâm nghi, sanh tâm đại hoan hỷ.

Lại nữa, chư vị A-la-hán đã chứng được thực tế, đã thâm nhập vào các pháp Không, vô tướng, vô tác, vô phân biệt. Nay ở nơi các pháp tướng tịch diệt, mà Phật đã khéo dùng danh tự ngữ ngôn phân biệt các pháp, rộng nói các thí dụ. Như vậy, Phật đã dung thông cả hai đế, mà chẳng hoại pháp tánh. Bởi vậy nên chư đại A-la-hán rất hoan hỷ. Phật khéo nói về các pháp Không, vô tướng, vô tác, tịch diệt, vô phân biệt mà đại chúng chưa từng được nghe, nên tất cả đều hoan hỷ nghĩ rằng: “Nghe được pháp này rồi, chúng ta sẽ đoạn sạch được các nhân duyên sanh tử. Chúng ta sẽ được Phật đạo”.

Như vậy là có vô lượng nhân duyên khiến chư đại A-la-hán cùng đại chúng đều sanh tâm hoan hỷ.

**Hỏi:** *Phật đem Bát nhã Ba-la-mật chúc lụy cho ngài A Nan, bảo ngài phải giữ gìn Pháp bảo này sau khi Phật nhập Niết Bàn, đừng để cho hạt giống Phật đoạn dứt. Như vậy, vì sao trong lần kiết tập 3 tạng kinh điển do ngài Ma ha Ca Diếp chủ trì và ngài A Nan thuyết minh chẳng thấy đề cập đến Bát nhã Ba-la-mật?*

**Đáp:** Kinh Đại thừa thậm thâm vi diệu, khó tin, khó giải, khó hành. Khi Phật còn tại thế còn có nhiều vị Tỷ-kheo nghe kinh Đại thừa, khởi tâm nghi, chẳng tin, chẳng hiểu, nên đã đứng dậy, bỏ ra đi, huông nữa là sau khi Phật nhập Niết Bàn. Bởi vậy nên lúc kiết tập kinh điển chẳng có nói đến kinh Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Lại nữa, 3 tạng chánh có đến 30 vạn bài kệ, gồm có 960 vạn lời. Pháp Đại thừa mênh mông, vô hạn lượng. Ví như Phẩm Bát nhã Ba-la-mật này có đến 2 vạn 2 ngàn bài kệ, còn Đại Phẩm Bát nhã Ba-la-mật có đến 10 vạn bài kệ. Chư vị Long vương, chư vị A tu la vương, cùng chư Thiên tàng trữ ở trong các cung điện cả ngàn vạn ức bài nữa. Vì sao? Vì Chư Thiên Long Thần thọ mạng lâu dài; tri thức và niệm lực rất vững mạnh; trái lại người đời nay thọ mạng ngắn ngủi, tri thức và niệm lực cạn mỏng. Chỉ phẩm Bát nhã Ba-la-mật này mà người thế gian còn chưa thể đọc trọn, huông nữa là đọc nhiều hơn.

Chư vị Bồ tát Ma ha tát biết về Bát nhã vô lượng, vô hạn. Vì sao? Vì chẳng phải ở nơi 1 thân mà Phật thuyết kinh này. Phật ở trong vô lượng đời, biến hóa vô lượng thân mà nói ra vô lượng pháp.

Ngoài kinh *Bát nhã Ba-la-mật* còn có rất nhiều kinh Đại thừa khác như: kinh *Bát Khả Tư Nghi Giải Thoát* có 10 vạn bài kệ; kinh *Bốn Khởi Vân*, kinh *Đại Vân* mỗi bộ có 10 vạn bài kệ; kinh *Pháp Hoa*, kinh *Đại Bi*, kinh *Phương Đẳng*, kinh *Long Vương Vấn*, kinh *A tu la Vương Vấn*, v.v... Như vậy, Đại thừa có vô lượng vô biên bộ kinh lớn, nhiều như số trên bảo trong biển lớn. Làm sao bao nhiêu bộ kinh lớn như vậy mà có thể chứa được trong 3 tạng kinh điển của loài người.

Tạng kinh điển của loài người chỉ là tạng nhỏ. Vật nhỏ có thể chứa đựng trong vật lớn, mà vật lớn chẳng sao có thể chứa đựng trong vật nhỏ vậy.

Cũng như vậy, trong pháp Tiểu thừa chẳng có pháp Đại thừa; còn Pháp Đại thừa kiêm nhiếp hết thảy pháp Tiểu thừa. Chớ nên nạn hỏi.

-o0o-

Có thuyết nói sau khi Phật diệt độ, ngài Ma ha Ca Diếp đưa các Tỷ-kheo vào trong núi Kỳ Xà Quật, kiết tập 3 tạng kinh điển. Bồ tát Văn Thù Sư Lợi cùng một số chư vị Bồ tát Ma ha tát đưa ngài A Nan theo để kiết tập kinh điển Đại thừa.

Lại có thuyết nói ngài A Nan thấy chí nguyện của chúng sanh có đại, có tiểu sai khác nhau, nên ngài chẳng có nói kinh Đại thừa trong chúng Thanh Văn. Nếu nói ra thì ắt phải có loạn động, có làm lạc, chẳng sao thành tựu được Đại pháp.

Phật pháp Tiểu thừa chỉ có một món, 1 vị, nhằm diệt khổ, được giải thoát.

Thế nhưng giải thoát đầy đủ phải có 2 phần:

- Tự lợi. Chỉ lợi cho mình.

- Tự lợi và tha lợi. Vừa lợi cho mình, mà còn lợi cho hết thảy chúng sanh.

Đây là nhân duyên phân biệt có Tiểu thừa và Đại thừa sai khác nhau.

-o0o-

Tuy rằng các kinh đều từ kim khẩu của Phật nói ra, nhưng y theo văn tự ngữ ngôn mà phân ra có:

- 3 tạng kinh Thanh Văn Tiểu thừa.

- 3 tạng kinh Ma ha Diễn Đại thừa.

Khi Phật còn tại thế chẳng có tên “3 tạng” mà chỉ có Tu Đa La, gồm có:

- 4 Bộ A Hàm.

Kinh Ma ha Diễn gồm có 2 phần:

- 4 Bộ A Hàm.

- Tu Đa La.

Kinh Ma ha Diễn Đại thừa gọi là Đại Tu Đa La gồm cả Tiểu thừa và Đại thừa.

Riêng 250 giới Tỷ-kheo gọi là Tu Đa La Tỳ Ni. Do có các vị Tỷ-kheo tạo tội, nên Phật mới kiết giới, ấn định việc nên làm, chẳng nên làm. Việc chẳng nên làm mà làm thì sẽ bị tội.

Luật cũng chia ra làm 2 phần:

- Ma Du La Quốc Tỳ Ni gồm luôn cả A Ba Đà Na (kinh Thí Dụ) và Xà Đà Già (kinh Bốn Sanh). Tất cả có 80 bộ.

- Phát Tân Quốc Tỳ Ni, trừ bớt A Ba Đà Na và Xà Đà Già, chỉ lược phần cốt yếu làm thành 10 bộ.

Lại có luận Tỳ Bà Sa, gồm 80 bộ.

-o0o-

Kinh *Ma ha Bát nhã Ba-la-mật* ở trong Đại Tu Đa La. Kinh này nói về các đại sự nên phải nói riêng. Vì vậy mà chẳng có trong “3 tạng”



Ngài pháp sư Cưu Ma La Thập, vào đời Tần Hoàng Thi năm thứ 3 đã đến đất Trường An ngày 20 tháng 12 năm Tân Sửu. Ở đây, sau 4 năm kiết hạ ngài đã phiên dịch kinh này sang tiếng Trung Hoa. Ngài ở trên gác có chư Thiên điếu quanh. Ngài dịch phần luận trong 7 năm 12 tháng 17 ngày mới xong.

Ở đây có dẫn các chỗ cốt yếu của kinh *Bốn Thiên*, kinh *Giới Luật*, kinh *Bách Luận Thiên pháp* giảng giải ra thành 50 vạn lời. Các lời thích luận gồm 150 vạn lời. Lúc ban đầu, phẩm thứ nhất bộ luận này có 34 quyển, giải thích 1 phẩm. Đây là gốc của toàn bộ luận.

Kể từ phẩm thứ 2 trở về sau, pháp sư chỉ lược dịch và khai giải ý văn mà thôi, chẳng phải dịch đầy đủ, chỉ dịch có 1 phần 10 thôi.

(Hết quyển 100)